

Ấn Quang Đại Sư
Văn Sao Tinh Hoa Lục

印光大師
文鈔菁華錄

Pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm giám định
Quy y đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm
kính cẩn biên tập

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(dịch theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)
Giảo chánh: Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong

Lời tựa tái bản bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Trong phần Lưu Thông của kinh lá bối thường khen ngợi [công đức] biên chép kinh. Về sau, do kỹ thuật khắc bản, đức chữ được phát minh, thay vì khen ngợi công đức chép kinh, công đức giảng giải ý nghĩa kinh được đề cao. Xét ra, tuy nghĩa ấy chẳng phải chỉ có một, nhưng cả cõi đời chỉ thường biết tới những ý nghĩa hạn cuộc trong phạm vi phước đức. Nay ta thấy trong khắp xó chợ cùng quê, có nơi nào chẳng có kinh Phật? Đây chẳng phải là chánh pháp được xiển dương, lưu thông, mà chỉ là phước đức “khắc, in” được thực hiện phổ biến vậy! Thật ra, kẻ phát tâm hoằng dương, tuyên truyền, chẳng xét xem những điều sâu xa, huyền nhiệm trong các kinh có phù hợp căn cơ hay không, chỉ mong cầu phước đức cho chính mình, trao thuốc trái bệnh đến nỗi người nhận lãnh ngơ ngác, người căn cơ bậc thượng chỉ giữ xương lòng kính trọng cúng dường, kẻ căn cơ bậc hạ xếp cất trên gác cao, lợi sanh ở chỗ nào? Lưu thông ở chỗ nào?

Tôi lại còn nghe nói: Thời Chánh Pháp, căn cơ khế hợp Luật, thời Tượng Pháp căn cơ khế hợp Thiền, thời Mạt Pháp căn cơ chỉ khế hợp Tịnh. Như vậy thì Tịnh, Luật, Thiền há chẳng phải là giống hết như nhau hay sao? Chỉ xét về Thể thì các pháp giống hết như nhau, nhưng nếu xét về mặt Tướng và Dụng lại muôn vàn sai khác. Nếu chẳng có thật tánh giống hết như nhau, sẽ không thể xiển dương pháp thể bất biến; nếu không có phương tiện muôn vàn sai khác, làm sao thành Tướng - Dụng tùy duyên? Như vậy là Tịnh đề cao phương tiện lớn lao để dẫn về cái Thật, có phương cách thiện xảo nhằm khai hiển, giữ, bảo. Dẫn về cái Thật thì chỉ có đức Phật thấu hiểu cùng tận, cho nên phải tin; do thiện xảo thích hợp khắp ba căn cho nên dễ hành. Thời tiết ấy, căn cơ ấy, há coi thường được chăng?

Vị tổ đời thứ mười ba của Tịnh Tông là Ấn Công dùng lời văn, từ ngữ hiện thời để hoằng truyền đạo đáng tin để hành này; người được Ngài giáo hóa rất rộng, người đắc độ rất đông. Người ta biên tập lời Ngài dạy thành bộ Văn Sao, tập hợp những lời dạy ngắn gọn, đơn giản, trọng yếu, lưu truyền khắp trong ngoài nước, nhưng kẻ độn căn vẫn còn sợ rườm rà, chẳng thể thọ trì được, há chẳng phải là điều đáng nuối tiếc hay

sao? Có bậc Khai Sĩ đi trước là Tịnh Thông, trích lấy những chỗ đơn giản nhất trong những lời dạy đơn giản, gạn lọc những điều trọng yếu nhất trong những điều trọng yếu, biên soạn thành bộ Tinh Hoa Lục, vừa khế cơ, vừa lợi sanh, nhưng số lượng sách được lưu thông vẫn cảm thấy chưa đủ!

Cư sĩ Triệu Mậu Lâm ở Cổ Ngô cũng là bậc cao túc của Tổ, chuyên nhất Tịnh nghiệp, nguyện thiết tha hoằng dương, ngẫu nhiên có được một bản hoàn chỉnh của sách này, liền vui mừng, nhóm họp những người cùng mến chuộng [sách này] để ấn hành, mong tiếp tục hoằng truyền tổ đức hòng cứu khắp đời Mạt. Nguyên ấy, duyên ấy, chẳng phải chỉ thuộc về phước đức, mà còn có phần giúp đỡ lợi sanh, lưu thông sâu đậm! Lời tựa ban đầu của sách này đã trình bày cặn kẽ ý chỉ, nay vẫn còn đó, hãy đọc sẽ hiểu tường tận. Tôi và Triệu cư sĩ là bạn đồng môn, được ông ta sai viết lời tựa mới, tuy chẳng dám chối từ, e ngại mình đã phải trộm hót lấy lời bàn của người trước mà ý nghĩa vẫn chẳng bằng, nên chỉ trần thuật duyên khởi tái bản nhằm giải bày tấm lòng tùy hỷ mà thôi!

Ngày Trùng Dương năm Mậu Thân, tức năm Trung Hoa Dân Quốc thứ 57 (1968), đệ tử Lý Bình Nam kính đề.

Lời tựa của bộ Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

Kinh Đại Tập dạy: “*Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hân nhất đắc đạo, duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử*” (Trong đời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp niệm Phật là thoát khỏi sanh tử). Pháp Niệm Phật này chính là đạo đề thượng thánh lẫn hạ phàm cùng tu, là pháp để người trí lẫn kẻ ngu cùng hành. Do pháp này chuyên cậy vào Phật lực nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp theo đường lối thông thường. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ là chẳng dễ khiến cho con người sanh lòng tin nhất! Đối với những câu như “*vô sanh mà sanh, vô niệm mà niệm*”, nếu chẳng phải là bậc thấu hiểu sâu xa ý chỉ “*tâm làm, tâm là*”, sao không bị lầm lẫn cho được? Do vậy, đức Thế Tôn ta đối với chỗ vốn không nói năng lại thường nói thật nhiều, không có gì khác hơn là vì muốn cho hết thảy chúng sanh hiểu rõ giác tánh họ đang sẵn có, tiên hướng Phật quả, biết tự tánh chính là Di Đà thì mới có thể bàn luận “*duy tâm Tịnh Độ*”, “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*”. Nếu có thể tin chắc thật, nguyện thiết tha, tận lực hành, sẽ cảm ứng đạo giao, đã nắm chắc bằng khoán vãng sanh.

Tôi thấy những kẻ cuồng huệ trong cõi đời, cứ hờ ra bèn ngỡ Tịnh Độ là nông cạn, dễ dàng, rồi coi thường, muốn cầu những pháp được gọi là huyền diệu khác để mong được ngộ chứng, nào biết một môn Tịnh Độ quả thật ngằm khế hợp Phật tâm, là giáo pháp chí viên, chí đốn! Tâm Phật vô vi, chẳng vướng mắc nơi pháp số. Niệm Phật: Tâm năng niệm rành rành phân minh, nhưng trọn chẳng thể được, chẳng phải là do hữu vi lại khế hợp vô vi đó sao? Trọn chẳng thể được nhưng rành rành phân minh, chẳng phải là thâm hợp đạo màu đó ư? Do vậy, người niệm Phật, niệm nào cũng là Phật. Cho nên biết: Sáu chữ gồm trọn muôn pháp, một môn chính là phổ môn, toàn Sự chính là Lý, toàn vọng chính là chân, toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, nương vào y báo, chánh báo cõi ấy để hiển lộ tự tâm của ta, Thi Giác và Bỏ Giác chẳng lìa nhau, tiến thẳng trên đường giác. Khoảng cách mười vạn ức [cõi Phật] cách đây chẳng xa, chín phẩm đều có thể đạt lên, hoàn tất ngay trong một đời. Hết sức bình thường, nhưng tốt bậc huyền diệu, những kẻ chứng nhập tối tăm, tham cứu mù quáng kia há mong sánh vai được sao!

Ấn Quang đại sư thừa nguyện tái lai, đề xướng một chánh lệnh duy nhất, chẳng bàn luận tâm tánh cao vời, nhưng hiển lộ trọn vẹn diệu tâm. Hoàng Nhất đại sư gọi Tổ là “*người duy nhất trong suốt ba trăm năm qua*”, há có phải là đề cao quá đáng! Cúi căn cơ hóa độ đã hết, lửa ứng hiện phải tắt, nhưng lời nhỏ nhiệm, ý chỉ bao la đã rộng ban cho hậu học, quả thật là chẳng khi nào, không nơi nào [có ai khác] làm được như vậy cả! Bộ Văn Sao của Sư tuy chỗ nào cũng chỉ quy [Tịnh Độ], nhưng đối với người bận chuyện túi bụi, muốn tìm một tác phẩm vừa đọc liền thấy rõ, liền thâm nhập lãnh hội thì đã có cuốn Văn Sao Tinh Hoa Lục do cư sĩ Lý Tịnh Thông biên tập. Sách này gồm ba trăm ba mươi đoạn, lý hiển chân thường, lời lẽ không trùng lặp, hết sức khéo léo, chặt lọc, trong cõi đời hiếm có sách nào sánh bằng; tâm trọng đạo tôn sư của cư sĩ lại càng khó có. Tôi biết sách này một khi được lưu hành, muôn người được hưởng lợi ích. Uốn nắn lòng người để giúp đạt đến bình trị sẽ nhờ vào sách này vậy! Viên Anh kính cẩn nhận lấy xem xong, vui mừng, hớn hờ, khó thể dùng lời lẽ nào để giải bày, chỉ đành lược thuật mấy lời giải bày đem xếp trước phần chánh văn để ghi lại cái duyên tốt đẹp nhằm thừa với những vị đồng tâm, chứ đâu dám viết tựa!

Ngày Rằm mùa Đông năm Nhâm Thìn (1952), lão nạp Viên Anh đề tại Viên Minh Giảng Đường, Thượng Hải.

Ấn Quang Đại Sư Văn Sao Tinh Hoa Lục

印光大師文鈔菁華錄

Pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm giám định
Đệ tử quy y Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm
kính cẩn biên tập

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(theo ấn bản của Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường)
Giáo chánh: Minh Tiến, Huệ Trang & Đức Phong

I. Tán Tịnh Độ siêu thắng (Khen ngợi Tịnh Độ siêu việt thù thắng)

* Giáo pháp của pháp môn Tịnh Độ lớn lao thay! Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, pháp Trục Chỉ Nhân Tâm [của nhà Thiền] còn phải nương phần kỳ đặc (lạ lùng, đặc biệt). [So với lợi ích của cách tu] “*dùng ngay cái tâm này niệm Phật, niệm niệm thành Phật*” thì lợi ích đạt được do trải qua bao kiếp tu chứng vẫn phải kém hơn. Độ khắp thượng - trung - hạ căn, thống nhiếp Luật, Giáo, Thiền Tông, như mưa đúng thời nhuần thấm muôn vật, như biển cả dung nạp các sông. Hết thấy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu xuất; hết thấy hạnh Đại - Tiểu, Quyền - Thật, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà được dự vào Bồ Xứ, ngay trong một đời này viên mãn Bồ Đề. Chúng sanh trong chín pháp giới lìa môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, Hoa Nghiêm hải chúng hết thấy đều tuân theo mười đại nguyện vương. Pháp Hoa xưng niệm một tiếng¹ đều chứng Thật Tướng của các pháp.

Hạnh phương tiện tối thắng, ngài Mã Minh dạy trong luận Khởi Tín. Đạo dễ hành chóng đến, ngài Long Thọ xiển dương trong luận Tỳ Bà Sa. Ngài Trí Giả là hậu thân của Phật Thích Ca, nói Thập Nghi Luận, chuyên đốc chỉ nơi Tây Phương. Ngài Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện,

¹ Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện, có câu: “*Nhược nhân tán loạn tâm, nhập ư tháp miếu trung, nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo*” (Nếu ai tâm tán loạn, vào trong nơi tháp miếu, niệm mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo)

soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật. Hội tam thừa ngũ tánh² cùng chứng chân thường, dẫn thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia. Vì thế, [pháp này] được chín pháp giới cùng quy về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên nói. Thật có thể gọi là lời bàn luận tốt cùng trong giáo pháp cả một đời [đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng vậy! Chẳng gieo cội đức, dù trải bao kiếp vẫn khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, hãy nên siêng năng tu tập! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in tặng tranh Cực Lạc*)

* Trộm nghe pháp môn Tịnh Độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trội hết thảy Thiên, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thảy Thiên, Giáo, Luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát [pháp môn Tịnh Độ] không còn sót. Nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của chư tổ sư năm tông³ cũng không thể diễn tả trọn. Dầu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, sôi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh Độ vốn chẳng thể nghĩ bàn. Thử xem bộ kinh lớn Hoa Nghiêm, là vua của toàn bộ Tam Tạng, cuối cùng quy về chú trọng nơi nguyện vương. Bộ kinh uyên áo Pháp Hoa màu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vắng sanh,

² Tam thừa ngũ tánh: Tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát. Ngũ tánh: Theo Hoa Nghiêm Kinh Sớ, chúng sanh có năm chủng tánh thành Phật bất đồng:

1) Bất định tánh: Tức căn tánh không nhất định, gần gũi Thanh Văn thì tu pháp Thanh Văn, gần Duyên Giác bèn tu pháp Duyên Giác v.v...

2) Vô chủng tánh: Hạng người không có chánh tín, thiện căn, bác không nhân quả, chẳng cầu giải thoát.

3) Thanh Văn Tánh.

4) Duyên Giác tánh.

5) Bồ Tát tánh.

Duy Thức Học lại phán định Ngũ Tánh như sau:

1) Bồ Tát Định Tánh

2) Thanh Văn Định Tánh

3) Duyên Giác Định Tánh

4) Tam Thừa Bất Định Tánh

5) Vô Tánh Hữu Tình.

Ba chủng tánh đầu quyết định thành tựu thánh quả, hai chủng tánh sau không nhất định.

³ Năm tông: năm tông phái nhà Thiên, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy Ngưỡng và Pháp Nhãn.

địa vị bằng với bậc Đẳng Giác. Còn như ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy [Tịnh Độ] là có lý do vậy. Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; đức Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập như sau: “*Trong đời Mạt Pháp, nếu không nhờ vào pháp này, không thể đắc độ*”. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ dạy đơn giản là “*đạo dễ hành, mau thoát sanh tử*”, nên vãng thánh tiên hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều đặt để nơi pháp môn Niệm Phật. Không chỉ có vậy, phàm hết thảy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v... có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh Độ? Lạnh - nóng đắp đổi, già - bệnh đưa đẩy, lụt, hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách nhằm lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được hay chăng?

Nói “một chữ thống nhiếp trọn hết” thì chính là chữ Tịnh. Tịnh đến cùng cực ắt sẽ sáng suốt, sao không đạt đến Diệu Giác. Một chữ này há dễ đảm đương? Nghiên cứu bài tụng về Lục Túc Phật⁴ ắt sẽ biết!

Một câu là Tín - Nguyện - Hạnh. Không có Tín sẽ chẳng thể khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hồng chứng được Tín ấy. Hết thảy kinh luận Tịnh Độ đều nêu tỏ ý chỉ này.

Một kệ là kệ tán Phật⁵, nêu lên chánh báo đề nhiếp y báo; nêu lên hóa chủ (A Di Đà Phật) để bao gồm đồ chúng (các vị thượng thiện nhân

⁴ Lục Túc Phật: Sáu hạnh vị của Viên Giáo do Thiên Thai Trí Giả đại sư lập ra, gồm: Lý Túc Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), Danh Túc Phật (đã nghe Phật pháp), Quán Hạnh Túc Phật (ngoại phàm, tương đương với Thập Tín của Biệt Giáo), Tương Tự Túc Phật (Nội Phàm, thuộc địa vị Thập Tín), Phần Chứng Túc Phật (bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, từ Thập Trụ trở lên), Cứu Cánh Túc Phật (quả vị Phật).

⁵ Túc bài kệ tán “*A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”.... Bài kệ này do ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống soạn. Sư là người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tự Uẩn Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chỉ Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bát Nhị Môn

trong cõi Cực Lạc). Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh Độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời Mạt Pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên Tông. Buồn khóc ứa lệ, mồ tim vẩy máu, xứng tánh phát huy, tùy theo căn cơ mà chỉ bày. Dầu có ví là “vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu” cũng không thể sánh ví được nổi lòng thống thiết của tác giả bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không thể do đâu mà diệt! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi sư Ngô Khai*)

* Nhất niệm tâm tánh của chúng sanh và chư Phật không hai. Tuy đang mê bất giác, khởi Hoặc tạo nghiệp, tạo đủ mọi tội, nhưng Phật tánh sẵn có vốn không tổn thất. Ví như Ma Ni bảo châu rớt trong nhà xí, trọn chẳng khác gì vật dơ, người ngu chẳng biết là quý báu, bèn coi như uest vật (vật nhơ bẩn). Người trí biết là diệu bảo vô giá, chẳng hiềm ô uest, vào trong nhà xí nhặt lấy, dùng đủ mọi phương cách gột rửa cho sạch. Sau đấy, treo trên tràng⁶ cao, châu liền phóng đại quang minh, tùy theo lòng mong cầu của con người mà mưa khắp các thứ báu. Do vậy, người ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn xem các chúng sanh cũng giống như thế: Dầu là kẻ hôn mê, điên đảo, phiền hoặc, tạo đủ Ngũ Nghịch, Thập Ác, vĩnh viễn đọa trong ba ác đạo, tâm Phật vẫn chẳng hề có một niệm buông bỏ, luôn tìm cơ duyên, gia bị âm thầm hoặc hiển nhiên, vì họ thuyết pháp ngõ hầu họ hiểu rõ Hoặc nghiệp huyển vọng, ngộ Phật tánh chân thường, cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi! Đối với người tội ác cực

Luận, Kim Cang Bể Luận, do vậy Sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ huyền áo của Tịnh Tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, Sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh Độ và thường nhắc đại chúng siêng tu Tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là Đồng Giang pháp sư hay Đồng Giang Anh pháp sư chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoành Thụ Nhị Xuất, Khuyến Tu Tịnh Độ Tụng...

⁶ Tràng (Dhvaja) vốn là một loại cờ hiệu dùng để trang nghiêm đạo tràng, có hình ống tròn, chung quanh có tua. Về sau, những trụ cao, có hình ống hoặc hình lục lăng hay bát giác, bốn mặt khắc kinh cũng được gọi là Tràng hay Kinh Tràng. Tràng nói ở đây chính là loại cột trụ cao.

nặng còn như thế, thì đối với người nghiệp nhẹ, khéo giữ giới, tu trọn vẹn, có sức Thiền Định sâu, không một ai chẳng được Phật đối xử như vậy. Phàm trong tam giới, có những người tuy đã thâm liễm được thân tâm, khuất phục được các Phiền Hoặc, nhưng tình chủng vẫn còn, phước báo một khi đã hết liền đọa xuống cõi dưới, gặp cảnh chạm duyên vẫn khởi Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ, luân hồi sáu nẻo, trọn chẳng có lúc nào ngưng; cho nên kinh Pháp Hoa nói: *“Ba cõi không yên ví như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ”*. Nếu không phải là nghiệp tận tình không, đoạn Hoặc chứng Chân, thì chẳng mong chi thoát khỏi tam giới !

Riêng mình pháp môn Tịnh Độ chỉ cần có đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật liền có thể nhờ vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh bèn nhập cảnh giới Phật, thọ dụng giống như Phật, hai thứ phàm tình lẫn thánh kiến đều chẳng sanh. Chính là pháp môn đặc biệt ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng, chẳng bỏ sót một ai vậy; đang thời Mạt Pháp, bỏ pháp này thì không còn cách gì khác nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Phó Đại Sĩ Truyện Lục*)

* Pháp môn Niệm Phật cao cả thay! Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng bất biến. Tuy thường chẳng biến nhưng niệm niệm tùy duyên, chẳng duyên theo Phật giới sẽ duyên theo cửu giới, chẳng duyên theo tam thừa sẽ duyên theo lục đạo, chẳng duyên theo nhân thiên sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên nhiễm - tịnh bất đồng cho nên quả báo khổ - vui rất khác. Tuy bản thể trọn chẳng biến đổi gì, nhưng Tướng - Dụng cố nhiên khác nhau một trời một vực! Ví như hư không được mặt trời chiếu thì sáng, mây mù bèn tối. Tuy bản thể của hư không chẳng do mây hay mặt trời mà tăng - giảm, nhưng tướng hiển hiện hay ẩn lấp cố nhiên có nói trọn năm cũng chẳng hết.

Do vì nghĩa này, đức Như Lai dạy khắp các chúng sanh duyên niệm nơi Phật. Vì thế, nói: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”*. Lại nói: *“Chư Phật Như Lai là thân pháp giới vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Do vậy, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tướng sanh”*. Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Nếu duyên theo các

chúng sanh giới thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Hiểu rõ điều này rồi mà chẳng niệm Phật thì chưa bao giờ có chuyện ấy! Một pháp Niệm Phật chính là lấy hồng danh vạn đức của Như Lai làm duyên, mà hồng danh vạn đức ấy lại chính là vô thượng giác đạo Như Lai đã chứng nơi quả địa! Do dùng Quả Địa Giác ấy làm Nhân Địa Tâm nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tốt nguồn nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò chúc loài sâu⁷, lâu ngày sẽ hóa thành [tò vò]. Thành Phật ngay trong đời này, chuyển phàm thành thánh, công năng lực dụng ấy vượt trội hết thảy những pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa [của đức Phật]. Bởi lẽ hết thảy các pháp môn đều cậy vào tự lực đoạn Hoặc chứng Chân mới liễu thoát sanh tử; còn pháp môn Niệm Phật thì tự lực lẫn Phật lực hai thứ đều đầy đủ. Vì thế, người đã đoạn được Hoặc nghiệp bèn mau chứng Pháp Thân, người còn đầy đủ Hoặc nghiệp sẽ đời nghiệp vãng sanh!

Pháp này cực kỳ bình thường, dẫu là ngu phu ngu phụ cũng đạt được lợi ích, nhưng lại cực huyền diệu, tuy là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thể vượt khỏi phạm vi pháp này. Bởi vậy, không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, lại đạt được hiệu quả nhanh chóng, thật là một pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Như Lai, có nhiên chẳng thể dùng giáo lý thông thường để biện luận được. Chúng sanh đời Mạt Pháp phước mỏng, huệ cạn, chướng đầy, nghiệp sâu chẳng tu pháp này, cứ muốn cậy vào tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử thì khó khăn muôn phần! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho đạo tràng niệm Phật quanh năm tại Thê Chân thường trụ*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp lâu xa không thể thoát ra. Do vậy, khởi lòng Vô Duyên Từ, vận dụng lòng Đồng Thể Bi, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi rộng giảng các pháp. Nói bao quát đại cương thì gồm có năm tông, năm tông là như thế nào? Chính là

⁷ Dân gian Trung Hoa khi xưa tin rằng con tò vò phải bắt những con sâu đem về bỏ vào tổ của chúng, rồi cứ nhắc nhở: “Biến thành tò vò!” thì những con sâu ấy lâu ngày sẽ biến thành tò vò chui ra. Thật ra, tò vò bắt những con sâu ấy bỏ vào tổ rồi để trứng lên đó, tò vò con nở ra sẽ ăn thịt con sâu ấy. Khi tò vò con đã đủ sức, nó sẽ khoét tổ chui ra. Do vậy, dân gian tưởng lầm sâu nở ra thành tò vò. Ở đây, Tổ mượn truyền thuyết dân gian để nói cho người đương thời dễ hiểu.

Luật, Giáo, Thiên, Mật và Tịnh. Luật là Phật thân, Giáo là Phật ngữ, Thiên là Phật tâm. Phật sở dĩ thành Phật chỉ do ba pháp này, Phật sở dĩ độ sanh cũng chỉ có ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiên của Phật để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn. Lại sợ kẻ tức nghiệp sâu nặng ắt chẳng dễ chuyển, nên dùng sức gia trì Đà La Ni tam mật⁸ để un đúc. Như tò vò bảo con nhộng: “Giống ta, giống ta”, bảy ngày sau sẽ biến thành tò vò.

Lại sợ kẻ căn khí kém hèn, chưa được giải thoát, hễ thọ sanh lần nữa, khó tránh khỏi mê mất; do vậy, đặc biệt mở ra một môn “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ” để dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này được vãng sanh Tây Phương. Thánh sẽ mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, phàm thì vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử buộc ràng. Do cậy vào Phật từ lực, nên công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Phải biết: Luật chính là nền tảng của Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Nếu chẳng nghiêm trì cấm giới sẽ chẳng thể đạt được lợi ích thật sự nơi Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Giống như xây lầu cao vạn trượng nếu nền móng không vững thì chưa xây xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Luật, Giáo, Thiên, Mật, như trăm sông vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn “*trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thủy, thành chung*” của mười phương tam thế chư Phật. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư tuyên ngôn kết xã niệm Phật của chùa Thanh Liên ở Lô Sơn)

* Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh Độ. Những kinh Đại Thừa khác đều nói kèm Tịnh Độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh Giác đã vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ xướng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất Thừa. Cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, sau khi đã chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho mười đại nguyện vương, khiến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Trong Quán Kinh, chương Hạ

⁸ Tam Mật là thân mật, khẩu mật, tâm mật.

Phẩm Hạ Sanh, hạng người Ngũ Nghịch Thập Ác làm đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật. Người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh. Kinh Đại Tập chép: *“Đời Mạt Pháp ực ực người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử!”* Do vậy, biết một pháp Niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: *“Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như căng buồm xuôi gió, thuận nước”*, có thể gọi là khéo hành dung nhất! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền)

* Trong những kiếp xưa, đức Thích Ca, đức Di Đà từng phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Một vị thị hiện sanh nơi uế độ, dùng cái uế, dùng điều khổ để chiết phục, đưa đi; một vị an cư Tịnh Độ, lấy tịnh, lấy lạc để nhiếp thọ, hồng nhào luyện chúng sanh. Ông chỉ biết ngu phụ, ngu phụ vẫn có thể niệm Phật nên đến nỗi miệt thị Tịnh Độ, sao chẳng xét suy: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi ngài Thiện Tài đã chứng ngộ gần bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Lại còn khuyên dạy khắp Hoa Tạng hải chúng⁹ đó ư? Trong toàn thể Hoa Tạng hải chúng, chẳng có

⁹ Biển Hoa Tạng tức Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải (Kusuma-tala Garbha Vyūhā Kāra Lokadhātu Samudra), dịch đủ nghĩa là Liên Hoa Xuất Sanh Thế Giới, hoặc Diệu Hoa Bồ Địa Thai Tạng Trang Nghiêm Thế Giới, Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, Thập Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, hoặc chỉ gọi gọn là Hoa Tạng Giới hoặc Thập Hoa Tạng. Đây là thế giới thanh tịnh trang nghiêm do đức Tỳ Lô Giá Na Phật khi tu nhân phát nguyện cảm thành. Thế giới này do Tu-di sơn vi trần số phong luân nâng giữ. Trên tầng phong luân cao nhất có một biển nước thơm. Trong ấy có một hoa sen lớn, tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Thế Giới nằm chính giữa hoa sen ấy, vây quanh bằng Kim Cang Luân Vi Sơn. Đất trong đó do Kim Cang tạo thành, kiên cố không hư hoại, thanh tịnh bằng phẳng, có thế giới hải vi trần số sự trang nghiêm. Trong ấy lại có vi trần số biển nước thơm, mỗi biển rộng bằng bốn thiên hạ và có vi trần số con sông nước thơm. Đất hai bờ sông ấy đều bằng diệu bảo trang nghiêm, xếp đặt khéo léo như lưới Thiên Đế. Trong mỗi một biển nước thơm lại có bất khả thuyết vi trần số thế giới chủng, mỗi một thế giới chủng lại gồm bất khả thuyết vi trần số thế giới.

một ai là phạm phu, Nhị Thừa, mà đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể nương vào bốn nguyện luân hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng có vô lượng Tịnh Độ, nhưng các ngài đều hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đủ biết: Vãng Sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì vậy, tự cổ chí kim, trong tất cả tông lâm dù Thiền hay Giáo, hay Luật, không nơi nào chẳng sớm tối trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ Tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng Giác Bồ Tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức thù thắng nhiệm mầu của Như Lai, khuyến khích, cổ vũ Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. [Do các vị ấy] đã đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thế nguyện Di Đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn chẳng có ai là phạm phu Nhị Thừa

Biển nước thơm chính giữa Hoa Tạng thế giới, có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang. Giữa biển ấy mọc lên một hoa sen, thế giới chung trong hoa sen ấy tên là Phổ Chiếu Thập Phương. Trong đó có hai mươi thứ bất khả thuyết vi trần số thế giới xếp vòng quanh. Đức Phật xuất hiện trong thế giới này. Sách Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương giảng thêm: Cứ mười cảnh giới Phật gọi chung là một quốc độ hải hay thế giới hải. Thế giới hải chính là các thế giới thuộc phạm vi nhiếp hóa của mười đức Phật v.v... Nói chung, cảnh giới Hoa Nghiêm Thế Giới Hải rất phức tạp, rộng lớn, hầu như không thể nào hình dung được nổi! Cảnh giới đã rộng lớn như thế thì dĩ nhiên thánh chúng trong ấy vô lượng vô biên không thể tính đếm được, cho nên dùng chữ “*hải chúng*” (chúng nhiều như biển) để tạm hình dung.

và Quyền Vị Bồ Tát¹⁰; vì vậy, tuy hoàng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vãng nhận được!

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thầy trời, người, phàm, thánh, nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của A Di Đà Phật, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp Thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh - phàm trong chín giới. Dẫu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt không một ai có thể liễu sanh tử! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ*)

* Thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại Thừa, nghĩ [pháp này] chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy Niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận kém hèn sẽ dấy lòng [tu trì]. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam Tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng [của bộ kinh ấy], Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, để mong viên mãn Phật Quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu Thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, hải hội [thánh chúng] đều chứng Pháp Thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà [nghĩ pháp này] chẳng xứng để tu tập? (Liên Trì đại sư nói: “*Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bản lãnh của bậc đại đức, đại phước, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền, chuyển Sa Bà thành Tịnh Độ, chẳng giống với nhân duyên nhỏ nhặt*”, người biên tập kính cẩn ghi chú). Chẳng những dựng cao tràng

¹⁰ Quyền Vị Bồ Tát là những vị Bồ Tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại Thừa. Gọi là Quyền Đại Thừa (hay Đại Thừa Quyền Giáo, hoặc Quyền Giáo Đại Thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại Thừa thật sự (Thật Đại Thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất Thừa tối hậu.

kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Khẩn Từ*)

* Thánh giáo của Như Lai có vô lượng pháp môn, tùy ý nương theo một pháp môn nào dùng Bồ Đề tâm tu trì đều có thể liễu sanh tử, thành Phật đạo; nhưng trong khi còn tu, chưa chứng, sẽ có sự khó - dễ, nhanh - chậm khác biệt lớn lao! Tìm lấy một pháp chí viên, chí đốn, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, khế lý, khế cơ, vừa là tu, vừa là tánh, thích hợp khắp cả ba căn, thâm nhiếp trọn vẹn độn căn lẫn lợi căn, là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là con đường tắt cho người, trời, phàm, thánh chứng Chân thì không gì bằng một pháp “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương”!

Ấy là vì hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực, còn pháp môn Niệm Phật lại kiêm nhờ Phật lực. Cậy vào tự lực thì nếu chưa đoạn sạch Phiền Hoặc sẽ chẳng thể vượt khỏi tam giới. Cậy vào Phật lực, nếu tín nguyện chân thật, thiết tha, sẽ có thể cao đăng chín phẩm sen. Con người hiện thời muốn giải quyết xong đại sự sanh tử ngay trong đời này mà bỏ pháp này thì trọn chẳng còn hy vọng gì hết!

Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ pháp pháp viên thông. Như vàng mặt trăng sáng ngời giữa trời, dòng sông nào cũng đều hiện bóng, thủy ngân rót xuống đất, giọt nào cũng tròn xoe. Chẳng riêng gì [những chuyện như] cách vật, trí tri, cùng lý, tận tánh, giác thể, yên dân, giữ cho nước nhà yên ổn, đều có lợi ích lớn lao thần diệu; mà ngay cả sĩ, nông, công, thương muốn phát triển sự nghiệp, già, trẻ, nam, nữ muốn tiêu diệt tật bệnh, khổ não, không ai chẳng “hễ cảm liền ứng, vừa lòng, mãn nguyện”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho niên san của Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã tại Vô Tích*)

* Pháp môn cậy vào tự lực để liễu sanh tử tuy cao sâu, huyền diệu, nhưng muốn nhờ vào đây để liễu sanh tử thì lại chẳng biết cần phải trải qua bao nhiêu kiếp số! Nếu ước theo Viên Giáo của Đại Thừa để luận, địa vị Ngũ Phẩm vẫn chưa thể đoạn được Kiến Hoặc, địa vị Sơ Tín mới đoạn được Kiến Hoặc, mới có thể vĩnh viễn không còn sợ tạo ác nghiệp, đọa ác đạo! Nhưng cần phải tấn tu dần dần, đã chứng được Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Sơ Tín thần thông đạo lực đã chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vẫn phải đạt đến địa vị Thất Tín thì mới liễu sanh tử. Chuyện liễu sanh tử há dễ dàng ư?

Ước theo Tạng Giáo của Tiểu Thừa đề luận, đoạn Kiến Hoặc liên chứng Sơ Quả, tùy ý chẳng còn làm chuyện phạm giới. Nếu chẳng xuất gia cũng sẽ cưới vợ sanh con. Nếu dùng oai thế bức hiếp, bắt buộc họ phạm tà dâm, thà chịu bỏ mạng, quyết chẳng chịu phạm giới. Sơ Quả chỉ tiến chứ không lùi, nhưng người chưa chứng Sơ Quả thì không nhất định. Đời này tu trì cực tốt, đời sau tạo đại ác nghiệp! Cũng có người nửa đời đầu thì tốt, nửa đời sau lại xấu xa. Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lượt sanh trong nhân gian mới chứng được Tứ Quả. Tuổi thọ cõi trời thật dài, chẳng thể dùng năm tháng đề luận. Cây vào tự lực để liễu sanh tử khó khăn như thế đó! Pháp môn Niệm Phật chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nương theo Phật từ lực có thể đới nghiệp vãng sanh (Ước theo cõi này, vẫn chưa đoạn Hoặc nghiệp nên gọi là “đới nghiệp”. Nếu sanh về Tây Phương thì không có nghiệp để được, chứ không phải là mang theo nghiệp đến Tây Phương). Bất luận công phu sâu hay cạn, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành xưng niệm, không một ai chẳng vãng sanh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* Hết thấy pháp môn đều phải nương vào đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn Phiền Hoặc tham - sân - si. Nếu đạt đến mức có sức Định Huệ sâu, đoạn sạch được Phiền Hoặc thì mới có phần liễu sanh tử! Nếu chưa thể đoạn sạch Phiền Hoặc, dầu cho anh có đại trí huệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được; huống chi những kẻ kém cỏi hơn ư? Cây vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn Niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ, nông, công, thương, già, trẻ, trai, gái, sang, hèn, hiền, ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì, đều có thể nương vào Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì Định - Huệ chẳng mong được mà tự được, Phiền Hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di Đà, thánh chúng, vầy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, khiến cho những người đới nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng [địa vị] Bất Thoái, những vị đã đoạn được Hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô Sanh.

Đây toàn là cây vào đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy cảm ứng đạo giao mà được lợi ích

lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác biệt vời vợi như trời với đất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên*, quyển Hạ, Lời tựa cho sách *Niệm Phật Khẩn Từ*)

* Hết thầy các pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa do đức Thế Tôn đã nói trong cả một đời Ngài đều cậy vào tự lực, cho nên khó khăn; chỉ có một pháp này hoàn toàn cậy vào sức từ bi thế nguyện nhiếp thọ của A Di Đà Phật và sức tín nguyện thành khẩn ức niệm của hành nhân nên được cảm ứng đạo giao, giải quyết xong xuôi ngay trong một đời này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên*, quyển Hạ, *Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* Đến khi chúng sanh căn cơ [phù hợp] đã hết, sự ứng hiện của Như Lai phải thôi dứt, nhưng lòng đại bi lợi sanh trọn chẳng cùng tận. Do vậy, các đại đệ tử phân chia lưu truyền xá-lợi, kết tập Kinh Tạng hồng lưu thông khắp pháp giới, để tất cả đều được thấm nhuần pháp. Đến thời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền sang [Trung Hoa]; nhưng do phong khí chưa được mở mang nên chỉ lưu truyền ở phương Bắc. Đến năm Xích Ô thứ tư (241) đời Tôn Ngô, tôn giả Khang Tăng Hội khai hóa ở Kiến Nghiệp¹¹, được xá-lợi của Như Lai giảng lâm, khiến Tôn Quyền hết sức tín ngưỡng, bèn dựng chùa xây tháp để hoàng dương pháp hóa. Pháp được lưu truyền ở phương Nam từ đó. Đến đời Tấn, pháp được truyền khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đấy trở đi, ngày càng hưng thịnh.

Đến đời Đường có đủ các tông, có thể nói là cực thịnh. Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoàng Giáo, Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoàng Tông, Nam Sơn nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật), Liên Tông chuyên tu Tịnh Độ. Như những chức vụ thuộc các ty sở của các bộ, như công dụng của sáu căn giúp đỡ lẫn nhau. Ấy là vì Giáo là Phật ngữ, Tông là Phật tâm, Luật là Phật hạnh. Ba thứ tâm, ngữ, hạnh quyết khó thể tách rời, ước theo chỗ chuyên chú mà lập ra những danh hiệu ấy. Chỉ có mình pháp Tịnh Độ thoát đầu là phương tiện để phàm phu nhập đạo, chứ thật ra là chỗ quy túc rốt ráo của các tông. Vì thế, kẻ sắp đọa A

¹¹ Kiến Nghiệp chính là Kim Lăng (Nam Kinh) ngày nay. Cái tên Kiến Nghiệp đã có từ thời Hán Hiến Đế (181-234); trước đó, đất này được gọi là Kim Lăng dưới thời Sở Oai Vương, Tần Thủy Hoàng đổi thành Mạt Lăng, Hán Hiến Đế đổi tên thành Kiến Nghiệp.

Tỳ còn được dự vào phẩm cuối, bậc chứng bằng với chư Phật vẫn mong vãng sanh.

Khi Như Lai tại thế, ngàn căn cơ đều được dưỡng dục, vạn pháp châu về; đức Phật diệt độ rồi, bậc hoằng pháp đại sĩ mỗi vị hoằng dương một tông, để mong thâm nhập một môn thì các pháp đều thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, mỗi một hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng một châu lại nhập vào trong khắp ngàn hạt châu, ngàn hạt châu được nhiếp trong một hạt châu, hòa lẫn vào nhau nhưng chẳng xen tạp, riêng biệt nhưng chẳng tách rời. Kẻ câu nệ hình tích cho là hết thảy pháp, mỗi pháp đều khác biệt. Người khéo hiểu, thấy hết thảy pháp, pháp nào pháp nấy viên thông. Như bốn cửa thành, gần cửa nào bèn vào bằng cửa đó; cửa tuy bất đồng, nhưng vào [trong thành] rồi chẳng khác gì nhau. Nếu biết ý này thì há phải đâu chỉ có những lý chắc thật rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để quy chân, đạt gốc minh tâm kiến tánh? Khắp cả thế gian, hết thảy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... mỗi mỗi đều là pháp để quy chân đạt gốc minh tâm kiến tánh. Đã thế, mỗi mỗi đều là Chân, là Gốc, là Tâm, là Tánh. Vì vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh (Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh bao gồm, dưỡng dục chúng sanh, Phật, bao quát Có, Không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào vượt ra ngoài được, nhưng chẳng ở trong ấy. Xin xem lời giải thích trong bức thư gởi cho sư Hải Thu trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Do vậy, nói *“không một pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật”*. Hiềm rằng chúng sanh châu trong chéo áo trọn chẳng biết hay; ôm của báu đi ăn xin, chịu nghèo khổ oan uổng, dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát để chịu khổ luân hồi, chẳng đáng buồn ư? (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Duyên khởi của Phật Học Biên Tập Xã)

* Đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Thoạt đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh¹² qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An¹³ lưu lại; sư Huệ

¹² Huệ Vĩnh (332-414), cao tăng đời Tấn, người xứ Hà Nội, họ Phan, xuất gia năm 20 tuổi, thờ ngài Trúc Đàm Hiên làm thầy, sau theo ngài Huệ Viễn qua học với ngài Đạo An. Khi ngài biệt cư ở Đông Lâm tại một chòi tranh trên đỉnh núi để tu tập, cái thất ngài ở thường tỏa mùi thơm lạ, nên người đời gọi là Hương Cốc. Có một con hổ quần quanh gần đấy, hề ai đến, Ngài xua hổ chạy lên đỉnh núi. Người đi rồi, hổ lại về nằm phục bên lều. Ngài thông thạo kinh điển, khéo thuyết giảng, khi nói thường hay

Vĩnh bèn đi một mình trước. Đến Tầm Dương, thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Thời gian ấy nhằm năm Đinh Sửu tức năm Thái Nguyên thứ hai (377) đời Tấn Hiếu Vũ Đế. Đến năm Giáp Thân, tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn Công mới đến Lô Sơn. Thoạt đầu ở tại chùa Tây Lâm, do học trò tụ họp đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không thể chứa hết nổi, thứ sử Hoàn Y bèn lập chùa ở phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến năm Canh Dần, tức năm Thái Nguyên thứ mười lăm (390), ngày hai mươi tám tháng Bảy, Viễn Công bèn cùng Tăng - tục một trăm hai mươi ba người kết liên xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân làm bài văn khắc vào đá để minh thị lời thề, Huệ Vĩnh pháp sư cũng dự vào liên xã này.

Vĩnh Công (ngài Huệ Vĩnh) sống ở Tây Lâm, kết riêng một lều tranh trên đỉnh núi để thường lên đó thiền tư. Đến bên thắt ấy bèn nghe mùi hương lạ; do vậy, người ta gọi là Hương Cốc (hang thơm), cứ suy nghĩ

mỉm cười. Suốt đời cơm rau, áo vải thô, siêng năng tu hành không mệt mỏi. Năm Nghĩa Hy thứ mười Sư bị bệnh nhưng vẫn trì giới tinh chuyên. Lâm chung, tự đắp y, chấp tay, bảo đại chúng: “Phật đến rồi!” Nói xong, an tường qua đời, thọ 83 tuổi. Tăng tục ở trên núi ấy đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày sau mới tan. Đường Huyền Tông truy tặng thụy hiệu là Giác Tịch Đại Sư.

¹³ Ngài Thích Đạo An sống nhằm thời Đông Tấn, là một trong những vị đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển Phật giáo thời sơ kỳ ở Trung Quốc. Sư người huyện Thường Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Họ Vệ, sanh nhằm năm Vĩnh Gia thứ sáu nhà Đông Tấn (312), có thuyết nói là năm Kiến Hưng thứ hai (314). Ngài cực thông minh, mẫn tiệp, nổi pháp của đại sư Phật Đồ Trường. Sau phương Bắc Trung Hoa đại loạn, thầy trò hai vị phải lưu lạc khắp các nơi, giảng pháp, giáo hóa suốt 15 năm trong vùng Hồ Bắc, Tương Dương. Về sau Phù Kiên nhà Tiền Tần nghe danh đại sư, đem binh công hãm Tương Dương, đón ngài Đạo An về Trường An, cho sống ở chùa Ngũ Trùng, dùng lễ đãi Sư như thầy. Ngài khuyên Phù Kiên nên thỉnh pháp sư Cưu Ma La Thập sang đất Tần. Chính ngài Đạo An đã khởi xướng việc đặt pháp danh và dùng chữ Thích trước tên họ Tăng chúng, với ngụ ý: Tăng chúng là con cháu nối tiếp pháp của Phật Thích Ca. Ngài chế định tăng y, nghi thức, oai nghi, quy củ của Tăng chúng cho nhất quán. Ngài còn chỉnh lý kinh luận Hán dịch, biên tập Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục (một loại thư mục kinh điển đầu tiên của Trung Hoa). Thư mục này nay không còn, nhưng bản Xuất Tam Kỳ Tập được biên soạn dựa trên thư mục này. Chính ngài Đạo An cũng là người đầu tiên đề xướng phân chia kinh Phật thành ba phần Tụ Phần, Chánh Tông và Lưu Thông Phần để chú giải. Ngài tinh thông nhiều giáo thuyết Đại Tiểu Thừa, đặc biệt là Tánh tông. Chính sơ tổ Tịnh Tông là ngài Huệ Viễn nghe đại sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã bèn cảm thán: “*Chín phái Nho - Đạo đều là tám cảm*”, rồi bèn xuất gia, hầu dưới tòa. Ngài Đạo An tịch năm Thái Hòa thứ 10 (385).

sẽ biết Ngài là người như thế nào! Lúc Viên Công kết xã, bèn có một trăm hai mươi ba người, đều thuộc hàng long tượng¹⁴ trong pháp môn, là Thái Sơn, Bắc Đầu trong làng Nho, do đạo phong của Viên Công lan tỏa nên đều ủa nhau kéo đến. Nhưng trong suốt đời Ngài, trong hơn ba mươi năm, những người dự vào liên xã tu Tịnh nghiệp được tiếp dẫn vắng sanh nhiều khó thể biết được!

Sau đây, như các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh, không vị nào chẳng dùng pháp này để tự hành, hóa độ người. Ngài Đàm Loan viết Vãng Sanh Luận Chú, diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, chỉ bày tốt cùng lẽ được - mất; Ngài soạn Quán Kinh Sớ chỉ bày sâu xa pháp quán Tam Đế¹⁵. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sớ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sớ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, phát huy đạo rất rảo thành Phật. Tổ Vĩnh Minh nói bài Tứ Liệu Giản chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, những bậc cao nhân các tông, không ai chẳng quy tâm Tịnh Độ, chỉ có các sư Thiền Tông là chuyên chăm chú ngàm tu, ít vị nào chịu xiển dương rõ ràng. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng suất, ai nấy đều để lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyển Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiền sư¹⁶ có câu: *“Di Đà thật dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh”*, lại viết: *“Người tham Thiền tốt nhất nên niệm Phật, nếu căn cơ độn chỉ sợ chẳng thể đại ngộ trong đời này, hãy nhờ*

¹⁴ Thông thường, “long tượng” vốn để chỉ con voi mạnh mẽ nhất trong loài voi, nên thường được dùng để ví cho hàng Bồ Tát có năng lực oai mãnh. Ngài Cát Tạng cho rằng con vật nào giỏi nhất, tốt nhất thì dùng chữ Long để biểu thị, như ngựa quý sẽ gọi là “long mã”. Kinh Đại Bát Niết Bàn gọi hàng Bồ Tát đã đoạn trừ các kết lậu Hoặc là Đại Long Tượng Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm lại nói “long tượng” để ví cho hàng Bồ Tát oai nghi tốt đẹp khôn sánh. Có thuyết nói “long tượng” là rồng và voi, hai loài có thể lực mạnh mẽ nhất trên cạn lẫn dưới nước, nên đời sau thường gọi người có sức Thiền Định mạnh mẽ tối thắng là bậc “long tượng”.

¹⁵ Tức quán Chân Đế, Tục Đế và Đế Nhất Nghĩa Đế.

¹⁶ Tử Tâm Tân Thiền Sư chính là ngài Ngô Tân (1044-1115), cao Tăng đời Tống, thuộc pháp hệ Hoàng Long trong tông Lâm Tế, đệ tử của ngài Hoàng Long Tổ Tâm, không rõ hành trạng. Ngài dốc lòng chuyên tu Tịnh Độ, tự xưng là Tử Tâm Tẩu (ông già lòng đã chết), còn lưu lại ngữ lục là Tử Tâm Ngô Tân Thiền Sư Ngữ Lục, được xếp trong quyển 12 của Vạn Tục Tạng.

vào nguyện lực tiếp dẫn vãng sanh của đức Di Đà”. Lại nói: “Nếu ông niệm Phật chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục Bạt Thiệt (kéo lùi)”. Bài Tịnh Độ Thuyết của Chân Hiết Liễu thiền sư¹⁷ có câu: “Trong tông Tào Động đều chăm chú ngâm tu là do nguyên nhân nào vậy? Ấy là do pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, căn cứ theo Đại Tạng thì pháp này để tiếp độ căn khí thượng thượng, tiếp dẫn kèm thêm căn cơ trung hạ”. Lại nói: “Những bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất không bất hữu bèn dốc chí khẳng khẳng nơi Tịnh nghiệp, chẳng phải vì Tịnh nghiệp thấy Phật đơn giản, dễ dàng hơn Tông môn nhiều lắm hay sao?” Lại nói: Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền, đều tu Tịnh nghiệp, đồng quy một nguồn. Nhập được môn này thì vô lượng pháp môn thấy đều chứng nhập”. Trường Lô Trách thiền sư kết liên hoa thắng hội, khuyên khắp Tăng, tục niệm Phật vãng sanh, cảm được hai vị Phổ Hiền, Phổ Huệ Bồ Tát xin được tham dự vào hội thù thắng ấy trong giấc mộng, bèn ghi tên hai vị ấy đứng đầu trong hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngâm tán dương vậy!

Trong đời Tống Thái Tông - Tống Chân Tông, pháp sư Tĩnh Thường¹⁸ trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang hâm mộ đạo phong của ngài Lô Sơn Viễn Công bèn kết Tịnh Hạnh Xã, Vương Văn Chánh Công Đán quy y đầu tiên, làm người đề xướng. Phạm là bậc tể phụ đại thần, học sĩ đại phu xưng là đệ tử dự vào Tịnh Hạnh Xã hơn một trăm hai mươi người, sa-môn số đến mấy ngàn, còn dân thường chẳng biết là

¹⁷ Ngài Chân Hiết, húy Thanh Liễu (1089-1151) là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động, nổi pháp ngài Đan Hà Tử Thuần, người An Xương (tỉnh Tứ Xuyên), họ Ung. Xuất gia năm 11 tuổi với ngài Thanh Tuấn chùa Thánh Quả, thoát đầu học Pháp Hoa. Ngài từng tham học khắp Nga Mi, Ngũ Đài. Sau đến Đẳng Châu (Hà Nam), lên núi Đan Hà tham yết ngài Tử Thuần bèn khai ngộ, được phó chúc nổi pháp mạch của Ngài. Ngài thọ 63 tuổi, pháp lạc 45 năm. Trước tác gồm Tín Tâm Minh Niêm Cổ, Nhất Chương Lục v.v...

¹⁸ Ngài Tĩnh Thường (959-1020) là vị Tổ thứ bảy của tông Tịnh Độ, sống vào đời Tống, người huyện Tiền Đường, tỉnh Chiết Giang, họ Nhan. Ngài xuất gia từ năm bảy tuổi, thọ Cụ Túc Giới năm 17 tuổi. Sau trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Hàng Châu. Ngài hâm mộ di phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, nên lập Bạch Liên Xã ở Tây Hồ, sau đổi thành Tịnh Hạnh Xã, lấy ý từ phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Tể tướng Văn Chánh Công Vương Đán làm xã chủ. Ngài tịch năm 62 tuổi, nhục thân được táng ở núi Linh Ân gần phần mộ của Ô Khoa thiền sư, cõi đời gọi Ngài là Tiền Đường Bạch Liên Xã Chủ, được phong hiệu là Chiêu Khánh Viên Tịnh Pháp Sư. Do ông Vương Đán có tước phong là Văn Chánh Công nên tổ Ấn Quang gọi ông Vương Đán là Vương Văn Chánh Công Đán.

bao nhiêu. Sau này có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, ra vào làm quan cao chức cả hơn năm mươi năm, làm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Bình sinh ông dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tuổi già càng dốc sức làm lợi cho đạo, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng - tối, đi - ngồi chưa từng biếng nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm ở kinh đô kết xã gồm hơn mười vạn người cầu sanh Tịnh Độ. Các vị sĩ đại phu thời ấy đa phần chịu sự giáo hóa của ông; có bài tụng rằng:

*Tri quân đảm khí đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương nhất vạn duyên,
Bất vị tự thân cầu hoạt kế,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.*

(Tam dịch:

Biết ông gan lớn bằng trời,
Tây Phương xin hãy kết mười nghìn duyên,
Sống còn chẳng tính kế riêng,
Mọi người ai nấy đã lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệm Phật qua đời. Trong đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp hoặc là sáng tác thi ca, hoặc là biện luận, không vị nào chẳng cực lực xiển dương pháp “khế lý khế cơ, thông trên thấu dưới” này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là thiết tha, thành khẩn nhất. Đời Thanh có các ngài Phạm Thiên Tư Tề¹⁹, Hồng Loa Triệt Ngô, cũng

¹⁹ Phạm Thiên Tư Tề (1686-1734), tức tổ Thật Hiền, Tổ mười một của tông Tịnh Độ, người xứ Thường Thục, Giang Tô, Ngài có pháp tự là Tư Tề, pháp hiệu là Tinh Am, thuộc gia đình đời đời học Nho. Xuất gia năm 15 tuổi, kinh điển đọc qua không bao giờ quên. Năm 24 tuổi thọ Cụ Túc Giới, nghiêm trì giới luật, chẳng lìa y bát, ngày chỉ ăn một bữa, không hề đặt mình xuống giường. Sau ngài tham yết sư Thiệu Đàm, nghe giảng Duy Thức, Lăng Nghiêm, Ma Ha Chỉ Quán, thông đạt giáo nghĩa Thiên Thai, Pháp Tướng v.v... nối tiếp pháp của ngài Thiệu Đàm thuộc Thiên Thai Chánh Tông, pháp phái Linh Phong. Ngài yếm quan ba năm tại núi Chân Tịch, đọc hết Đại Tạng, sáng chiếu trì danh hiệu Phật. Về sau, Sư ứng lời thỉnh của mười phương tùng lâm, giảng kinh hơn mười năm, tăng tục vùng Giang Tây quy y đông đảo. Tuổi già, ngài cự tuyệt mọi duyên, kết liên xã, chuyên tu Tịnh nghiệp, người đời xưng tụng là Vĩnh Minh Tái Lai. Năm Ung Chánh 11 (1733), Sư báo trước ngày mất, suốt ngày đêm niệm Phật đến hơn 10 vạn tiếng, đến tháng Tư năm sau bèn thị tịch, thọ 49 tuổi. Ngài còn để lại 108 bài thơ Tịnh Độ, Tây Phương Phát Nguyện Văn Chú, Tục Vãng Sanh Truyện, Niết Bàn Sám, nhưng bài Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn của Ngài nổi tiếng hơn cả và được đặc biệt coi trọng trong mọi tông phái.

độc sức hoằng dương đạo này. Bài Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, bài Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Triệt Ngô đều có thể kể tục các vị thánh đời trước, khai ngộ cho hàng hậu học. Kinh trời đất, động quỷ thần! Người học nếu có thể hành theo đó thì nào có ai không từ tạ Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư Tuyên Ngôn Niệm Phật của chùa Thanh Liên*)

* Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), Liên Tông Tứ Tổ là Pháp Chiếu đại sư, trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị Tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đấy ắt phải là Ngũ Đài. Về sau, Sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), Sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, bèn lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường, thấy đức Văn Thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu.

Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: “Phàm phu đời Mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cầu chứng thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được! Phật pháp mênh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con”.

Đức Văn Thù bảo: “*Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất. Các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường Tam Bảo, phước huê song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường, nên nay đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Do vậy biết Niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Vô Thượng Pháp Vương chớ để dừng nghỉ*”. Sư lại hỏi: “*Nên niệm ra sao?*” Ngài Văn Thù nói: “*Phía Tây thế giới này có A Di Đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển*”.

Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu Sư thọ ký: “*Do ông niệm Phật, chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô Thượng Bồ Đề*”. Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-

đà (kệ). Sư nghe xong, hoan hỷ hơn hở, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn Thù. Văn Thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: *“Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc Nhất Thiết Chứng Trí”*. Do vậy, hết thầy các pháp, Bát Nhã Ba La Mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đời Mạt Pháp nghiệp nặng, phước nhẹ, chướng sâu, huê cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng [dù có muốn] nổi gót bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi hòa thượng Quảng Huệ*)

* Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đây mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Trong mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thầy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Ông phát nguyện lập trường học nơi đất trống, lập liên xã nơi đất trống, cố nhiên là đỡ tốn công, nhưng vẫn là chẳng biết tùy địa phương, tùy duyên để tạo phương tiện cho dễ thực hiện. Trên là nơi thanh miếu, minh đường²⁰, dưới là bên nước, bên cội cây, hễ gặp ai có thể trò chuyện

²⁰ Theo ý nghĩa nguyên thủy, Minh Đường (明堂) là một dinh thự để thiên tử nhà Châu hội kiến chư hầu và cử hành tế lễ, cũng như tuyên cáo chánh sách. Minh Đường đã có từ thời Hoàng Đế, nhưng không có quy định kiến trúc rõ rệt. Đến nhà Hạ gọi là Thế Thất (世室), nhà Thương gọi là Trùng Ốc (重屋), đến nhà Châu mới gọi là Minh Đường, và từ đây Minh Đường mới mang chức năng của một trung tâm tôn giáo, nghị luận chánh sự và giáo hóa (nhưng đến cuối đời Châu, Minh Đường chỉ còn dùng vào mục đích tế lễ). Thoạt đầu chỉ ở kinh đô mới có Minh Đường, nhưng

được, liền dùng những chuyện này để khuyên nhủ. Văn Lộ Công²¹ phát nguyện “*sẽ khiến cho mười vạn người niệm Phật cầu sanh Tây Phương*” bèn kết Liên Xã. Tôi cho rằng: “Từ một người cho đến vô lượng người đều nên làm cho họ vãng sanh Tây Phương trong đời này, há nên lấy mười vạn người làm hạn định?” (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên - 1*)

sau này, Minh Đường được xây dựng ở bất cứ một địa phương nào khi cần thiết. Chẳng hạn khi Hán Vũ Đế dự định làm lễ Phong Thiên ở Thái Sơn đã cho xây Minh Đường tại đấy. Và từ đó, mô hình kiến trúc của Minh Đường cũng tuân thủ theo một quy cách chặt chẽ hơn: Một tòa đại điện trên tròn dưới vuông, có nước vây quanh bốn phía. Riêng trong đoạn văn này, minh đường lẫn thanh miếu chỉ là những từ ngữ phiếm chỉ các cơ sở thờ tự hay hội họp trong vùng.

²¹ Văn Lộ Công chính là Văn Ngạn Bác (1006-1997), tự là Khoan Phu, hiệu Y Tảo, người xứ Giới Hư, Phần Châu (nay thuộc thành phố Giới Hư, tỉnh Sơn Tây), là một vị Tể Tướng trải suốt bốn đời vua nhà Tống (Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông), tước phong là Lộ Quốc Công, nên thường được gọi là Văn Lộ Công. Ông được người đời coi là một vị Tể Tướng hiền năng, có công giữ yên đất nước, đánh thắng Tây Hạ, chuyên cần chánh sự, tiết kiệm, nhân từ, giảm tô thuế. Đến già ông mới quy hướng Phật pháp. Lời thề nguyện trên đây được phát ra khi ông xướng suất lập Liên Xã.

II. Thành tín, nguyện thiết (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha)

1. Dạy về lòng tin chân thật, nguyện thiết tha

* Nói đến Tín thì phải tin Sa Bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa Bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, Ngũ Ấm hừng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có. Bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt sẽ tự biết, không cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Sự khổ thứ tám, Ngũ Ấm hừng hực, chính là khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng trong hiện tại, chính là nhân của nỗi khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dặt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát!

Ngũ Ấm chính là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp “thân tâm huyễn vọng” này bèn khởi Hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là “*xí thịnh*” (熾盛: cháy hừng hực) vậy. Ngoài ra, Âm 陰 (bộ Phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ Âm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ Thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh khiến nó chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che, nên chẳng chiếu sáng được. Phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp, bị năm Ấm này chướng ngại, mặt trời trí huệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiên Định sâu, đối với cảnh giới sáu trần, trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu - ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng Vô Sanh, Hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử. Nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng, thật khó đạt được trong đời Mạt! Vì thế, hãy nên chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương theo Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuần là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những danh từ như già, bệnh, chết v.v...

chẳng còn nghe đến, hưởng gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di Đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy theo căn tánh mình, do nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, hưởng gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu, gác, nhà, viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người [tạo tác], chỉ là hóa ra.

Biến bảy sự khổ nơi Sa Bà thành bảy niềm vui. Lại thêm thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, có đại biện tài, từ một pháp biết trọn Thật Tướng của các pháp. Tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, dẫu nói bằng ngôn ngữ Thế Đế nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng, không có nỗi khổ Ngũ Ấm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: “*Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc*”. Sa Bà khổ, khổ không nói nổi; Cực Lạc vui, vui chẳng ví tầy! Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới gọi là chân tín. Chớ nên dùng trí kiến phàm phu ngoại đạo lầm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm màu nhiệm trong Tịnh Độ đều là ngụ ngôn nhằm tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật! Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh Độ, tai hại quá lớn! Không thể không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gọi cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Phật Di Đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật. Ta do trái nghịch Di Đà hạnh nguyện nên bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di Đà. Tâm đã là một, mà phàm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nổi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh Độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Gia - 8*)

* Chuyện niệm Phật quan trọng nhất là liễu sanh tử, đã vì liễu sanh tử thì hãy tự sanh lòng chán đối với nỗi khổ sanh tử, tự sanh lòng ưa thích đối với sự vui Tây Phương. Như thế thì hai pháp Tín - Nguyện sẽ được vẹn toàn ngay trong một niệm, lại thêm niệm chí thành khẩn

thiết như con nhớ mẹ thì Phật lực, pháp lực, sức công đức tín nguyện nơi tự tâm, ba pháp đều phô bày trọn vẹn. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, dầu mây dày, băng đóng tầng tầng, chẳng mấy chốc liền tiêu tan. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngân Như và Từ Dật Như)

* Kinh A Di Đà dạy: “Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp”. Lại nói: “Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Do chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên tên là Cực Lạc”. Không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thân thông, đạo lực của đức Phật A Di Đà. Thế giới chúng ta đang sống đây có đủ ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng nỗi khổ, trọn chẳng có niềm vui; cho nên gọi là Sa Bà. Chữ Phạn “Sa Bà”, ở đây (Trung Hoa) dịch là Kham Nhẫn, ý nói: Chúng sanh trong cõi này phải chịu đựng những nỗi khổ ấy. Nhưng trong thế giới này, không phải là không có niềm vui; nhưng tất cả những chuyện vui đa số là khổ, chúng sanh mê muội, ngược ngạo coi đó là vui. Như nghiện rượu, đắm sắc, săn bắn, vây bắt v.v... có gì vui đâu mà những kẻ ngu phu đắm đuối không bỏ được, vui quên cả mệt. Thật đáng thương xót! Dầu là sự vui thật sự, cũng khó thể trường cửu. Như cha mẹ còn sống đầy đủ, anh em không có chuyện gì, chuyện như vậy làm sao có thể thường hằng cho được! Vì thế, cảnh vui vừa hết, tâm buồn nổi tiếp đảy lên. Do vậy, bảo “trọn chẳng có niềm vui!” không phải là nói quá đáng vậy!

Thế giới này khổ nói chẳng thể trọn, dùng tam khổ, bát khổ để tóm lược thì chẳng còn sót gì. Tam khổ là: 1) Khổ Khổ 2) Hoại Khổ 3) Không khổ không vui tức là Hành Khổ. Khổ Khổ có nghĩa là do thể tánh của thân tâm Ngũ Ấm này bức bách nên gọi là Khổ. Lại còn phải thường chịu thêm những nỗi khổ sanh, già, bệnh chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ. Hoại Khổ là có chuyện gì trong thế gian tồn tại dài lâu? Mặt trời đứng bóng liền chên, trăng tròn rồi khuyết, đạo trời còn vậy, nữa là chuyện người! Cảnh vui vừa hiện, cảnh khổ đến ngay. Đúng vào lúc cảnh vui bị hoại diệt thì khổ chẳng thể nói được, cho nên gọi Lạc là Hoại Khổ. Hành Khổ là tuy không khổ không vui, tự hồ thích nghi, nhưng tánh nó dời đổi, há thể thường trụ! Vì vậy, gọi là Hành Khổ. Nêu lên ba sự khổ này, không sự khổ nào chẳng thấu tóm. Về ý nghĩa của Bát Khổ, trong sách [Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chi Nam] đã trình bày cặn kẽ. Nếu biết cái khổ

trong cõi này, tâm chán lìa Sa Bà sẽ ào ạt phát sanh. Nếu biết sự vui của cõi kia, ý niệm ham cầu Cực Lạc sẽ bùng bùng phát khởi. Do vậy, không làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng đầy đê vun bồi nền tảng. Lại thêm chí thành khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa Bà này, sanh về nước Cực Lạc kia, làm con đích thực của Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* Triệu pháp sư²² nói: “*Thiên địa chi nội, vũ trụ chi gian, trung hữu nhất bảo, bí tại hình sơn*” (Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình). Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tột theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, hằng cổ, hằng kim, luôn luôn hiển lộ! Đây chính là như câu nói: “*Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức*” (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích Ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi Hoặc tạo nghiệp, luân hồi trong sáu nẻo, trọn chẳng có thuở ra! Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng, mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có đủ trí chiếu Bát Nhã liền lập tức

²² Triệu Pháp Sư chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu Ma La Thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, Sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy Ma Cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu Ma La Thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu Ma La Thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tồn diệt nhà Lương, Sư bèn theo ngài La Thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La Thập phiên dịch kinh điển. Do vậy, giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoàng Thi thứ sáu (404), khi ngài La Thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát Nhã, Sư soạn cuốn Bát Nhã Vô Tri Luận trình lên, được hai vị La Thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó, Sư còn soạn Pháp Không Luận, Vật Bất Thiên Luận, Niết Bàn Vô Danh Luận, Chú Duy Ma Cật Kinh v.v... Tiếc là Sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của Sư được thu thập thành cuốn Triệu Luận.

rỗng không các Uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị [làm được] như vậy, nhưng đây chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đòi Mạt mà hồng mong mới được! Bởi vậy, [đức Phật] mở ra một pháp môn đặc biệt, ngũ hầu thượng - trung - hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng, tức là do báu Tam Muội chứng được báu Thật Tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy. Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức thấy đều tuân hành pháp này, do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó - dễ khác nào một trời, một vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận Sớ*)

* Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối đề niệm, thì hai tầng công phu “xoay cái niệm đề niệm nơi tự tánh” của đức Thế Chí và “xoay cái nghe đề nghe nơi tự tánh” của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm đề niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai Bí Mật Tạng. Đây gọi là “*dùng Quả Địa Giác làm Nhân Địa Tâm, cho nên nhân trùm biến quả, quả tốt nguồn nhân*”. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đây là đường vào cửa Niết Bàn của vi trần đức Phật, hướng gì chúng ta là người đòi Mạt Pháp há dám chẳng noi theo ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho [ấn bản] Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh được viết theo lối chữ Khải để tặng đại chúng đọc tụng*)

2. Khuyên nên trừ lòng nghi, sanh lòng tin

* Trong thế gian, tất cả căn thân (căn chính là cái thân chúng ta) hay thế giới (tức là trời đất mình đang sống) đều là đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) được cảm thành trong cái tâm sanh diệt của chúng sanh, đều có thành - hoại, đều chẳng lâu bền. Thân có sanh - lão - bệnh - tử, thế giới có thành - trụ - hoại - không. Nói “*vật đạt đến cùng cực ắt xoay ngược lại, vui quá hóa buồn*” chính là ý này. Bởi lẽ, nhân đã là sanh diệt thì quả không thể nào chẳng sanh diệt!

Thế giới Cực Lạc là do A Di Đà Phật chứng triệt để Phật Tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm hiện ra thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, sự vui trong cõi ấy không có thời kỳ cùng tận. Ví như hư không rộng rãi lớn lao, bao hàm hết thảy sâm la vạn tượng. Tuy thế giới bao lượt thành, bao phen hoại, nhưng hư không rốt ráo chẳng tăng - giảm. Ông dùng sự vui thế gian để cất vắn sự vui nơi Cực Lạc. Dầu ông chưa thể thấy được sự vui nơi Cực Lạc; tuy ông chưa thể thấy hư không hoàn toàn, nhưng hư không trong vòng trời đất ông đã từng thấy qua, nó có biến đổi hay chẳng? Phải biết: Hết thảy chúng sanh đều sẵn có Phật Tánh; vì thế, đức Phật (chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật) dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Do nương vào đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên cũng được hưởng sự vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh nên không có nỗi khổ sanh - già - bệnh - chết; còn thế giới do công đức xứng tánh biến hiện nên không có những sự biến đổi thành - trụ - hoại - không! Dầu là thánh nhân cũng còn có những điều không biết, há có nên do pháp thế gian sanh - diệt mà nghi ngờ ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cửu*)

* Các pháp môn khác, pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi! Chỉ có một môn Tịnh Độ này, độ khắp ba căn, lợi - độn gồm thâu. Trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì Ngũ Nghịch, Thập Ác, chủng tánh A Tỳ địa ngục cũng có thể dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này trọn chẳng có hy vọng gì! Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh Độ sẽ khó thể tin chắc thật, không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị Thừa còn đa nghi. Chẳng những Nhị Thừa không tin, quyền vị Bồ Tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi (Ấy là vì pháp môn này, lấy Quả Giác làm nhân tâm (cái tâm để tu nhân), nên toàn thể là cảnh giới của Phật. Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo, chứ trí của con người không thể nào biết được! Xin hãy đọc lời tựa cho sách Long Thư Tịnh Độ Văn trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dầu là phàm phu đầy dẫy triền phược thì chủng tánh ấy đã vượt trời bậc Nhị Thừa. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật, bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu. Muốn nói pháp tu

Tịnh Độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực vắng sanh này thì nêu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có may mắn tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng. Đừng nói là không tu, dầu có tu cũng chẳng thể đạt được lợi ích thật sự rốt ráo! Do vậy phải nói: Một pháp Tín phải gấp gấp suy cầu, ngõ hầu tạo được lòng tin sâu xa đến cùng cực vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Nếu nói: - A Di Đà Phật ở yên nơi Cực Lạc, mười phương thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh trong một thế giới niệm Phật cũng vô lượng vô biên. A Di Đà Phật làm sao có thể dùng một thân cùng lúc tiếp dẫn hết thấy chúng sanh niệm Phật trong khắp mười phương vô lượng vô biên thế giới được?

Đáp: - Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Xin mượn thí dụ để giải thích hồng trần sai lầm cho ông. Một vàng trắng vàng vạc giữa trời, hiện bóng trong vạn con sông, trăng có dụng tâm hay không? Trên trời chỉ có một vàng trắng, nhưng biển cả, sông to, rạch lớn, khe nhỏ thấy đều hiện bóng trăng vẹn toàn, dầu nhỏ như trong một chước, một giọt nước không đâu chẳng đều hiện bóng trăng trọn vẹn! Và nữa, bóng trăng trên sông rạch một người nhìn vào sẽ thấy một vàng trắng đối trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người ở trăm ngàn vạn ức chỗ nhìn vào, không ai chẳng có một vàng trắng đối trước mặt! Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi về những hướng Đông, Tây, Nam, Bắc thì nơi người ấy đi đến, trăng vẫn thường ở nơi người ấy. Chỗ trăng đi đến, trọn chẳng có xa - gần. Nếu trăm ngàn vạn ức người ở yên chẳng động thì trăng cũng ở yên chẳng động, luôn ở nơi người ấy. Chỉ có nước trong lặng thì trăng hiện, nước đục, xao động thì trăng ẩn. Trăng cố nhiên không lấy - bỏ, không hiện là vì nước đục ngầu, xao động, không cách gì in bóng được!

Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh tín nguyện đầy đủ, chí thành cảm Phật thì Phật bèn ứng, giống như nước trong, trăng hiện. Nếu tâm không thanh tịnh, không chí thành, tương ứng với tham - sân - si, giống như nước đục, loạn động, thì trăng tuy chẳng bỏ sót không chiếu, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng. Mặt trăng là sắc pháp thể gian mà còn hay khéo như thế, huống chi A Di Đà Phật đoạn

sạch Phiền Hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm bao thái hư, lượng trọn pháp giới! Do vậy, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Thân Phật đầy ắp pháp giới, hiện khắp trước hết thấy chúng sanh, tùy duyên cảm ứng không gì chẳng trọn vẹn, nhưng thường ngồi nơi tòa Bồ Đề này. Do vậy, phải biết: Trọn khắp pháp giới cảm, sẽ ứng trọn khắp pháp giới”*. Quả thật, Phật chưa hề khởi tâm động niệm có tướng đến - đi, nhưng có thể làm cho chúng sanh duyên chín muồi thấy Phật đến đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ôm lòng nghi như thế, cố nhiên chẳng phải [chỉ có] một hai người; do vậy tôi bèn trình bày đại ý để [người đọc] sanh chánh tín vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam*)

* [Nếu] sự - lý, tánh - tướng, có - không, nhân - quả hỗn độn chẳng phân thì chỉ nên học theo ngu phu, ngu phụ, cầm cúi niệm Phật, chí cung, chí kính, chỉ nên thành khẩn, lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu trí rạn, chương tận, phước cao. Cái tâm nghi ấy triệt để rớt mất thì Phật có hay là không, chính mình có hay là không, đường nẻo vào cửa Phật, căn cứ đích xác nơi bờ kia, cần gì phải hỏi ai khác nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm dốc chí niệm Phật, chỉ hiểu đôi phần từ miệng người khác bàn bạc, thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Đọc Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp chướng trong tâm nên chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, cố nhiên mặt trời ở trên không, thấy được [mặt trời] là nhờ có mắt. Kẻ không thấy quang minh và lúc chưa thấy không khác gì nhau. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy tướng quang minh. Một pháp Niệm Phật chính là pháp thiết yếu nhất để mắt được sáng lại. Muốn thấy được tướng của Thật Tướng, hãy nên dốc cạn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ có lúc được thỏa nguyện điều mình ấp ủ.

Muốn đích thân thấy được Chân Ngã, mà chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ thì sẽ không thể nào thấy được! Muốn chứng, nhưng nếu chẳng đoạn Hoặc chứng Chân sẽ không thể nào được. Muốn viên chứng mà Tam Hoặc²³ chẳng đoạn sạch, nhị tử²⁴ chẳng vĩnh viễn mất thì sẽ không thể nào đạt được. Nếu luận về nơi chốn thì các hạ sẽ luân hồi bao kiếp

²³ Tam Hoặc: Kiên Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc.

²⁴ Nhị tử: Phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử.

dài lâu, cũng như những lời cật vấn trái lý hiện thời đều là nhờ vào sức của Chân Ngã để thực hiện; do trái nghịch giác, xuôi theo trần lao nên chẳng thể chân thật thọ dụng. Ví như cái đầu của chàng Diễn Nhã, châu nơi vạt áo²⁵, từ đầu đến cuối chưa hề mất, làm sanh sợ hãi, làm chịu nghèo cùng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiến Vi*)

* Chúng sanh mỗi người tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ. Kẻ ngu thiên về hèn kém, tầm thường, bậc trí thiên về nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phận ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu Tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy ! Nếu người trí chẳng cậy mình có trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cây vào Phật từ lực, cầu sanh Tịnh Độ, thì có thể nói là hạng “đại trí”. Nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh Độ, sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được!

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy! Chứ không phải là hết thầy mọi người đều phải bắt chước làm theo tôi!

Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diêu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biên giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phụ ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót! Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, toan bay lên không lại rớt xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 9*)

* Trong thời thế hiện nay, dầu là bậc cổ Phật đã thành Chánh Giác thị hiện, chắc chắn cũng chẳng đề xướng gì khác ngoài chuyện “giữ vụn

²⁵ Theo kinh Lăng Nghiêm, anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy đầu mình đâm ra hoảng sợ phát cuồng. Còn ‘châu trong vạt áo’ là ví dụ trong kinh Pháp Hoa (phẩm thứ 8). Ví dụ này do năm trăm vị La Hán đã nói sau khi được Phật thọ ký: Gã nghèo đến chơi nhà bạn, ngủ say, bạn buộc hạt châu vô giá vào trong áo để giúp cho khỏi bị đói nghèo, nhưng gã không biết, thân mang vật quý vô giá, nhưng vẫn phải làm thuê làm mướn, vất vả kiếm sống.

luân thường, tận hết bốn phận và chú trọng nơi pháp môn Tịnh Độ!” Dẫu cho Đạt Ma đại sư thị hiện trong lúc này, cũng sẽ dùng pháp môn cạy vào Phật lực để dạy dỗ.

Thời tiết, nhân duyên thật sự là căn bản. Trái nghịch thời tiết, nhân duyên, cũng giống như mùa Đông mặc áo vải mỏng, mùa Hạ mặc áo cừu, đói uống, khát ăn, không chỉ vô ích mà ngược lại còn có hại! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Vương Đức Châu - 1*)

* Ngài Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà, Ngài dạy Chuyên Tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dẫu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ Quả thánh nhân và các Bồ Tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đẳng Giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang, khuyên bỏ Tịnh Độ, giảng cho diệu pháp thù thắng, cũng chẳng chịu nhận, bởi thoát đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có tí ti định kiến nào nên mới nói như vậy hòng giết chết cái tâm chộp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ lòng vòng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Xưa kia Đại Trí luật sư²⁶ thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh Tỳ Ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh Độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi, hơn hai mươi năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh Độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xưng tán phát huy trọn chẳng sợ hãi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 2*)

²⁶ Đại Trí Luật Sư (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiếu, tự là Tràm Nhiên, hiệu An Nhãn Tử, người xứ Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ Cụ Túc Giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng rất hâm mộ Tỳ Ni. Về sau, Sư thọ Bồ Tát Giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh, hoằng truyền giới luật. Về già, Sư trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là Linh Chi Tôn Giả. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là Đại Trí Luật Sư.

* Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì chẳng được lợi ích: Qua kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày Thiên Chân²⁷ con người vốn sẵn có (Thiền Tông gọi là “ý của Tổ Sư từ trời Tây sang”). Huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, Tổ biến thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào có phải do Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dầu là [những điều dành cho] sơ cơ, nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu điều gì khác được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu - 1*)

* Phàm phu đòi Mặt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh Độ thì đều là cuồng vọng! Tham Thiền dầu đạt đến địa vị “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân! Quang cực tâm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được [thái độ] “chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức!” Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm - 6*)

* Triệt tử (tổ Triệt Ngô), Tĩnh tử (tổ Tĩnh Thường) trước tác ít, nhưng cũng đủ khiến cho người khác dậy lòng phát nguyện. Cố nhiên chẳng thể lấy trước tác nhiều hay ít để phán định đạo đức hơn - kém được! Xưa nay có nhiều vị Pháp Thân thị hiện, chỉ nói vài câu ít ỏi, không để lại trước tác gì, [những vị như vậy] nhiều lắm! Há có nên sanh lòng nghi nơi chỗ này? Cần biết rằng: Chúng ta muốn liễu sanh tử, quả thật chẳng cần nhiều; chỉ cần một điều là “lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương” là đủ rồi! Dầu đọc hiểu trọn hết Đại Tạng cũng chẳng qua là nhằm thành tựu chuyện này mà thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Duy Phật*)

* Nay gởi cho cô ta một bộ An Sĩ Toàn Thư, xin hãy đọc kỹ càng, cẩn thận phân chú giải và dẫn chứng của đoạn văn “ta mười bảy đời làm

²⁷ Thiên Chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chi Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết, quyển 1 giảng: “Lý không tạo tác, nên gọi là Thiên Chân”.

thân sĩ đại phu”²⁸ và những đoạn văn đáp để giải trừ nghi ngờ trong các sách Vạn Thiện Tiên Tư, Dục Hải Hồi Cuồng, Tây Quy Trực Chỉ, sẽ chẳng đến nỗi biến mình thành kẻ không có căn bản, tuy tạm sống mấy chục năm, hễ chết liền tiêu diệt chẳng còn, há chẳng đáng thương đến tột cùng ư? Nếu biết thân chết mà thần thức chẳng diệt, coi đó như tuổi thọ, thì [tuổi thọ] nào phải chỉ dài lâu như trời với đất? Nếu chịu tu trì cầu sanh Tây Phương thì đến tột cùng đời vị lai sẽ làm đại đạo sư cho hết thảy chúng sanh, há chẳng phải là bậc đại tượng phu vĩ đại ư? (*Ân Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Thiện Xương - 4*)

* Phàm những ai có tâm đều có thể thành Phật, há nên nói “kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng được vãng sanh?” Phật nói đến “mù, điếc, câm, ngọng” trong tám nạn, ngụ ý những tật ấy [khiến cho người đó] khó thể nhập đạo mà thôi! Nếu có thể chuyên ròng niệm Phật, tuy người điếc chẳng thể nghe kinh và nghe thiện tri thức khai thị, người mù chẳng thể xem kinh, rốt cuộc nào trở ngại gì đâu? Người câm không có tiếng, kẻ ngọng cũng không nói [gãy gọn] được, nhưng trong tâm niệm thâm vẫn có thể đích thân đạt được Niệm Phật tam-muội trong đời này, lâm chung lên thẳng chín phẩm; há nên nói những người ấy chẳng thể vãng sanh? Những người ấy chẳng sốt sắng niệm Phật thì chẳng thể vãng sanh, chứ không phải là những người ấy dù niệm Phật cũng chẳng được vãng sanh! Còn người tàn phế thiếu tay thiếu chân thì cũng giống như kẻ mù, điếc, câm, ngọng.

Nói [kẻ mù, điếc, câm, ngọng chẳng thể được vãng sanh] như thế là vì hiểu lầm bài kệ trong Vãng Sanh Luận mà ra! Kệ nói: “*Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*” (Cõi thiện căn Đại Thừa, bình đẳng không có những danh từ đáng chê trách, nữ nhân và thiếu căn, giống Nhị Thừa chẳng sanh), chính là nói “Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới của những người mang thiện căn Đại Thừa sanh về, trọn chẳng có những danh từ có thể gây nên chê bai hoặc có thể gây nên sự chán ghét”. [Hai câu] tiếp đó liệt kê một số những danh từ có thể gây nên sự chê bai như “nữ nhân, người sáu căn chẳng đủ, và hạng người Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác”. Do vậy: “*Nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh*”

²⁸ Đây là một câu nói trong Âm Chất Văn khi Văn Xương Đế Quân tự thuật tiền thân. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư, cuốn đầu là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn Quảng Nghĩa Tiết Lục.

nghĩa là Tây Phương không có nữ nhân, người sáu căn chẳng hoàn bị và hàng Nhị Thừa (Tây Phương tuy có danh tự “thánh nhân Tiểu Thừa” nhưng đều thuộc hàng phát tâm Đại Thừa, trọn chẳng có hàng Thanh Văn, Duyên Giác không phát tâm Đại Thừa), chứ không phải là nói đến những người tu hành cầu vãng sanh thế giới ấy. Người thiếu trí huệ tưởng rằng những hạng người ấy chẳng được vãng sanh Tây Phương, lầm lẫn quá lớn! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Tông Linh*)

* Xưa kia, Giới Hiền luận sư²⁹ ở Tây Vực, đức cao khắp đời, đạo lấy lòng Tứ Trú (bốn xứ Thiên Trúc³⁰). Do túc nghiệp nên thân mắc ác bệnh, khổ sở cùng cực, chẳng thể chịu đựng nổi, muốn tự tử, chợt thấy ba vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giảng xuống, bảo: “*Ông trong kiếp xa xưa kia, nhiều lần làm quốc vương nã hại chúng sanh, đáng lẽ đọa ác đạo từ lâu. Do ông hoằng dương Phật pháp nên phải chịu nỗi đau khổ nhỏ này trong cõi người để tiêu diệt nỗi khổ địa ngục cả kiếp dài lâu... Ông nên gắng chịu đựng*”.... Nếu chẳng hiểu rõ nhân trong đời trước, người ta sẽ nói Giới Hiền chẳng phải là vị cao tăng đặc đạo, hoặc sẽ nói bậc đại tu hành như vậy mà vẫn bị bệnh thảm như thế, Phật pháp linh cảm lợi ích ở chỗ nào?....

²⁹ Giới Hiền (Śīlabhadra) sống khoảng thế kỷ thứ 6, hay thứ 7, là một vị Luận Sư nổi tiếng của Đại Thừa Phật Giáo Du Già Hạnh (Duy Thức), trụ trì chùa Na Lan Đà tại nước Ma Kiệt Đà, Ấn Độ. Sư thuộc dòng dõi hoàng gia Samatata ở Đông Ấn, hiểu học từ thuở nhỏ, tham học với khắp các bậc minh triết. Khi đến Na Lan Đà, Sư gặp được Hộ Pháp Bồ Tát, nghe Ngài giảng pháp, tin tưởng, giác ngộ, bèn theo xuất gia. Năm 30 tuổi, Sư từng viết luận khiến các sư trưởng ngoại đạo khắp cả một giải Nam Ấn Độ phải chịu thua. Sư trụ trì chùa Na Lan Đà rất lâu, chuyên hoằng truyền giáo nghĩa Duy Thức. Sư y cứ các bộ Giải Thâm Mật Kinh, Du Già Sư Địa Luận v.v... chia Phật giáo thành ba thời là Hữu, Không, Trung, lập ra thuyết Ngũ Chung Tánh. Khi ngài Huyền Trang đến cầu học, Sư đã hơn trăm tuổi. Do đức độ và kiến thức của Sư, đại chúng không kêu trực tiếp pháp danh nữa mà gọi Sư bằng mỹ hiệu Chánh Pháp Tạng.

³⁰ Thiên Trúc chính là Ấn Độ. Do thời cổ, các âm Trúc và Độc đọc giống nhau, cổ thư còn phiên âm Thiên Trúc là Thiên Độc, Thiên Đốc, Thân Độc. Theo các nhà nghiên cứu, đây đều là những âm đọc sai của chữ Hindustan. Trong Đại Đường Tây Vực Ký, quyển 85, pháp sư Huyền Trang ghi: “*Danh xưng Thiên Trúc, có nhiều ý kiến bàn bạc khác biệt. Thời cổ gọi là Thân Độc, hoặc gọi là Hiền Đậu. Nay theo chánh âm, nên đọc là Ấn Độ... Ấn Độ, Hán dịch là Nguyệt (mặt trắng). Mặt trắng có nhiều tên, đây là một tên!*” Ấn Độ chia thành năm xứ (Ngũ Trúc), ngoại trừ phần Trung Ương, bốn khu Đông, Tây, Nam, Bắc, được gọi chung là Tứ Trúc.

Nếu [thấy] người tạo ác nhưng hiện tại được phước báo thì cũng sẽ khởi tâm tà kiến như thế; chẳng biết đầy đủ là tiền nhân hậu quả và chuyển quả báo nặng nề trong đời sau thành quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời, cũng như chuyển quả báo nhẹ nhàng trong hiện đời thành quả báo nặng nề trong đời sau v.v... đủ mọi lẽ phức tạp khác nhau! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Trả lời thư cư sĩ Châu Tụng Nghiêu*)

* Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Ví như một trận mưa thấm khắp, cây cỏ cùng tươi tốt. Cái đạo tu thân, tề gia, trị quốc, tân dân không gì chẳng đầy đủ. Xưa nay những kẻ văn chương lừng lẫy một thuở, công nghiệp vang rền vũ trụ, và những người nhân hiếu rất mực, muôn đời kính ngưỡng, người ta chỉ biết đến hình tích chứ chưa xét đến cội nguồn. Nếu khảo sát kỹ căn do thì tinh thần, chí khí, tiết tháo của họ đều do học Phật vun bồi mà ra. Những chuyện khác không cần phải nhắc đến, chứ ngay như tâm pháp của thánh nhân do Tống Nho³¹ phát minh cũng phải nhờ vào Phật pháp để làm khuôn mẫu vậy, huống gì những thứ khác!

Thế nhưng bọn Tống Nho khí lượng hẹp hòi, muốn hậu thế cho rằng những điều ấy do chính trí của họ tìm ra, nên đặt ra những lời chê trách Phật để làm kế “bị tai trộm linh”! Từ đời Tống đến nhà Nguyên rồi sang nhà Minh, không lúc nào chẳng vậy! Thử bóc lòng khảo sát thì không ai chẳng lấy Phật pháp để tự làm lợi cho mình! Còn như họ nói đến chuyện tịnh tọa, nói đến chuyện tham cứu, đều là chứng cứ chứng tỏ họ dụng công; lâm chung biết trước lúc mất, nói cười ngời thác là những chứng cứ sau cùng để phát hiện [họ có tu Phật]. Những chuyện như vậy chép trong các truyện ký của Lý Học không thể nào nêu trọn. Há có phải học Phật là mối lo cho xã hội ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Đức Đại Giác Thế Tôn khéo trị những căn bệnh nơi thân, nơi tâm chúng sanh, khéo làm cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Tâm bệnh có những thứ nào? Chính là tham - sân - si. Đã có những bệnh ấy, tâm chẳng thể chánh được, những ý niệm thuận theo tình kiến, trái nghịch lý sẽ ồ ạt dấy lên. Những niệm ấy đã khởi, ắt sẽ muốn thỏa lòng

³¹ Tống Nho là Nho Học theo quan điểm diễn dịch của Trình Hạo, Trình Di, Châu Hy đề xướng (thường được gọi là Lý Học). Họ vay mượn, xuyên tạc những khái niệm nhà Phật để biện minh cho Nho Học, rồi cực lực đả kích Phật pháp.

ham muốn của chính mình, cái tâm hèn tẻ giết - trộm - dâm sẽ ngay lập tức biến thành sự thực. Đây gọi là “do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chuốc khổ trải trần điểm kiếp³² chẳng thuở nào xong!” Đức Như Lai thương xót, tùy theo từng căn bệnh của chúng sanh mà ban thuốc, bảo họ: “*Tâm tham - sân - si chẳng phải là cái tâm vốn có của các người. Tâm các người vốn viên minh tịnh diệu như tấm gương sáng sạch, trợn chẳng có một vật nào! Hễ có vật ở trước gương thì không vật nào chẳng được soi trợn vẹn. Vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng lưu giữ. Giữ được tánh thiên chân của ta, chẳng bị chuyển theo vật. Mê tâm đuổi theo cảnh thì gọi là ngu phu. Trái trần hợp giác liền dục vào dòng thánh*”.

Nếu con người biết được điều này, tâm bệnh sẽ lành. Tâm bệnh đã lành, thân bệnh chẳng có cội gốc nữa, dầu cảm xúc lạnh - nóng cũng chẳng bị nguy hiểm. Tâm đã chánh thì thân sẽ chánh theo. Do đã không có tình niệm tham - sân - si, sẽ do đâu mà có những hạnh hèn tẻ giết - trộm - dâm cho được? Ai nấy đều như thế thì dân là đồng bào, loài vật giống như ta, đối đãi bình đẳng, nào còn có chuyện tranh đất, giành thành, tàn sát lẫn nhau nữa ư? Vì thế, những bậc vua quan thông minh duệ trí thời xưa không vị nào chẳng sùng phụng, hộ trì, bởi [Phật pháp] giữ yên đất nước khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy, nên đạt đến thái bình mà chẳng hay chẳng biết, chẳng tỏ lộ dấu vết vậy! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bi ký về chuyện Hương Quang Liên Xã thuộc Hương Sơn Thảo Am ở Ngô Huyện xây dựng Tam Thánh Điện)

* Phải biết một câu A Di Đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh Di Đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông có thể chuyên tu một pháp thì câu gì chẳng được? Há cứ phải khăng khăng trì chú này, niệm kinh này sẽ được công đức này, chẳng đạt được những công đức khác ư? (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu)

3. Khuyên [hành nhân Tịnh Độ] hãy trợn đủ lòng tín nguyện

* Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chi thân người tầm thường kém cỏi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời - người và xuất gia làm Tăng, nghe một

³² Trần điểm kiếp: Kiếp số nhiều như số vi trần.

hiếu ngàn, đắc Đại Tổng Trì, làm thân cao tăng hoàng dương pháp hóa rộng lớn, lợi khắp chúng sanh, cũng xem như cỏ độc, rừng tội, tâm quyết định chẳng sanh một niệm muốn hưởng. Quyết định như thế thì Tín - Nguyên - Hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật; thệ nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 3*)

* Phải biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy! Tiểu thánh hồi tâm hướng Đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín - nguyện để cảm Phật, đâu có tu hết thấy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vắng sanh. Do vậy, tín - nguyện là khẩn yếu nhất.

Ngài Ngẫu Ích nói: “Được vắng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”, đây chính là lời phán định đánh thép đầu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thể thay đổi được. Tin cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 3*)

* Phép Niệm Phật trọng tại tín nguyện. Tín nguyện chân thành, khẩn thiết, dù trong tâm chưa thể thanh tịnh, cũng được vắng sanh. Vì sao vậy? Do trong tâm có Phật để có thể cảm, nên Phật Di Đà bèn ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể trọn không có tướng động, nhưng hề không có gió bạo, sóng cuồn, thì vàng trắng sáng trên không trung sẽ hiện bóng rõ ràng. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Những ai chuyên trọng tự lực, chẳng cậy vào Phật lực là vì không biết đến nghĩa này vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 3*)

* Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước, lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp kéo lôi, cũng như là do được chuyển tội nặng trong địa ngục thành quả báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện

tại, cố nhiên đã dưng vào dòng Thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước, lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dẫu hiện tại gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mê mờ, có mấy ai được như thế? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Phàm tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, mọi thứ công đức từ thiện đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo nhân - thiên trong đời sau. Hễ có tâm ấy (tức tâm cầu phước báo nhân thiên), sẽ chẳng có phần vãng sanh! Hễ sanh tử chưa giải quyết xong, phước càng lớn ắt nghiệp càng nặng. Hễ sanh lần nữa, khó khỏi đọa trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nếu muốn lại được mang thân người, lại được gặp pháp môn Tịnh Độ liễu thoát trong một đời, khó như lên trời vậy!

Phật dạy người ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương là để con người liễu thoát sanh tử ngay trong đời này. Nếu cầu phước báo nhân - thiên đời sau tức là trái nghịch lời Phật dạy, giống như đem một viên bảo châu vô giá trong khắp cõi đời đổi lấy một thẻ đường để ăn, chẳng đáng tiếc ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư trả lời khắp*)

* Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được hưởng phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v...) Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh, thì phước báo thế gian đạt được lại trở thành hèn kém. Do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bà phải hiểu: “Đời sau sẽ được làm người còn khó hơn làm chung vãng sanh!” Vì sao vậy? Những tội nghiệp đã tạo trong suốt một đời người chẳng biết là bao nhiêu! Khoan đừng nói bà có tạo những tội khác hay không, [chỉ riêng] cái tội ăn thịt giết hại sanh vật từ nhỏ đến lớn quả thật đã nhiều khôn xiết kể rồi! Bà phải phát tâm đại từ bi, cầu sanh Tây Phương. Đời sau khi thấy Phật đặc đạo sẽ độ thoát những chúng sanh ấy; cậy vào Phật từ lực để có thể chẳng phải đền trả món nợ ấy! Nếu bà cầu [phước báo] đời sau thì không có đại đạo tâm. Dẫu công phu tu hành tốt đẹp nhưng công đức hữu hạn; bởi đã dùng cái tâm phàm phu nhân ngã (tâm phân biệt ta - người) để tu tập cho nên chẳng có công đức lớn lao!

Huồng chi, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng biết bà đã tạo bao nhiêu tội nghiệp? Nếu túc nghiệp phát hiện, nhất định khó trốn khỏi tam đồ, ác đạo. Mong lại được làm người sẽ thiên nan, vạn nan! Do vậy, nói: “*Cầu sanh Tây Phương còn dễ hơn cầu đời sau lại được làm người!*” Do cậy vào Phật lực gia bị, nên ác nghiệp đời trước dễ tiêu. Dầu chưa thể tiêu hết, nhưng cậy vào Phật lực nên chẳng đến nỗi phải trả báo. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời mẹ cư sĩ Trí Chánh)

* Cần biết rằng: Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức lực chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy nếu không có cái tâm chí thành tín nguyện niệm Phật sẽ không có cách gì hiển hiện được. Có lòng chí thành cầu sanh Tây Phương thì ba thứ thần lực oai đức lớn lao chẳng thể nghĩ bàn ấy sẽ liền được hiển hiện. Như ngồi trên chiếc tàu thủy lớn lại được xuôi gió, chẳng lia ý niệm trong hiện tại đây mà liền sanh về Tây Phương. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ khai thị cho cư sĩ Phùng Hữu Thư lúc lâm chung)

* Những câu “*nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp*” (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội Ngũ Nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp “siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, và niệm Phật vãng sanh” do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dầu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được!

Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán Kinh nói về những kẻ lúc sắp lâm chung, tướng địa ngục A Tỳ hiện, tuy [Quán kinh] chẳng nói [kẻ ấy] phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp! Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán Kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp

kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, [thoạt nghe qua] cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp, sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy, biết rằng: Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm!

Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã “*toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm*”, cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh! Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán Kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không [nhiếp thọ] sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc³³ vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Thiện Giác*)

* Họ³⁴ ở trong hoa [sen] mười hai đại kiếp là vì lúc sống tội nghiệp nặng nề, thiện căn nông cạn, vì thế hoa sen chậm nở nhất; nhưng sự sung sướng của những người ấy ở trong hoa còn hơn sự vui trong Tam Thiên Thiên! (Sự vui trong thế gian thì Tam Thiên thật là bậc nhất), nào có thiếu sót, tiếc nuôi chi đâu? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Hằng Tâm*)

* Ấy là vì Phật xem chúng sanh hết như con một: Với đứa hiền ngoan tất nhiên thương yêu, nhưng với đứa ngỗ nghịch, lại càng thương xót gấp bội. Nếu con hồi tâm hướng về cha mẹ, cha mẹ ắt rủ lòng Từ nhiếp thọ. Hơn nữa, tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do vì mê trái nên khởi Hoặc tạo nghiệp, ngăn lấp bản tâm chẳng thể hiện bày trọn vẹn. Nếu có thể nhất niệm hồi quang thì khác nào mây tan trăng hiện, tánh vốn chẳng mất, trắng vốn sẵn có. Vì vậy, tình trần bao kiếp đoạn ngay trong một niệm. Ví như nhà tôi ngàn năm, một ngọn đèn

³³ Nguyên văn “*tạc tử mảo tử hán*”, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào đại dột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi!

³⁴ Chỉ người Hạ Phẩm Hạ Sanh.

[chiếu vào] bèn sáng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về duyên khởi chuyên tu Tịnh nghiệp của thảo am Đại Giác Nham Tây Lâm tại Nam Ngũ Đài Sơn, tỉnh Thiểm Tây*)

III. Thị tu trì phương pháp (dạy phương pháp tu trì)

1. Dạy phương pháp niệm Phật

* Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Dùng Tín - Nguyện để dẫn đường, Niệm Phật là Chánh Hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng thiếu Tín - Nguyện, chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện nhưng không có Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không khuyết, quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do Tín - Nguyện có hay không; phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến Chánh Hạnh Niệm Phật thì ai nấy tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm - miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết, thì niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lỏa lồ, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch, chỉ nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Công đức niệm thầm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy, không được niệm Phật! Phải biết: Trong những nơi, những lúc ấy, không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết!

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A Di Đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*” Niệm kệ xong, niệm Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng, hãy nên vừa đi nhiều vừa niệm (Cần phải đi nhiều từ Đông qua Nam, rồi qua Tây, qua Bắc, đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng sẽ có công đức. Tây Vực coi trọng đi nhiều nhất. Nơi đây cũng dùng cách này kết hợp với lễ bái. Xin đọc thư gởi cho cư sĩ Mã Khế Tây trong bộ Án Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Nếu không tiện nhiều thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải

Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lần. Rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ văn thì phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu chẳng y theo văn nghĩa để phát sẽ trở thành uổng công đọc văn xuôi, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa buổi sáng; buổi tối cũng giống như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ, ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ Tát chín lần, bèn lễ chín lạy. Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo, qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, hãy nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lạy ba lạy, đứng ngay gần chấp tay, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ “*nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...*” Niệm xong lễ Phật ba lạy, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán loạn. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ. Nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh! Số câu niệm tuy ít, nhưng công đức khá sâu. Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

* Bề quan chuyên tu Tịnh nghiệp thì hãy nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Khóa sáng vẫn chiếu theo lệ thường tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú. Nếu không thuộc chú Lăng Nghiêm thì chẳng

ngại gì hằng ngày cứ xem kinh mà tụng. Đến khi thật thuộc rồi hãy niệm thuộc lòng. Khóa tối thì kinh A Di Đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn cũng phải thường niệm hằng ngày. Ngoài ra, nên niệm Phật từ sáng đến tối, đi - đứng - nằm - ngồi thường niệm.

Lại lập một quy củ, sáng niệm một lần; trước khi chưa niệm, lạy bao nhiêu đó lạy. Trước hết lạy Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ba lạy, rồi lạy A Di Đà Phật bao nhiêu đó lạy, rồi lễ Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi vị ba lạy, rồi lễ thường trụ thập phương hết thầy chư Phật, hết thầy tôn pháp, hết thầy hiền thánh tăng ba lạy. Hoặc niệm Phật một ngàn tiếng, hoặc nhiều hơn hay ít hơn. Niệm xong lại lễ chùng đó lạy, buổi sáng một lần, buổi chiều một lần, rồi nghỉ một khắc để tụng khóa tối. Đầu hôm niệm Mông Sơn, sau đó niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, lễ bao nhiêu đó lạy, phát nguyện hồi hướng, tam quy y xong, trong tâm thâm niệm Phật hiệu để dưỡng hơi. Lúc nằm, chỉ nên niệm thầm trong tâm, đừng nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng sẽ tổn khí, lâu ngày sẽ thành bệnh.

Dẫu là ngủ nghỉ, trong tâm vẫn thường giữ lòng cung kính, chỉ cầu tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, niệm niệm tương ứng với Phật hiệu. Nếu tâm khởi lên tạp niệm, liền lập tức nhiếp tâm kiên thành niệm, tạp niệm sẽ tiêu diệt ngay.

Đừng nên mù quáng dấy lên vọng tưởng, mong đắc thần thông, đắc duyên pháp, được tiếng tăm, mong xây chùa dựng miếu. Nếu có những thứ ý niệm ấy, lâu ngày chầy tháng ắt sẽ bị ma dựa... Dẫu cho tâm đã tịnh, vọng bị khuất phục, cũng chớ nên sanh lòng hoan hỷ, tự khoe khoang với người khác, có một phần bèn nói tới mười phần, đấy cũng là cái gốc để bị ma dựa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tâm*)

* Lúc niệm Phật cần phải thâm nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp Lắng Nghe đúng là pháp quan trọng trong [pháp môn] Niệm Phật; bất luận là ai [áp dụng pháp này] đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v... người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân - 2*)

* Ông chưa biết tông chỉ Tịnh Độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gửi Khắp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Đừng dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất*”. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng, rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng, rành rẽ. Ý, thiệt, nhĩ, ba căn mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trể, biếng nhác, đó gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp [sáu căn để niệm] thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là “tịnh niệm”.

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam Ma Địa cũng là tên gọi khác của Tam Muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là Chánh Định, hay còn dịch là Chánh Thọ. Chánh Định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh Thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thâu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thấy cảnh duyên đều chẳng thể được! (Thêm nữa, Chánh Định có nghĩa là Tịch lãn Chiếu cùng viên dung, Chánh Thọ có nghĩa là khuất phục được vọng, Chân hiển hiện. Xin coi trong thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - thư thứ năm, trong bộ Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, làm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu Quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người niệm Phật!

Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thấy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh. Hãy nên biết: “*Nhiếp trọn*” chú trọng tại Nghe. Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ, rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu, từng chữ rõ ràng, thì sáu căn đều quy về một (Hễ nhĩ căn được nhiếp thì các căn không cách nào rong ruổi theo

bên ngoài, có thể đạt đến nhất tâm bất loạn. Xin hãy đọc lá thư gởi cho nữ sĩ Từ Phước Hiền trong bộ Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). So với tu những pháp Quán khác [thì pháp Niệm Phật] ôn hòa, thích đáng nhất, ít tốn sức nhất, khế lý, khế cơ nhất. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Vỹ Chương)

* Người niệm Phật hãy nên cung kính, chí thành, từng câu từng chữ trong tâm niệm cho rõ ràng, rành mạch, miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch. Nếu làm được như thế, dầu chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Có lắm kẻ chỉ mong lẹ, mong nhiều, thuận miệng niệm ào ào, cho nên không có hiệu quả! Nếu có thể nhiếp tâm thì mới gọi là người niệm Phật thật sự.

Đại Thế Chí Bồ Tát đã ví dụ “như con nhớ mẹ”, trong tâm con chỉ nghĩ đến mẹ, những cảnh khác đều chẳng phải là chuyện trong tâm chính mình. Vì thế có thể cảm ứng đạo giao. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hựu Chân và cư sĩ Giác Tam)

* Tu tập Tịnh Độ hãy tùy phần tùy sức, há cứ phải bỏ sạch muôn duyên thì mới tu trì được ư? Ví như đứa con hiếu nghĩ đến mẹ hiền, gã dâm mơ tưởng gái đẹp, tuy hằng ngày bận bịu trăm bề, một niệm ấy không có lúc nào quên bằng. Người tu Tịnh Độ cũng phải giống như thế, mặc cho hằng ngày công việc bận bịu tới bởi, quyết chẳng để tâm quên lãng niệm Phật thì sẽ đạt được yếu quyết. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Truyền)

* Niệm ra tiếng thì có thể niệm sáu chữ, chứ niệm thầm trong tâm thì nhiều chữ quá sẽ khó niệm, hãy nên niệm bốn chữ... Từ sáng đến tối, ngủ thì để mặc đó, thức dậy lại niệm tiếp. Lấy niệm Phật làm bốn mạng nguyên thần của chính mình quyết chẳng buông bỏ lúc chút thời gian nào, ngõ hầu siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vãng sanh Tây Phương. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Thang Huệ Chấn)

* Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cô quái, hiểm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành, [sẽ cảm thấy] những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm (Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do

chúng chẳng hiện rõ mà thôi). Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật (hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm), ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng, phân minh, miệng niệm rõ ràng, phân minh, tai nghe rõ ràng, phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thấy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dậy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút [ý niệm] thông thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đây gọi là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”.

Ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí huệ mở mang. Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác. Đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng, một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dậy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dầu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thấy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị - 1*)

* Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm, sẽ tự có thể quy nhất. Không pháp nhiếp tâm nào chẳng trước

hết phải chí thành khẩn thiết. Tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì chẳng có cách nào cả! Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (niệm thầm đầu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm), tâm - miệng niệm cho rõ ràng, rành mạch, tai nghe cho rõ ràng, rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp Thập Niệm Ký Số (nhớ số bằng mười niệm), tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng Phật hiệu, đầu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rất ráo này xưa kia các vị hoằng truyền Tịnh Độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người [thuở ấy] còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được! Án Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này. Càng thử càng thấy hay, chẳng phải là nói mò đâu nhé! Nguyên khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng khiến cho “vạn người tu, vạn người về”.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười.

Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự đạt được.

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp Thập Niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều - ít. Cách này lấy một câu Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng. Nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu, niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ

một đến mười, dầu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế. Chẳng những trừ vọng, lại còn dưỡng thần tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối, không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn, tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số như cũ. Dầu ý niệm loang loáng đến đi, cũng vẫn quần quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất*”. Kể lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp Thập Niệm Ký Số này, muốn nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường kính tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rút ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm! Lần chuỗi niệm Phật chỉ nên làm trong hai lúc đi và đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần [mà lần chuỗi] thì do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này đi, đứng, nằm, ngồi, không gì chẳng thích hợp! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là phương cách dễ dàng, nhưng pháp nhiếp tâm chỉ có xoay cái Nghe trở lại quả thật là bậc nhất! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thư trả lời cư sĩ Lưu Chiêm Minh (Quán Thiện)*)

* Phàm những ai tu Tịnh nghiệp thì điều thứ nhất là phải giữ tịnh giới nghiêm ngặt; điều thứ hai là phải phát Bồ Đề tâm; điều thứ ba là phải đầy đủ lòng tín nguyện chân thật. Giới là cơ sở, nền tảng của mọi pháp, Bồ Đề tâm là chủ soái của tu đạo, tín nguyện nhằm dẫn đường cho việc vãng sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Tịnh Độ Chỉ Yếu*)

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản. Do bởi thật nghĩa “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật, nhân trùm biến quả, quả thấu nguồn nhân*”, [cho nên] dùng

“*niếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” làm công phu thực hiện tối thiết yếu.

Dùng điều ấy để hành, lại còn Tứ Hoàng Thệ Nguyễn thường chẳng rời tâm thì tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo. Lúc đang còn sống sẽ dự vào bậc thánh, lâm chung lên thẳng Thượng Phẩm, ngõ hầu chẳng phụ cuộc sống này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao*)

* [Niệm Phật theo lối] Truy Đánh³⁵ dễ bị bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hay thâm niệm, đều tùy theo tinh thần của chính mình mà điều chỉnh để dùng. Há nên chấp chết cứng một pháp đến nỗi bị bệnh ư? Tùy Tức³⁶ chẳng bằng Tịnh Thính (lặng lẽ lắng nghe), bởi lẽ Tùy Tức không khéo thì cũng bị bệnh, còn Tịnh Thính thì chẳng bị bệnh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của Huyền Tu Học Nhân*)

* Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm. Nếu không khéo dụng tâm rất có thể gặp cảnh ma! Chỉ buông hờ mí mắt (tức là giống như mắt các tượng Phật vậy) thì tâm sẽ lặng xuống, chẳng sôi động, cũng chẳng bị hỏa bốc lên đầu. Nếu ông niệm Phật mà trên đầu [dường như] có vật gì rờ đụng, hoặc lôi kéo v.v... là vì suy tưởng trong lúc niệm Phật khiến cho sóng tâm thức dâng trào đến nỗi tâm hỏa bốc lên.

Nếu buông rỏ mí mắt và hướng tâm suy tưởng xuống phía dưới thì tâm hỏa chẳng bốc lên, bệnh ấy sẽ mất đi. Chớ nên lầm tưởng [hiện tượng] ấy là công phu [đã đạt đến mức], cũng đừng sợ đấy là ma cảnh, chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm, và tướng bản thân đang ngồi hoặc đứng trên hoa sen, nhất tâm tưởng ta đang ngồi hay đứng trên hoa sen thì hiện tượng ấy sẽ tự nhanh chóng biến mất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trầm Di Sanh*)

* Người học Phật nhất cử nhất động đều phải lưu tâm. Đối với việc niệm Phật phải chí thành. Nếu khi nào trong tâm khởi lên đau buồn, đấy cũng chính là tướng thiện căn phát hiện, chớ nên để thường xảy ra như

³⁵ Truy Đánh là niệm Phật liên tiếp, câu sau gởi lên câu trước không xen hờ chút nào.

³⁶ Tùy Tức là cứ thở ra một hơi (hay hít vào một hơi) bèn niệm Phật một câu.

thể. Nếu không, sẽ bị ma bị thương dựa vào. Phàm có chuyện gì thích ý, chớ nên hoan hỷ quá mức. Nếu không, ắt bị ma hoan hỷ dựa.

Lúc niệm Phật, mí mắt nên rủ xuống, chớ nên căng thẳng tinh thần quá mức đến nỗi tâm hỏa bốc lên, rất có thể bị những chứng bệnh ngứa đầu, đau đầu v.v... cần phải điều hòa cho thích đáng. Hễ niệm lớn tiếng thì chớ nên cố sức quá mức để khỏi bị bệnh. Lần chuỗi niệm có thể ngứa được sự lười nhác, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, hễ lần chuỗi thì do ngón tay động nên tâm chẳng định được, lâu ngày ắt thành bệnh. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư nhắc nhở những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi)

* “Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ”, cổ đức giải thích: “Niệm lớn tiếng thì thấy được thân đức Phật lớn; niệm nhỏ tiếng thì thấy được thân đức Phật nhỏ”, cũng có thể giải thích là: “Niệm với cái tâm lớn thì thấy được thân đức Phật lớn; dùng đại Bồ Đề tâm niệm Phật thì sẽ thấy được Ứng Thân thắng diệu của Phật, hoặc Báo Thân” (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Niệm Tây)

* Đạo cảm ứng giống như gõ chuông. Gõ mạnh thì chuông kêu to, gõ nhẹ thì chuông kêu nhỏ. Trong đời thường có những kẻ do tiểu cảm mà được đại ứng chính là vì công đức tu trì trong đời trước cảm nên. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa tái bản Dược Sư Như Lai Bốn Nguyện Công Đức Kinh)

* Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc. Nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết căn kẽ nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là “tự lợi, lợi tha”, không chỉ tốt lành bằng! Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc A Già Đà³⁷ đã được [đức Phật] thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thầy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật)

³⁷ A Già Đà (Agada), còn phiên là A Yết Đà hoặc A Kiết Đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

* Pháp Niệm Phật há nên chấp chặt vào lẽ lối nhất định, cố nhân lập ra phương pháp giống như tiệm thuốc có đủ các loại thuốc. Cách dùng của chúng ta là phải phù hợp với tình thân, khí lực và thiện căn xưa kia của chính mình. Niệm Phật lớn tiếng hoặc nhỏ tiếng, hoặc [niệm] Kim Cang, hoặc niệm thầm, không cách nào chẳng được. Hễ hôn trầm, chẳng ngại gì niệm lớn tiếng để đẩy lùi cơn hôn trầm tán loạn thì cũng được. Nếu thường niệm lớn tiếng, ắt sẽ đến nỗi bị bệnh. Đừng nói người thông thường chớ nên thường [niệm] như vậy, dầu là người hết sức khỏe mạnh cũng chớ nên thường như thế. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời Niệm Tây đại sư*)

* Pháp môn Tịnh Độ trọn chẳng có chuyện “miệng truyền, tâm trao”, tùy ý để người khác tự hành lãnh hội từ nơi kinh giáo, trước thuật, không có gì là không được cả!... Vào thời Đường - Tống vẫn còn có pháp truyền tâm ấn của Phật, chứ nay chỉ còn dòng phái các đời [truyền thừa danh nghĩa] mà thôi, gọi là “pháp” cũng đáng tội nghiệp quá! Tịnh tông trọn chẳng có chuyện ấy. Đến núi vẫn chẳng hữu ích bằng đọc sách! Cô nhân nói: “*Gặp mặt chẳng bằng nghe tên*”. Dầu có đến đây thì những gì tôi sẽ nói với tọa hạ vẫn là những lời lẽ trong Văn Sao, há có bí pháp đặc biệt sâu mâu nào đâu?

Mười mấy năm trước, cuối lá thư gửi cho ông Ngô Bích Hoa, tôi đã viết: “*Có một bí quyết, tha thiết bảo ban: Cạn lòng thành, tận lòng kính, màu nhiệm vô cùng!*”... Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là cương yếu của Tịnh Độ. “*Nhiếp trọn sáu căn*” là bí quyết niệm Phật. Biết được hai điều này rồi thì chẳng cần phải hỏi ai nữa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Minh Tánh*)

* Hương thơm công đức phước huệ, ánh sáng từ bi nhiếp thọ của Như Lai theo chiều dọc suốt cả ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương đều xông chiếu trọn khắp. Phàm phu đầy đầy triền phước trọn chẳng nghe thấy, như kẻ mắt mù mũi điếc giữa trưa đi ngang rừng Chiên Đàn, trọn chẳng ngửi được mùi hương Chiên Đàn, chẳng thấy được ánh sáng mặt trời.

Nếu sanh lòng chánh tín, thường niệm Phật hiệu, do được vạn đức hồng danh của Như Lai ngậm hun đúc, gia bị, nên nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, sẽ tự có thể tùy theo khả năng của chính mình mà đắc tam-muội nên thấy nghe đôi chút [hương công đức, ánh sáng từ

bi của Phật], hoặc chúng Vô Sanh Nhân nên thấy nghe lớn lao, cho tới dùng sự trang nghiêm của Phật để tự trang nghiêm.

Thầy Giám Viện là đại sư Diệu Chân mong những ai đến đây đều cùng được nhiễm mùi hương của Phật, cùng được hưởng quang minh của Phật, cây tôi đề bốn chữ này và viết lời bạt để thừa với bậc thông sáng mai sau! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho tám biển ngạch Hương Quang Trang Nghiêm của Linh Nham Sơn Tự*)

* Nếu xây lầu gác trên không, bịa nói cảnh giới thù thắng, chính là phạm vào giới đại vọng ngữ; chưa đắc bèn nói là đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, tội ấy còn gấp trăm ngàn vạn ức lần tội giết, trộm, dâm! Nếu người ấy chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không hít vào được nữa liền đọa địa ngục A Tỳ, bởi kẻ ấy hoại loạn Phật pháp, gây lầm lạc, nghi ngờ cho chúng sanh. Ông phải rất thận trọng; thấy cảnh chỉ có một phân chẳng được nói lên một phân mốt, cũng chẳng được nói chín ly chín. Nói quá lên cũng là tội lỗi, mà nói giảm cũng là tội lỗi. Vì sao vậy? Do hàng tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhân, chỉ có thể dựa vào lời nói để phán định. Đem cảnh giới ấy thừa cùng tri thức để chứng minh tà - chánh, đúng - sai thì không có lỗi gì. Nếu chẳng vì để chứng minh, chỉ muốn tự khoe khoang, cũng sẽ có lỗi. Nếu hướng về hết thấy những người khác nói ra thì sẽ mắc lỗi! Ngoại trừ chuyện cầu tri thức chứng minh ra, đều không được nói. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn không thể đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Cái ải lớn nhất của người tu hành này trong giáo thuyết tông Thiên Thai đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ gần đây những người tu hành phần nhiều bị ma dựa, đều là do tâm tháo động, vọng niệm, mong cầu cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dầu cho cảnh ấy là cảnh thù thắng, vừa sanh tâm tham chấp, hoan hỷ v.v... bèn bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống chi cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, không mang tâm bộp chộp, vọng động, tâm không tham đắm, dù thấy các cảnh giới cũng hết như không thấy. Đã không sanh tâm hoan hỷ, tham đắm, lại chẳng sanh tâm sợ hãi, kinh nghi, thì đừng nói là người ấy sẽ được lợi ích khi cảnh thù thắng hiện, dầu là cảnh ma hiện cũng vẫn được lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng bị ma chuyễn nên có thể tiến lên....

Nên biết: Người học đạo phải biết chuyện lớn; nếu không, được điều ích nhỏ nhất ắt sẽ bị tổn hại lớn lao. Đừng kể chi loại cảnh giới này, dầu thật sự đắc Ngũ Thông vẫn còn phải gác bỏ ra ngoài thì mới đạt được Lưu Tận Thông. Hễ tham đắm sẽ khó thể tiến lên, rất có thể bị lui sụt, chẳng thể không biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Huệ Chiêu*)

* Người niệm Phật hãy nên giữ tâm lòng “được vãng sanh ngay trong đời này”. Nếu báo thân chưa mãn thì cũng chỉ tùy duyên. Nếu định kỳ hạn mong muốn vãng sanh mà công phu đã thành thực, cố nhiên chẳng trở ngại gì. Nếu không, chỉ riêng cái tâm mong cầu ấy đã là cái gốc để thành ma rồi! Nếu vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng tháo gỡ được, sẽ nguy hiểm chẳng thể nào nói nổi!

“Cho đến hết tuổi thọ, gieo tâm lòng Thành” chính là đạo chúng ta nên tuân giữ. “*Diệt thọ thủ chứng*” (Diệt trừ thọ mạng để mong chứng đắc) quả thật là lời lẽ bị Giới kinh quở trách sâu xa (Bài kệ cuối kinh Phạm Võng có đoạn: “*Kể ngã chấp trước giả, bất năng sanh thị pháp, diệt thọ thủ chứng giả, diệt phi hạ chủng xứ*” (kể chấp trước nơi Ngã, chẳng sanh được pháp này; diệt thọ mong chứng đắc, cũng không gieo giống được)³⁸. Chỉ nên trọn hết lòng kính, lòng thành để cầu mau được vãng sanh; chớ nên mong muốn được vãng sanh đúng như kỳ hạn [theo như ý ta] đã định.

³⁸ Chúng tôi dịch từ ngữ này theo cách giải thích của pháp sư Diễn Bồi trong Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bốn Giảng Ký (do hòa thượng Trí Minh dịch), phần dịch nghĩa bốn câu kệ kinh Phạm Võng được dẫn theo Nghi Thức Tụng Giới Bồ Tát của hòa thượng Trí Tịnh. Theo Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bốn Giảng Ký (bản dịch của hòa thượng Trí Minh), pháp sư Diễn Bồi đã giảng: “Còn người ‘*diệt thọ thủ chứng*’ (người trầm không trệ tịch) chỉ cho hàng Nhị Thừa chấp Không, thuộc về loại mầm cây héo, hột giống hư, nên ‘cũng không gieo giống được’. Người diệt thọ thủ chứng ý nghĩa như thế nào? Chính là chỉ các bậc thánh nhân trong Nhị Thừa, các ngài diệt trừ thọ mạng hiện tại để thủ chứng cảnh tịch diệt Niết Bàn, nên gọi là “*diệt thọ thủ chứng*”. Thông thường trong các kinh gọi là “*khô thân diệt trí*” vậy. Vì các thánh giả Tiểu Thừa thủ chứng lý Thiên Không nên không phải là chỗ gieo giống Bồ Đề. Giới pháp bốn nguyên tâm địa vốn là chúng sanh và Phật đều bình đẳng, nên đừng lý ra, dù là phàm phu hay Nhị Thừa đều có thể tin thọ gieo giống. Ở đây, nói phàm phu và Nhị Thừa đều là vô phân vì không phải là không thể bầm thọ hay giới phẩm không thể thấm nhuần trên thân, mà là do các vị ấy không khéo nghĩ lường mà thôi”.

Người học đạo tâm chó nên thiên chấp. Hễ thiên chấp sẽ đến nỗi mất trí điên cuồng; chẳng những vô ích mà còn bị hại! Nếu tịnh nghiệp chín muối, vãng sanh ngay bữa nay càng tốt. Nếu chưa chín muối mà cứ muốn được vãng sanh ngay, sẽ trở thành “nhỏ mọn để giúp cho nó mau lớn!” Thật sợ rằng hễ ma sự dậy lên, chẳng những chính mình không thể vãng sanh được, mà còn khiến cho kẻ vô tri đều lui sụt tín tâm, bảo là: “Niệm Phật tổn hại vô ích!” Như ông X... nọ là tấm gương tày đình, mỗi hại ấy quả thật chẳng nông cạn vậy!

Xin hãy đem cái tâm quyết định [mong được vãng sanh] đúng kỳ hạn ấy đổi thành cái tâm “chỉ mong mau được vãng sanh”. Dầu không được vãng sanh [mau chóng], cũng chẳng áy náy gì, chỉ chí thành chí kính để mong khi hết báo thân sẽ được vãng sanh thì không bị vọng niệm bộp chộp vón cục lại [trong tâm] đến nỗi mắc họa chuốc lấy ma sự! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật - bài này được đăng tải trên Đại Vân Nguyệt San*)

* Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu*)

* Niệm Phật chó nên bỏ hồi hướng. Hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện được vãng sanh chính là “thường thời hồi hướng” (luôn luôn hồi hướng). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4*)

* Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái... đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh Độ, như gom các hạt vi trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tận được! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, hồi hướng tất cả công đức tu trì cho khắp pháp giới chúng sanh, bốn ân, ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mưa gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thảy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng cho chính mình. Nếu

không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa; đầu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Hồi hướng phát nguyện tâm nghĩa là đem công đức niệm Phật của chính mình hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới đều cùng được vãng sanh Tây Phương. Nếu có tâm ấy, công đức sẽ vô lượng. Nếu chỉ vì một người mà niệm thì do tâm lượng nhỏ hẹp, công đức cũng nhỏ hẹp! Ví như [thắp] một ngọn đèn thì chỉ có ánh sáng của một ngọn đèn. Nếu chịu xoay vần thắp cho những ngọn đèn khác thì ánh sáng của trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số ngọn đèn sẽ chẳng thể nào thí dụ được; thế nhưng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cố nhiên chẳng bị hao tổn gì! Người đời chẳng biết nghĩa này, nên chỉ biết tự tư tự lợi, chẳng muốn cho người khác hưởng lợi ích ấy. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Chương Đạo Sanh - 1*)

* Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu – nếu để mặc [không hồi hướng], thì nhờ vào những công đức ấy, sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người – nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời - người mà thôi!

Dùng một chữ Hồi nhằm thể hiện ý “quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian”. Dùng một chữ Hướng nhằm thể hiện ý “quyết định mong mỗi phương cách xuất thế”. Đó gọi là “*hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha*”. Công đức đã làm là cái nhân [kết thành quả báo trong cõi] trời - người, xoay [cái nhân ấy lại] để hướng về quả Niết Bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh - diệt; xoay nó lại để hướng đến diệu lý Thật Tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đây chính là danh từ [nhằm thể hiện ý nghĩa] phát nguyện lập thệ, quyết định hướng đến. [Hồi hướng] có ba nghĩa:

1) Hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa “*hồi sự hướng lý*”.

2) Hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa “*hồi nhân hướng quả*”.

3) Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây chính là nghĩa “*hồi tự hướng tha*”.

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh Độ là pháp tối mầu nhiệm duy nhất không hai! Bởi lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, thường khó thể thành tựu những đại nguyện khác! Nếu sanh về Tịnh Độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thủy công đức, dầu có mong mỏi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh Độ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng*)

* Phát nguyện nên thực hiện trong sớm tối lúc niệm Phật xong (pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tân Định Tịnh Độ Văn (tức bài ‘Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc...’ chép trong Thiền Môn Nhật Tụng. Người biên tập kính cẩn ghi chú) của Liên Trì đại sư [để hồi hướng]. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều châu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện bằng cách đọc bài văn phát nguyện thì phải nương theo văn để phát nguyện, chứ không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư dự định trả lời vị cư sĩ X...*)

2. Khuyên niệm kèm thêm danh hiệu Quán Âm

* Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường Tịch Quang lại tùy tích³⁹ trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và thân trong sáu đường trời người lục đạo. Tuy thường hầu Di Đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là “chỉ tạo lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính”. Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy để thuyết pháp.

³⁹ Tùy tích: Thị hiện dưới một thân phận nào đó.

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gởi tâm lòng Thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác! Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông đều hiện bóng, dầu nước nhỏ như một chước⁴⁰, một giọt, thấy đều hiện trọn vẹn bóng trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, bóng trăng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát thì liền ngay trong lúc niệm ấy Bồ Tát bèn khiến cho [người niệm danh hiệu Ngài] được lợi ích hiển hiện hoặc thâm kín. Nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem bài tựa Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí trong Ấn Quang Văn Sao sẽ tự biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ Tát do quán tánh Nghe liền chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xung danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát lớn lao không ngần, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử, thành Chánh Giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời Ly Ấn Tâu*)

* Quán Âm đại sĩ trong vô lượng kiếp, thành Phật đã lâu. Vì độ chúng sanh chẳng lìa Tịch Quang, hiện thân Bồ Tát. Lại còn ứng khắp quần cơ, hiện hình trong lục đạo. Dùng ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy, bốn vô tác diệu lực chẳng thể nghĩ bàn, tầm thanh cứu khổ, độ thoát quần manh. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để

⁴⁰ Chước (勺): Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: “Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng...” Nếu hiểu Thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một Chước bằng một centilittre. Nhưng Thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một Chước là bao nhiêu.

thuyết pháp. Khác nào trăng in bóng trên ngàn con sông, mùa Xuân tăng trưởng muôn cây cỏ. Tuy trọn chẳng tính nghĩ, nhưng chẳng sai sót mảy may!

Ấy là vì triệt chứng duy tâm, tỏ trọn tự tánh. Vận lòng Bi đồng thể, khởi lòng Từ vô duyên, lấy niệm của chúng sanh làm tâm, lấy hết cảnh trong pháp giới làm lượng. Do vậy biết: Vô tận pháp giới vô lượng chúng sanh đều ở trong tâm tịch chiếu của Bồ Tát. Cho nên được mây bủa cửa Từ, sóng trào biển Bi, hễ cảm liền ứng, không nguyện nào chẳng thỏa! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Quán Âm Bồ Tát ứng tích tại chùa Viên Quang, Nam Ngũ Đài Sơn*)

* Phải biết: Bồ Tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ Tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh; vì thế, hễ cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ Tát tương thông khít khao... Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng.

Lại nữa, Bồ Tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình. Ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Dù mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn*)

* Tâm chúng ta và tâm Bồ Tát cùng một thể tánh. Chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham - sân - si ấy chính là tâm viên chứng Giới - Định - Huệ của Bồ Tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ Tát hiện thân thông nói diệu pháp đâu? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 2*)

* Niệm danh hiệu Quán Âm lớn tiếng thì có cảm ứng lớn, niệm nhỏ tiếng thì có cảm ứng nhỏ, chứ trọn chẳng có lẽ nào không ứng! Quan trọng là can đảm nói với mọi người, những kẻ chẳng thấy cảm ứng thì cũng chẳng phải là không hề có cảm ứng! (Cảm ứng xét về mặt hình tích, có cảm lẫn ứng đều rõ ràng, cảm ngấm lẫn ứng đều ngấm ngấm, cảm ngấm ngấm nhưng ứng rõ ràng, cảm rõ ràng nhưng ứng ngấm ngấm. Xin xem bài lời tựa cho bản Thạch

Ấn Phổ Đà Sơn Chí trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên)
(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Tích Đình - 2)

* Ấy là vì tâm Bồ Tát giống như hư không, không đâu chẳng trọn khắp. Chỉ do chúng sanh đang mê, chẳng sanh tin tưởng, ví như hư không bị vật ngăn chướng nên biến thành cách trở, ngăn ngại, nếu xoi một lỗ nhỏ thì sẽ được một khoảng trống vừa bằng cái lỗ nhỏ. Nếu xoi một cái lỗ to sẽ được khoảng trống bằng cái lỗ to. Nếu bỏ được hoàn toàn vật chướng ngại thì sẽ xen lẫn khít khao cùng hư không bao hàm khắp muôn hình tượng. Do vậy, chúng sanh tiểu cảm sẽ được tiêu ứng, đại cảm bèn được đại ứng. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại mộc bản sách Quán Thế Âm Bồ Tát Bốn Tích Cảm Ứng Tụng)

* Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng thể nhẫn chịu được, thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tối ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Âm hiện thân trong sát-na, tâm thanh cứu khổ. Người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi chẳng thuận theo lòng cảm để ứng, Bồ Tát liền rủ lòng Từ che chở, khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 1)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Trong hội Hoa Nghiêm, Đại Sĩ bảo Thiện Tài: “Ta trụ trong hạnh môn Đại Bi này, hiện trước khắp hết thấy chúng sanh”. Như vậy thì một câu nói, một hành động của chúng ta có lúc nào, có chỗ nào chẳng nằm trong thân từ bi của Đại Sĩ? Chỉ vì đã hôn mê nhiều kiếp như kẻ mù từ lúc mới lọt lòng, hằng người được ánh mặt trời chiếu soi nhưng không nhận biết. Chợt gặp phải cảnh nguy nan, hết thấy trần lao vọng tưởng nhanh chóng bị đè nén, không dấy lên, một niệm mong cầu Bồ Tát cứu vớt sẽ như lửa mạnh bốc cháy, như lặn ngụp trong dòng nước xiết, bất ngờ sẽ lập tức tương ứng với thân Đại Sĩ, thần lực vôi vọi sẽ liền trọn đủ, thọ dụng vô tận. Những điều trên đây là sự linh cảm của Đại Sĩ đã được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh đã xiển dương, hình dung tột cùng khéo léo sau phẩm Phổ Môn [trong bộ Quán Âm Bốn Tích Cảm Ứng Tụng], nên tôi đặc biệt trích lấy những chỗ thiết yếu chép vào đây nhằm tăng lòng tin tưởng [cho người đọc])

* Khi chiến cuộc xảy ra ở đất Hồ (Thượng Hải), những nhà cửa ở vùng Áp Bắc phần nhiều cháy tan ra tro, chỉ còn khu nhà của một đệ tử quy y với tôi là ông Hạ Hình Bồi chưa bị mắc họa. Ấy là vì trong lúc chiến sự dữ dội, cả nhà ông ta cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Điều kỳ lạ nhất là bảy ngày sau khi cuộc chiến nổ ra, cả nhà bọn họ mới được Thập Cửu Lộ Quân⁴¹ cứu ra; đến lúc đình chiến trở về nhà, mọi vật trong nhà chẳng bị mất thứ gì. Nếu Bồ Tát chẳng gia hộ, che chở thì làm sao mà được như vậy? Đó là do ông ta làm việc cho một tòa soạn nhật báo đã mấy mươi năm, vợ chồng đều ăn chay, niệm Phật rất chí thành. Do vậy biết: Quán Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, nếu gặp tai nạn, một phen xưng niệm thánh hiệu, chắc chắn được cứu vớt, che chở.

Nếu nói: “Người đời ngàn vạn, tai nạn phát sanh dồn dập, Quán Âm Bồ Tát chỉ có một mình, làm sao có thể cùng lúc đến cứu vớt, che chở từng người được? Dù có cứu giúp, che chở, cũng mệt nhọc khôn xiết!” Thật chẳng biết trợn không phải là Quán Âm Bồ Tát đến từng chỗ cứu giúp, mà chính là Quán Âm trong tâm chúng sanh cứu giúp đó thôi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Hộ Quốc Tức Tai Pháp Ngữ*)

* Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm. Nếu là người tu Tịnh nghiệp, ngoài những lúc niệm Phật, hãy nên chuyên niệm [thánh hiệu Quán Thế Âm]. Đối với kẻ chưa phát tâm, hãy dạy họ chuyên niệm do vì họ dốc chí mong được Đại Sĩ che chở, gia hộ ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Từ – 15*)

⁴¹ Thập Cửu Lộ Quân là một cánh quân của quân đội Trung Hoa Dân Quốc, tương đương với cấp quân đoàn. Tiền thân mang tên Việt Quân Đệ Nhất Sư (sư đoàn thứ nhất của tỉnh Quảng Đông), năm 1926 đổi tên là Quốc Dân Cách Mạng Quân Đệ Tứ Quân (quân đoàn thứ tư của quân đội cách mạng Trung Hoa Dân Quốc). Khi quân đội Trung Hoa Dân Quốc tiến hành Bắc Phạt (dẹp tan các tướng lãnh quân phiệt xưng hùng ở miền Bắc Trung Hoa), Đệ Tứ Quân lập rất nhiều chiến tích. Năm 1930, do quân số ngày càng lớn mạnh, nhất là sư đoàn thứ mười một của Đệ Tứ Quân đã giúp cho Tưởng Giới Thạch đánh thắng được Phùng Ngọc Tường và Diêm Tích Sơn nên đã được đổi tên thành Thập Cửu Lộ Quân, do đích thân Tưởng Giới Thạch chỉ huy.

* Niệm Phật, niệm Quán Âm đều có thể tiêu tai thoát nạn thì lúc bình thường hãy nên niệm Phật cho nhiều, niệm Quán Âm ít hơn. Gặp khi hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm do Quán Âm bi tâm tha thiết, có túc duyên sâu đậm với chúng sanh phương này. Chớ nên do thấy nói như vậy, bèn nói “Phật chẳng từ bi bằng Quán Âm!” Cần biết rằng Quán Âm là đứng thay Phật rủ lòng Từ cứu khổ. Ngay như khi Phật Thích Ca tại thế, cũng thường dạy chúng sanh khổ nạn niệm Quán Âm, huống gì bọn phàm phu chúng ta ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn - 15*)

* Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật lẽ đâu chẳng có chuyện cứu khổ ách? Quán Âm Bồ Tát tùy cơ chỉ dạy, há lẽ nào chẳng tiếp dẫn vắng sanh Tây Phương? Sanh về Tây hãy nên lấy tín nguyện làm gốc, nếu gặp nguy hiểm bèn niệm Quán Âm. Có tín nguyện thì khi mạng chung quyết định sanh về Tây Phương, hoặc chỉ chuyên nhất niệm A Di Đà thì gặp khổ ách cũng được giải thoát. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Như Sầm hỏi thay cho bạn*)

* Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma Lợi Chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đời đầu này, hãy nên bỏ [ý định ấy]! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dầu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được... Chớ nói niệm chú Ma Lợi Chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dầu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện [thân Ma Lợi Chi Thiên] nói ra, vẫn nên chú trọng niệm [thánh hiệu Quán Âm].

Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tột “một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp” và chẳng biết “lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay!” Nho giáo cũng nói: “*Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã*” (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích: Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)⁴². Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang luận định là chí lý. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (Huệ Thông)*)

3. Dạy cách đối trị tập khí

⁴² Đây là một câu nói của Mạnh Tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

* Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được người đời gọi ta bằng danh xưng là “kẻ chân thật tu hành”. Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh*)

* Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì không biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy! Nếu nghĩ đến thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp gỡ. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa vào tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là “*nghĩ địa ngục khổ, phát tâm Bồ Đề*”.

Bồ Đề tâm là tâm địa lợi mình, lợi người. Tâm ấy vừa phát ra liền giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này [có công năng] tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu*)

* Niệm Phật phải luôn nghĩ mình sắp chết, sắp bị đọa địa ngục thì không khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, không tương ứng cũng tự tương ứng; vì cái tâm sợ khổ mà niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để thoát khổ, cũng là diệu pháp bậc nhất để tùy duyên tiêu nghiệp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

* Niệm Phật tâm không quy nhất là do tâm sanh tử chưa khẩn thiết. Nếu nghĩ như đang bị nước cuốn lửa đốt, không được cứu giúp, tưởng sắp bị chết, tưởng sắp đọa địa ngục thì tâm sẽ tự quy nhất, không cần đến diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Nghĩ tới sự khổ trong cõi địa ngục, phát tâm Bồ Đề*”. Đây chính là khai thị thiết yếu nhất của đức Đại Giác Thế Tôn, tiếc là con người chẳng chịu thật sự suy nghĩ!

Nỗi khổ trong địa ngục so với sự thảm thương của nước - lửa thì sâu nặng hơn vô lượng vô biên lần. Thế mà nghĩ đến nước dâng lửa đốt bên run rẩy, nghĩ đến địa ngục lại coi thường, là vì một đằng do tâm lực nhỏ nhoi chẳng thể thấu hiểu sự khổ ấy, còn một đằng là chính mắt thấy, bất giác lông tóc đều dựng đứng! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Sư Hiền*)

* Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm toi bời, đây chính là hiện tượng lảm tri nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đau đầu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đình Phổ Tịnh*)

* Nay may mắn được làm thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó được nghe nhất, có dám đề quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch nơi thanh sắc, vật chất, lợi lộc, khiến cho vẫn sống thừa chết uổng y như cũ, vẫn bị trầm luân lục đạo, không mong có ngày thoát ra hay sao? Phải đem một chữ Chết (chữ Chết này hay lắm) dán cho rủ xuống trán! Phàm khi những cảnh tham luyến [đáng lẽ] chẳng nên có [mà lại] hiện tiền liền biết đây chính là vạc sôi, lò than của chính mình, sẽ trợn chẳng đến nỗi như con thiêu thân gieo mình vào lửa, tự đốt thân mình. Phàm với những chuyện thuộc về bốn phận nên làm, liền biết đây chính là bè Từ để thoát khổ của ta vậy, quyết chẳng đến nỗi thấy việc nhân bên nhường cho người khác, thấy điều nghĩa chẳng làm. Như vậy thì trần cảnh sẽ trở thành duyên để nhập đạo, cần gì phải tuyệt sạch muôn duyên mới tu hành được? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba*)

* Con người ở trong thế gian chẳng thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử đều là do vọng niệm gây nên. Nay trong lúc niệm Phật, liền nghĩ như chính mình đã chết, chưa được vãng sanh, trong mỗi một niệm đều gác bỏ tất cả hết thảy tình niệm thế gian ra ngoài. Trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào để được! Làm thế nào để niệm được như thế? Là vì ta đã chết rồi, tất cả hết thảy vọng niệm đều chẳng vướng mắc nữa. Niệm được như thế ắt sẽ có lợi ích lớn lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trọng Hoa - 2*)

* Lúc sơ tâm niệm Phật, chưa tự chứng được tam-muội, ai có thể không có vọng niệm cho được? Quý sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyên theo vọng, ví như quân hai bên đối địch, ắt phải giữ vững thành quách của chính mình, chẳng cho quân giặc xâm phạm tí ti nào, đợi khi giặc vừa tấn công bèn đánh chặn đầu. Ất phải xua quân Chánh Giác vây kín bốn mặt khiến cho chúng nó không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất, khiến chúng sợ bị diệt chủng, liền đua nhau quy hàng. Quan trọng nhất là chủ soái không mê muội, không lười nhác, thường luôn tỉnh táo mà thôi! Nếu mê muội, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc mà trái lại còn bị giặc diệt. Do vậy, người niệm Phật không biết nhiếp tâm thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến không còn nữa! Vì thế, nói:

*Học đạo do như thủ cấm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lệnh,
Bất động can qua định thái bình.*

(Tạm dịch:

Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm thường tỉnh,
Tướng quân chủ soái nghiêm quân lệnh,
Chẳng dấy can qua, quyết thái bình)

(Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Tử Ngạn Như và Tử Dật Như)

* Hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang. Học Phật như thế rất khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hĩ*” (Đạo học vấn chẳng có gì khác, cầu sao buông được cái tâm mà thôi!) Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho Giáo còn chưa thật sự tuân thủ, huống gì đối với Phật giáo là pháp thật sự lắng lòng ư? (Ý nói “lắng lòng chẳng để nó rong ruổi theo bên ngoài”, người biên tập kính cần ghi chú).

Quán Thế Âm Bồ Tát xoay trở lại nghe nơi Tự Tánh, Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, kinh Kim Cang “không trụ vào đâu để sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh”; Tâm Kinh “*soi thấy năm Uẩn đều không*” đều nhằm dạy cho con người diệu pháp “từ cảnh biết được tâm” vậy. Nếu cứ một mực muốn xem rộng khắp hết thấy [các kinh điển, sách

vỏ] thì sẽ không có lợi ích gì. Hễ nghiệp chướng chưa tiêu, sẽ chưa đạt lợi ích ấy (tức lợi ích do học rộng, nghe nhiều), mà trước hết còn bị mắc bệnh! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 3*)

* Chỗ quan trọng trong việc tu hành chính là đối trị tập khí phiền não. Tập khí ít đi một phần thì công phu tiến thêm được một phần. Có người càng ra sức tu hành, tập khí càng dấy động là vì chỉ biết tu trì theo mặt sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, kiên quyết trừ khử những vọng tình trong tâm họ mà ra. Nếu ngay trong lúc bình thời đã đề phòng sẵn, thì lúc gặp cảnh đụng duyên, phiền não sẽ chẳng phát khởi. Nếu bình thời biết được thân tâm ta đây hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, cầu lấy thực thể, thực tánh của Ngã hoàn toàn chẳng thể được thì đã không có Ngã, nào còn có nhân cảnh (cảnh nơi nhân), nhân nhân (đối tượng con người nơi nhân) mà hồng sanh khởi những chuyện phiền não! Đây chính là phương pháp giải quyết tối thiết yếu từ trên căn bản vậy!

Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã Không, hãy nên nương theo pháp Ngũ Đình Tâm Quán do đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm nghĩa là dùng năm pháp này để điều hòa, ngưng lặng cái tâm, khiến cho tâm an trụ, chẳng bị chuyển theo cảnh nữa!) Có nghĩa là: Chúng sanh nhiều tham thì hành Bất Tịnh Quán; chúng sanh nhiều sân thì hành Từ Bi Quán; chúng sanh nhiều tán loạn thì hành Sở Tức Quán; chúng sanh ngu si thì hành Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng thì hành Niệm Phật Quán. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Còn là phàm phu, ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời; tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nổi bộc phát. Dầu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng kể ra những cảnh gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy thứ như tài sắc và thuận - nghịch mà thôi. Nếu biết của cải vô nghĩa, hại quá răn độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cầu thả. [Biết] tạo phước tiện cho người, rốt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, khi gặp kẻ cùng quần, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu, sẽ không bị phiền não bởi tiếc của rồi chẳng chịu giúp cho. Về sắc thì dầu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dầu nhìn thấy kỹ nữ, vẫn

nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không bị phiền não “thấy sắc đẹp động lòng ham muốn”. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì không bị phiền não “do ham sắc dục đến nỗi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể trưởng thành”. Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não “con cái ngỗ nghịch đối với cha mẹ, bại hoại môn phong”. Còn như gặp kẻ ngang ngược, hãy nên sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét.

Lại nên nghĩ do mình đời trước từng nào hại nó nên nay mới gặp cảnh này hồng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ, sẽ không có phiền não báo thù ngang trái. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ. Nếu là bậc đại sĩ tu lâu đã hiểu rõ Ngũ Không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 4*)

* Con người hằng ngày khổ sở trong phiền não, vẫn chẳng biết là phiền não. Nếu biết là phiền não thì phiền não sẽ tiêu diệt. (Tâm vốn là Phật, nhưng do phiền não chưa trừ, oan uổng làm chúng sanh. Nhưng nếu có thể tiêu diệt phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện. Xin xem lá thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuận trong bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Ví như tưởng lầm gã trộm cắp là người nhà thì tất cả của cải trong nhà đều bị hấn trộm mất. Nếu biết là giặc, hấn liền trốn đi. Vàng chẳng luyện chẳng ròng, đao chẳng mài chẳng bén; chẳng từng trải phiền não thì gặp cảnh phiền não tâm thần sẽ tán loạn. Biết nó chẳng có thể lực gì, chuyện nhọc tâm mệt trí nầy sanh đều do ta tự chuốc lấy.

Kinh dạy: “*Nếu biết Ngũ Không, ai bị hủy báng?*” Nay phỏng theo đó, nói: “*Nếu biết là vô ngã, phiền não nào sanh?*” Thí dụ của ông rất có đạo lý. Cổ nhân nói: “*Vạn cảnh bốn nhân, duy tâm tự náo. Tâm nhược bất sanh, cảnh tự như như*” (Muôn cảnh vốn nhân, chỉ có tâm tự rộ. Nếu tâm không sanh, cảnh tự như như). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 4*)

* Tam Chương là Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. Phiền Não chính là vô minh, còn gọi là Hoặc, tức là chẳng hiểu lý ([“chẳng hiểu lý”] chính là tham - sân - si), lầm lạc khởi lên các thứ tâm niệm chẳng thuận lý (Muốn diệt những tâm niệm chẳng thuận lý, trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp đều là Khổ, là Không, là Vô Thường, là Vô Ngã, thì ba độc tham -

sân - si không cách gì đẩy lên được. Hãy xem lá thư gởi cho ông Tạ Dung Thoát trong *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên*).

Nghiệp tức là do cái tâm “tham - sân - si phiền não” bèn làm những chuyện ác giết - trộm - dâm v.v... vì thế gọi là Nghiệp. Nghiệp đã thành, thì tương lai nhất định phải chịu các thứ khổ báo. Tam Đồ: Đồ (途) là đường, là nẻo, có nghĩa thông với nhau. Do các ác nghiệp giết - trộm - dâm nên sẽ chịu ác báo trong Tam Đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ninh Đức Tấn - 6*)

* Tham có nghĩa là thấy cảnh bèn dấy lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do ái sanh. Nếu có thể quán sát mỗi mỗi kỹ càng thân mình, thân người từ ngoài vào trong thì chỉ thấy hờm đất, mồ hôi, đờm rãi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bần như chuồng xí, ai có thể sanh lòng tham ái đối với vật này cho được! Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt được trộn lẫn, như vải trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự giảm được nửa mà công gấp bội, lợi ích khó thể nghĩ suy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Sân tâm chính là tập tánh từ đời trước, nay nghĩ mình đã chết, mặc kệ người ta dao cắt hay hương bôi, chẳng ăn nhập gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh trái ý, cứ nghĩ như mình đã chết, ắt sẽ chẳng khởi tâm sân được nữa! Đây chính là tam-muội pháp thủy do đức Như Lai đã truyền để rửa sạch khắp các kết nghiệp của hết thảy chúng sanh, chứ không phải là Quang tự ý bịa ra đâu nhé! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cửu Bội Khanh - 2*)

* Tâm sân nếu khởi lên thì vô ích cho người, tổn hại cho mình, nhẹ thì cũng khiến cho tâm ý bực bội, xáo động; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn thương. Hãy nên giữ sao cho trong tâm thường có một khối nguyên khí thái hòa thì bệnh tật tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận*)

* Ngu si nghĩa là hoàn toàn không có tri thức, tức là nói thể nhân đối với cảnh duyên thiện - ác chẳng biết đầy đủ là do túc nghiệp chuốc lấy, do hành vi trong hiện tại cảm lấy, làm lạc bảo là không có nhân quả, báo ứng, và những chuyện đời trước, đời sau v.v... Hết thấy chúng sanh không có con mắt Huệ, nếu không chấp Đoạn thì lại chấp Thường. Chấp Đoạn là nói con người bẩm thụ khí chất của cha mẹ mà sanh ra, trước lúc được sanh ra vốn chẳng có vật gì, đến lúc chết rồi, hình hài đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm gì có đời trước cũng như đời sau! Những nhà Nho câu nệ, hẹp hòi cõi này đa phần nói như thế. Chấp Thường là nói con người thường làm người, súc vật thường làm súc vật; chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển.

Thời cổ có kẻ cực độc từ ngay nơi thân ấy biến thành mãng xà, có kẻ cực tàn bạo, ngay từ chính nơi thân ấy biến thành cọp. Ngay trong lúc nghiệp lực đang mạnh mẽ, dữ dội, còn có thể biến đổi được hình thể, hướng chỉ nhằm lúc sau khi chết đi, trước lúc được sanh ra, thức do nghiệp lôi kéo mà chuyển biến ư? Do vậy, đức Phật nói mười hai nhân duyên chính là lời luận bàn xuyên suốt cả ba đời. Nhân trước ắt cảm lấy quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Báo ứng thiện - ác, phước - họa xảy đến đều do tự mình làm, tự mình chịu, nào phải trời giáng xuống! Chẳng qua do hành vi của người ấy mà trời đứng ra làm chủ mà thôi⁴³. Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực, muốn khôi phục bản tâm để liễu sanh tử mà bỏ tín nguyện niệam Phật cầu sanh Tây Phương thì chẳng thể được! Ba thứ Tham - Sân - Si là căn bản của sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba thứ ấy thì cần phải tu ba pháp này. Ba pháp này tu đắc lực thì ba thứ ấy tự tiêu diệt. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy những nghĩa lý về pháp môn Tịnh Độ và cách đối trị nóng giận)

* Quý vị nói chuyện đời ràng buộc, không cách gì thoát khỏi được thì ngay trong lúc bị ràng buộc ấy, chỉ cần không bị chúng xoay chuyển thì ràng buộc liền thành cõi gỡ, như gương chiếu hình tượng, hình đến chẳng cự tuyệt, hình đi chẳng giữ lại. Nếu không biết nghĩa này, dẫu có trừ sạch mọi chuyện thế tục không còn có chuyện gì phải lo toan, cũng vẫn bị cái tâm vọng tưởng, tán loạn, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột rửa, thoát khỏi. Người học đạo phải hành xử thuận theo địa vị, tận hết

⁴³ Tức là đứng ra làm người thực hiện họa phước ứng với nhân quả chứ không phải trời cố ý giáng họa hay ban phước!

bồn phận của mình. Như thế thì dù suốt ngày việc đời ràng buộc, nhưng suốt ngày vẫn cứ tiêu dao ngoài vật. Câu nói “*nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều nhàn, chẳng ghét lục trần, vẫn đồng Chánh Giác*” chính là nói về điều này vậy. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Từ Ngạn Như và Từ Dật Như)

* Muốn cho chân tri hiển hiện thì trong lời lẽ hành vi hằng ngày phải thường khởi giác chiếu, chẳng để cho hết thấy tình tượng trái lý tạm chớm trong tâm. Thường khiến cho tâm này rộng sáng thông suốt, như gương đặt trên đài, hễ có cảnh liền hiện bóng, chỉ chiếu cảnh trước gương, chẳng bị cảnh chuyển. Xấu - tốt tự nó, can chi đến ta? Đến chẳng mong ngóng, đi không lưu luyến. Nếu tình tượng trái lý vừa mới chớm nẩy, liền nghiêm ngặt đối trị, trừ khử cho hết sạch. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa đúc bản kèm lưu thông sách Từ Huân của ông Viên Liễu Phàm)

* Một niệm của chúng sanh và một niệm của Phật không hai, do mê chưa ngộ nên toàn bộ trí huệ đức tướng biến thành phiền não nghiệp khổ. Tâm vốn là một, do mê - ngộ sai khác nên khổ - vui khác biệt! Do vậy, biết: Một niệm tâm tánh vốn là biển trí huệ công đức. Do phiền não chướng lấp, không có trí huệ chiếu tỏ thì toàn thể biến thành biển phiền não nghiệp khổ. Nay dùng trí huệ giác chiếu thì biển phiền não nghiệp khổ liền biến thành biển trí huệ công đức. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền*”. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3)

* Bản thể của cái tâm chẳng khác với Phật, cho nên đức Phật dạy con người niệm Phật, dùng lửa trí huệ từ sức thần thông, oai đức của Phật để chung luyện Phật tâm đang bị xen tạp phiền não Hoặc nghiệp của phàm phu, ngõ hầu phiền não Hoặc nghiệp ấy đều bị tiêu diệt, rơi rớt tứ tán, chỉ còn giữ lại cái tâm thanh tịnh thuần chân thì mới có thể bảo: “*Tâm tức Phật, Phật tức tâm*”. Chưa đạt đến địa vị ấy [dẫu có nói “*Tự tâm làm Phật, tâm Phật này độ tự tâm, ta chính là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật*”] thì chẳng qua là dạy về thể tánh [của cái tâm] mà thôi! Nếu luận về Tướng (sự tướng) và Dụng (lực dụng) thì đều hoàn toàn chẳng phải! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Châu Trần Huệ Tịnh)

* Niệm Phật cũng là pháp dưỡng khí điều thân, mà cũng là pháp tham cứu bản lai diện mục! Vì sao nói thế? Cái tâm của chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết thấy tạt niệm vọng tưởng dần dần tiêu diệt. Hễ vọng tưởng tiêu diệt thì tâm quy về một mối, quy về một mối thì thần khí tự nhiên sung mãn, thông suốt.

Ông không biết niệm Phật là dứt vọng. Cứ thử niệm đi! Sẽ nhận thấy đủ mọi vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày, sẽ tự chẳng còn những vọng niệm ấy. Thoạt đầu cảm thấy có vọng niệm, đấy là do niệm Phật nên mới hiển lộ được những vọng niệm trong tâm, nếu không niệm thì chẳng thấy rõ [tâm có vọng niệm]. Ví như trong nhà thanh tịnh không bụi, nhưng một tia nắng lọt qua khe cửa sổ sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi! Do ánh nắng thấy rõ bụi trong nhà, vọng trong tâm cũng do niệm Phật mà hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm thanh tịnh.

Không Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng! Đây là do thường luôn nghĩ nhớ, có khác gì niệm Phật! Do tâm miệng của chúng sanh bị phiền não, Hoặc nghiệp nhiễm ô, nên Phật dạy hãy dùng tâm miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu trí rạng, chương tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Phùng Bất Cứu*)

* Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh Minh Đức*” (Đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ Đức Sáng). Minh Đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét, nên Minh Đức bị tư dục huyền vọng che lấp chẳng thể hiện để thụ dụng được! Cách để làm sáng tỏ [Minh Đức] là “*khắc chế ý niệm*”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “*tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật*”.

“Vật” là gì? Chính là tư dục huyền vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài! Do những tư dục này kết chặt trong tâm, nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có

lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt! Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đây đều là do tư dục Tham và Ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đứt lót hay mong cầu sai trái nữa!

Trước hết, phải hiểu chữ Vật này là tư dục huyền vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng! Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dầu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây [lớn], trở thành một gã theo sóng đuổi sóng! Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết “vật” ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta, thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì “ý thành, tâm chánh, thân tu” sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thể như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế.

Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thấy mọi người ai nấy đều sẵn có Minh Đức, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi trong sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy “cách vật trí tri” mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lấn Ngọn*)

* Ông hai mươi một tuổi, biết làm văn làm thơ, chính là đời trước có thiện căn, nhưng hãy nên khiêm tốn nấu mình, đừng cậy thông minh khinh người! Học vấn càng rộng rãi, càng cảm thấy không đủ thì sự thành tựu sau này sẽ khó thể suy lường được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Du Hữu Dục*)

* Năm Dân Quốc thứ 10 (1921), Quang đến Nam Kinh, ông Ngụy Mai Tôn (làm quan Hàn Lâm, lúc ấy đã sáu mươi tuổi) nói với Quang: “Đôi với Phật pháp, tôi cũng tin tưởng, cũng chịu niệm Phật, sách Văn Sao

của Sư tôi cũng đã đọc rồi, nhưng ăn chay chưa được!” Quang nói: “Người phú quý khó quên tập khí, ông muốn ăn chay xin hãy đọc kỹ bài Sớ Quyên Mộ Lập Ao Phóng Sanh tại Nam Tầm, hãy đọc nhiều lượt sẽ tự có thể không ăn thịt”. (Bởi phần đầu bài văn ấy giảng “tâm chúng sanh và tâm Phật không hai, tiếp đó, dạy chúng sanh trải bao kiếp lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra nhau, giết lẫn nhau. Tiếp đến, dẫn kinh Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già để làm chứng. [Đọc bài văn ấy xong] chẳng những không nở ăn, mà còn chẳng dám ăn! Xin xem phần Pháp Ngũ trong pháp hội Túc Tai) Nói lời ấy vào ngày Mười Hai tháng Tám, đến tháng Mười là ngày sinh nhật sáu mươi tuổi của ông ta, sợ thương tổn tình cảm người khác, ông qua Kim Sơn dự sinh nhật, về nhà liền ăn chay trường. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trác Nhân*)

* Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm, tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm cản những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí! Chẳng biết những kẻ mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc [đem thân] trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gạt lấy quả báo “tốt đẹp, chân thật” do thứ phước trí ấy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận*)

* Ông đã biết [chính mình] tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ “ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác”; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy*)

* Nghĩa lý trọng yếu trong Phật pháp chính là “tâm không chấp trước”. Nếu đã sẵn mang lòng chấp chết cứng [cầu] được đủ mọi cảnh giới lợi ích là đã uơu sẵn cái họa bị ma dựa. Nếu trong tâm rỗng rang, trừ một câu Phật hiệu ra, không có một niệm nào khác thì được, may ra

sẽ chứng đắc vậy. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời pháp sư Minh Đạo)

* Tự Tri Lục chính là lời lẽ ma mị đáng ghét bậc nhất, dẫn dắt người khác lọt vào cảnh ma. Cư sĩ La Tế Đồng ở Thượng Hải có được cuốn sách ấy liền cho in thạch bản một ngàn cuốn để biếu tặng người khác. Cư sĩ Đinh Quế Tiều muốn lưu truyền rộng rãi bèn bảo Tế Đồng gởi cho Quang một gói; còn Quế Tiều tự viết thư cho Quang, cậy Quang viết lời tựa để mong được lưu truyền rộng rãi.

Quang đọc xong, khôn ngăn kinh dị, bèn đề nguyên gói sách gởi trả lại cho Quế Tiều, cực lực thuật rõ những cái họa của cuốn sách ấy. Bởi lẽ, [sách ấy sẽ] lôi kéo những kẻ sơ tâm chẳng dụng công nơi nhất tâm chí thành nghĩ nhớ, mà chỉ thường muốn thấy cảnh giới tốt đẹp. Nếu họ vừa thấy cuốn sách này, do cái tâm cuồng vọng, gấp rút, thiết tha, thường khởi ý niệm như thế ấy, ắt sẽ đến nỗi dẫn khởi oán gia trong đời trước biến hiện những cảnh kẻ ấy hâm mộ và khi vừa được thấy cảnh ấy, họ liền sanh lòng hoan hỷ lớn lao, oán gia liền dựa vào thân. Kẻ ấy liền mất trí điên cuồng, Phật cũng chẳng thể làm sao [cứu giúp người ấy] được! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Thiếu Viên - 2)

* Chuyện sắc dục là bệnh chung của người cả cõi đời, chứ không riêng gì hạng trung hạ căn bị sắc mê hoặc. Dù là người thượng căn, nếu chẳng luôn canh cánh giữ gìn, luôn nghĩ kinh sợ thì cũng khó khỏi bị mê hoặc. Thử xem từ xưa đến nay bao nhiêu hào kiệt lỗi lạc, kham làm thánh làm hiền, chỉ vì chẳng phá được cửa ải này, đâm ra trở thành kẻ hạ ngu bất tiểu, lại còn bị vĩnh viễn đọa trong ác đạo, chẳng biết là bao nhiêu!

Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nếu chúng sanh thuộc sáu đường trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng bị sống - chết tiếp nối. Ông tu tam-muội vốn để thoát trần lao, dâm tâm không trừ, chẳng thể xuất trần được!” Người học đạo, vốn để thoát lìa sanh tử, nếu chẳng đau đáu dứt trừ bệnh này, sẽ khó thể thoát lìa sanh tử. Ngay như pháp môn Niệm Phật tuy có thể đời nghiệp vãng sanh, nhưng nếu tập khí dâm có kết sẽ bị cách ngăn cùng Phật, khó thể cảm ứng đạo giao! Muốn tuyệt cái họa này, không gì bằng trông thấy hết thấy nữ nhân đều khởi thân tướng, oán tướng, bất tịnh tướng:

1) Thân tướng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, thấy người trẻ hơn coi như em gái, thấy trẻ nhỏ coi như con. Dục tâm dầu lừng lẫy, trọn chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Xem hết thấy nữ nhân đều là mẹ, chị, em, con của mình thì lý bèn chế ngự dục, dục không do đâu phát được!

2) Oán tướng là phàm thấy gái đẹp bèn khởi tâm ái; do tâm ái đó bèn đọa ác đạo, chịu khổ bao kiếp chẳng thể thoát lìa. Như thế thì những gì gọi là mỹ lệ, kiều mị, so ra còn độc hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, bò cạp độc, phê sương, trầm độc⁴⁴ gấp trăm ngàn lần. Với những oan gia cực đại ấy nếu vẫn cứ quyến luyến mơ tưởng, há chẳng phải là kẻ mê gấp bội ư?

3) Bất tịnh là vẻ đẹp lộng lẫy rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi thì chẳng dám nhìn: xương, thịt, máu mủ, phân, tiểu, lông, tóc, đàm đờ, rờn rờn, trọn không có vật gì đáng cho người khác yêu mến được! Nhưng do lớp da mỏng bao bọc, nên làm sanh ái luyến; bình đẹp đựng phân, người ta chẳng muốn nâng niu. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân chẳng khác cái bình đẹp dễ, những thứ được bọc trong đó còn gớm ghiếc hơn phân nữa! Há nên yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi những thứ bẩn thỉu chứa bên trong da, lan man khởi vọng tưởng ư?

Nếu chẳng khăng khăng kiên sợ, đau đầu trừ khử tập khí ấy, sẽ chỉ thấy tư chất mỹ lệ khiến cho mũi tên yêu thương lọt thấu xương chẳng thể nhỏ được. Thường luôn như thế, lại muốn chết đi chẳng vào bụng người nữ sẽ chẳng thể được! Vào trong bụng người nữ còn tạm được, chứ vào trong bụng súc sanh cái biết làm sao đây? Thử suy nghĩ đến điều này, tâm thần kinh hãi!

Nhưng muốn thấy cảnh mà chẳng khởi nhiễm tâm thì phải trong lúc chưa thấy cảnh, thường khởi ba thứ tưởng này; khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dầu không thấy cảnh, ý vẫn vẫn

⁴⁴ Phê sương (砒霜, đúng ra phải đọc là tỳ sương) là chất độc, tức chất arsenic, còn gọi là Thạch Tín hoặc Nhân Ngôn. Trầm độc là chất độc của con chim Trầm (鴆, còn đọc là Trám), một loài chim rất độc theo truyền thuyết, tương truyền một cái lông của nó rớt xuống sẽ làm chết sạch cả hồ cá.

vuơng, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục ràng buộc. Vì thế, phải nỗ lực gột trừ các tập khí ác nghiệp thì mới có phần được tự do. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Dũng Giang*)

* Tôi thường nói trong mười phần nhân dân của thế gian thì những kẻ chết trực tiếp vì sắc dục chừng bốn phần, kẻ gián tiếp bị chết cũng phải là bốn phần, tức là do sắc dục gây hao tổn, chịu những cảm xúc khác mà chết. Những kẻ bị chết ấy không ai chẳng đổ thừa cho số mạng, nào biết vì tham sắc mà chết, đều chẳng phải do số mạng. Nếu là [chết vì số] mạng thì phải là người giữ lòng thanh tịnh, trinh lương, không tham dục sự; những kẻ tham sắc kia tự tàn hại đời mình, há có thể nói là vì mạng ư? Còn những người do mạng mà sống, mạng hết bèn chết thì chẳng qua chỉ được một hai phần mà thôi!

Do vậy biết quá nửa thiên hạ đều là kẻ chết oan uổng, mỗi họa này khốc liệt có một không hai trong cõi đời, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Cũng có cách chẳng phí một đồng, chẳng tốn chút sức mà trở thành bậc đức hạnh cao tột, hưởng yên vui cực lớn, để lại phước âm vô cùng cho con cháu, khiến đời sau được quyền thuộc trinh lương, có phải chỉ là kiêng dè dâm dục ư?

Trước kia tôi đã trình bày đại lược về sự lợi - hại trong dâm tình chánh đáng giữa vợ chồng nay không bàn đến nữa. Còn chuyện tà dâm vô liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng thân con người làm chuyện thú vật. Do vậy, gái đẹp đến tăng tị, nữ nhân yêu mị đến quyến rũ, quân tử xem như mỗi họa ương không gì lớn bằng nên bèn cự tuyệt, ắt được phước diệu⁴⁵ chiếu soi, hoàng thiên che chở; tiểu nhân xem điều đó như hạnh phúc không gì lớn lao bằng bèn nhận lãnh, ắt đến nỗi tai tinh giáng xuống, quỷ thần tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế nói: *“Họa phước vô môn, do con người tự chuốc lấy”*.

Nếu đối với cái ải nữ sắc người đời chẳng thể thấy thấu triệt sẽ khiến cho đức hạnh cao tột, an lạc cực lớn, phước âm vô cùng để lại cho con cháu, quyền thuộc trinh lương trong đời sau bị khoanh khắc khoái lạc

⁴⁵ Diệu (曜) và tinh (星) đều có nghĩa là những ngôi sao, phước diệu là ngôi sao tốt lành, tai tinh là ngôi sao rủi ro. Phước diệu và tai tinh có nghĩa là vận tốt và vận rủi.

đoạt hết! Buồn thay! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa phổ khuyến thọ trì lưu thông sách Dục Hải Hồi Cuồng*)

* Kẻ thông minh dễ phạm nhất chỉ có sắc dục. Hãy nên thường giữ tâm kiên sợ, đừng để nảy sanh chút tà vọng nào. Nếu như ngẫu nhiên khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng: Mỗi một cử động của chúng ta, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng biết hết, thấy hết! Trước mặt người khác còn chẳng dám làm điều quấy, huống gì là đối trước chỗ Phật, trời nghiêm túc cẩn mật, lại dám ôm giữ ý niệm tà vạy tệ hại và làm chuyện tà vạy tệ hại ư? Mạnh Tử nói: “*Sự thực vi đại? Sự thân vi đại. Thủ thực vi đại? Thủ thân vi đại*” (Thờ ai là chuyện lớn? Thờ cha mẹ là chuyện lớn. Giữ gì là chuyện lớn? Giữ cái thân là chuyện lớn).

Nếu không giữ được cái thân, dù có phụng dưỡng cha mẹ cũng chỉ là hình thức bề ngoài mà thôi, chứ thật ra là coi rẻ di thể nhận từ cha mẹ, đây chính là bất hiếu lớn lắm! Do vậy, Tăng Tử lúc sắp mất, mới nói: “*Phóng tâm vô lự*” (Tâm thanh thoi không lo lắng). Kinh Thi chép: “*Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim, nhi hựu, ngô tri miễn phù*” (Dè dặt, dè phòng, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, hiện thời, mai sau, ta biết tránh khỏi). Chưa đến lúc ấy vẫn phải giữ lòng dè dặt, Tăng Tử còn như vậy, huống gì là lũ phạm tục, tầm thường chúng ta ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thu Dung*)

* Hễ mỗi khi những ý niệm phẫn nộ, dâm dục, háo thắng, bộp chộp v.v... ngẫu nhiên chớm sanh, bèn lập tức nghĩ rằng: “Ta là người niệm Phật, há nên dấy lên những tâm niệm này?” Niệm vừa dấy lên bèn dứt, lâu ngày, hết thấy những ý niệm hao tổn tinh thần, mệt nhọc thân xác đều không cách chi dấy lên được! Suốt ngày dùng công đức chẳng thể nghĩ bàn của đức Phật để gia trì thân tâm, đảm bảo đảm chắc cần đến mười ngày sẽ liền thấy hiệu quả lớn lao. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Hồ Tác Sơ*)

* Nghiệp chương nặng nề, tham sân lòng lẫy, sức yếu, tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phạm Phổ Môn nói: “*Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được là khỏi*”. Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ

vực thì cầu gì chẳng được. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5)

4. Luận về cách giữ gìn tấm lòng, lập phẩm vị

* Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng (tức thầy dạy ta và những vị có đạo đức), từ tâm không giết (nên ăn chay trường, hoặc ăn chay kỳ. Nếu chưa dứt được ăn mặn thì đừng đích thân giết), tu Thập Thiện nghiệp (tức là thân chẳng làm chuyện sát sanh, trộm cắp, tà dâm; miệng chẳng nói dối, thêu dệt, nói dối chiều, nói lời ác; tâm chẳng khởi niệm tham dục, nóng giận, ngu si).

Lại còn phải cha nhân từ, con hiếu thuận, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, nghiêm túc tận hết bổn phận của chính mình. Chẳng cần biết người khác có trọn hết bổn phận đối với ta hay không, ta phải luôn trọn hết phận ta. Nếu có thể đối với gia đình và xã hội trọn hết tình nghĩa, tận hết bổn phận thì gọi là “thiện nhân”.

Người lành niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn khi lâm chung liền được vãng sanh bởi tâm hợp với Phật, nên cảm được Phật từ tiếp dẫn. Nếu tuy thường niệm Phật, nhưng tâm chẳng nương theo đạo, hoặc đối với cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái, bạn bè, xóm làng chẳng thể tận hết bổn phận thì tâm đã trái nghịch Phật, khó thể vãng sanh! Do tự tâm phát sanh chướng ngại, Phật cũng không có cách nào rủ lòng từ tiếp dẫn được! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một lá thư gửi khắp)

* Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình có nhiều là nhiều, nhưng những người không được như mình cũng chẳng ít! Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên). Như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ Đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly.

Phải biết phàm phu đầy đầy phiền não, nếu không khổ vì bần cùng, tật bệnh v.v... ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lồng lẩy, quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai? Mạnh Tử nói: *“Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nảy sinh tánh Nhẫn, tăng thêm [khả năng làm được] những điều người ấy không thể làm”*. Do vậy, biết rằng: Trời muốn thành tựu người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là *“trách nhiệm lớn”* như Mạnh Tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo - bệnh vùi dập thì phàm Hoặc ngày càng lầy lùng, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra.

Cổ đức từng nói: *“Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi”*, chính là nói về điều này vậy. Hãy nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyền, Phật pháp không linh! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành - 2)

* Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phàm phu thế gian đó thôi. Nếu là thánh nhân đắc đạo cố nhiên biết rành rẽ; chư thiên, quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả báo đắc Tha Tâm Thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật: Tha Tâm đạo nhãn thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi!

Nếu tự mình biết thì thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v... chẳng vì nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dầu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác. Dầu nơi người ta

không biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm (ý niệm vừa mới chớm, còn kín nhiệm mà tội phước đã cách biệt một trời, một vực. Xin đọc lá thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (bức thứ tư) trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên), bởi lẽ, thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát v.v... đều cùng biết. Dẫu là kẻ không biết hỏ thẹn, hể biết được nghĩa này, cũng sẽ hỏ thẹn vô ngần, huống gì bậc chân tu thực tiễn!

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ chư thánh - phạm đều biết, đều thấy. “*Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo*”⁴⁶, vẫn chỉ là lời nói thiền cận ước theo tình kiến thế gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao. Do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng Pháp Giới Tạng Tâm sẵn có nơi tự tâm, phạm hết thấy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì có sao? Vì cùng bản thọ Chân Như, ta - người không hai. Nếu biết nghĩa này, ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoát đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được! (Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự. Nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 2*)

* Người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế sẽ là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Tích Châu*)

⁴⁶ Nguyên văn: “*Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh*”. Canh tường (羹 牆) là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh đều thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. “Thận độc” (慎 獨) là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cầu thả. “Khâm ảnh” (襟 影) là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (襟 影 無 愧: chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy “thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hỏ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

* Người học Phật trước hết phải biết thực hiện cẩn thận, dè dặt nơi nhân quả. Đã có thể thận trọng, dè dặt, thì tà niệm tự trong lặng, đâu đến nỗi có những chuyện chẳng đúng pháp! Nếu có, hãy nên dốc sức đoạn diệt thì mới là chân thật tu hành. Nếu không, học một đằng, hành một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ! Đây chính là vết thương thấu xương của những kẻ học Phật tự xưng là thông gia hiện thời! Nếu chẳng vướng vào hai khuyết điểm ấy thì học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Trần Bá Đạt - 2)

* Các điều ác, những điều thiện đều là từ tâm địa mà luận, chứ không chuyên chỉ về sự thực hành nơi mặt sự tướng mà thôi. Trong tâm địa trọn chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm Phật như thể hơn công đức của người bình thường niệm Phật trăm ngàn vạn ức lần. Muốn được tâm địa “chỉ thiện không ác” thì trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, phải chú trọng lòng kính, giữ lòng thành như đối diện Phật, trời, mới hòng đạt được! Nếu tâm vừa phóng túng thì các ý niệm không đúng pháp sẽ theo nhau khởi lên. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 1)

* Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu chuyên chú chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến đề tu tập Tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chương như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế, kinh nói: “*Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối*”.

Một chữ Hồi phải từ tâm khởi. Tâm không hồi thật sự, nói gì cũng vô ích! (Nếu chẳng sửa lỗi, tu thiện, thì có bảo là sám hối vẫn chỉ là nói xuông, chẳng được lợi ích thật sự, xin xem bức thư thứ hai trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh! Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng, mười ngày lạnh, chỉ uống có hư danh, chẳng ích lợi mảy may gì! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu)

* Học thánh, học Phật đều lấy “*giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành*” làm gốc. Lại còn phải giữ phận khiêm nhường, ẩn giấu tài

năng, noi theo cổ nhân, tận tụy dõ theo đường lối thực tiễn. Làm được như vậy thì học vấn lẫn phẩm hạnh đều vượt trội những kẻ tầm thường. Thông thường những kẻ thông minh đều kiêu căng, khoe khoang, phô tài, chua ngoa, khắc bạc, tâm hoàn toàn thiếu sự hàm dưỡng. Kẻ ấy nếu không suốt đời trắc trở, ắt sẽ chết yểu lúc trẻ! (Phàm suy nghĩ, xử sự, đều phải sao cho nhân hậu. Nhân hậu thì được phước, bạc bẽo sẽ chẳng được phước gì! Nếu lại khắc bạc, hiểm độc, gian xảo sẽ giống như ngọn núi cao chót vót, mưa cách nào cũng không thấm ướt được, bất cứ cây cỏ nào cũng đều chẳng mọc được. Hãy đọc lá thư trả lời cư sĩ Kim Thiện Sanh trong bộ *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên*) (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Từ Thư Dung*)

* Một chữ Trung (忠) có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh! Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bốn phận. Do trọn hết bốn phận nên đối với những chuyện thuộc về bốn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dối gạt, người mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục*)

5. Đánh giá các phương pháp tu trì

* Trộm nghĩ: Pháp môn tu trì có hai thứ bất đồng. Nếu cậy vào tự lực tu Giới - Định - Huệ để đoạn Hoặc chứng Chân liễu sanh thoát tử thì gọi là “pháp môn theo đường lối thông thường”. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật để cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là “pháp môn đặc biệt”. Đường lối thông thường thì hoàn toàn cậy tự lực, còn đường lối đặc biệt thì tự lực lẫn Phật lực đều có. Nếu có công tu Định - Huệ đoạn Hoặc sâu xa nhưng không chân tín, nguyện thiết, niệm Phật cầu vãng sanh, thì vẫn thuộc về tự lực.

Nay dùng thí dụ để chỉ rõ: Đường lối thông thường giống như vẽ núi sông, ắt phải từng nét bút, từng vạch một mới dần dần vẽ thành. Còn

[pháp môn] đặc biệt như chụp cảnh sông núi, dấu cho mấy mươi tầng núi non um tùm, chụp một cái liền đầy đủ. Lại nữa, đường lối thông thường như đi đường bộ, người mạnh mẽ một ngày bắt quá đi được một trăm mười dặm; còn pháp môn đặc biệt như cưỡi Luân Bảo của Chuyển Luân Thánh Vương trong một ngày liền có thể đến khắp bốn đại bộ châu.

Chúng ta không có tư cách thành Phật ngay lập tức, lại không có thật chứng “đoạn được Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo ác nghiệp”, nếu chẳng chuyên tu Tịnh nghiệp để hồng cây vào Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh thì chỉ e đến tận cùng đời vị lai vẫn cứ phải chịu sống chịu chết trong tam đồ lục đạo không cách gì thoát ra được! Chẳng đáng buồn ư? Nguyên những người cùng hàng với tôi đều sanh chánh tín. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Cận Đại Vãng Sanh Truyện*)

* Chớ bảo duyên tướng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tướng nhiều vị Phật. Phải biết A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, một mình Phật A Di Đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thấu trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa.

Nếu là bậc đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mặt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chương sâu huệ cạn rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư Tổ các đời đều dạy [hành nhân Tịnh Độ hãy] nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lý do này.

Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa, thấy đều đầy đủ. Cổ nhân nói: “*Đã tắm trong biển cả ắt dùng nước trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên, cần gì hỏi Trường An chi nữa!*” có thể nói là hình dung [ý này] khéo nhất. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân*)

* Tâm tánh của bọn ta giống hệt như Phật, chỉ do mê trái nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai thương xót, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho khắp mọi hàm thức đều theo đường trở về nhà. Pháp môn tuy nhiều, nhưng trọng yếu chỉ có hai, tức là Thiền và Tịnh liễu thoát dễ nhất. Thiền chỉ có

Tự Lực, Tịnh kiêm Phật Lực. So sánh hai pháp, thì Tịnh khế cơ nhất. Như người vượt biển, nhờ vào thuyền bè, mau đến được bờ kia, thân tâm thản nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ kham hành được pháp này. Nếu không thì là trái cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành!

Phát đại Bồ Đề, sanh chân tín nguyện, suốt đời giữ vững, chỉ nghĩ đến Phật, niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, tuy niệm mà vô niệm, diệu nghĩa Thiền Giáo triệt để hiển hiện, đợi đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn, lên thẳng Thượng Phẩm, chứng Vô Sanh Nhẫn. Có một bí quyết tha thiết bảo ban: *“Cạn lòng thành, tận lòng kính”*, màu nhiệm làm sao! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Ngô Bích Hoa)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Trong Văn Sao đã giảng rõ sự khó dễ giữa Thiền và Tịnh cũng như lợi ích của sự thành kính không biết bao lần, dẫn đi nhắc lại, chỉ có mười câu này đã bao quát không còn sót chút nào!

* Chớ bảo pháp Trì Danh là thiền cạn rồi bỏ bê, tu theo những pháp Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng ! Phạm trong bốn cách niệm Phật chỉ có Trì Danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được Thật Tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ. Nếu tu quán tưởng Thật Tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền)

* Tuy có mười sáu hạnh (pháp quán), nhưng hành giả tu tập phải hành từ pháp dễ tu trước, hoặc là quán tướng Bạch Hào⁴⁷ của Như Lai,

⁴⁷ Bạch Hào (Urna laksana): Còn gọi là hào tướng, mi gian bạch hào tướng, bạch hào trang nghiêm tướng, mi gian bạch hào nhuỷ bạch đầu-la-miên tướng. Đây là một trong 32 tướng hảo của đức Như Lai. Tức là khoảng giữa hai mày Phật có một sợi lông mềm mại, trắng, sạch, cuộn tròn, kéo ra dài đến một Tầm (có kinh nói lúc sơ sanh dài năm thước Tàu, lúc thành đạo dài một trượng sáu), buông tay ra liền uyển

hoặc quán tướng pháp Tập Quán thứ mười ba. Đến phần quán chín phẩm, chẳng qua là để cho người ta biết nhân trước và quả sau của hành nhân vãng sanh mà thôi. Chỉ mong hiểu rõ là được rồi, thật ra không cần phải quán riêng phép này.

Quán về mặt Lý chẳng thể không biết, nhưng về mặt Sự, phải từ từ hành. Nếu không hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng rành, dùng cái tâm tháo động, bộp chộp để tu, rất có thể khởi lên ma sự! Khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm làm lạc nẩy sanh ý niệm vui sướng, thì cũng do vui sướng mà thành chướng, rất có thể bị lui sụt công tu tập từ trước. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Chẳng khởi tâm tưởng là thánh [cảnh] thì gọi là cảnh giới lành; nếu tưởng là thánh cảnh bèn vướng vào các tà”*. Mong ông hãy nhất tâm trì danh, bởi đây là hạnh ngàn vạn phần ổn thỏa, thích đáng. Đợi đến khi tâm đã quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư Hoàng Ngọc Như ở Sùng Minh)

* Quán tướng thì chỉ cần quán sao cho đặc lực, cần gì phải quán từ đầu đến đuôi, hằng ngày tập đi tập lại! Phật nói ra mười sáu phép Quán thì những phép Quán đầu nhằm khiến cho con người biết đến sự trang nghiêm của Cực Lạc, [các phép Quán] về chín phẩm vãng sanh ở phần sau nhằm làm cho con người biết nhân quả của phép được tu. Mỗi phép Quán đã biết thì qua một phép quán Phật sẽ có thể quán trọn vẹn các phép Quán kia. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Trả lời những câu hỏi của cư sĩ Khúc Thiên Tường)

* Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy: *“Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*. *“Làm Phật”* là quán tướng tượng Phật, ức niệm Phật đức cũng như Phật hiệu; *“là Phật”* nghĩa là lúc quán tướng, ức niệm, thì tướng hảo trang nghiêm, phước đức, trí huệ, thần thông, đạo lực của Phật đều hiện trong cái tâm quán tướng, ức niệm ấy, như gương soi hình, giống

chuyển xoay về phía hữu, trông như một con ốc trắng, bên trong rỗng, lóng lánh như ống lưu ly. Bạch Hào trông xa như một viên minh châu giữa trán, tỏa quang minh chói ngời, quang minh ấy gọi là “bạch hào quang”. Chúng sanh được quang minh ấy chạm vào bèn tiêu trừ tức nghiệp, thân tâm yên vui. Tướng này do trong lúc tu nhân, Như Lai luôn tán dương tùy hỷ những người tu tập Giới - Định - Huệ. Theo kinh Quán Phật Tam Muội Hải, tướng Bạch Hào là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của Như Lai (Theo kinh này, ba mươi hai tướng đại nhân chỉ là ba mươi hai tướng tiêu biểu, dễ thấy nhất trong vô lượng tướng của Như Lai).

hệt như nhau, không hai. Như vậy, nếu tâm chẳng làm Phật thì tâm chẳng phải là Phật; tâm làm tam thừa thì tâm là tam thừa; tâm làm lục đạo thì tâm là lục đạo.

Bản thể của tâm giống như một tờ giấy trắng, tác dụng thiện ác nhân quả của tâm giống như vẽ Phật hay vẽ địa ngục, đều tùy tâm hiện. Bản thể tuy đồng, nhưng tạo tác thật khác. Vì thế nói: “*Chỉ là thánh mắt niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh*”, chúng ta chẳng nên thận trọng nơi những gì mình nghĩ, mình làm ư? (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tụng và lời tựa bức tranh ngàn vị Phật)

* Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gấp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dòi, ắt sẽ bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thầy pháp môn trong cả một thời giáo hóa [của đức Phật]. Như pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai, pháp Tham Cứu Hướng Thượng của nhà Thiền đều là nó cả, tức là niệm đức Phật Thiên Chân⁴⁸ nơi tự tánh vậy... Niệm đức Phật nơi Thật Tướng như thế nói có vẻ dễ dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc đại sĩ tái lai, ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này?...

Một pháp Trì Danh là đại pháp môn “*Sự chính là Lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật*” vậy. Do Trì Danh biết được Thật Tướng ngay nơi Thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách Trì Danh, cứ chuyên tu Thật Tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bàng v.v... vẫn còn là bậc thượng! Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân - 2)

* Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra [các kinh Tịnh Độ], chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trọng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. [Đức Phật đã] vì kẻ Hạ Phẩm trước khi đọa địa ngục

⁴⁸ Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.

mà rộng mở pháp Trì Danh, tức là Quán Kinh vẫn lấy Trì Danh làm hạnh thiết yếu nhất. Vô Lượng Thọ Kinh nói căn kế thế nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đây chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bản (kinh A Di Đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bản chỉ là toát yếu. Do vậy, biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bản, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lay, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được! Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đây vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhất được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời sư Tế Thiện)

* Tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cậy vào Phật từ lực đời nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn “vạn người tu, vạn người đến” thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng nhất! Trước hết, phải thấu hiểu được nguồn cội của pháp môn này, tâm hiểu cho rõ ràng. Nếu thừa sức, sẽ lại nghiên cứu hết thấy kinh luận, các pháp môn đều có thể giúp cho pháp môn này. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ La Thế Phương)

* Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy “tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên Thượng Phẩm cõi Cực Lạc” làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kẻ khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ. Người vãng sanh mà chẳng khai ngộ thì trong vạn người chẳng có một ai. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu - 8)

* Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng chẳng trở ngại gì! Nếu muốn gặp thấy Phật, tâm niệm lăng xăng, cái ý niệm muốn thấy Phật cố kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân

Phật hầu báo tức oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy [Phật hay cảnh tượng tốt đẹp do kẻ thù trong đời trước biến hiện] bèn sanh hoan hỷ, từ đây ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng. Dẫu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được! Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt - xấu! Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thẳng tắn. Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ, quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời soi đất. Nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa sáng, toàn thể gương là cầu uế thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quý quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Quang sợ ông không khéo dụng tâm đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: *“Chỉ được thấy Di Đà, lo gì không khai ngộ”*. Nay tôi cũng bắt chước nói đuôi rằng: *“Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy!”* Biết điều này, hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh)

* Trong lúc bế quan dụng công, hãy nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất, sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước. Đã nhất tâm, sẽ nhất định có cảm thông. Hễ cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gập hình liền hiện bóng, hình tự lặn vắng, can chi đến mình! Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoàng Nhất)

* Gần đây, người ta thường ưa ham cao chuộng xa, hơi thông minh bèn học Thiên Tông, Tướng Tông⁴⁹, Mật Tông, phần nhiều coi niệm Phật là vô dụng. Họ chỉ biết sự huyền diệu của cơ ngữ⁵⁰ nhà Thiên, sự

⁴⁹ Tướng Tông: Gọi đủ là Pháp Tướng Duy Thức Tông. Do tông này chú trọng nghiên cứu tướng trạng của các pháp, phân chia các trạng thái tâm thức tỉ mỉ, nên gọi là Tướng Tông.

⁵⁰ Cơ ngữ: Gọi tắt của cơ phong chuyển ngữ, tức những câu đối đáp thuận theo căn cơ, nhằm giúp cho người hỏi kiến tánh, chẳng hạn như “Phật là gì?” Thiên Sư bèn đáp “con mèo treo lên cây cột”.

tinh vi của pháp tướng trong Tướng Tông, oai thần rộng lớn của Mật Tông, nhưng chẳng biết: Thiền đầu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng nếu chưa hết sạch Phiền Hoặc thì vẫn sanh tử y như cũ, chẳng thể liễu thoát được! Với Tướng Tông thì nếu không phá sạch Ngã Chấp và Pháp Chấp, dù có hiểu rành rẽ đủ mọi danh tướng⁵¹, cũng giống như “kể chuyện ăn, đếm của báu”, rốt cuộc có ích gì đâu! Với Mật Tông thì tuy nói là có thể “thành Phật ngay nơi thân hiện tại”, nhưng quyết chẳng phải là chuyện của hạng phàm phu sát đất có thể thành tựu được! Phàm phu lầm sanh ý tưởng ấy bèn bị ma dựa phát cuồng, mười người hết tám chín người [bị như vậy]. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời một vị cư sĩ ở Diêu Duy*)

* Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương về, ngõ hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự! Ất phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường, ngõ hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ mà sẽ được những lợi ích sâu hay cạn! Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ.

Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận nhưng chẳng thật hành pháp môn Tịnh Độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc Một Vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc A Già Đà Nhất Vị trị chung vạn bệnh này mà chẳng lành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên*)

* Thiền Tông thường nói “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. “Minh tâm kiến tánh” là đại triệt đại ngộ. Nói “kiến tánh thành Phật” là đích thân thấy được đức Phật thiên chân nơi tự tánh thì gọi là

⁵¹ Danh là tên gọi của sự vật, Tướng là hình trạng của sự vật. Dùng danh xưng để nêu rõ tướng trạng của sự vật nên gọi là “danh tướng”. Một cách giải thích khác: Những gì nghe được thì gọi là Danh, thấy được thì gọi là Tướng. Danh và Tướng đều không có thật thể, chỉ là giả lập để tiện giáo hóa.

“thành Phật”. Đây chính là “lý tức Phật” và “danh tự tức Phật”, chứ không phải là Cứu Cánh Phật phước huệ viên mãn! Vị ấy tuy ngộ đến chỗ cùng cực, đích thân thấy được Phật Tánh, nhưng vẫn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Nếu có thể rộng tu Lục Độ, trong hết thấy cảnh duyên đều đối trị tập khí phiền não cho thanh tịnh không còn thừa sót, sẽ có thể liễu sanh thoát tử, vượt ra ngoài tam giới, chẳng ở trong lục đạo nữa. Thời đức Phật còn tại thế, hạng người như vậy rất nhiều, trong thời Đường - Tống vẫn còn có, nay thì đại triệt đại ngộ còn chưa dễ được, huống là bậc hết sạch phiền não ư?

Thuyết “hiện thân thành Phật” hoặc còn gọi là “tức sanh thành Phật” (thành Phật ngay trong đời này) của Mật Tông giống như thuyết “kiến tánh thành Phật” của Thiền Tông, đều ứng theo công phu rất sâu mà nói. Chớ nên tưởng lầm là thật sự có thể thành Phật ngay trong thân này! Cần biết rằng thành Phật ngay trong thân này, chỉ có mình đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà thôi! Ngoài ra, dầu là cổ Phật thị hiện, cũng không có chuyện “hiện thân thành Phật” (thành Phật ngay trong thân hiện tại)! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Chí Thành - 1*)

* Thiện Đạo hòa thượng là Di Đà hóa thân, có đại thần thông, có đại trí huệ, xiển dương Tịnh Độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn để dạy người khác tu trì. Lời dạy của Ngài về hai cách Chuyên Tu và Tập Tu lợi ích vô cùng:

1) Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (phàm những khi đi nhiễu và hết thấy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một.

2) Tập Tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất, nên khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh!

Đây là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* Mỗi ngày, lượng theo sức mình niệm Phật và trì chú Đại Bi để làm căn cứ tự lợi, lợi tha. Suốt đời chẳng thu nhận một đệ tử xuất gia nào, chẳng nhận làm Trụ Trì chùa nào cả! Đối với hết thầy mọi người đều dùng “tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương” để khuyên nhủ. Bất luận xuất gia hay tại gia, ai nấy đều phải chú trọng trọn hết bốn phận con người nhằm làm cho hết thầy mọi người trước hết làm một người hiền, người lành trong thế gian, ngõ hầu cấy vào Phật từ lực siêu phàm nhập thánh, vãng sanh Tây Phương! Trọn chẳng nói với người khác những lời lẽ lớn lao khiến họ không thể thực hiện được, mặc cho người ta bảo mình là hạng Tăng chỉ biết cơm cháo, trăm sự không làm được điều gì. Đại lược là như vậy đó! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Trích lục lời đại sư tự thuật*)

* Người khác dạy người, đa phần chú trọng dốc sức nơi chỗ huyền diệu, còn Quang dạy người đa phần phát huy ý chỉ “tận hết bốn phận”. Nếu chẳng thể tận hết bốn phận thì dù có thấu triệt tận nguồn tốt đầy mọi sự trong Thiên, trong Giáo, cũng chỉ thành một kẻ khiến cho tam thể chư Phật bị oan uổng mà thôi! Huống chi còn có sự chưa thể [thông hiểu] tận nguồn thấu đầy ư! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Mã Khế Tây - 11*)

* Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả ! Trước hết, hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng [do trích máu chép kinh mà] huyết hao, thần suy, đâm ra biến thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp Thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ đạt được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời đại sư Hoàng Nhất - 2*)

* Cư sĩ tu chân ngay trong cõi tục, tùy duyên tăng tấn đạo nghiệp, giữ gìn một câu Di Đà làm bốn mạng nguyên thân, ôm ấp hai chữ “hồ thẹn” để dùng làm bậc thang dự vào cõi thánh. Chẳng chán nhiều phen trèo lên thánh địa, sao chép những tông tích để mở rộng tai mắt cho người khác.... Thật có thể nói là cư sĩ đã “vì pháp quên mình”, nhưng trong sự thấy biết ngu muội của Quang thì có lẽ nên dừng bước nghỉ

ngôi! Nếu vẫn muốn du hành rộng khắp thì hãy nên dùng thân thức để du hành, chẳng cần phải dùng thân.

Ba kinh Di Đà, một bộ Hoa Nghiêm dùng làm lộ trình để du hành, tham phỏng, ngồi yên trong ao bảy báu mà dạo khắp thế giới Hoa Tạng thì thân thức càng dạo đi, thân càng mạnh mẽ, niệm càng tròn khắp mà tâm càng chuyên nhất. Tịch thì một niệm cũng chẳng thể được, mà Chiếu thì vạn đức cũng vốn sẵn đủ, Tịch - Chiếu viên dung, Chân - Tục chẳng hai. Mười đời xưa nay hiện trong đương niệm, vô biên sát hải⁵² nhiếp về tự tâm. So với chuyện khoác sao đội trăng, xông mưa đột gió, kinh sợ khi vào chốn vực sâu, hãi hùng trong cảnh nguy hiểm thì còn gấp mấy lần [sự sai khác] giữa một ngày và cả kiếp! Tôi thấy biết hèn tẻ như thế đó, chẳng biết cư sĩ nghĩ sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Hạc Niên - 8*)

* Các hạ chưa đầy ba mươi tuổi mà đã hiện tướng suy yếu, cô nhiên hãy nên bỏ [cái học] rộng rãi để giữ lấy chỗ ước lược, hãy chuyên tu Tịnh nghiệp. Khi Tịnh nghiệp đã thành tựu lớn lao rồi, sẽ hoằng dương các pháp khác ngõ hầu thật sự tự lợi, lợi tha. Nếu không, tuy có thể lợi người, nhưng [những pháp ấy] vẫn chưa phải là đạo rốt ráo. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lý Viên Tịnh - 1*)

* Người tu Tịnh nghiệp chớ nên dính vào chút điểm xảo thuật nào. Nếu vẫn thích những chuyện kỳ lạ, không ưa chuyện bình thường, ắt sẽ biến khéo thành vụng. Do điều này, người thông Tông thông Giáo thường chẳng bằng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật mà lại được ích lợi thật sự. Nếu chịu giữ nề nếp bình thường, đạm bạc, chất phác, thật thà thì sanh về Cực Lạc sẽ là điều có thể dự đoán chắc chắn được! Nếu không, chẳng sanh về Cực Lạc cũng là điều có thể đoán chắc được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 1*)

* Một pháp Niệm Phật chỉ những ai chết được cái tri kiến cuồng vọng mới có thể được lợi ích. Dầu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bồn mạng nguyên thân,

⁵² Sát Hải: nói đủ là “sát độ đại hải”, từ ngữ dùng để chỉ mười phương thế giới hay vũ trụ. Sát tức là chữ Ksetra (sát-độ) nói gọn. Một Ksetra nhỏ nhất là một tam thiên đại thiên thế giới, tức khu vực giáo hóa của một đức Phật. Do sát-độ của chư Phật vô lượng vô biên nên dùng chữ Hải (biển) để hình dung số lượng rộng lớn không thể tính xuể được.

thề cầu vãng sanh. Dầu đem cái chết bức bách, ép thay đổi đường lối cũng chẳng thể [thay đổi chí hướng]! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lăm tri nhiều kiến, [tâm] chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1)

* Xem thư gửi đến, có thể nói là “phát đại Bồ Đề tâm để mong mình lẫn người đều được lợi”, nhưng thư viết “*tâm lợi mình nhặt nhèo, tâm lợi người thiết tha*” cũng là ngữ bệnh! Chẳng thể tự lợi thì trọn chẳng thể làm lợi lớn lao cho người khác được! Hai điều ấy hãy nên chẳng phân biệt thân - sơ mới đúng. [Tự lợi và] lợi tha chính là một nguyện mà thôi, đối với tự lợi ắt phải dốc hết tâm lực, há nên đối với phương diện tự lợi lại nói là nhặt nhèo, lăm lặc học theo thân phận của đại Bồ Tát! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm - 1)

* Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đây chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gửi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham - 1)

Người biên tập kính cẩn góp lời: Mùa Thu năm Dân Quốc 24 (1935), tôi ở Phố Đà dâng thư lên Ấn Quang đại sư ở chùa Báo Quốc, thành phố Tô Châu, xin được quy y, liền được Ngài phúc đáp, ban cho pháp danh là Tông Kính và tặng cho tôi Tịnh Độ Ngũ Kinh, Mộng Đông Thiền Sư Di Tập v.v... mười mấy đầu sách. Thư phúc đáp còn dạy: Những chỗ giảng rõ về Tịnh Độ trong kinh Kim Cang rất ít, mỗi ngày dốc lòng thành tụng một biến là được rồi. Ngoài việc chuyên ròng niệm Phật ra, ông hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh ba lượt không gián đoạn. Cho đến nay tôi vẫn tuân theo lời dạy ấy, chẳng dám quên!

* Pháp sư Ngọc Phong tuy hành trì tốt đẹp, nhưng kiến giải về mặt lý nhiều chỗ thiên vị... Ngay như cuốn Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết của ngài, về ý thì cũng chẳng phải là không tốt lành, nhưng dùng từ ngữ, lập luận thật mâu thuẫn với những bậc cổ đức. “*Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu nhất tâm*” là đã trái nghịch, lăm lặc với toàn thể.

Kinh dạy người ta nhất tâm, Sư lại dạy người ta chẳng cầu. Chẳng trừ vọng tưởng mà có thể đạt được nhất tâm hay sao? Chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung. Há có nên vì chẳng thể đạt được mà chẳng giữ lấy pháp ấy hay sao? Nếu do chẳng đạt được mà dạy người khác chẳng giữ lấy pháp ấy thì chính là dạy người khác học theo pháp bậc hạ vậy!

Đại Thế Chí Bồ Tát nói: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”. Sư cực lực dạy người khác tán tâm niệm, chẳng tán dương nhiếp tâm niệm. Niệm Phật tuy hết thấy vô ngại, nhưng muốn đích thân chứng được tam-muội thì cố nhiên giữ tâm cho tịnh vẫn tốt hơn. Nếu chẳng thể tịnh thì cũng không trở ngại gì, đây chính là “ngay trong nơi động mà tịnh!” Sư một mực coi tịnh là tà, cho rằng [cố giữ cho tâm tịnh] là trái nghịch rất lớn ý chỉ “chấp trì danh hiệu, nhớ Phật, niệm Phật”, lỗi ấy không thể nào diễn tả được!

Hơn nữa, một pháp Niệm Phật bao gồm trọn vẹn hết thấy pháp môn trong một đời [giáo hóa của đức Phật], mà một chữ Tịnh vẫn bị đặt ra bên ngoài thì há có đáng gọi là vị chân thiện tri thức trong Tịnh tông hay chẳng? Mong lần sau tái bản hãy gạt bỏ [mục viết về sách] Tứ Đại Yêu Quyết, ngõ hầu kẻ sơ cơ chẳng đến nỗi mắc bệnh, mà người thông suốt cũng không do đâu mà chê cười được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 10*)

* Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn người khó được một kẻ! Hùng Tuấn, Duy Cung⁵³ [được vãng sanh] là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết: “*Trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì*” (Trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tắc dụng công đều được chỉ ra (Phiền là phiền não, tức là nói chung, còn Tịnh chuyên chỉ thâm dục). (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập - 1*)

⁵³ Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh Độ nên vẫn được vãng sanh (Xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

* Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu [chỉ để] gieo thiện căn, dẫu đũa bốn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thấy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn.

Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu [người ta] không chịu niệm, hãy bảo người ấy: “Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Triều Giác (Giác Minh) - 8*)

* Pháp Thập Niệm nhằm khiến cho tâm họ nương theo hơi thở để thâm nhiếp, không bị tán loạn. Sự mầu nhiệm của pháp ấy nếu không phải là người trí sẽ không thể biết được! Nhưng chỉ có thể dùng một lần vào buổi sáng, hoặc dùng ba lần: buổi sáng, buổi tối và giữa trưa, chớ nên dùng nhiều, dùng nhiều sẽ bị tổn khí thành bệnh! Chớ nên nói pháp này dễ nhiếp tâm nhất bèn sử dụng thường xuyên thì sẽ bị hại chẳng nhỏ đâu!

Niệm Phật niệm ra tiếng hay niệm thầm thì phải xét nơi chốn, hoàn cảnh như thế nào. Nếu tình hình nơi chỗ ta đang ở chẳng tiện niệm ra tiếng thì chỉ nên niệm nhỏ tiếng và niệm Kim Cang Trì, công đức chỉ ở chỗ chuyên tâm dốc chí, còn âm thanh vẫn là chuyện nhỏ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo - 4*)

* Ông muốn Quang dạy ông sao cho viên giác diệu tâm của ông được khai ngộ thên thang (tâm ấy chính là tâm do đức Phật đã chứng), chân cảnh Tịch Quang thường được hiện tiền (cảnh ấy chính là cảnh đức Phật ngự), tuy bài nguyện văn của tổ Liên Trì tuy có câu này, nhưng đừng sanh lòng si đại mong đạt được ngay! Nếu muốn đạt được ngay, ắt sẽ bị ma dựa phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được! Ví như trẻ nít vịn tường để bước đi còn khó khỏi vấp té, nếu muốn bay lượn trên không, xem khắp bốn biển, há chẳng phải là nói mớ ư? Chỉ cầu vãng sanh, liền liễu sanh tử. Nếu muốn ngộ cái tâm này, thấy được cảnh này, vẫn cần phải tu dần dần thì mới ngộ được từng phần, thấy từng phần. Nếu [muốn] thấy trọn vẹn, ngộ trọn vẹn mà chưa thành Phật thì sẽ không thể được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Ngô Tư Khiêm*)

* “Giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành”, nếu muốn học Phật đạo để thoát phàm tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh mà mong bay cao! “Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Phàm phu sát đất muốn liễu sanh tử ngay trong đời này mà nếu chẳng y theo bốn câu này sẽ thành “không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái”, muôn vàn chẳng có lẽ ấy! Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dự vào bậc thánh hiền, ắt lên cõi Cực Lạc. (Ấn Quang Pháp Sư Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thái Khê Thành - 3)

6. Khuyên hành nhân hỷ nỗ lực

* Người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dầu sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy⁵⁴. Kinh dạy: “Ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các khổ dẫy đầy, thật đáng kinh sợ” hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy. Hết thủy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Với điều này còn không tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thân đi, thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phận phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phần, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 2)

* Con người sống trong thế gian, siêu thăng rất khó, đọa lạc thật dễ. Nếu không vãng sanh Tây Phương, đừng nói chi nhân đạo chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật dài lâu, hễ hết phước lực vẫn bị đọa lạc trong nhân gian y như cũ, cũng như phải chịu khổ trong Tam Đồ ác đạo! Nếu không biết Phật pháp thì chẳng biết làm sao, nay đã hiểu đại khái Phật pháp, há nhường một môi đại lợi ích này cho người khác, còn chính mình đành lòng luân hồi trong sáu nẻo, thoát chìm, thoát nổi,

⁵⁴ Ngũ suy: Năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mào héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần nhơ nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và mất thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

vĩnh viễn không có ngày thoát khỏi ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả Đại Tạng giáo. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật chân chánh. Nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì vẫn có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Kiếp xưa vun bồi được huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng. Nếu chẳng chuyên tinh dốc sức nơi đây ngõ hầu tự chứng thì sẽ giống như chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người được mấy? Một hơi thở ra không trở lại là đã thuộc đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có đến mười ngàn, từ ngộ tăng thêm ngộ, trong ức người chưa được một hai! Nỡ để cái chén vô thường pháp khí qua cơn mưa “tái sanh” lại trở thành bụi đất ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Văn Lô - 1*)

* Cổ nhân nói: “*Bạc quân tử tận lực thực hành thì được một câu nói tốt lành sẽ thọ dụng suốt đời không hết. Nếu chẳng chăm chú tận tụy thực hành, dầu đọc hết sách vở thế gian, đối với chính mình vẫn vô ích!*” Như rồng thật hể được một giọt nước liền có thể làm mưa khắp cả thế giới; rồng đất dầu ngâm trong nước cũng chẳng khỏi cái họa táng thân! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ X...*)

* Hiện tượng Hoàng Hậu Giác khá có ích lớn lao cho người học Phật. Bất luận là rốt cuộc ông ta vãng sanh hay đọa lạc, thôi đừng bàn đến! Nếu người niệm Phật biết được hiện tượng khi lâm chung của ông ta, chắc chắn sẽ chẳng dám theo đuổi pháp liễu sanh tử một cách hời hợt nữa!

Xem hành vi, cử chỉ của ông ta dường như rất chí thành, nhưng coi những cảnh tượng được biểu hiện khi ông ta lâm chung thì trong lúc thường nhật, ông ta chưa hề nỗ lực dụng công nơi tâm địa, cũng như có lẽ trước kia ông ta có những nghiệp như keo tiếc tiền của khiến cho người khác bị mất mạng, hoặc keo tiếc lời nói khiến cho người khác táng mạng v.v...mà thành ra như vậy (“*Keo tiếc lời nói khiến cho người khác mất*

mạng” là như ta biết chỗ có giặc cướp và biết chỗ có thể trốn tránh được, nhưng vì tâm không từ bi, thích thấy người khác mắc họa cho nên chẳng chịu nói. Chuyện ấy, tâm ấy khiến cho thiên địa quỷ thần rất phẫn nộ. Do vậy, lúc lâm chung chẳng nói được, cũng như có chuyện như ghét nghe tiếng niệm Phật v.v...) Hiện ra tình cảnh không chết trong khi ấy (tức không chết trong khi đang có người niệm Phật để trợ niệm) và khi người trợ niệm đi rồi thì không lâu sau liền chết; điều này hoàn toàn tương đồng với chuyện keo kiệt tiền của, keo kiệt lời nói khiến cho người khác bị tổn mạng. Tuy không dọa làm ngã quỷ, nhưng tánh khí ấy là tánh khí của ngã quỷ...

Nhưng không chừng do ông ta trong tâm sám hối, hoặc do mọi người và con cái thành khẩn nên được giảm nhẹ, chẳng đến nỗi dọa thẳng vào ngã quỷ. Phương kế hiện thời là con cái và các quyến thuộc ai nấy đều hãy nghĩ đến nỗi khổ của ông ta, cùng phát tâm tự lợi lợi tha niệm Phật cho ông ta, cầu Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu thật sự thành khẩn thì [ông ta được] vãng sanh là điều có thể dự đoán được. Do cha con có mối tương quan tự nhiên, tâm Phật dễ cảm ứng. Nếu quyến thuộc thực hiện hờ hững, lơ là thì khó thể tiêu nghiệp chướng để được Phật tiếp dẫn vậy! Ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ cực nặng!

Phàm là người niệm Phật ai nấy hãy chuyên chú thật sự đối trị tập khí của chính mình, tạo thuận tiện cho người khác. Chuyện gì nên nói, dù người ta có thù với mình cũng phải nói, khiến cho người ta hướng lành, lánh dữ, lìa khổ được vui. Thường luôn nói thẳng thắn, rành rọt với người khác những chuyện nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và đạo niệm Phật liễu sanh thoát tử, dạy dỗ con cái lập nền tảng thái bình, tâm như sợi dây đàn thẳng tắp, lời nói chẳng lấp lửng, tâm niệm có thể phô bày thẳng thắn cùng quỷ thần, quyết chẳng làm chuyện trái nghịch thiên lý thì đến lúc lâm chung, chắc chắn chẳng có những hiện tượng đáng thương đáng xót ấy.

Như vậy, Hoàng Hậu Giác chính là tiếp dẫn đạo sư của mọi người; nhờ ông ta, mọi người sẽ được lợi ích lớn lao trong tương lai. Ông ta cũng sẽ nhờ vào tâm lực của mọi người mà diệt tội, vãng sanh. Lời Quang nói đây chẳng phải là lời nói huê vốn⁵⁵ mà chính là lời bàn luận

⁵⁵ Nguyên văn là “*thủ thủ lưỡng phụ*” là một thành ngữ hàm nghĩa do dự, không quyết định, đôn gió xuôi chiều, nói cách nào cũng được. Chúng tôi tạm dịch là “nói huê vốn”.

quyết định chẳng khi đôi vầy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Dương Đức Quán*)

* Niệm Phật chẳng phân thánh - phàm. “Thánh” chỉ Tam Thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. “Phàm” chỉ lục đạo, tức thiên, nhân, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều. Vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều. Tu La do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất; nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây lầm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội; chúng sanh đông nhưng nhúc mà có mấy ai [niệm Phật]? Đã biết nghĩa này, hãy nên dũng mãnh tu trì, đừng để đến nỗi “muốn niệm mà chẳng thể niệm được” sẽ chẳng phụ rầy cuộc sống và dịp gặp gỡ này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập*)

* Khi đưa con gái của ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhận⁵⁶, ông ta bèn đem chúng phóng sanh ở chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được ba năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tới khi [đại chúng] lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật.

Tháng Tư năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý. Sau đây, con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy Duy Na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh, đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiều ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng

⁵⁶ Điện Nhận Lễ (奠雁禮) là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Châu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoài trừ lễ Nạp Chính (lễ giam) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhận. Nhận là thứ chim thiên di theo mùa; hề thấy chim Nhận bay về Nam là biết trời chuyển sang Đông, chim Nhận lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng Nhận tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có Nhận. Về sau, do Nhận ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v...

bằng chim ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tú - 2*)

* Cô nhân nói: “*Sanh tử cũng lớn lao thay!*” Chẳng đáng buồn ư! Trộm nghĩ: Buồn xông thì rốt cuộc có ích chi đâu? Cần biết rằng sanh tử là đại sự, tín nguyện niệm Phật là đại pháp. Đã biết chết đáng buồn, hãy nên tu đại pháp này trước khi chưa chết thì chẳng những chết không đáng buồn mà còn là may mắn lớn nữa. Vì sao vậy? Do tịnh nghiệp chín muồi, nương theo Phật từ lực, lập tức vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn là khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, tu tập dần dần mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời bạt cho sách Sức Chung Tân Lương*)

IV. Luận sanh tử đại sự

1. Răn nhắc mạng sống vô thường

* Quang âm nhanh chóng, thời thế đổi dời trong từng sát-na, chẳng ngừng nghỉ đâu chỉ một niệm. Đây chính là tạo vật hiện tượng lười rộng dài vì khắp hết thấy chúng sanh như bà với tôi mà nói: “*Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng tồn tại dài lâu, hãy gấp đi theo diệu pháp vô thượng để khỏi bị trầm luân*”. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Dạy tỳ-kheo-ni X...)

* Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn! Nếu đợi đến lúc ra đi (lúc lâm chung) mới tu, chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quần Tranh)

* Cổ nhân nói: “*Thông minh chẳng cự nổi nghiệp, phú quý chẳng khỏi luân hồi*”. Sanh tử xảy đến, không dựa vào đâu được, chỉ có A Di Đà Phật là nương dựa được. Tiếc là người đời biết điều này quá ít; tuy biết nhưng chân tín thật niệm lại càng ít hơn nữa! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ - 2)

* Cầu sanh Tây Phương không được sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ*” (Buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được); há đâu hôm nay phải chết, lại chẳng muốn chết. Đã tham luyến trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện Cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ!

Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dầu phải sống tới một trăm hai mươi tuổi mới chết cũng xong. Hết thấy phó mặc nghiệp trước, chẳng lằm lặc sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thần thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1)

* Đại trọng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ

mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà! Mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người! Do vậy nói rằng: “Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Văn Biện và Công Quả Cách*)

* Phật pháp không một ai chẳng kham tu, mà cũng không một ai chẳng thể tu được. Chỉ nên trong niệm niệm biết “chẳng tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương thì sẽ luân hồi cả kiếp dài lâu, chẳng thể thoát được!” Do vậy, xót mình, xót người, thương ta, thương người, lớn tiếng hô hào để gần là người nhà, xa là người đời đều cùng tu đạo này! So với việc chỉ cầu tự giải thoát cho chính mình, lợi ích há nào phải khác biệt với với trời với đất? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Lạc Quý Hòa - 1*)

2. Dạy hành nhân hãy chuyên cậy vào Phật lực

* Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng, bất luận Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hết thảy pháp môn đều phải dùng Giới - Định - Huệ để đoạn tham - sân - si cho hết sạch không còn sót thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Điều này khó như lên trời, chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất đầy đầy triền phược như chúng ta mà hồng mong mới được. Nếu dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, cầu sanh Tây Phương, thì bất luận công phu cạn hay sâu, công đức lớn hay nhỏ, đều có thể cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Điều này giống như ngồi chiếc tàu thủy to vượt biển, chỉ chịu lên tàu liền có thể đến được bờ kia; ấy là nhờ sức tàu chứ chẳng phải là bản lãnh của chính mình. Tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương cũng giống như thế, hoàn toàn là Phật lực, chứ không phải do đạo lực của chính mình. Hễ đã sanh về Tây Phương thì sanh tử đã liễu, phiền não chẳng sanh, đã giống như người vận dụng công phu tại nơi ấy đã lâu, đã đoạn sạch phiền não, liễu sanh tử.

Vì thế, niệm Phật quyết định phải cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau, chớ nên nương theo những kẻ rời lìa

tín nguyện, chỉ dẫn người khác niệm Phật cầu khai ngộ. Niệm Phật cốt yếu là nhiếp trợn sáu căn. Trong lúc niệm Phật, nhiếp tại lắng nghe kỹ, đây chính là biện pháp để nhiếp sáu căn. Có thể chí tâm lắng nghe kỹ thì công đức so với việc “chẳng lắng nghe, niệm tán loạn” khác biệt rất lớn. Pháp này bất luận người thượng, trung, hạ căn đều dùng được, đều được lợi ích, chỉ có lợi, không điều tệ. Hãy nên bảo hết thầy mọi người tu đều tu theo pháp này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Trương Tịnh Giang*)

* Chúng ta đã luân hồi trong sanh tử bao kiếp dài lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào tự lực để tu trì hòng diệt sạch Hoặc nghiệp phiền não để liễu sanh thoát tử thì còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin vào pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã nói, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương thì bất luận nghiệp lực lớn hay nhỏ đều có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương.

Ví như một hạt cát bỏ vào nước liền chìm; nhưng khối đá mấy ngàn, mấy vạn cân đặt trên một chiếc đại hỏa luân thuyền⁵⁷ chẳng những không chìm, mà còn chuyển sang được nơi khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, đại hỏa luân thuyền ví như Di Đà nguyện lực rộng lớn. Nếu không niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình để mong liễu sanh tử thì phải đạt đến địa vị nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dù cho đoạn được phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn sót lại một tí xú thì cũng chẳng thể liễu được. Ví như một hạt cát cực bé cũng phải chìm trong nước, quyết chẳng thể tự mình vượt ra ngoài nước được!

Các hạ chỉ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đừng nghĩ gì khác nữa. Nếu làm được như thế thì tuổi thọ chưa tận sẽ liền mau được lành bệnh; vì công đức chuyên nhất, chí thành niệm Phật có thể diệt trừ được ác nghiệp đời trước. Ví như mặt trời đã mọc lên, tuyết sương bèn tan mất. Tuổi thọ đã tận thì liền vãng sanh. Do tâm không có ý niệm khác nên bèn được cảm ứng đạo giao cùng Phật; vì thế, được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin được lời này thì sống cũng

⁵⁷ Thời xưa gọi tàu chạy bằng hơi nước, có bánh xe để đẩy nước ở phía sau tàu là “đại hỏa luân thuyền”.

được đại lợi ích mà thác cũng được đại lợi ích. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cừu Bội Khanh - 2*)

* Kinh Lăng Nghiêm, nếu người không biết pháp Tịnh Độ đọc đến sẽ cho kinh này là công thân bậc nhất để đả phá Tịnh Độ; còn người đã biết Tịnh Độ sẽ thấy kinh này là hướng dẫn tốt lành cho Tịnh Độ. Vì sao nói thế? Dùng tự lực để ngộ đạo khó lắm, còn vãng sanh Tịnh Độ lại dễ. Nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ám, vẫn có thể bị ma dựa, trở thành chủng tử địa ngục. Đã thế, hai mươi bốn công phu Viên Thông, người bây giờ ai có thể tu tập được? Chỉ có niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai có tâm đều phụng hành được. Hễ tịnh niệm tiếp nối bèn tự chứng được Tam Ma (Chánh Định). Người biết tốt - xấu đọc đến có còn chịu chỉ cậy vào tự lực, chẳng nương vào Phật lực hay chẳng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 7*)

* Người niệm Phật nếu mắc bệnh hãy nên một dạ đợi chết. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh, vì toàn thân buông xuống niệm Phật có thể tiêu được nghiệp chướng mạnh nhất. Nghiệp tiêu, bệnh sẽ lành. Nếu không buông xuống được, cứ muốn cầu lành bệnh thì vẫn chưa thể lành bệnh được, mà cũng chắc chắn không cách gì vãng sanh được, vì chẳng nguyện vãng sanh! Nếu không hiểu rõ những đạo lý này, há còn có thể cậy vào Phật từ lực được ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vừa cực khó vừa cực dễ. Nói là khó thì [là do vì] bậc đại triệt đại ngộ thâm nhập kinh tạng còn chẳng tin được. Nói là dễ [là do vì] ngu phu, ngu phụ chí thành khẩn thiết niệm, liền có thể lúc lâm chung hiện tướng lành, vãng sanh Tây Phương. Những vị đại triệt đại ngộ, thông hiểu sâu xa kinh luận kia còn chẳng mong ngang vai bằng lứa với họ! Ấy là vì một đằng bỏ Phật lực, chuyên cậy vào tự lực; một đằng chuyên cậy vào Phật từ lực, lấy Phật lực dẫn phát tự lực. Do Phật lực, pháp lực, sức sẵn có trong tự tâm, ba pháp khế hợp, nên được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Pháp này quan trọng nhất là Tín - Nguyện. Có Tín - Nguyện sẽ chắc chắn chịu tích cực tu trì. Chịu tu trì liền đạt được lợi ích vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Tập Hoài Tân*)

* Phật, Tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi. Kẻ độn căn đời Mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ Linh Nham Sơn Tự*)

3. Dạy những điều thiết yếu về lúc lâm chung

* Một cửa ải lâm chung thật là khắt yếu. Đời có kẻ ngu trong lúc cha mẹ, quyến thuộc lâm chung, bèn bi thương, đau đớn, khóc lóc, tắm rửa, thay áo, chỉ cốt sao đẹp mắt người đời, chẳng tính kể đến chuyện gây hại cho người chết. Người không niệm Phật thì không nói làm chi, chứ người mang chí hướng khẩn thiết vãng sanh, lúc lâm chung gặp phải hạng quyến thuộc này đa phần đều bị phá hoại chánh niệm, vẫn phải ở lại thế giới này. Trợ niệm lúc lâm chung ví như kẻ yếu đuối trèo núi, sức mình chẳng đủ, may có sức của người đứng trước lôi, người đứng sau đẩy, người hai bên nâng đỡ nên bèn có thể lên đến được đỉnh cao chót vót.

Lâm chung chánh niệm rõ ràng bị phá hoại [bởi những chuyện như] tình yêu thương của quyến thuộc, dòi dổ chỗ v.v... Ví như dừng sĩ trèo núi, sức mình sung mãn, nhưng thân hữu, người quen biết đều đem những vật của họ giao cho đội vác. Đội vác quá nhiều nên sức kiệt, thân nhọc, nhìn vách núi lùi bước.

Lẽ được - mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra cũng do nghiệp lực thiện - ác của chính mình từ trong kiếp trước đã thành toàn hay phá hoại người khác mà ra. Phàm những người tu Tịnh nghiệp hãy nên thành toàn chánh niệm cho người khác và bảo cho quyến thuộc biết sẵn về lẽ lợi - hại, khiến cho ai nấy đều biết điều quan trọng nằm ở chỗ thần thức sẽ đạt được, chứ chẳng phải ở chỗ dễ coi thuộc về phương diện tình cảm thế gian, để khỏi phải lo lắng nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Phàm con người mắc bệnh, có thể dùng thuốc để trị được thì cũng không nhất quyết chẳng dùng đến thuốc. Nếu chẳng dùng thuốc để trị

được thì dù có thuốc tiên cũng vô ích, huống gì là thuốc thế gian? Bất luận bệnh có trị được hay không, đều nên uống thuốc A Già Đà. Thuốc này tuyệt đối chẳng hại người, uống vào dù thân hay tâm đều thấy công hiệu. Người sống trong thế gian, bất luận lâu hay mau, rốt cục đều phải chết. Chết không đáng tiếc, chết rồi sẽ đi về đâu há chẳng nên sắp đặt sẵn ư? Người có sức tự mình sắp đặt thỏa đáng sẵn sàng thì khi lâm chung cố nhiên chẳng cần đến ai khác giúp đỡ, nhưng nếu được phụ trợ lại càng thêm đắc lực. Người không có sức hãy nên bảo gia thuộc thay mình niệm Phật, ắt đề khởi được chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn cứ bị tình thương yêu trói buộc y như cũ, trụ mãi nơi đây không thoát ra được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Hãy nên đem hết thầy chuyện nhà và sắc thân của chính mình toàn thân buông tròn xuống. Dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn ra, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như thế thì quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Tuổi thọ chưa hết thì quyết định nghiệp tiêu, bệnh lành, huệ rạng, phước cao. Nếu không thể niệm như thế, cứ si đại cầu chóng được lành bệnh thì chẳng những không thể chóng lành, trái lại bệnh còn nặng thêm! Nếu mạng đã hết, chắc chắn phải trôi nổi theo nghiệp, vĩnh viễn không có lúc thoát khỏi cõi khổ Sa Bà này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gửi cư sĩ Phương Thánh Dận*)

* Trong tâm bà trừ chuyện niệm Phật ra, chẳng để cho có một chút ý niệm nào khác! Ngay cả cái thân của bà cũng chẳng tính toán sẵn sau khi chết đi sẽ nên an bài ra sao. Ngay cả với cháu, chắc cũng đều nên coi như người không quen biết, mặc kệ chúng nó hay dở ra sao, ta chỉ quan tâm niệm đức Phật của ta, nhất tâm mong chờ đức Phật đến tiếp dẫn ta vãng sanh Tây Phương. Bà làm theo đúng như lời tôi nói, hết thầy mọi sự đều buông xuống hết, đến lúc lâm chung tự nhiên cảm được Phật đích thân rủ lòng tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Nếu vẫn cứ tham luyến hết thầy những vật tốt đẹp, tiền bạc, ruộng đất, nhà cửa, đồ cài đầu, quần áo và con cái, cháu chắt v.v... y như cũ thì vãn muôn phần chẳng thể vãng sanh Tây Phương được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Pháp ngữ dạy nữ cư sĩ Châu Dư Chí Liên*)

* Có chánh nhân Tịnh nghiệp, lại còn thêm tâm chánh tín tự niệm, quyền thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh! Kẻ chẳng thể vãng sanh đều là do tình ái dấy lên, chánh niệm liền mất. Đừng nói kẻ công phu nông cạn, dầu là người công phu sâu đậm, vẫn chẳng thể vãng sanh được! Do dùng tình kiến phàm phu để xử sự nên khí phận bị cách ngăn với Phật vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh*).

* Thành tựu người khác vãng sanh thì đến khi chính mình lâm chung ắt sẽ có người khác thành tựu sự vãng sanh cho chính mình, đừng cho chuyện ấy là không quan hệ rồi coi thường! Trong lúc bình thường hãy nên nói với người trong nhà về lợi ích do trợ niệm khi lâm chung cũng như những họa hại do tắm rửa, thay áo sắn, hoặc đối trước người sắp mất khóc lóc. Hãy nên thỉnh một cuốn Sức Chung Tân Lương [cho họ đọc] để họ biết tường tận. Để rồi đến khi cha mẹ hoặc các quyền thuộc khác sắp mạng chung, quyền thuộc trong nhà sẽ cùng nhau vì người ấy niệm Phật, khiến cho tâm người [sắp mất] ấy giữ được chánh niệm, theo Phật vãng sanh, cũng như thỉnh xã hữu trợ niệm cho người sắp mất ấy. Lúc ấy là lúc ngàn cân treo sợi tóc, quan hệ rất lớn. Hãy nên đem những chi phí ma chay cúng tế rộng tuếch, hoa mỹ dùng vào lúc ấy, hãy biến tâm lòng buồn đau, tận hiếu chân thành trở thành cái tâm vì cha mẹ niệm Phật. Lại còn bảo quyền thuộc đều nghe theo lời chỉ dạy của xã hữu, đừng khư khư theo tập tục, kéo làm hỏng đại sự! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Trợ Niệm Vãng Sanh Xã tại trấn Cấp Tân, Hải Môn*)

* Còn như vì người khác trợ niệm, há nên vì họ niệm Quán Âm, lại còn cầu thọ cho người ấy? Niệm Phật cũng có thể kéo dài mạng sống! Niệm Quán Âm thì không có tâm cầu được vãng sanh. Nếu tuổi thọ đã hết sẽ làm hỏng chuyện. Không phải là Niệm Phật sẽ nhất định chết, niệm Quán Âm nhất định chẳng thể vãng sanh. Chỉ vì kẻ si không có tâm niệm cầu được vãng sanh nên cũng chỉ tạo thành một thứ nghiệp cảm gây hỏng chuyện mà thôi! Vô Lượng Quang là tiêu tai, Vô Lượng Thọ là diên thọ (kéo dài tuổi thọ). Niệm A Di Đà Phật công sức đến cùng cực còn được thành Phật, há lẽ nào niệm Phật chẳng thể kéo dài tuổi thọ, khiến cho chóng chết ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Đáp lời hỏi của ông Trác Trí Lập*)

* Kẻ thường ngày chẳng hề niệm Phật, lâm chung được bạn lành khai thị, mọi người trợ niệm, cũng có thể vãng sanh. Người thường niệm

Phật nêu lúc lâm chung bị quyền thuộc vô tri tắm rửa, thay quần áo sẵn và hỏi han mọi chuyện, cũng như khóc lóc v.v... Do những nhân duyên ấy phá hoại chánh niệm liền khó được vãng sanh. Vì thế, người niệm Phật lúc thường ngày ắt phải bảo ban quyền thuộc trong nhà đều niệm thì khi chính mình lâm chung bọn họ đều biết trợ niệm. Lại do thường nói lợi ích của sự trợ niệm khi lâm chung và những họa hại do khóc lóc, bày vẽ mù quáng, họ sẽ chẳng đến nỗi vì lòng hiếu mà khiến cho người thân vẫn phải hứng chịu nỗi khổ sanh tử lớn lao, sẽ ngay trong đời này hưởng lợi ích lớn lao vãng sanh Tây Phương. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, Những căn cứ để làm cho hết thảy mọi người niệm Phật được vãng sanh hay không vãng sanh*)

* Pháp sư Huyền Trang lúc lâm chung cũng có chút bệnh khô, tâm nghi ngờ những kinh mình dịch có bị sai lầm gì chẳng, có một vị Bồ Tát an ủi Ngài: *“Do sự khổ nhỏ này, tội báo của Sư trong những kiếp trước đều tiêu tan cả, chớ nên hoài nghi!”* Hãy nên đem ý này an ủi mẹ ông, khuyên cụ sanh lòng hoan hỷ, đừng sanh lòng oán hận, thì quyết định được Phật gia bị. Thọ mạng chưa hết, sẽ chóng lành bệnh, nếu đã hết, sẽ vãng sanh. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Con người suốt cả một đời chuyện gì cũng có thể giả vờ được, chỉ có lúc sắp chết là không thể giả dối được! Huống chi cụ không có tình ái luyến, vẻ mặt vui tươi, ngồi yên qua đời. Nếu không phải là Tịnh nghiệp thành thực, làm sao được như thế? Chỉ cần nhìn vào anh em ông và gia đình quyền thuộc tích cực vì mẹ niệm Phật, chẳng những bà cụ được lợi ích mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình lại càng lớn hơn. Do vậy, đức Phật dạy con người phàm tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời còn hồi hướng cho chúng sanh không liên hệ gì với mình, huống gì lúc mẹ mất lại chẳng chí tâm vì mẹ niệm Phật hay sao?

Bởi lẽ, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh chính là phù hợp với thế nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả cũng trở thành sâu rộng như biển cả. Nếu chưa đến được biển, đừng nói chỉ là một giọt nước, dầu trường giang, sông lớn hiển nhiên vẫn thua xa biển cả như trời với đất. Do vậy, biết rằng phàm thí cho mẹ và hết thảy mọi người đều chính là tự vun bồi phước cho mình! Biết được nghĩa này thì người có lòng hiếu sẽ càng tăng trưởng lòng hiếu; kẻ không có lòng hiếu

cũng sẽ phát khởi tâm hiếu. Thịnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày rất tốt. Lúc niệm Phật thì anh em ông phải có người hiện diện niệm theo. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do*)

* Đối với việc cầu an cho người bệnh, tiền vong⁵⁸, người đời nay hay chú trọng tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục⁵⁹ v.v... Quang đều bảo những bạn bè quen biết nên niệm Phật, bởi niệm Phật lợi ích hơn tụng kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục nhiều lắm. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng thể đọc theo. Dù biết chữ nhưng tụng nhanh như nước chảy thì người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng không tụng được. Người biếng nhác tuy tụng được nhưng cũng không chịu tụng, thành ra hữu danh vô thực. Bái sám, làm đàn Thủy Lục cũng cứ theo đó mà suy!

Niệm Phật thì không một ai chẳng thể niệm được, dầu cho kẻ biếng nhác không chịu niệm, nhưng mọi người đồng thanh cùng niệm, nếu kẻ ấy không bịt tai thì một câu Phật hiệu cố nhiên sẽ rành rẽ phân minh rót vào tâm, tuy chẳng niệm mà cũng chẳng khác gì niệm. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm, tuy không cố ý muốn thơm mà ngờ đâu lại được như thế. Vì thân quyến đảo bệnh, cầu siêu, chẳng thể không biết điều này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hoàng Hàm Chi - 1*)

* Trong lúc ma chay, cúng tế, toàn dùng đồ chay, đừng bị thể tục xoay chuyển. Dầu bị kẻ chẳng hiểu thời thế chê là không đúng, cũng cứ mặc cho họ cười chê. Tang ma, chôn cất, chớ nên bày vẽ phô trương quá mức. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự gì khác, cũng như bảo cả nhà đều khẩn thiết niệm Phật thì đối với mẹ ông, đối với quyến thuộc và thân thích, bằng hữu của các ông đều có lợi ích thật sự.

⁵⁸ Tiền vong: Cầu siêu cho người đã khuất.

⁵⁹ Còn gọi là Thủy Lục Trai, Thủy Lục Đạo Tràng, Bi Trai Hội. Đây là pháp hội thí thực cho tất cả hữu tình sống trong nước (thủy) trên đất liền (lục) và các loài ngạ quỷ. Nguyên khởi do Lương Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy có vị Tăng dạy lập đàn Thủy Lục, cúng thí cho lục đạo tứ sanh. Vua bèn ra lệnh cho biên tập khoa nghi từ các kinh điển, dựa theo chuyện A Nan gặp Diên Nhiên ngạ quỷ (quỷ mặt bốc lửa cháy bùng bùng), được Phật dạy tạo Bình Đẳng Học để thí cho ngạ quỷ, soạn ra khoa nghi, tu Thủy Lục Trai Hội tại chùa Kim Sơn khoảng năm 504. Khoa nghi này được các đời sau bổ sung chi tiết hơn

(Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do)

* Từ khi Phật pháp truyền sang phương Đông, Tăng chúng đều [được an táng theo cách] hỏa thiêu. Những bậc cao nhân thông đạt, sùng tín Phật pháp đời Đường đời Tống cũng thường dùng cách này, vì Phật pháp trọng thân thức, chỉ sợ đắm chấp thân xác, chẳng thể giải thoát được! Thiêu đi thì sẽ biết “thân xác này chẳng phải là ta”, không còn đắm chấp nữa. Lại vì [người đã khuất] tụng kinh niệm Phật, mong cho họ chứng được Pháp Thân. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Bì ký về việc Linh Nham Sơn Tự xây dựng tháp Phổ Đồng cho tứ chúng)

* Khi Phật pháp hưng thịnh vào thời Đường - Tống, người tại gia thường dùng cách hỏa táng. Nhưng hãy nên thuận theo thói đời mà chôn cất, vì sợ kẻ chấp trước câu nệ sẽ lầm lạc nói ra nói vào, chứ thật ra thiêu sẽ dễ dàng gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày rồi hãy thiêu là ổn thỏa. Chôn lâu ngày thì rất có thể xương cốt bị phơi bày. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời anh em ông Châu Mạnh Do)

* Điều bi thảm nhất trong thế gian không chỉ bằng cái chết, nhưng người trong khắp cả cõi đời, không một ai may mắn thoát được! Vì vậy, người có tâm muốn lợi mình, lợi người, chẳng thể không sớm lo liệu! Thật ra, một chữ CHẾT vốn chỉ là giả danh, do kỳ hạn của quả báo chiêu cảm từ [các nhân] đời trước đã hết nên bỏ tấm thân này rồi lại thọ cái thân khác vậy. Kẻ chẳng biết Phật pháp thì đúng là không tìm được cách gì, chỉ đành mặc cho nghiệp xoay chuyển. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín nguyện niệm Phật, sắp đặt sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được nỗi khổ luân hồi sanh tử giả huyễn, chứng sự vui Niết Bàn thường trụ chân thật.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải bệnh nặng, bệnh tình khó bề thuyên giảm, thì hãy nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương và trợ niệm cho họ, để mong người bệnh nhờ vào đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế làm sao diễn tả được? Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; lời lẽ tuy thô vụng, quê kệch, nhưng ý vốn lấy từ kinh Phật. Gặp được nhân duyên này, hãy đều nên làm theo. Ba điều trọng yếu vừa nói đó chính là:

- Một là khéo chỉ dạy, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín.

- Hai là mọi người thay phiên niệm Phật để giúp [cho người sắp mất] giữ được tịnh niệm

- Ba là hết sức tránh dòi động, khóc lóc, kéo làm hỏng việc.

Nếu có thể tuân theo ba pháp này để hành thì [người sắp mất] chắc chắn sẽ tiêu trừ được túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân (cái nhân để vãng sanh Tịnh Độ), được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ được vãng sanh thì sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, dần dần tấn tu, ắt sẽ đạt tới viên thành Phật quả mới thôi. Sự lợi ích như vậy hoàn toàn nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. Có thể làm được như thế mới là chân hiếu đối với cha mẹ, mới thật là chân đễ⁶⁰ đối với anh em trai, chị em gái, mới thật là chân từ đối với con cái, mới thật là chân nghĩa, chân huệ đối với bằng hữu và đối với mọi người. Dùng những điều ấy để vun bồi cái nhân Tịnh Độ của chính mình, khơi gợi lòng tin tưởng của những đồng nhân, lâu ngày chầy tháng, đâu có khó gì mà chẳng tập quen thành lẽ thói cho được? Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để chẳng đến nỗi có những điều không thích đáng lúc lâm chung vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến cho [người sắp mất] sanh chánh tín

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thấy, [chỉ] nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong bèn chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay sắp theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả sự giàu sang, vui sướng, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến ta bị mắc hại. Vì thế, chẳng nên sanh một niệm quyến luyến, vương mắc.

Phải biết: Một niệm chân tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Sự chết vừa mới nói đó chỉ là xả thân này để lại thọ cái thân khác mà thôi! Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, đường dữ (Đường lành là trời - người. Đường ác là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. A Tu La vừa gọi là đường lành vừa gọi là đường ác vì họ tu nhân cảm quả đều là thiện - ác xen tạp). Nếu như trong lúc lâm chung,

⁶⁰ Chân đễ: Tình thương yêu, hòa thuận thật sự đối với anh em.

nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ấy, ắt quyết định cảm được Phật đầy lòng từ bi lớn lao, đích thân tiếp dẫn khiến cho ta được vãng sanh.

Thêm nữa, đừng nghi rằng: Ta là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn, sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây Phương? Nên biết rằng: Vì đức Phật đại từ bi nên dẫu là kẻ tội nhân Thập Ác, Ngũ Nghịch rất nặng, lúc lâm chung tướng địa ngục đã hiện ra, mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu mà còn được vãng sanh, sao vẫn cho rằng ta nghiệp lực nặng nề, niệm Phật ít ỏi ể rồi sanh lòng nghi ư?

Phải biết: Chân tánh vốn sẵn có của chúng ta và chân tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta Hoặc nghiệp sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về với cha, chính là trở về với quê nhà ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì vượt ra ngoài khả năng của ta đâu!

Hơn nữa, xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chỉ tâm tin ưa, dẫu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Vì thế, hết thấy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây Phương thì không một ai là chẳng được Ngài rủ lòng Từ tiếp dẫn. Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi tức là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ đâu! Huống hồ, lìa khỏi thế giới khổ não này, sanh về thế giới vui vẻ kia là chuyện hết sức sung sướng, hãy nên sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết! Dẫu sợ chết vẫn chẳng thể không chết, lại còn đâm ra mất phần vãng sanh Tây Phương nữa, vì tâm mình đã trái với tâm Phật rồi! Dẫu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng không làm thế nào được đối với những chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật!

Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liền tiêu diệt, giống như mảnh tuyết ở gần bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Vả lại, huống chi nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn sẽ tự

nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh và Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Mềm mỏng, uyển chuyển chỉ dạy, an ủi như thế thì người bệnh sẽ có thể tự sanh tâm chánh tín. Đây chính là những điều chỉ dạy cho người bệnh. Còn như những chuyện do lòng tận hiếu chí thành mà chính ta phải nên làm thì hãy chú trọng nơi những điểm ấy.

b. Thứ hai là mọi người thay phiên nhau niệm Phật để giúp [cho người chết giữ được] tịnh niệm

Trước đó, đã chỉ dạy người bệnh khiến cho kẻ ấy sanh chánh tín; nhưng vì người bệnh tâm lực yếu ớt, đừng nói chi hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ gì niệm liên tục lâu dài được, ngay cả người một mực chuyên trọng niệm Phật đến lúc ấy cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm thì mới có thể hữu hiệu. Vì vậy, quỳn thuộc trong nhà hãy nên cùng nhau phát tâm hiếu thuận, từ bi, vì người ấy trợ niệm Phật hiệu.

Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Nên chia thành ba ban, mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Niệm một tiếng đồng hồ thì ban thứ hai niệm tiếp; ban thứ nhất, ban thứ ba niệm thầm. Nếu có chuyện nhỏ thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; còn trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp. Xong rồi liền trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết: Chịu giúp cho người khác đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì cũng sẽ được hưởng quả báo có người trợ niệm. Chớ có nói “chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy”, đối với người dung cũng nên vun bồi ruộng phước của chính mình, trưởng dưỡng thiện căn của chính mình thì mới đúng là đạo tự lợi, chứ chẳng phải chỉ vì người khác mà thôi! Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức như thế há thể nghĩ lường được ư?

Ba ban niệm liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngắt. Nếu sức bệnh nhân niệm được thì nương theo đó niệm nhỏ nhỏ theo. Chẳng thể niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác sẽ tự có thể tương

ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; niệm to sẽ hao hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến cho bệnh nhân nghe chẳng rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Quá mau, bệnh nhân niệm theo chẳng nổi, đâu có lắng nghe [tiếng niệm] cũng khó nghe rõ. Quá chậm thì chẳng tiếp hơi nổi nên cũng khó có ích!

Hãy nên niệm chẳng lớn tiếng, chẳng nhỏ tiếng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp; từng chữ phân minh, từng câu rành mạch, khiến cho từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; như vậy thì dễ có sức [niệm theo]. Đối với pháp khí dùng để niệm Phật, chỉ nên dùng dẫn khánh, hết thấy các thứ khác đều nhất loạt chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong treo khiến tâm lòng người nghe thanh lương. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung.

Lại nữa, nên niệm Phật hiệu gồm bốn chữ. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó chuyên niệm bốn chữ A Di Đà Phật, chẳng niệm Nam Mô. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ niệm theo được hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều đỡ tổn tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu bên ngoài đến [trợ niệm] thì cũng niệm như vậy. Dù nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc lại ngưng nghỉ, rồi lại niệm khiến cho bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu gặp lúc ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng ngớt tiếng niệm Phật. Nếu như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban nên cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa. Sau đấy, mới ngưng niệm để lo liệu, sắp đặt mọi việc. Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vô vè. Đã có lòng đến thăm thì hãy theo đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm lòng yêu mến chân thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người ta xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy thật đáng đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người [đến thăm] để khỏi tổn thương tình cảm, lại khỏi gây hại cho bệnh nhân bị phân tâm chẳng được vắng sanh vậy.

c. Thứ ba là kiêng dè dòi động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người bệnh sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh, phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; quan trọng

cùng cực! Chỉ nên dùng Phật hiệu để hướng dẫn thần thức của người ấy, trợn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Mặc kệ [người ấy] nằm - ngồi như thế nào, cứ để yên người đó trong tư thế ấy, chẳng nên dời động chút nào. Cũng chẳng nên đối trước [người ấy] mà lộ vẻ buồn bã, thương xót, hoặc đến nỗi khóc lóc. Vì khi đó, [người sắp chết] thân chẳng tự chủ được; hễ lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị bẻ, chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên [tâm] niệm Phật bị ngưng dứt. Mang tâm sân hận ra đi, phần nhiều bị đọa vào độc loại (những loài vật hung dữ, độc địa như rắn, bò cạp, rết...), đáng sợ hãi quá sức! Nếu [người sắp chết] thấy [thân quyến] đau đớn, khóc lóc thì tâm mến luyến phát sanh nên [tâm] niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyến mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát. Lúc ấy, có lợi nhất thì không gì bằng nhất tâm niệm Phật; điều gây hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than. Nếu như vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận hay mến luyến thì dầu có muôn sanh Tây Phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một!

Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút từ dưới rút lên trên là tướng siêu thăng, còn [hơi nóng] từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

*Đánh thánh, nhãn thiên sanh
Nhân tâm, ngạ quỷ phúc
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất*⁶¹

Nhưng nếu mọi người chỉ thành trợ niệm thì [người chết] ắt tự có thể sanh thẳng về Tây Phương; chẳng nên thăm dò nhiều lượt khiến cho khi thần thức [người chết] chưa rời [khỏi xác], có thể sẽ do bị kích thích như vậy mà tâm sanh phiền đau nên chẳng được vãng sanh. Lỗi lầm ấy thật là vô lượng vô biên. Xin các thân hữu ai nấy đều khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần thăm dò xem hơi nóng cuối cùng bị lạnh đi ở chỗ nào. Kẻ làm con hãy nên lưu tâm điều này mới là hiếu thật sự. Nếu cứ thuận theo các tình cảm thông tục trong thế gian thì chính là xô người thân xuống biển

⁶¹ Đánh đầu nóng sẽ sanh vào cõi thánh, mắt còn nóng thì sanh vào cõi trời. Ngực nóng thì sanh vào cõi người. Bụng nóng thì sanh vào đường ngạ quỷ. Đầu gối nóng thì sanh vào đường súc sanh. Bàn chân nóng thì sanh trong địa ngục.

khô chẳng thương xót, mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen ngợi ta đã tận hiếu! Hiếu như vậy thì có khác chi là tình yêu của La Sát Nữ!

Kinh dạy: “*La Sát Nữ ăn thịt người, bảo: ‘Vì ta yêu người nên ăn thịt người!’*” Kẻ vô tri kia thể hiện lòng hiếu khiến cho người thân mất vui, bị khổ, há chẳng phải là giống hết cái tình yêu người của La Sát Nữ hay sao? Tôi nói ra lời này, chẳng phải là không đếm xỉa tình người, chỉ là muốn cho ai nấy đều xét rõ sự thực, cốt sao người chết vãng sanh, kẻ còn sống được phước, nhằm thỏa tâm lòng thành sắt son của con hiền, cháu thảo thương yêu người thân, chẳng ngờ lời lẽ dường như quá khích. Người thương yêu cha mẹ thật sự ắt sẽ lượng thứ cho! (*Án Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lâm chung tam đại yếu*)

V. Miễn cư tâm thành kính (Khuyên gắng giữ lòng thành kính)

* Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là Thành, là Cung Kính. Hai sự này dầu chư Phật tốt cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chứng Vô Sanh lại chẳng dốc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn xum xuê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chăng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời thầy Hoằng Nhất - 1*)

* Một pháp Niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến cùng cực mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này (Chiều hôm đại sư Ấn Quang thị hiện viên tịch, đã bảo các vị như Diệu Chân rằng: “*Pháp môn Tịnh Độ không có gì là lạ lùng, đặc biệt cả, chỉ cần khẩn thiết chí thành thì không một ai chẳng được Phật tiếp dẫn, đời nghiệp vãng sanh*”. Theo Vĩnh Tư Tập). Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dầu gieo được viên nhân, nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi.... Tôi thường nói: “*Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước huệ một phần. Có mười phần cung kính, thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước huệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm*”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành*)

* Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính cùng cực thì công đức sẽ như trong kinh nói: “*Dầu thuộc địa vị phàm phu, tuy chưa thể viên đắc, nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn*”. Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ, sướng, buồn, vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dầu có công đức cũng chẳng thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi; nhưng ắt sẽ lại ỷ vào si phước ấy mà tạo ác nghiệp, nổi khổ trong tương lai khi nào hết được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân - 2*)

* Là Thành, là Cung Kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều làm. Ấn Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt

đẹp của cổ đức, do vậy mới biết Thành và Cung Kính quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... là Phật thật sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội, xuất sanh tử. Nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v... thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi; khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì. Nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng sơn vẽ thì tội ngập trời! Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ, phải nghĩ Phật, Tổ đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh nha ý niệm lười nhác, coi thường.

Tôi nói người làm được như thế ắt được vãng sanh, cao đẳng phẩm vị, chứng ngộ triệt để Nhất Chân. Nếu không, bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, nhưng chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò! Đối với Tam Bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn xuông! Người bây giờ ngay một chữ “khuất” còn không nói được, huống gì thực hành? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vu Tịch Âm ở Vô Tịch*)

* Nghi thức lễ Phật đối với người rất bận chẳng cần phải lập riêng, chỉ cần chí thành khẩn thiết xưng niệm Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, ắt phải thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Văn Lôi - 2*)

* Chẳng thể lễ xá-lợi, chẳng thể thân cận từng lâm, nào có thiếu sót gì đâu? Cứ hễ thấy tượng Phật, liền nghĩ đó là đức Phật thật, thấy kinh Phật, lời Tổ, liền tưởng như Phật, Tổ đang đối mặt dạy mình, phải cung, phải kính, không biếng nhác, không coi thường thì chẳng phải là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức, xá-lợi, từng lâm hay sao? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Tạ Dung Thoát*)

* Hết thầy các kinh Đại Thừa hiển hay mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói, về lý đều vốn duy tâm, đạo phù hợp Thật Tướng. Trãi ba đời chẳng biến đổi, cả mười pháp giới đều tuân theo. Là người dẫn đường để

trở về nguồn, quay lại cội, dẹp khổ, ban vui, là đạo sư của chư Phật, là bậc cha lành dẹp khổ ban vui cho chúng sanh. Nếu có thể tột lòng thành, tận lòng kính, lễ tụng, thọ trì thì cả mình lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u - hiền đều được gọi ân quang. Dường như Như Ý Châu, giống như Vô Tận Tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng cùng, tùy tâm hiện lượng đều vẹn sở nguyện. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận*)

* Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải thực hiện với mười phần thành tâm. Trì kinh và niệm Phật về mặt Sự tuy giống nhau, nhưng lòng Thành có sâu hay cạn, phù phiếm hay thiết tha khác biệt, cho nên lợi ích càng khác biệt lớn lao! Mọi chuyện trong thế gian đều phải do lòng Thành để được thành tựu, huống gì trì kinh, niệm Phật, muốn dùng cái thân phàm phu để liễu sanh thoát tử, siêu lên cõi Phật, mà thiếu lòng Thành há có được chăng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào ở Hải Môn*)

* Trì tụng kinh chú, quý tại chí thành. Dầu trọn chẳng biết nghĩa, mà nếu có thể hết lòng Thành, cạn lòng kính, kiên thành, khẩn thiết thọ trì thì lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ nghiệp tiêu, trí rạng, chương tận, tâm minh, còn có thể thấu hiểu trực tiếp ý Phật, huống là những giải thích về mặt văn tự và ý nghĩa của chúng ư?

Nếu không, dầu có thấu hiểu thông suốt nhưng do chẳng chí thành thì chỉ trở thành tình kiến phàm phu, dò đoán suy lường mà thôi; chứ không có cách nào đạt được lợi ích chân thật và sự cảm ứng chân thật của kinh! Do hoàn toàn là thức tâm⁶² phân biệt suy lường thì làm sao có thể ngấm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo, hễ vừa vượt thoát liền chứng nhập trực tiếp, mau chóng đạt lợi ích thù thắng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa sách Triều Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại Giải Thích*)

* Kinh dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó được nghe*”. Nếu không có nhân duyên kiếp xưa thì danh hiệu kinh Phật còn chẳng được nghe, huống là được thọ trì, đọc tụng, tu nhân, chứng quả ư? Những gì đức Như Lai đã nói đều y theo lý vốn sẵn có trong tâm chúng sanh,

⁶² Thức tâm (còn gọi là Tâm Sở Pháp), tức cái tâm bị chi phối bởi tác dụng của sáu thức hay tám thức; gọi như vậy để phân biệt với chân tâm.

ngoài tâm tánh trọn chẳng có một pháp nào để đạt được cả. Chỉ vì chúng sanh đang mê nên chẳng thể hiểu rõ, trong Chân Như Thật Tướng bèn huyễn sanh vọng tưởng, chấp trước. Do vậy, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, mê trí huệ nên thành phiền não, ngay nơi thường trụ bèn thành sanh diệt, trải trần điểm kiếp, không thể thoát được. May mắn gặp được những kinh Đại Thừa hiền - mật do đức Như Lai đã nói, mới biết hạt châu vẫn y nguyên nơi chéo áo, Phật tánh vẫn tồn tại. Tự coi mình là khách, là kẻ hạ tiện, nhưng vốn thật là con ông trưởng giả. Trời - người sáu nẻo chẳng phải là chỗ ta ở; Thật Bảo, Tịch Quang mới là quê nhà sẵn có. Nghĩ lại từ vô thủy đến bây giờ, chưa nghe lời Phật nên dù sẵn có tâm tánh này, vô có bị luân hồi oan uổng! Thật là đáng đau đớn khóc than, tiếng rên đại thiên, tim từng miếng xé toạc, ruột từng tắc đứt lìa. Ân ấy, đức ấy quả còn hơn trời đất, cha mẹ gấp trăm ngàn vạn lần. Dầu nghiền thân nát xương, há có thể báo đền được? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

* Kinh Kim Cang dạy: “*Nếu kinh điển này ở đâu, chỗ ấy có Phật, phải như đệ tử tôn trọng [Phật]*”. Lại dạy: “*Nơi nơi, chốn chốn, nếu có kinh này thì hết thấy thế gian trời, người, A Tu La đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp, đều nên cung kính, làm lễ, đi nhiễu, dùng các thứ hương hoa rải lên nơi đó*”. Vì sao lại dạy như thế? Do hết thấy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của hết thấy chư Phật đều từ kinh này mà ra.

Các kinh Đại Thừa đâu đâu cũng dạy con người phải cung kính kinh điển, chứ không phải chỉ nói một lần rồi thôi! Ấy là vì các kinh Đại Thừa chính là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền Từ thoát khổ của chúng sanh trong chín giới. Dù cao đẳng Phật quả vẫn còn phải kính pháp, ngỗ hầu báo đáp đền tận gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: “*Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh*”.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp, hướng gì hạng phàm phu sát đất, toàn thân đầy nghiệp lực, như tù nhân phạm tội nặng bị giam cầm lâu ngày trong lao ngục, không cách gì thoát ra được! May sao nhờ vào thiện căn đời trước, được xem kinh Phật, như tù nhân nhận được lệnh tha, mừng rỡ vô ngần! Do vậy, bèn nương theo kinh pháp vái chào tam giới mãi mãi, thoát khỏi lao ngục sanh tử vĩnh viễn, đích thân chứng Tam Thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Vô biên lợi ích do nghe kinh bèn

đạt được, há có nên dựa theo tri kiến cuồng vọng chẳng giữ lòng kính sợ, giống như nhà Nho đọc sách trong cõi tục, buông tuồng khinh nhờn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Kiệt Thành Phương Hoạch Lợi Ích Luận*)

* Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kế đến là đọc chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uống công lao tâm lao lực, uống phí năm tháng. Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đoạn tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đoạn tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: “*Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh*”, tức là nói đến cách xem như vậy đó. Vì thế nói “*chỉ*”. Có thể xem kinh như thế thì xem kinh Đại Thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phạm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ tăng cao ư?...

Ngài Trí Giả tụng kinh, hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hồng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được “niệm cực, tình vong”, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao thầy vẫn viết mãi, liền đuổi tay ra chẳng thấy được bàn tay⁶³. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng

⁶³ Theo Tử Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị Tăng này chính là Nhất Am thiền sư sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

một sự chuyên tâm chuyên chí. Ra sức như thế, lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoát nhiên quán thông.

Thời Minh, thiền sư Tuyết Kiều Tín, người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằn tham cứu tận lực, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những điều người khác không thể làm, khổ hạnh ấy người khác quả thật khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra những điều khéo khéo hợp thiền cơ, dầu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẩy vùng, nghiêm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên ròng tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Người học Phật ban đêm đừng ngủ trần truồng, phải mặc áo, quần đùi, tâm thường như đối trước Phật. Ăn cơm chớ nên quá mức. Cơm ngon đến đâu đi nữa chỉ ăn đến mức tám chín phần [là tối đa]. Ăn mười phần đã chẳng có ích cho người; ăn mười mấy phần ắt tạng phủ bị thương tổn. Thường ăn như thế nhất định bị đoản thọ. Hễ ăn quá nhiều, tâm hôn trầm, thân mỏi mệt, tiêu hóa chẳng kịp, ắt phải trung tiện. Chuyện trung tiện là chuyện tệ nhất, là chuyện gây nên tội lỗi lớn nhất. Nơi Phật điện, tăng đường, đều phải cung kính; như thấp hương chẳng qua để biểu lộ tấm lòng, chứ xét rốt ráo ra, chẳng có loại nào đáng xem là hương cả! Nếu ăn nhiều, vãi trung tiện hết sức hôi thối, khiến cho hơi thối ấy xông sức Tam Bảo, tương lai ắt sanh làm loài giòi trong hầm phân. Chẳng ăn quá mức sẽ chẳng phóng trung tiện!

Nếu như dùng chất lạnh, cảm thấy không ổn, hễ vô sự bèn đi ra chỗ trống xả ra, đợi đến khi tan mùi lại quay vào trong thất. Nếu có việc chẳng ra ngoài được, hãy nên dùng sức kiềm lại, chưa đầy một khắc nó sẽ tan mất trong bụng. Có người nói chẳng phóng ra sẽ thành bệnh; lời lẽ này còn nặng tội hơn chuyện phóng trung tiện, vạn phần chớ nghe theo... Chúng ta là nghiệp lực phàm phu ở trong Phật điện của bậc Thánh Trung Thánh, Thiên Trung Thiên (thánh của các thánh, trời của các trời), nơi có đủ Tam Bảo, sao dám chẳng kiềm chế, mặc tình trung tiện ư? Tội lỗi ấy lớn nhất không gì sánh bằng! Có lắm kẻ do chẳng xem nhiều trước thuật của cổ đức, nên tưởng là cổ đức không nói đến. Chẳng biết cổ đức nói rất khéo, gọi đó là “*tiết hạ khí*” (hơi rỉ ra từ bên dưới). Họ cũng chẳng

hiếu câu đó có nghĩa là gì, chẳng thêm đề ý. Ba mươi, bốn mươi năm trước, Quang thường nói đến chuyện này, sau thử hỏi lại, người ta chẳng biết là chuyện gì! Do vậy, tốt nhất cứ nói thẳng là “trung tiện”. Trong tuồng hát, hề chửi người khác nói năng buông tuồng, bèn nói: “Lời người nói như thả rắm”. Phàm có chuyện gì kinh sợ, đều chẳng dám thờ mạnh, làm sao còn đánh trung tiện được? Do buông tuồng không kiêng dè, nên mới trung tiện! Chớ có nói “nhắc đến chuyện trung tiện nghe không nhã”, thật ra, tôi vì muốn tạo cách cứu người khỏi bị làm giới trong hàm phân! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Sáng dậy và lúc đại tiểu tiện xong, phải rửa tay. Phàm sờ lên thân, mò xuống chân đều phải rửa tay. Những tháng mùa Hạ ống quần chớ buông thùng thình, phải bó lại. Tùy tiện khắc đàm hỉ mũi là chuyện tổn phúc lớn lắm! Đất Phật thanh tịnh, chẳng những trong điện đường chẳng được khắc nhổ, hỉ mũi, mà ngay cả trên cuộc đất sạch phía ngoài điện đường cũng chẳng nên khắc nhổ, xỉ mũi. Nhổ trên đất sạch sẽ tạo thành vế dơ bẩn! Có kẻ luông tuồng chẳng kiêng dè, khắc bừa ra đất hay khắc lên vách trong phòng! Một gian phòng đẹp đẽ mà khắp đất, đầy tường toàn là đàm. Kẻ ấy khắc đàm để ra vế hồng hách, lâu ngày thành bệnh, hằng ngày thường khắc; tinh hoa của đồ ăn thức uống đều biến thành đàm hết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Xem kinh luận và các loại sách vở chớ nên vội vã. Phải xem nhiều lần, xem gấp rút sẽ chẳng thể ngưng lặng được, khó lòng thấu đạt ý chỉ. Kẻ hậu sinh hơi thông minh, được một bộ kinh sách bèn quên ăn bỏ ngủ để xem, coi một lần là xong liền. Lần thứ hai không còn hứng thú xem nữa. Dù có xem, cũng giống như vẽ mặt hồn ngơ ngẩn. Những loại người này đều chẳng thể thành tựu, hãy nên tận lực ngăn ngừa! Tô Đông Pha nói: “*Cựu thư bất yếm bách hồi độc. Thực độc thâm tư tứ tự tri*” (Sách cũ trăm lần xem chẳng chán; đọc kỹ, nghĩ sâu ắt tự biết).

Không Tử là bậc thánh thông minh thiên phú còn đọc kinh Dịch đến độ ba lần đứt lè sách. Với tư cách của Không Tử, vừa qua mắt liền thuộc lòng, cần gì phải nhìn vào văn để đọc nữa? Do vậy, ta biết: Nhìn vào văn có điểm rất tốt. Đọc thuộc thì phần lớn là miệng đọc qua tron tru, còn xem văn thì mỗi chữ, mỗi câu đều biết được chỉ thú. Chúng ta nên học

theo cách này, chớ nên tỏ vẻ chính mình thông minh, chuyên đọc thuộc lòng.

Thời Khổng Tử không có giấy. Hễ viết thì viết trên tấm gỗ hoặc viết trên thẻ tre (trúc giản 竹簡, tức là thẻ bằng tre). Sáu mươi tư quẻ Dịch do Phục Hy⁶⁴ vạch ra. Phần Thoán⁶⁵ mở đầu sáu mươi bốn quẻ do Văn Vương soạn. [Ý nghĩa của] sáu hào trong mỗi quẻ do Châu Công định ra. Ngoài ra, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Thượng Kinh, phần Thoán Truyện, Tượng Truyện của Hạ Kinh và phần Văn Ngôn của hai quẻ Càn Khôn, Hệ Từ Thượng Truyện, Hệ Từ Hạ Truyện, Thuyết Quái Truyện, Tụ Quái Truyện, Tạp Quái Truyện⁶⁶, được gọi chung là Thập Dực đều do Khổng Tử biên soạn. Nếu chỉ xét theo số lượng chữ thì phần

⁶⁴ Phục Hy: Còn được gọi là Bào Hy, hoặc Thái Hạo, theo truyền thuyết sống vào khoảng 8.000 hoặc 7.500 trước Công Nguyên, là một trong ba vị thánh vương (Tam Hoàng, tức Phục Hy, Hoàng Đế, Thần Nông) của Cổ Trung Hoa. Ông và bà Nữ Oa (có thuyết nói họ là anh em, nhưng thường được hiểu là vợ chồng) được coi là thủy tổ của nhân loại trong văn hóa Hoa Hạ. Theo đó, cả ông và Nữ Oa đều có nửa thân dưới là rắn. Ông ta đóng đô tại Uyển Khuru (nay là huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam). Theo thần thoại, Phục Hy lên đàn hình vuông, nghe tiếng gió thổi đến từ tám phía, bèn nghĩ ra Bát Quái.

⁶⁵ Trong Kinh Dịch, mỗi quẻ có một lời giảng tổng quát ý nghĩa của quẻ ấy gọi là Thoán (彖). Lời giải thích ý nghĩa mỗi một Hào (爻, tức một vạch liền hoặc đứt) trong một quẻ gọi là Hào Từ (爻辭) tương truyền do Châu Công soạn.

⁶⁶ Kinh Dịch được chia thành hai phần: Thượng Kinh gồm 30 quẻ đầu, Hạ Kinh gồm 34 quẻ sau. Thập Dực có nghĩa là mười cái cánh. Đa phần các nhà chú giải cho rằng: Phần Thoán và phần Hào giống như con chim đã trợn vện hình rồi, thêm Thập Dực như chấp cánh thêm lông cho con chim được thêm toàn vẹn. Thời cổ, chữ Truyện có nghĩa là lời giải thích kinh điển. Thoán Truyện là lời giải thích cho rõ ý nghĩa phần Thoán Từ. Tượng Truyện là phần giải thích ý nghĩa của Tượng được biểu thị bởi mỗi quẻ (Đại Tượng), phần giải thích tượng của mỗi hào gọi là Tiểu Tượng. Theo cụ Nguyễn Hiến Lê, Tượng (象) có nghĩa là hình thái, như câu “*tại thiên thành tượng, tại địa thành hình*” (trên trời thành tượng, dưới đất thành hình); nó còn có ý nghĩa là biểu tượng như câu “*Thiên thùy tượng, kiến cát, hung; thánh nhân tượng chi*” (Trời hiện ra hình tượng, thấy điềm lành, điềm dữ, thánh nhân phỏng theo đó lập nên biểu tượng). Hệ Từ truyện thường được hiểu là phần giải thích chung cho mỗi quẻ và hào. Văn Ngôn Truyện là phần giảng về lời kinh văn, nhưng chỉ chú trọng vào ý nghĩa hai quẻ Thuần Càn và Thuần Khôn. Thuyết Quái Truyện giảng về ý nghĩa tám quẻ đơn (Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài). Tụ Quái Truyện giải thích về thứ tự các quẻ (lý do tại sao lại sắp các quẻ theo thứ tự đó). Tạp Quái Truyện giải thích linh tinh về một số quẻ.

biên soạn của Không Tử gấp mười mấy lần phần trước tác kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công. Nhưng Không Tử đọc kinh Dịch của Văn Vương, Châu Công rồi cuộc đến nỗi dây buộc sách bằng da thuộc bị mòn đứt ba lần, đủ biết số lần đọc chẳng thể tính đếm xuê! Chúng ta hằng đọc kinh Phật, trì Phật danh giống như Không Tử đọc kinh Dịch ắt sẽ có thể dùng lời Phật, phẩm đức của Phật mà un đúc cái tâm nghiệp thức của chính mình trở thành trí huệ tạng của Như Lai. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư nhắc nhở người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* Kinh chẳng thể đọc được, tượng chẳng thể thờ được nữa, lẽ đương nhiên hãy nên thiêu đi, nhưng chớ nên làm giống như thiêu giấy chữ bình thường, mà phải tạo ra đồ để thiêu riêng, giữ gìn nghiêm ngặt chẳng để cho tro bay sang chỗ khác. Dem tro ấy đựng trong túi vải may thật kín, lại bỏ thêm cát sạch hoặc đá sạch để hể bỏ xuống nước sẽ chìm ngay, chẳng đến nỗi giạt vào hai bờ. Nếu có ai ra biển, đến chỗ sâu bỏ xuống giữa biển, hoặc nơi sâu trong sông to thì được, chớ bỏ xuống ngòi nhỏ, rạch nhỏ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời sư Như Sầm hỏi thay cho bạn*)

VI. Khuyến chú trọng nhân quả (Khuyên chú trọng nhân quả)

1. Giảng rõ lý nhân quả

* “*Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh*”. Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật Quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch⁶⁷, thoát đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). “*Tích thiện, tích bất thiện*” là nhân, “*dư khánh, dư ương*” là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bồn khánh, bồn ương? Bồn khánh, bồn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, [những quả báo ấy] sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần! Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư?....

Kinh dạy: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật [nội dung sách ấy] với Vũ Vương. Lời nói về Ngũ Phước, Lục Cự ở cuối [thiên sách] ấy đã giảng rõ nghĩa “nhân quả ba đời” cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tổng Nho cho rằng: “Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy”. Họ phán quyết: “Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém - chặt - xay - giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?” Họ quyết đoán “chắc chắn không có nhân quả”, vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền

⁶⁷ Châu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Châu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Châu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

đã tạo sẵn căn cứ cho Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chẳng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái Ta thật sự đã không có, hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Văn Hối Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lân Ngọn*)

* Đức Phật nói nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là nêu bày nhân quả đến rốt ráo vậy. Có người bảo nhân quả là Tiểu Thừa, chẳng chịu đề xướng, đầy đủ là hạng chuyên bàn xuông, chẳng tu thật đức! Đức Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa ác đạo đều chẳng ra ngoài nhân quả, sao lại riêng coi là Tiểu Thừa ư?

Như [Không Tử] nói “*một Âm một Dương gọi là Đạo*”, thì cái Đạo vừa nói ấy thật sự là đạo gì? Chẳng phải là đạo Thành và Minh hợp nhất đó ư? Thành chính là Minh Đức, tức diệu tánh bất sanh bất diệt vốn sẵn có trong tâm chúng ta, đây chính là Tánh Đức. Do không có công phu khắc phục [phiền não] nên [Tánh Đức] chẳng thể hiển hiện được; vì thế gọi nó là Âm. Minh chính là như chữ Minh [thứ nhất] trong câu “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ Minh Đức), tức là công phu “*triêu cần tịch dịch*”⁶⁸, *gắng sức tu trì*”, tức Tu Đức. Do những sự thuộc về Tu Đức hiển hiện rõ ràng nên gọi là Dương. Dốc công Tu Đức đến cùng cực thì Tánh Đức sẽ tỏ lộ trọn vẹn, Thành và Minh hợp nhất, tức là cái thường được gọi là “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*” (làm sáng tỏ Minh Đức, ở yên nơi tốt lành tột cùng).

Công phu phía trước điều này (tức những phương cách tu tập để đạt đến “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*”) là cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, còn sự nghiệp phía sau những điều này (tức những diệu dụng được thể hiện sau khi đã đạt đến “*minh Minh Đức chỉ ư chí thiện*”) là tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nhưng [nếu] chỉ dùng [những công phu tu tập] Thành và Minh hợp nhất “*minh Minh Đức, chỉ ư chí thiện*” này

⁶⁸ “*Triêu cần tịch dịch*” vốn là một thành ngữ phát xuất từ một câu nói trong sách Châu Dịch: “*Quân tử chung nhật cần cần, tịch dịch nhược lệ, vô cửu*” (Quân tử suốt ngày từ sáng đến tối cần thận đề dặt, không có chút coi thường, chểnh mảng nào, nên không lầm lỗi). Do vậy, “*triêu cần tịch dịch*” có thể hiểu là luôn cố gắng cần thận, giữ gìn, không coi thường, buông lung ý niệm.

để đạt tới “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” thì chưa thể nào đạt như vậy được, cho nên mới [cần phải] có những điều khiến cho chính ta chẳng thể không làm như vậy được (tức là những điều khiến cho chúng ta phải gắng sức cách vật, trí tri, chánh tâm, thành ý).

Thế nào là “những điều khiến cho chính ta không thể không làm như vậy được?” Chính là nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo! Kẻ tuy chí ngu, quyết cũng chẳng chuộng hung, ghét lành, vui mừng vì bị tai họa! Nghe “*chất chứa điều thiện ắt sự vui có thừa, chất chứa điều bất thiện ắt tai ương có thừa*”, người hiền ắt sẽ càng thêm siêng tu, kẻ không ra gì cũng phải gắng sức làm lành. Cố gắng lâu ngày, nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, không có lầm lỗi, đức được sáng tỏ, xưa kia là kẻ chẳng ra gì, nay là bậc đại hiền.

Do vậy biết đối với việc tự tu thì đạo Thành - Minh đã đủ rồi, nhưng để dạy người khác, nếu chẳng dùng nhân quả để giúp vào thì cũng khó khiến cho trọn hết mọi người đều tuân theo được! Kết hợp hai pháp nhân quả và Thành - Minh thì mới là đạo kế thiên lập cực⁶⁹ nêu gương mẫu cho muôn đời của thánh nhân, đây cũng chính là ánh sáng sẵn có trong tự tâm và Phật quang phổ chiếu pháp giới vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Nếu tỏ ý nghĩa ẩn kín của việc thành lập Phật Quang phân xã tại nội thành Vụ Nguyên*)

* Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí huệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Do vậy, biết trí huệ, đức tướng của chúng sanh và Phật giống nhau. Ấy chính là Tánh Đức! Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau. Đây chính là Tu Đức vậy.

Tu Đức có thuận, có nghịch. Tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt để, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì! Tu nghịch với tánh thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng mất gì. Hiểu rõ điều này thì

⁶⁹ “*Kế thiên lập cực*” là một thành ngữ hiểu theo nghĩa đen là kế thừa ngôi vua, do vua được xưng tụng là thiên tử (con trời), ngôi vị cao nhất trong vạn dân, nên gọi là “kế thiên lập cực”. Hiểu theo nghĩa rộng, “*kế thiên lập cực*” là kế thừa đạo trời, dự vào ngôi vị cao cả, tức ngôi vị thánh nhân, thuận theo mạng trời, được vạn dân ngưỡng vọng.

kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yểu, kẻ chết yểu được sống thọ, phú quý, bần tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành không nơi nương tựa, không nơi nương tựa cũng có thể trở thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi, xếp [đá thành] bậc rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh.

Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý “*tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp*”; bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp! Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thần, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được!

Viên Liễu Phàm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thấy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn! Thế tục thường gọi “*tiền nhân*” là trời, “*thiên định thắng nhân*” nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước! Nhân định cũng có thể thắng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương cậy! Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước. Nếu mặc tình làm càn thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần, bạt tụy; đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 6*)

* Kinh dạy: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Bồ Tát sợ gặp ác quả nên đoạn trừ sẵn ác nhân. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uổng công nhọc nhằn rong ruổi! Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả! Từ đó, lui hồi cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền “*báo thông ba đời, chuyển biến do tâm*”!

“*Báo thông ba đời*” có nghĩa là đời này làm thiện, làm ác; ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là Hiện Báo. Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là Sanh Báo. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, đó gọi là Hậu Báo. Hậu Báo sớm - trễ không nhất định. Hễ gây nghiệp quyết định không thể chẳng thọ báo.

“*Chuyển biến do tâm*” là ví như có người tạo ác nghiệp, sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hối hận lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh, niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bần cùng đói khát, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh.

Kinh Kim Cang dạy: “*Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Đây chính là ý nghĩa “chuyển biến do tâm” vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu*)

* “Niệm Phật diệt được tức nghiệp”, nhưng cần phải sanh lòng hối hận lớn lao, sanh lòng kinh sợ lớn lao, chuyển cái tâm “tổn người lợi mình” của chúng sanh thành “hành hạnh Bồ Tát lợi khắp các chúng sanh” thì dù là tức nghiệp (nghiệp trong quá khứ) hay hiện nghiệp (nghiệp hiện tại) đều bị quang minh của Phật hiệu trong cái tâm đại Bồ Đề ấy tiêu diệt sạch sành sanh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Khang Ký Dao - 1*)

* Con người tu phước hay tạo nghiệp nói chung chẳng ngoài sáu căn, ba nghiệp. Sáu căn chính là Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Năm căn trước thuộc thân nghiệp, Ý căn sau cùng thuộc về tâm, tức Ý nghiệp. Ba nghiệp là:

1) Một là Thân Nghiệp gồm ba thứ, tức sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba sự này tội nghiệp cực nặng.

a. Người học Phật nên ăn chay, yêu tiếc sanh mạng. Phàm là động vật đều biết đau đớn, đều tham sống, sợ chết, chẳng nên sát hại. Nếu giết để ăn sẽ kết thành một sát nghiệp. Đời kếp, đời sau, ắt phải bị chúng giết lại.

b. Hai là trộm cắp, phạm những vật của người khác, chớ nên “không cho mà lấy”. Trộm vật rẻ tiền là đánh mất nhân cách của chính mình. Trộm vật đáng giá chính là hại thân mạng người ta. Trộm cắp vật của người khác tội hồ chiếm được tiện nghi, [nhưng thật ra] tổn phước thọ của chính mình, đánh mất những thứ trong mạng mình lẽ ra phải có so với những thứ ta ăn trộm còn nhiều gấp bội lần. Nếu dùng mưu chiếm đoạt, hoặc dùng oai thế hiếp đáp cướp lấy, hoặc trông coi [tài sản] cho người khác rồi giở thói xấu chiếm lấy đều gọi là “trộm cắp”. Kẻ trộm cắp ắt sanh ra con cái phóng đảng, người liêm khiết ắt sanh con hiền thiện. Đây chính là thiên lý nhân quả nhất định!

c. Ba là tà dâm. Phạm với những kẻ chẳng phải là thê thiếp của chính ta, bất luận kẻ ấy hiền lương hay hạ tiện, đều chẳng được cùng họ hành dâm. Hành tà dâm là hoại loạn nhân luân, tức là dùng thân người làm chuyện súc sanh. Đời hiện tại đã thành súc sanh thì đời kế tiếp phải làm súc sanh. Người đời coi chuyện con gái lén lút cùng người khác là nhục, chẳng biết con trai tà dâm thì cũng [đáng nhục] giống hệt như con gái. Kẻ tà dâm ắt sanh ra con cái chẳng trinh khiết. Ai muốn con cái của chính mình chẳng trinh khiết? Tự mình đã làm chuyện ấy trước, con cái bẩm thụ khí phận của chính mình, quyết khó thể đoạn chánh chẳng tà!

Không những chẳng được tà dâm với bóng sắc bên ngoài, mà ngay cả trong sự chánh dâm giữa vợ chồng cũng nên có giới hạn. Nếu không, chẳng chết sớm thì cũng tàn phế. Kẻ tham ăn nằm khó có con cái, dù có sanh ra cũng khó thành người. Dầu có thành người thì cũng yếu đuối, chẳng thành tựu gì! Người đời coi hành dâm là vui, chẳng biết chỉ sướng một khắc, khổ suốt cả đời, khổ lây con cái, cháu chắt!

Ba điều này chẳng làm thì chính là thiện nghiệp nơi thân, nếu làm thì chính là ác nghiệp nơi thân.

2) Khẩu Nghiệp gồm có bốn: Nói dối, nói thêu dệt, ác khẩu, nói đôi chiều.

a. Nói dối là nói lời không chân thật. Đã không nói chân thật thì tâm cũng chẳng chân thật, đánh mất nhân cách rất lớn.

b. Nói thêu dệt là nói những lời phong lưu tà vạy, khiến cho kẻ khác khởi ý niệm dâm dăng. Kẻ thiếu niên vô tri nghe lâu ngày ắt sẽ bị tà dâm chôn vùi nhân cách, hoặc thủ dâm tổn hại thân mạng. Tuy kẻ ấy chẳng tà dâm cũng sẽ đọa đại địa ngục. Từ địa ngục ra, hoặc làm lợn nái, chó cái. Nếu sanh trong loài người, thường làm gái ăn sương, thoát đầu trẻ tuổi xinh đẹp, còn chưa khổ sở lắm. Lâu ngày bệnh phong tình phát ra, khổ chẳng nói nổi. May có được cái miệng này, sao lại khổ sở tự chuốc lấy họa ương cho cả ta lẫn người, chẳng tạo hạnh phúc cho cả mình lẫn người vậy?

c. Ác khẩu là nói lời hung bạo như đao, như kiếm, khiến cho người ta khó thể chịu đựng nổi.

d. Nói đôi chiều là đòn xóc hai đầu, kêu gọi thị phi, nhỏ thì gây rối người khác, lớn thì loạn nước.

Bốn điều này không làm thì là thiện nghiệp nơi miệng, nếu làm thì là ác nghiệp nơi miệng.

3) Ý Nghiệp gồm ba thứ, tức tham dục, sân khuê, ngu si.

a. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ đạc đều mong gom hết về mình, càng nhiều càng hiềm rằng ít.

b. Sân khuê là bất luận chính mình đúng hay sai, nếu người khác chẳng thuận ý ta bèn nổi cơn thịnh nộ, chẳng chấp nhận lý lẽ của người ta.

c. Ngu si không phải là trợn chẳng biết gì, mà dẫu là kẻ đọc hết sách vở thế gian, vừa qua mắt liền nhớ, mở miệng thành chương, nhưng chẳng tin nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là con người chết đi thần hồn diệt mất, không còn có đời sau v.v... đều gọi là ngu si!

Chẳng làm ba điều này thì là thiện nghiệp nơi ý, làm ba điều này thì là ác nghiệp nơi ý. Người Thân - Khẩu - Ý ba nghiệp đều thiện thì công đức do tụng kinh niệm Phật so với người ba nghiệp đều ác lớn gấp trăm

ngàn lần. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư răn nhắc những người mới phát tâm học Phật ở quê tôi*)

* “*Họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy*”, thiện báo, ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình. Giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình. Giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ, ắt con ta có hiếu. Khéo thờ anh, ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rơi nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước! Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người, lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình! Tôn người, lợi mình, thương thiên, hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình.

Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai, gặp họa, theo dữ, tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiền quả, thì cái tâm tham - sân - si chẳng đến nổi lẫy lừng, nghiệp giết - trộm - dâm chẳng dám làm càn. Yêu người, lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh*)

* Phật và chúng sanh cùng một tâm thể, nhưng sự thọ dụng khác biệt như trời với vực là do vì dụng tâm chẳng đồng mà ra. Phật chỉ nghĩ dùng lòng Vô Duyên Đại Từ, lòng Đồng Thể Đại Bi để độ thoát chúng sanh, trọn không có tâm “ta - người, đây - kia”. Dẫu cho độ tận hết thấy chúng sanh, cũng chẳng thấy tướng người độ, kẻ được độ. Vì thế, phước huệ được trọn đủ, được thể gian tôn kính.

Chúng sanh chỉ dốc lòng tự tư tự lợi, dẫu thân thiết như cha mẹ anh em còn chẳng thể không có tương đay - kia, huống chi là người xung quanh, người trong cõi đời ư? Do vậy, cảm lấy nghiệp báo: Hoặc sanh trong nhà bần cùng hạ tiện, hoặc đọa trong tam đồ ác đạo! Dẫu cho tự tu giới thiện Thiển Định được sanh về chỗ vui trong nhân gian hay cõi trời, nhưng do không có tâm đại bi nên chẳng thể khế hợp Bồ Đề được ngay. Do vậy, vừa hết phước báo lại bị đọa lạc, chẳng đáng buồn ư? Như vậy,

[nếu] chỉ muốn tạo lợi ích cho người khác thì lại trở thành làm lợi cho chính mình; kẻ chỉ muốn tự lợi thì chính là tự hại vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời bạt cho bản in lại kinh Dược Sư Như Lai Bồ Nhị*)

* Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên, chuyện được thành hay chẳng đều do nhân duyên gây ra. Tuy có người làm cho chuyện ấy thành hay bại, nhưng quyền lực thực tế là do cái nhân trước của chính ta, chứ không do cái duyên hiện tại. Hiểu điều này sẽ vui theo mạng trời, chẳng oán, chẳng hận (Nếu biết nhân trước quả sau thì cùng quần hay thông suốt, được - mất, đều do ta tự chuốc lấy, đâu gặp nghịch cảnh, cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ hổ thẹn chính mình đức chưa đủ, chẳng thấy trời hay người có lỗi lầm. Xin xem ý này trong lời tựa cho bức Gia Khánh Đồ nhà ông Hà Lăng Tiên trong bộ *Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*), thuận theo địa vị mà hành, không trong hoàn cảnh nào chẳng tự tại vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Châu Quán Tranh - 5*)

* Con người sống trong thế gian, việc thành đức đạt tài, dựng lập công nghiệp, cũng như thành được một tài một nghề để nuôi thân mình và gia đình đều phải nhờ vào sức văn tự chủ trì giúp đỡ thì mới được thành tựu. Văn tự là món báu quý nhất trong thế gian, có thể khiến cho phàm thành thánh, ngu thành trí, nghèo hèn trở thành phú quý, bệnh tật trở thành khỏe mạnh, yên ổn. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ, việc kinh doanh của gia đình mình được truyền đến con cháu, không gì không nhờ vào sức văn tự.

Nếu cõi đời không có văn tự thì hết thấy sự lý đều chẳng thành lập, con người chẳng khác gì cầm thú! Văn tự đã có công sức như thế, cố nhiên phải nên trân trọng mến tiếc. Trộm thấy con người hiện thời mặc tình khinh nhờn, quả thật coi của quý báu nhất khác nào phân, đất; sao không đến nỗi hiện đời tổn phước, giảm thọ; đời sau trở thành vô tri vô thức ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Văn hỏi kiếp vận hộ quốc cứu dân chánh bản thanh nguyên luận*)

2. Dạy về tánh chất trọng yếu của việc kiêng giết chóc

* Trong các ác nghiệp, chỉ có Sát là nặng nề nhất. Khắp thiên hạ, không ai chẳng tạo nghiệp sát. Dẫu cả đời chưa hề sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt thì tức là hằng ngày sát sanh; do không giết thì chắc chắn không có thịt, bởi lẽ kẻ đồ tể, người săn bắn, kẻ bắt cá đều nhằm cung

cấp cho nhu cầu của người ăn thịt nên mới giết thay cho họ. Một cửa ải ăn thịt hay ăn chay quả thật là cái gốc của sự thắng - trầm của chúng ta và [là cái gốc khiến] thiên hạ bình yên hay loạn lạc, [mỗi quan hệ ấy] chẳng nhỏ đâu! Những ai tự biết thương thân và yêu thương nhân dân khắp cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn, thì hãy nên kiêng giết, ăn chay, đó chính là diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai nhân họa. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Phổ khuyến yêu tiếc sanh mạng loài vật và dùng xà-phòng Thanh Minh chế tạo từ dầu thực vật để giảm sát nghiệp*)

* Phải biết những loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều có cùng một tâm linh minh giác tri như ta, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng cho nên hình thể rất khác biệt, miệng chẳng thể nói được. Nhìn vào tình trạng tìm tòi cái ăn, trốn tránh cái chết sẽ tự hiểu chúng nó chẳng khác gì con người. Chúng ta nương vào sức túc phước, may mắn được sanh trong loài người, tâm có trí khôn, lẽ ra phải giữ vẹn tình cha trời mẹ đất, coi dân như ruột thịt, xem loài vật như chính mình, hòng khỏi phụ [cái tiếng] sánh cùng trời đất xưng là Tam Tài, phụ trợ quyền sanh trưởng dưỡng dục của trời đất, khiến cho dân lẫn loài vật đều được sống yên, cùng được [trời đất] che chở, cùng hưởng niềm vui [sống hết] tuổi trời thì mới nên!

Nếu chẳng cảm nhận đức hiếu sanh của trời đất, cứ mặc tình giữ ý niệm tham ăn, tham uống, cậy ta mạnh lấn hiếp loài yếu, ăn thịt chúng nó cho thỏa bụng mình, ắt đến một ngày nào đó, phước xưa đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng bị đổi đầu thay mặt, lần lượt bị chúng nó giết ăn, há có được chăng?

Huống chi thịt có chất độc do lúc chúng bị giết hại tâm oán hận cố kết lại. Vì thế, những khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít bị truyền nhiễm. Hơn nữa, thịt là thứ uế trược, ăn vào khí huyết dơ, tinh thần tăm tối, phát triển nhanh nhưng chóng suy, là đầu mối dễ nảy sanh bệnh tật nhất. Đồ chay là phẩm vật tinh khiết, ăn vào khí chất trong sạch, trí óc sáng sủa, khỏe mạnh lâu dài, lâu già, do có nhiều khả năng bồi bổ. Đây tuy là lời bàn thông thường về phép vệ sinh, chứ thật ra chính là lời luận cùng tột tánh. Do tập tục quen thói đến nỗi mê muội chất chứa, không thể phản tỉnh được! Phải biết: Nhân từ đối với dân thì phải thương yêu loài vật, tàn nhẫn đối với loài vật quyết khó thể nhân từ đối với dân, do tập tánh khiến ra như thế. Vì vậy, khi vua thánh cai trị cõi đời, chim, thú,

cá, rùa đều sống yên vui. [Thánh vương dùng] đạo sáng để dạy dân, chất keo dính (để bẫy chim), gậy gộc, đạn, cung đều bỏ hết. Thử nghĩ xem, từ xưa đến nay, phạm những kẻ tàn nhẫn, tham tàn, dòng dõi đa phần tuyệt diệt. Người nhân từ cứu giúp con cháu ắt thành vượng. Kẻ cầm đầu làm ác, Không Tử phán đoán kẻ ấy vô hậu. Kẻ mặc tình ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói xuông “*xa lánh chuyện bết nức*”, đây chính là lời nói quyền biến thuận theo thế tục. Hãy nên vĩnh viễn dứt những thứ hôi tanh thì mới là thật nghĩa xứng lý. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Quảng cáo khai trương tiệm bán đồ chay của Ninh Ba Công Đức Lâm*)

* Như có kẻ nói: - Kẻ quan quả cô độc⁷⁰, bản cùng hoạn nạn đâu đâu cũng có, sao không châu cấp, lại gấp rút lo lắng cho loài dị loại chẳng liên quan gì đến ta? Đây chẳng phải là điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nặng - nhẹ đó ư?

Đáp: - Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy người kiêng giết, phóng sanh. Tuy người và vật khác nhau, nhưng Phật tánh vốn đồng. Do ác nghiệp nên chúng bị trầm luân trong dị loại, ta do thiện nghiệp may được thân người. Nếu chẳng xót thương, giúp đỡ, cứ mặc tình giết hại, ăn nuốt, thì một mai kia nếu phước ta hết rồi, tội của chúng đã trả xong, khó tránh khỏi phải đền trả từ đầu, [đem thân mình] thỏa miệng bụng của chúng. Phải biết đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dầu thân gặp phải giặc cướp, chúng cũng sẽ khởi lòng lành, chẳng giết hại mình. Huống chi những tai nạn bất ngờ như ôn dịch, nước, lửa thì người kiêng giết, phóng sanh rất ít gặp phải.

Do vậy, biết rằng: Che chở loài vật chính là tự che chở mình. Kiêng giết sẽ khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, trộm cướp giết, [khỏi bị] oán - thân giết nhau báo thù trong tương lai. Những kẻ quan quả cô độc bản cùng hoạn nạn cũng nên tùy phân tùy lực châu cấp cho họ, chứ nào phải người kiêng giết phóng sanh hoàn toàn chẳng hành những điều công đức ấy! Tuy người quan quả cô độc rất đáng thương, nhưng họ chưa đến nỗi lâm vào tử địa, còn loài vật nếu không bỏ tiền chuộc mạng, sẽ lập tức phải lên chảo, thót để thỏa bụng miệng con người!

⁷⁰ Quan quả cô độc: Quan là góa vợ, quả là góa chồng, cô là mất cha mẹ, độc là không con cái.

Lại có kẻ nói: - Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy?

Đáp rằng: - Phải biết chuyện phóng sanh thật ra nhằm để phát khởi thiện tâm tối thắng “bảo vệ sanh mạng mọi loài vật” của mọi người, ngõ hầu lãnh hội được ý nghĩa của chữ “Phóng” (thả), trong tâm đã động lòng trắc ẩn, ắt chẳng nở ăn nuốt. Đã không có người ăn nuốt thì người đánh bắt sẽ phải thôi, khiến cho hết thấy loài vật dưới nước, trên mặt đất, trên hư không đều tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sinh sống của chúng. Như vậy, thành ra không phóng sanh mà hóa ra là phóng sanh khắp tất cả. Đây chẳng phải là “*cả thiên hạ biến thành một cái ao*” ư? Dẫu không phải ai cũng đều như vậy cả, nhưng một người chẳng nở ăn thịt thì vô lượng sanh mạng trên đất liền, dưới nước khỏi bị giết chóc; huống chi nào phải chỉ có một người!

Lại vì hết thấy đồng nhân trong hiện tại và vị lai đoạn trừ cái nhân của quan quả, cô độc, hoạn nạn, bần cùng, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, an lạc, cha con đoàn viên, vợ chồng giai lão cho họ. Đây chính là làm chuyện châu cấp, cứu tế sẵn để đời đời kiếp kiếp trong vị lai mãi mãi chẳng bị những nỗi khổ quan quả cô độc v.v... hưởng thụ dài lâu những niềm vui sống lâu, giàu sang v.v... Đây chẳng phải là “*cả nước được hưởng phước*” ư? Há có nên coi thường gác bỏ? Ông hãy nghĩ kỹ đi, kiêng giết, phóng sanh rốt ráo là khẳng khẳng vì con người hay là khẳng khẳng vì loài vật, điên đảo nơi chuyện thông thả - gấp rút, nhẹ - nặng vậy? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Sớ⁷¹ trùng tu ao phóng sanh chùa Cực Lạc ở Nam Tầm*)

* Hết thấy chúng sanh từ vô thủy đến nay luân hồi sáu nẻo, lần lượt làm cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, sanh ra lẫn nhau, trở thành oan gia đối đầu của nhau, tuần hoàn báo thù, đền đáp, giết hại lẫn nhau.

⁷¹ Sớ (疏): Theo từ điển Từ Hải, chữ Sớ có hai nghĩa:

- 1) Trình bày rõ ràng từng điểm một.
- 2) Chú thích ý nghĩa của sách vở.

Ngoài ra, Sớ còn được dùng để chỉ những công văn hoặc tờ trình lên thượng cấp, lên vua. Do vậy, những bài văn được tuyên đọc trong khi tụng kinh với mục đích cầu đảo, giải bày ý nghĩa của pháp hội đang làm cũng được gọi là Sớ. Ở đây, chữ Sớ được dùng theo nghĩa thứ nhất. Những bài Sớ trong phần này được viết nhằm trình bày rõ ý nghĩa sự việc để cổ động mọi người tham gia, ủng hộ.

Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật đã nhiều lượt khuyên răn nhưng ít kẻ thấy nghe. Dầu được thấy nghe, nhưng kẻ tin nhận, vâng làm, lại càng ít hơn nữa!... Do vậy, Phật dùng lòng Đại Bi, hiện trong dị loại để con người giết ăn. Đã giết xong, bèn hiện các tướng lạ ngộ hầu hết thấy mọi người biết [con vật ấy] là do Phật thị hiện, mong dứt sát kiếp để chúng sanh được yên. Như vỏ sò nghêu, hông bò, móng dê, răng lợn, yếm ba ba đều có [hình ảnh] đức Phật ngự [trong ấy] khiến tai mắt con người [thấy nghe] phải kinh sợ, dứt cơ duyên giết chóc trong cõi đời. Những chuyện như vậy được ghi chép trong sử sách kể sao cho trọn? Trước khi giết đều nói là loài thú. Giết rồi mới biết là Phật!

Do vậy biết: Giết loài vật chẳng khác gì giết Phật. Dầu [con vật bị giết] chẳng phải do Phật thị hiện thì nó cũng là đức Phật trong vị lai. Giết để ăn, tội sẽ cao to hơn núi, hơn biển, hãy gấp nên đau đầu răn dè ngộ hầu giải thoát. Cần biết rằng: Người và vật tuy khác, lạnh lợi hay ngu xuẩn đều tỏ lộ. Kẻ ngu xuẩn tâm thức tối tăm, con vật thông minh lại có trí sáng, Ngũ Luân Bát Đức cố nhiên chẳng thua con người! Lòng thành tha thiết so ra còn sâu đậm hơn con người. Dám cậy ta mạnh, giết chúng nó ăn thịt, đến nỗi trong tương lai thường bị kẻ khác ăn! Làn xem sử sách, từ xưa đến nay, phạm những ai lợi người lợi vật, con cháu nhất định hiền thiện, phát đạt; những kẻ nào hại người, hại vật, con cháu nhất định tầm thường, kém cỏi, diệt tuyệt. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Lời tựa sách Vật Do Như Thử*)

* Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chưa thể thì nên giữ Lục Trai hoặc Thập Trai (Mồng 8, 14, 15, 23, 29, 30 là Lục Trai. Thêm vào ngày mồng Một, 18, 24, 28 thì thành Thập Trai. Gặp tháng thiếu thì ăn lên trước đó một ngày. Lại còn tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín là ba tháng chay, nên ăn chay trường, làm các công đức). Từ giảm dần đến vĩnh viễn dứt ăn mặn thì mới hợp lý. Tuy chưa dứt được ăn mặn, hãy nên mua thịt làm sẵn, đừng sát sanh trong nhà. Do trong nhà thường nguyện cát tường (tốt lành, may mắn), nếu hằng ngày sát sanh thì nhà ấy liền trở thành nơi giết chóc. Nơi giết chóc chính là chỗ oán quỷ tụ hội, chẳng tốt lành, [điều này] quan trọng lắm! Do vậy, phải kiêng sát sanh trong nhà. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gởi Khắp*)

* Chỉ vì con người chẳng biết đặt mình vào hoàn cảnh [của loài vật] để xét lại, đến nỗi đem chuyện khổ sở cùng cực, thảm thiết cùng cực giáng xuống thân loài vật mà lòng vui sướng, tự bảo mình có phúc,

chẳng biết phước thọ đã vun bồi từ đời trước sẽ bởi đây mà dần dần bị tiêu diệt, trong vị lai sẽ đời đời phải hứng chịu những nỗi khổ độc chẳng có lúc nào xong! Nếu trong lúc sát sanh ăn thịt mà nghĩ đến chuyện này, đâu có kẻ đem cái chết uy hiếp buộc phải sát sanh ăn thịt, vẫn chẳng dám làm! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa cho tập sách Khuyến Giới Sát Phóng Sanh Văn*)

VII. Phân Thiền Tịnh Giới Hạn (Phân định ranh giới giữa Thiền và Tịnh)

* Thiền và Tịnh Độ lý vốn không hai. Nếu luận trên mặt Sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời, một vực. Thiền nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: *“Nơi chánh nhân thì có thể đón ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoát thì thành Phật quyết định có kỳ”*. Lại nói: *“Sơ tâm do duyên đón ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thủy bao kiếp chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy người trừ cho hết hiện nghiệp còn đang tồn tại trong tâm thức”*. Ngài Hoàng Biện⁷² nói: *“Đón ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí từ vô thủy. Cần phải nhờ vào đối trị mới hòng khởi công dụng thuận theo Tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!”* Ngài Trường Sa Sầm⁷³ nói: *“Thiền tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết Bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy”*.

Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào Tự Lực, chẳng cầu Phật gia bị, Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

Tịnh Độ hễ có đủ ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh liền có thể đới nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bồ Xứ, kẻ chưa ngộ cũng chứng A Bệ Bạt Trí (Bất Thoái Chuyển). Vì thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khản thiết. Vì thế, được cảm ứng đạo giao; do vậy, mau thành Chánh Giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiền Lục, chuyên tu Tịnh nghiệp. Dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm trì thánh hiệu vạn đức

⁷² Hoàng Biện là người nổi pháp (pháp tự) của ngài Chương Kính Huy thiền sư, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

⁷³ Trường Sa Cảnh Sầm là người nổi pháp của ngài Nam Tuyên Phổ Nguyên. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.

hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thâm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chầy tháng sẽ tự thành phỉến, đích thân chứng Niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là đem cái công phu “xoay trở lại nghe nơi tự tánh” của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” của ngài Thế Chí thì tu Tịnh mà là Thiền, còn gì diệu bằng ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi Từ phụ nhân ở Hải Diêm*)

* Người tu Thiền Định (chỉ Tứ Thiền, Bát Định) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyền hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dầy bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhãn sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới! Nếu lầm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được!

Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vàng mặt trời sáng rõ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những ly my vọng lượng⁷⁴ mất bật tầm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được. Xét đến cùng cực chẳng qua là: “*Niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm và Phật không hai, tâm - Phật như một*” mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết, chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết màu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đây chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Ngay như Thiền Tông, nếu chỉ đề khởi hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Ấy là Chân Đế: Một đã không, hết thấy đều không. Như câu nói: “*Thật Tế Lý địa chẳng nhiễm mây trần*”, hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận

⁷⁴ Ly my vọng lượng: Ly mị (chữ Ly 魘 đúng ra phải đọc là Si) là loài quỷ trong núi sâu, vọng lượng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, ly mị vọng lượng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

đích xác về mặt tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, hưởng chi niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây tức là nơi Tục Đê, một đã lập thì hết thấy đều lập. Như câu nói: “*Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp*”, hiển thị tánh vốn đầy đủ.

Muốn vứt bỏ Tục Đê để bàn Chân Đê, sẽ không có Chân Đê. Nếu muốn bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đê để sáng tỏ Chân Đê thì thật có Chân Đê. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đây chính là ý chỉ lớn lao “ngâm tu Tịnh Độ” của chư Tổ từ trước. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi Hòa Thượng Thế An chùa Đại Hưng Thiện*)

* Phải biết: Pháp môn Tịnh Độ lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm tông chỉ. Người đời thường nghĩ điều này là chuyện tầm thường, không có chi kỳ lạ, bèn coi pháp tham cứu trong nhà Thiền mới là thù thắng, chú trọng nơi khai ngộ, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Đặt tên hoa mỹ là Thiền Tịnh Song Tu, nhưng xét tới thực chất thì hoàn toàn là không Thiền, không Tịnh Độ! Vì sao nói vậy? Do chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ thì chẳng gọi là “có Thiền”. Người tham Thiền bây giờ ai thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ? Do chú trọng tham cứu nên đem sự trang nghiêm của y báo, chánh báo Tây Phương quy hết vào tự tâm, chẳng có mấy may ý niệm tín nguyện cầu sanh. Tuy gọi là niệm Phật nhưng thực chất là trái nghịch đạo niệm Phật! Hoặc nói ra vẻ cao xa là “niệm Thật Tướng Phật”. Tuy Thật Tướng là cái gốc của các pháp, nhưng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng làm sao đạt đến được? Ra vẻ “quy Tông” (quy kết mọi thứ về Thiền) nhưng Thiền cũng không nương tựa được, mà Tịnh cũng không nương tựa được luôn!

Cậy vào tự lực, dầu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ, nhưng vì chưa đoạn Hoặc nghiệp sẽ chẳng thể liễu sanh tử được! Chưa ngộ đến mức đại triệt [đại ngộ] thì khỏi cần bàn chi nữa! Cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì mới được. Do [người cậy vào tự lực] một mực đem Tây Phương Tịnh Độ, Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, mỗi thứ đều quy hết vào tự tâm, nhưng tự tâm chỉ là chấp xuống cái danh, chưa chứng được cái thật, [cho nên] đức Phật ở phương Tây do không cảm sẽ chẳng thể có ứng, đức Phật nơi tự tâm do còn đang ở trong nhân nên không có oai đức!

Những kẻ ham cao chuộng xa trong cõi đời thường đều hay trở thành biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa, nhưng kẻ tri thức muốn được người khác ca ngợi mình là viên dung, vẫn trọn chẳng chịu nói như vậy, đến nỗi đức Như Lai do tâm đại từ bi muốn làm cho hết thấy chúng sanh liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng họ vẫn cứ y như cũ chẳng thể liễu được! Đời này đã chẳng thể liễu, tương lai may ra có thể liễu, nhưng đa số vẫn phải luân hồi trong lục đạo từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác.

Nếu thật sự hiểu được sự lợi - hại này, lại lắng lòng xem các kinh sách Tịnh Độ, mới biết một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương này không gì lớn lao ra ngoài được, mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh không vị nào chẳng nhờ vào pháp này để thành tựu lúc khởi đầu, thành tựu khi kết thúc! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trương Thuần Nhất*)

* “Chỉ có đường tắt tu hành”. Đây chính là giáo nghĩa, có thể chiếu theo văn tự để hiểu. “Y theo như cũ đi nhiều”, đây chính là ý nghĩa trong nhà Thiền, phải có chỗ ngộ thì mới biết triệt để được. Tào Lỗ Xuyên⁷⁵ tự cho là bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo còn hiểu lầm ý này. Các hạ muốn tôi giảng ý nghĩa này, đúng là lời hỏi giỡn chơi! Các hạ hãy buông xuống hết thấy tri kiến thừa thừa, nhất tâm niệm Phật, niệm cho đến khi tâm lẫn Phật đều mất cả rồi, sẽ tự phát ra một tràng cười to, hoàn toàn hiểu rõ. Khi chưa đạt đến, dẫn người khác có giảng cho vẫn chẳng biết được! Ví như đã đến điện Hàm Nguyên⁷⁶, mọi thứ trong điện ấy đều

⁷⁵ Tào Lỗ Xuyên là một vị cư sĩ sống cùng thời tổ Liên Trì. Khi tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì được phổ biến trong cõi đời, Tào Lỗ Xuyên đòi ba phen cắt vắn, cho là Tổ phế bỏ Tam Tạng kinh điển, coi căn khí của mọi người đều hèn kém như nhau, buộc tất cả mọi người đều phải tu pháp thiền cận, lên án Tổ coi thường kinh Hoa Nghiêm, đề cao kinh Di Đà quá đáng, toan dùng pháp môn Tịnh Độ chen ép các tông khác, coi thường chư Phật, chỉ đề cao riêng mình Phật Di Đà v.v...

⁷⁶ Điện Hàm Nguyên là tiền điện của cung Đại Minh thuộc kinh đô Trường An (nay là thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) của nhà Đường. Căn cứ trên phế tích và những di vật được khai quật, người ta biết điện này hùng vĩ và tráng lệ hơn điện Thái Hòa thuộc Từ Cấm Thành Bắc Kinh đời Minh rất nhiều. Do được dùng chủ yếu để thiết đại triều, nên trong điện Hàm Nguyên tập trung mọi thứ quý báu, hoa mỹ nhất của đế quốc Đại Đường.

biết hết. Nếu vì người chưa đến đây [mà nói] thì dù có nói rõ ràng, vẫn mờ mịt không biết y như cũ!

Những câu nói trong nhà Thiền đều nhằm dạy người khác tham cứu. Nếu hiểu [những câu nói ấy] theo ý nghĩa văn tự thì chẳng những không được lợi ích, mà còn có thể coi “hiểu lầm” là ngộ, tội ấy cực lớn. Dầu ngộ thật sự nhưng liễu sanh thoát tử vẫn còn cách xa lắm! Do kẻ ấy chỉ cậy vào tự lực, phải là sau khi đại ngộ rồi, phiền não, Hoặc nghiệp đoạn sạch không còn sót gì thì mới liễu được. Nếu không, chẳng do đâu mà liễu được!

Pháp môn Niệm Phật nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì cậy vào Phật từ lực đối nghiệp vãng sanh. Căn tánh của các hạ cũng chỉ có thể học theo cách tu trì của hàng ngu phu ngu phụ. Nếu làm lần bắt chước thân phận của Tào Lỗ Xuyên thì chẳng những liễu sanh tử trọn chẳng có phần mà còn thật sợ rằng đọa lạc ba ác đạo ắt đã sẵn phần! Vì sao vậy? Do “chưa được bảo là được, do chưa chứng nói là chứng”; do vậy, hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Thôi Đức Chấn - 2*)

* Nếu dùng cách tham cứu của nhà Thiền “*người niệm Phật là ai?*” thì chính là tham Thiền cầu khai ngộ, hoàn toàn đánh mất tông chỉ Tịnh Tông. Điều này quan hệ lớn nhất, quan trọng nhất! Con người thường hay mạo danh Thiền Tịnh Song Tu, nhưng tận lực chú trọng tham cứu sẽ đạt được lợi ích hữu hạn (niệm đến chỗ cùng cực cũng sẽ khai ngộ), đánh mất lợi ích vô cùng, vì chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. Dầu có đích thân thấy được “người niệm Phật là ai” cũng khó được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, vì không có cái tâm tín nguyện cầu sanh! Lại chưa đoạn Phiền Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Kẻ ưa ăn nói lớn lối đều do chẳng biết nghĩa này.

Pháp môn Tịnh Độ vượt trội hết thảy các pháp môn ở chỗ cậy vào Phật lực; những pháp môn khác đều cậy vào tự lực. Tự lực há có thể sánh cùng Phật lực để luận ư? Đây chính là một mấu chốt quan trọng nhất trong pháp môn Tịnh Độ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Tân*)

* Thiền chính là Chân Như Phật tánh vốn sẵn có của chúng ta. Trong nhà Thiền gọi đó là “*bản lai diện mục trước lúc cha mẹ chưa sanh ra*”; nhưng nhà Thiền chẳng nói toạc ra, nhằm làm cho người khác tham cứu tự chứng ngộ nên mới nói như vậy. Đó chính là tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa tịch, vừa chiếu, linh tri ly niệm vậy (Linh tri ly niệm nghĩa là trọn chẳng có ý niệm nhưng luôn nhận thức rõ ràng cảnh vật hiện tiền).

Tịnh Độ là tín nguyện, trì danh, cầu sanh Tây Phương, chứ chẳng phải chỉ nói đến “Duy Tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà”. “*Có Thiền*” là tận lực tham cứu đến cùng cực, niệm tịch, tình vong, thấy thấu suốt cái bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

“*Có Tịnh Độ*” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Thiền và Tịnh Độ chỉ là ước theo giáo, ước theo lý. “*Có Thiền*” và “*có Tịnh Độ*” là ước theo căn cơ, ước về tu. Về giáo lý thời hằng nhiên như thế; Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Xét về căn cơ, tu hành thì phải nương vào giáo để khởi hạnh; hành cho đến khi chứng ngộ tốt cùng lý, sao cho thật sự có mới thôi!

Điều thứ hai là xét về văn từ, tuy tương tự nhưng thật ra rất khác nhau, phải suy xét kỹ càng, chớ có lẫn lộn! Nếu như tham Thiền nhưng chưa ngộ hoặc ngộ chưa triệt để thì đều chẳng được gọi là Có Thiền. Nếu như niệm Phật nhưng thiên chấp duy tâm, không có tín, nguyện; hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chân thành, thiết tha, lơ là, hờ hững, làm cho lấy có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mê luyến trần cảnh, hoặc cầu đòi sau sanh trong nhà phú quý để hưởng vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời để hưởng phước lạc cõi trời, hoặc cầu đòi sau xuất gia làm Tăng, nghe một ngộ cả ngàn, đắc Đại Tổng Trì, hoàng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng được gọi là Có Tịnh Độ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* *Có Thiền, có Tịnh Độ.*
Như cạp mọc thêm sừng.
Hiện tại làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ

Nghĩa là: Người ấy triệt ngộ Thiền tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh tạng, hiểu trọn vẹn các pháp môn Quyền, Thật của đức

Như Lai; nhưng trong các pháp lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyên Niệm Phật để làm chánh hạnh chung nhằm tự lợi, lợi người. Bạc Thượng Phẩm Thượng Sanh đọc tụng Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa như đã nói trong Quán Kinh chính là hạng người này vậy. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài; tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật. Người ấy như cọp đeo thêm sừng oai mãnh không chi sánh bằng.

Đối với kẻ đến học sẽ thuyết pháp tùy theo căn cơ: Thấy nên dùng Thiền Tịnh Song Tu để tiếp dẫn thì sẽ dùng Thiền Tịnh Song Tu tiếp độ; chỉ nên dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp dẫn thì sẽ dùng chuyên tu Tịnh Độ tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai là chẳng được độ ơn, há chẳng phải là “bậc đạo sư của trời, người” hay sao? Đến lúc lâm chung, người ấy được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm; trong khoảng khảy ngón tay hoa nở gặp Phật, chứng Vô Sanh Nhẫn; thấp nhất thì cũng chứng bậc Sơ Trụ trong Viên giáo; cũng có người đón siêu các địa vị, đạt đến bậc Đẳng Giác. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo đã có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống hồ là các địa vị kế tiếp đó lại càng lần lượt thù thắng hơn; nhất là địa vị Đẳng Giác thứ bốn mươi một! Vì vậy Tổ mới nói: “*Đời sau làm Phật Tổ*”. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

** Không Thiền, có Tịnh Độ.*

Vạn người tu, vạn đổ.

Nếu gặp Phật Di Đà,

Lo gì chẳng khai ngộ

Nghĩa là: Hành nhân tuy chưa minh tâm, kiến tánh, nhưng đã quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do vì trong kiếp xưa, đức Phật đã phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con; nếu chúng sanh thật sự có thể [nhớ Phật] như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật thì sẽ cảm ứng đạo giao, liền được đức Phật nhiếp thọ. Vì ra sức tu Định, Huệ nên được vãng sanh. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lúc lâm chung bị các sự khổ bức bách bèn sanh lòng hồ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc mười tiếng hoặc chỉ một tiếng rồi mất ngay trong lúc đó, họ đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Đây há chẳng phải là “*vạn người tu, vạn đổ*” hay sao?

Những kẻ đó tuy niệm Phật chẳng lâu nhưng do niệm Phật cực kỳ mãnh liệt nên có thể đạt được lợi ích lớn lao ấy, chẳng nên so với kẻ tu hành lơ là hờ hững mà bàn luận niệm nhiều hay ít. Đã sanh về Tây

Phương thì tuy gặp Phật, nghe pháp có nhanh - chậm chẳng đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, trọn chẳng thoái chuyển. Tùy theo căn tánh sâu, cạn, hoặc tiệm hay đốn mà chứng các quả vị. Đã được chứng quả thì cần gì bàn đến khai ngộ nữa. Ấy chính là: “*Nếu gặp Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” vậy. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận)

* *Có Thiên, không Tịnh Độ,
Mười tu, chín lần chân,
Ấm cảnh nếu hiện tiền,
Chớp mắt đi theo nó.*

Nghĩa là: Hành nhân tuy triệt ngộ Thiên tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền não chẳng dễ đoạn trừ, phải trải qua nhiều duyên trui luyện để trừ sạch hết chẳng sót, mới có thể xuất ly phần đoạn sanh tử⁷⁷. Người chưa đoạn một mảy nào thì chẳng cần bàn đến nữa! Dầu chỉ còn một mảy chưa đoạn sạch hết thì lục đạo luân hồi vẫn khó thoát y như cũ. Biền sanh tử sâu thẳm, đường Bồ Đề xa vời vợi; còn chưa về được đến nhà thì đã mạng chung! Người đại ngộ mười người hết chín đều như vậy. Cho nên mới nói: “*Mười người, chín lần chân*”. Lần chân (tha đà) người đời thường nói là “chân chờ”. “*Ấm cảnh*” là cảnh của Trung Ấm thân; tức là những cảnh được hiển hiện trong khi lâm chung bởi nghiệp lực thiện - ác trong đời này và bao kiếp. Một khi những cảnh ấy hiện ra, trong chớp mắt sẽ liền theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất để đi thọ sanh trong đường thiện hay ác; chẳng thể làm chủ tình thế một mảy may nào! Giống như người mắc nợ, chủ nào mạnh sẽ kéo đi trước. Tâm tình lắm mối đa đoan, coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào đấy.

Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, đều là do lẽ trên vậy! Bởi thế mới nói: “*Ấm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*”. Chữ Âm (陰): âm và nghĩa đồng với chữ Âm

⁷⁷ Phần đoạn sanh tử là sự sanh tử của chúng sanh trong tam giới. Do quả báo sai khác nên có hình mạo, thọ lượng sai khác. Vì vậy gọi là phần đoạn (đoạn diệt theo phần hạn). Theo Duy Thức Học, phần đoạn sanh tử lấy nghiệp thiện ác làm thân nhân (cái nhân gần), lấy phiền não chướng làm trợ duyên để cảm quả trong tam giới. Do tuổi thọ có dài ngắn khác nhau, do sức nhân duyên nên có hạn định khác biệt; do vậy gọi là Phần Đoạn. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại chia phần đoạn sanh tử thành ác đạo phần đoạn (quả báo trong tam đồ) và thiện đạo phần đoạn (quả báo trong đường trời người).

(蔭), nghĩa là che đậy; tức là: Do nghiệp lực này che lấp nên chân tánh chẳng thể hiển hiện. Miết (瞥), âm giống chữ Phiết (撇), nghĩa là nháy mắt, chớp mắt. Có người hiểu chữ Tha (蹉) nghĩa là “lầm lẫn”, Âm Cảnh là Ngũ Âm Ma Cảnh, chung quy vì chẳng hiểu chữ Thiên và chữ Có nên mới nói hồ đồ như vậy. Lẽ nào những bậc đại triệt đại ngộ mười người tu chín người lạc đường, đi theo Ngũ Âm Ma nên bị ma dựa phát cuồng? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng đều là kẻ chẳng biết giáo lý, chẳng hiểu tự tâm, là giống tăng thượng mạn, tu mù luyện đui mà thôi. Sao chẳng biết hay - dở, lại đem gán cho bậc đại triệt đại ngộ! Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện luận rõ! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

** Không Thiên không Tịnh Độ.*

Giường sắt và cột đồng.

Vạn kiếp cùng ngàn đời.

Không một ai nương dựa.

Có kẻ bảo “*không Thiên, không Tịnh*” tức là vui đầu tạo nghiệp ác, chẳng tu pháp lành. Lầm to, lầm to! Dù pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là thích hợp cho các căn cơ hơn hết. Hành nhân chưa được triệt ngộ, lại chẳng cầu sanh, lơ là, hời hợt tu các pháp môn khác, Định - Huệ đã chẳng thể quân bình để đoạn Hoặc chứng Chân, lại chẳng nương vào Phật từ lực để đối nghiệp vãng sanh; đem công đức trọn đời tu trì để cảm lấy phước báo đời sau sanh trong trời, người. Đời này đã không chánh trí thì đời sau ắt bị phước chuyển, mê đắm trong ngũ dục, tạo đủ các ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp sẽ khó thoát ác báo. Khi một hơi thở chẳng hít vào được nữa thì liền đọa địa ngục, rành rành sẽ ở trong bao kiếp dài lâu nằm lăn nơi giường sắt, ôm ấp cột đồng để đền trả lòng tham thanh sắc, giết hại sanh mạng v.v... các thứ ác nghiệp. Tuy chư Phật, Bồ Tát rủ lòng xót thương, nhưng do ác nghiệp ngăn chướng, người ấy vẫn chẳng thể được hưởng lợi ích. Người xưa nói: “*Người tu hành nếu chẳng chánh tín, cầu sanh Tây Phương, tu hành đủ các việc thiện khác thì gọi là kẻ oán đời thứ ba*”, chính là nói đến ý này.

Ấy là vì đời nay tu hành, đời sau hưởng phước; vì ý phước làm ác nên liền bị đọa lạc. Đạt được cái vui giả tạm trong đời kẻ mà muôn kiếp phải vĩnh viễn chịu khổ. Ví dù nghiệp địa ngục tiêu tan thì lại chuyển sanh làm ngựa quỳ, súc sanh; muốn lại được thân người thì thật là điều

khó nhất trong những điều khó. Vì vậy, Phật lấy tay bốc đất rồi hỏi A Nan rằng: “Đất trong tay ta là nhiều, hay đất trong đại địa là nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trong đại địa nhiều”. Phật nói: “*Được thân người như đất trong tay, mất thân người như đất trong đại địa*”. [Xét theo lời Phật] thì “*muôn kiếp, ngàn đời, không một người nương dựa*” vẫn là lời luận định rất nông cạn.

Ôi! Hết thầy pháp môn chuyên cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực. Trong hết thầy pháp môn, phải trừ sạch Hoặc nghiệp mới liễu sanh tử; còn trong pháp môn Tịnh Độ: do đời nghiệp vãng sanh liền dự dòng thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ cõi đời chẳng hiểu biết nên mới đặc biệt phân định để chỉ bày cho tương lai. Liệu Giản đáng gọi là chiếc bè báu nơi bến mê, là đạo sư (người dẫn đường) nơi đường hiểm. Đáng tiếc người trong cõi đời hờ hững đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu kỹ. Có phải là do chúng sanh ác nghiệp đồng phận nên xui khiến như thế chăng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tịnh Độ Quyết Nghi Luận*)

* “Quyền” (權) có nghĩa là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh, bày ra phương tiện khéo léo. “Thật” (實) có nghĩa là Phật án theo những nghĩa chính tâm Ngài đã chứng mà nói. “Đốn” (頓) là chẳng cần theo thứ tự, thẳng tắt, mau chóng, hể vượt khỏi liên chứng nhập ngay. “Tiệm” (漸) nghĩa là dần dần tu cao lên, chứng nhập theo thứ tự, cần phải tốn nhiều đời nhiều kiếp mới có thể đích thân chứng được Thật Tướng.

Những kẻ tham Thiền nói pháp Tham Thiền chính là pháp “*chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*”; do vậy, *Thiền là Thật, là Đốn*”; nhưng chẳng biết Tham Thiền dù có đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới chỉ là thấy được vị Phật Lý Tánh sẵn có trong tự tâm. Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì hể ngộ bèn chứng, tự có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, vượt thoát khỏi tam giới. Từ đây, thượng cầu, hạ hóa, dùng đó làm nền tảng để trang nghiêm cả phước lẫn huệ. Loại căn tánh này nếu luận trong số những người đại triệt đại ngộ thì cũng phải cả trăm ngàn người mới có được một hai! Nếu căn khí kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng Kiến Tư phiền não chưa thể đoạn trừ thì vẫn ở trong tam giới

chịu sống, chịu chết. Đã bị sống - chết thì từ ngộ thành mê sẽ nhiều, từ ngộ vào ngộ hiểm lắm!

Do vậy, tuy pháp này là Thật, là Đốn, nhưng nếu không đúng người (tức không phải là hạng căn cơ phù hợp với pháp Thiền) cũng sẽ chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Thật, nơi Đốn, vẫn trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi! Vì có sao? Do cậy vào tự lực! Nếu tự lực mười phần đầy đủ thì còn may mắn nào hơn! Hễ kém khuyết một chút sẽ chỉ ngộ được Lý Tánh, chẳng thể đích thân chứng được Lý Tánh. Ngày nay, kẻ đại triệt đại ngộ còn khó kiếm được, huống gì người chứng được điều họ đã ngộ!

Một pháp niệm Phật thông trên thấu dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể phê phán bằng giáo lý thông thường. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng tánh A Tỳ đều nên tu tập (Đây gọi là “thông trên thấu dưới” vậy!) Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ muốn cho hết thấy chúng sanh liễu sanh thoát tử. Các pháp môn khác bậc thượng căn có thể giải quyết ngay trong một đời này, kẻ hạ căn bao kiếp vẫn khó thành được! Chỉ có mình pháp này, bất luận căn tánh nào, đều vắng sanh Tây Phương, liễu được sanh tử ngay trong đời này. Thẳng chóng như thế đó, há gọi là Tiệm được ư?

Tuy [pháp môn Tịnh Độ] có căn cơ nhưng chẳng phải là loại căn cơ như trong những pháp viên đốn thông thường nên có vẻ giống như Tiệm. Nhưng oai lực của pháp môn này nằm ở chỗ thệ nguyện của Như Lai khiến cho những căn tánh hèn kém mau được đại lợi ích. Lợi ích ấy hoàn toàn do cậy vào Phật từ lực. Phàm những kẻ giảng Thiền, nếu chưa nghiên cứu Tịnh Tông, không ai chẳng miệt thị Tịnh Độ là thiểu cận. Nếu nghiên cứu Tịnh Tông sâu xa, ắt sẽ tận tâm kiệt lực hoằng dương, há còn chấp trước vào những biện luận sai lầm Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự lầm, lầm người nữa ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khê Tây - 2*)

* Nếu ước theo Thật Nghĩa rốt ráo để nạn (“nạn” (難) nghĩa là cật vấn) chuyện “lấy - bỏ” thì tức là chẳng biết “rốt ráo không lấy không bỏ” chính là chuyện sau khi đã thành Phật. Nếu chưa thành Phật thì trong khi ấy, đoạn Hoặc chứng Chân đều thuộc về lấy - bỏ. Đã chấp nhận đoạn Hoặc chứng Chân là lấy - bỏ thì sao không chấp nhận chuyện lấy - bỏ

trong việc bỏ Đông, lấy Tây, là câu lấy tịnh? Nếu trong pháp Tham Thiền, lấy - bỏ đều sai, thì trong pháp Niệm Phật lấy - bỏ lại đều là đúng. Bởi một đằng chuyên suy xét Tự Tâm, một đằng kiêm nhờ Phật lực.

Những người chẳng xét đến duyên do của pháp môn, lầm lẫn dùng pháp Tham Thiền để phá pháp Niệm Phật, tức là dùng sai ý nghĩa. Chuyện không lấy - bỏ vốn là Đề Hồ, nhưng người muốn niệm Phật cũng chẳng lấy - bỏ thì lại thành độc dược! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông mặc áo cừu, khát uống, đói ăn, chẳng thể trái nghịch mà cũng chẳng thể cố chấp, chỉ chọn lấy những gì thích nghi sẽ có lợi ích không gì tệ hại! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khê Tây - 2*)

VIII. Thích phổ thông nghi hoặc (Giải quyết những ngờ vực thông thường)

(Trong phần này chia ra sự lý, tâm tánh, ngộ chứng, tông giáo, trì chú, xuất gia, báng Phật, giới luật, Trung Âm, bốn cõi Tịnh Độ, xá-lợi, đốt hương trên cánh tay, cảnh giới, ngoại đạo, các loại duyên thù thắng)

* (Dưới đây luận về sự lý) Lý thể gian lẫn xuất thể gian chẳng vượt ngoài hai chữ “tâm tánh”, chuyện thể gian hay xuất thể gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả” (Trộn chẳng hề có không nhân mà lại được quả, cũng trộn chẳng hề có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị ác quả. Xem bài Khuyên Mến Tiếc Sanh Mạng Loài Vật trong Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên). Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng - giảm mảy may. Sở dĩ thăng - trầm thật khác, khổ - vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng nơi quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ: Chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích. Chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thường chán nghe đến. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *“Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả; nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thể tất nhiên phải như vậy”*. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi tòa soạn báo Phật Học)

* Ước theo mặt Sự, quả thật Tịnh Độ có cảnh tượng trang nghiêm đến cùng cực. Ước về mặt Lý thì duy tâm sở hiện, do tâm thanh tịnh nên các cảnh giới ấy đều thanh tịnh. Cố nhiên, Lý và Sự chẳng thể tách rời, chẳng qua nhấn mạnh nơi nghĩa nào mà chia ra thành Sự hay thành Lý.

Ông chỉ nên đọc kỹ bài Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạm Luận [trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên], sẽ tự biết rõ văn và lý của Chân Đê và Tục Đê, cũng như nghĩa lý ước theo cảnh để thí dụ vậy.... Hai pháp Sự và Lý chẳng tách rời nhau, bởi có tịnh tâm thì mới có tịnh cảnh. Nếu không có tịnh cảnh, làm sao hiện được tịnh tâm? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đây gọi là “tâm có đủ”. Nếu tâm không có đủ thì nhân chẳng cảm được quả! (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Mã Tông Đạo)

* Do đại ngộ lý thể “một pháp chẳng lập”, tận lực tu hành công phu “vạn pháp viên tu” nơi mặt Sự thì mới là Trung Đạo Không Hữu viên dung! Kẻ [chấp vào] Không Giải Thoát cho rằng chẳng tu một pháp nào hết mới là “[một pháp] chẳng lập” được chư Phật gọi là “kẻ đáng thương xót”.

Liên Trì Đại Sư dạy: *“Chấp sự mà niệm, giữ được liên tục thì sẽ chẳng luống uổng công, được dự vào phẩm vị [vãng sanh]. Chấp lý nhưng tâm chưa thật sự thông đạt, khó thể tránh được cái họa rớt vào Không. Bởi lẽ, Sự có công năng kèm cặp Lý, Lý chẳng thể tồn tại độc lập”,* lý do là như vậy đó. Chúng ta học Phật phải do từ ngay nơi Sự để thành Lý, do chính ngay nơi Lý để thành Sự. Lý - Sự viên dung, Có - Không chẳng hai thì mới có thể trọn thành tam-muội, liễu thoát sanh tử. Nếu tự nói ‘ta chính là Phật’, chấp Lý phế Sự, sai lầm rất nặng! Hãy nên tận lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, từ Sự hiển Lý, dấu hiển Lý vẫn chú trọng nơi Sự thì mới được lợi ích thật sự. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Thượng Hải Tức Tai Pháp Ngữ)

* Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, tuy chưa đạt *“tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*, nhưng quyết chí cầu sanh như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh nhưng chỉ tu trì theo mặt Sự. Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có đủ, do tâm ta tạo. *“Tâm có đủ”* nghĩa là tâm ta vốn sẵn đủ lý ấy. *“Tâm tạo”* là nương vào lý *“tâm có đủ”* ấy để khởi tu, thì lý ấy mới hiển hiện. Do vậy, gọi là *“tạo”*. *“Tâm có đủ”* chính là Lý Thể, *“tâm tạo”* chính là Sự Tu. *“Tâm có đủ”* chính là *“tâm này là Phật”*; *“tâm tạo”* chính là *“tâm này làm Phật”*. *“Tâm này làm Phật”* bèn xứng tánh khởi tu; *“tâm này là Phật”* bèn toàn tu nơi tánh.

Tu đức hữu công, tánh đức mới hiển. Tuy ngộ lý nhưng vẫn chẳng phế sự thì mới là chân tu. Nếu không, bèn rớt vào tri kiến cuồng vọng chấp lý phế sự! Do vậy, mới nói: *“Dùng cái hồng danh tự tâm sẵn đủ, do tâm tạo ra, để buộc tâm nơi cảnh, chẳng để cho tạm quên mất”*. Giải pháp này thiên cổ chưa từng có, quả thật là khế lý lẫn khế cơ, lý sự viên dung, chẳng phải là bậc Pháp Thân đại sĩ, ai có thể đạt đến điều này? Vì Sự Trì dấu chưa ngộ Lý nhưng há có thể ra ngoài Lý được ư? Bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm. Hễ đã ngộ thì Sự chính là Lý, há nào phải cái Lý được ngộ chẳng nằm trong Sự? Lý chẳng lìa Sự, Sự

chẳng lìa Lý, Lý - Sự vô nhị! Như thân và tâm con người, cả hai thứ cùng sử dụng một lúc, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm đây kia tách rời nhau, người đã đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng không được! Còn tri kiến cuồng vọng chấp Lý phé Sự thì chẳng thể dung hợp được. (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khê Tây - 9)

* Tâm này trọn khắp thường hằng, hết như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước; ví như hư không bị vật ngăn ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng vậy. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chính là chấp trước vào sự biến hiện của vọng, há nào phải hư không thật sự bị vật chướng ngại nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thể thường hằng! Do vậy, cái tâm phàm phu và cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì nhau. Có sai khác là vì phàm phu mê nhiễm nên thành ra như vậy, chứ không phải tâm thể vốn có biến đổi!

Tịnh Độ của Phật Di Đà hoàn toàn ở trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta sẵn có Phật Di Đà. Đã là tâm ta sẵn có thì cố nhiên phải nên thường niệm. Đã có thể thường niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tu đức hữu công, tánh đức mới hiển hiện. Sự - Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng hai; do vậy, nói: “Dùng cái tâm sẵn có Phật của ta để niệm đức Phật tâm ta sẵn có, lẽ đâu đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng ứng với cái tâm ta sẵn có Phật” (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Mã Khê Tây - 9)

* Tâm tánh ấy có đủ vô lượng đức, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh không tăng. Do mê hay ngộ khác nhau đến nỗi có mười giới sai biệt. Nhưng ngay trong mười giới ấy, mỗi mỗi không gì chẳng phải là “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”. Cầu sanh Tây Phương chính là chân vô sanh, do sanh về cõi Tây Phương “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là”; không phải như kẻ chấp Lý phé Sự chỉ có cái danh vô sanh, chứ thật sự chẳng có cảnh Tây Phương!

Ấy chính là “quyết định sanh nhưng không có tướng sanh, quyết định vô sanh nhưng không có tướng vô sanh”, sanh mà vô sanh vậy. Lây tín nguyện niệm Phật để cầu sanh vào cõi Tây Phương “tâm sẵn đủ, tâm tạo, tâm làm, tâm là” của chính mình, cho nên tuy sanh mà không có tướng sanh, tuy vô sanh nhưng chẳng trụ vào tướng vô sanh. Đây chính

là ý chỉ tổng quát của Sanh Vô Sanh Luận. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời tựa ấn hành sách Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận Giảng Nghĩa*)

* Nghĩa “*Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung*” thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, [ông hiểu rõ rồi] thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ. Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là *Tịch - Chiếu* không hai, *Chân - Tục viên dung*.

Thế nào là *Tịch*? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là *Tịch*. Thế nào là *Chiếu*? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là *Chiếu*. Thế nào *Chân*? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là *Tục*? *Tục* có nghĩa là giả, tuy nói “một pháp chẳng lập”, nhưng “vạn pháp lại đều có đủ”, vạn đức phô bày trọn vẹn (Vạn pháp vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là *Tục*). *Tịch* chính là Thể, *Chiếu* là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa này nên gọi là “*Tịch - Chiếu bất nhị*”. *Chân* chính là Lý Tánh, *Tục* chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh (đấy gọi là “*toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh*”). Vì thế nói là “*Chân - Tục viên dung*” vậy.

Tiếp đó, [kinh văn nói] “*ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt*” nghĩa là “*thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt*”. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có ngày nhìn vào mà bật cười. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Diệp Sinh Thần*)

* Tam Quán, Tam Đế chính là cương yếu của Phật pháp. Nói theo lý tánh thì gọi là Đế, Đế tức là Lý. Nói theo mặt tu trì thì gọi là Tam Quán, Quán tức là Tu. *Chân Đế*: Một pháp chẳng lập, *Tục Đế*: Vạn pháp trọn đủ! Quán cái lý nơi *Chân Đế* thì gọi là Không Quán. Quán cái lý nơi *Tục Đế* thì gọi là Giả Quán. Không Quán chính là quán *Chân Như Pháp Tánh* “một pháp chẳng lập”, điều này chính là cái Không “chẳng có cả Không

lẫn Hữu”. Đây chính là tướng Không trong “*chư pháp Không tướng*” của Tâm Kinh.

Chẳng những Sắc Không, Không Không, mà Bồ Đề, Niết Bàn cũng không, nếu có một pháp nào chẳng không sẽ chẳng thể gọi là Chân Không! Cái không này của Không Quán trong Tam Quán sao có thể hiểu là “muôn sự chẳng quan tâm, chẳng làm” cho được? Tục của Tục Đế chẳng phải là tục theo kiểu thô tục hay nhả tục, mà do vì tạo dựng, đặt bày nên gọi là Tục. Giả cũng chẳng phải là giả trong Chân - Giả (thật - giả), mà cũng là cái giả của sự tạo dựng, đặt bày. Phép quán nhằm quán lý của Tục Đế được gọi là Giả Quán vì tánh thể của Chân Đế là “chẳng lập một pháp” nhưng có công đức trọn đủ sáu độ, vạn hạnh, các pháp toàn vẹn. Đây chính là “*chư pháp*” trong câu “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp) của Tâm Kinh, sao lại coi đó là phạm phu cho được? Phạm phu thuộc về hai đế Khổ và Tập, còn Không và Giả đây thuộc đạo lý viên diệu của Viên giáo, Nhị Thừa còn chẳng có phần, huống gì phạm phu? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên - 4*)

* *Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của Sắc chẳng thể đạt được, há Không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự, ngay cả Không lẫn Sắc đều chẳng thể đạt được, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như thế; đây chính là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Ngũ Uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là Thật Tướng của Chân Không. Vì thế, gọi là “*chư pháp Không tướng*” (tướng Không của các pháp).

Do “*chư pháp Không tướng*” này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ và Trí Huệ cùng với Niết Bàn! (Niết Bàn là thật tế của chữ Đắc). Chỉ vì trong Thật Tướng, chẳng có các pháp: thánh, phạm v.v... ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phạm đến thánh. Ví như nhà trống, người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trống, làm sao con người ở được? Do Không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng Không, sẽ chẳng có tác dụng này! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá

hoại chánh pháp của chư Phật, coi Lý là Sự, đây gọi là “tà kiến”, chẳng gọi là “biết pháp”, hãy nên suy nghĩ cẩn kễ! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Quán Thế Âm Bồ Tát dùng Bát Nhã sâu xa để soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Ngũ Uẩn là danh xưng đại lược của trăm pháp. Đã thấy chúng đều là không thì Ngũ Uẩn đều trở thành Bát Nhã sâu xa. Như Phật quang vừa chiếu đến thì mọi tối tăm đều tiêu, không một tí tẹo đen tối nào còn lưu lại được! Người học đạo hiểu được chỗ quan yếu này thì Tánh hay Tướng, Hiện hay Mật đều hết như nhau. Nếu không, sẽ chấp vào lời lẽ, trọn chẳng có chỗ chỉ quy; vào biển đêm cát, uổng công nhọc nhằn! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Lời đề từ và bài tựa cho sách Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận Giảng Nghĩa*)

* Kinh Đại Bát Nhã nói rộng, ước theo Phật pháp, chúng sanh pháp để chỉ rõ tâm pháp nên nhiều đến sáu trăm quyển. Còn kinh này nói giản lược, ước trên tâm pháp để dạy rõ Phật pháp và chúng sanh pháp nên văn từ chỉ có hai trăm sáu mươi chữ; nhưng sự - lý, nhân - quả của mười pháp giới không gì chẳng đầy đủ. Dùng đại lược để nhiếp sự rộng rãi, không sót một nghĩa nào. Nếu nói giản ước thì hai câu “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thảy khổ ách) lại chính là mấu chốt của toàn bộ bản kinh. Nếu nói giản lược hơn nữa thì một chữ “*Chiếu*” pháp nào cũng phô bày trọn vẹn, pháp gì cũng hoàn toàn mất, phô bày lẫn diệt mất đều vắng lặng, Nhất Chân tỏ lộ rõ ràng. Thật có thể gọi là “*tâm ấn của Như Lai, cương tông của Đại Tạng, kim chỉ nam cho chín pháp giới, mấu chốt của Đại Bát Nhã*”, nghĩa chẳng thể nghĩ bàn, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa sách Tâm Kinh Thiên Giải*)

* (Dưới đây là luận về tâm tánh) Tâm vừa tịch, vừa chiếu, bất sanh, bất diệt, rộng rãi, thấu triệt, linh thông, viên dung sống động, là cội nguồn của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Dù ở địa vị phàm phu hôn mê điên đảo đầy dẫy phiền hoặc, tâm vẫn cùng một thể giống hết như tam thể chư Phật, trọn chẳng khác gì. Vì thế, nói: “*Tâm, chúng sanh, Phật, ba thứ không sai biệt*”. Nhưng do chư Phật rõ ràng chứng đắc, nên công đức lực dụng được phô bày trọn vẹn triệt để, còn phàm phu toàn thể là mê trái nên đâm ra dùng sức công đức lực dụng ấy khởi tham - sân - si nơi sáu trần cảnh, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo

nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba món Hoặc - Nghiệp - Khổ dẫn khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tục không ngừng, trải tràn điểm kiếp luân hồi dài lâu. Dù muốn thoát lìa cũng không có cách gì!

Ví như trong nhà tối chạm phải vật báu, chẳng những không thọ dụng được, trái lại còn bị thương tổn! Mê tâm đuổi theo cảnh, trái giác hiệp trần cũng giống như thế. Như Lai thương xót giảng cho diệu pháp, khiến cho bỏ vọng về chân, khôi phục tâm tánh. Thoạt đầu thì từ nơi vọng liền thấu hiểu tốt cùng chân, kế đến thì toàn bộ vọng chính là chân, như gió lặng ắt sóng êm, trời nóng băng phải tan, sóng lẫn băng trở thành nước, nhưng sóng - băng và nước vốn chẳng phải là hai vật! So lúc sóng chưa êm, khi băng chưa tan với lúc sóng đã êm, băng đã tan thì thể tánh trọn chẳng hai, nhưng Tướng - Dụng thật sự khác biệt rất lớn. Do vậy, có câu: *“Tu đức hữu công, tánh đức mới tỏ”*.

Nếu chỉ cậy vào Tánh Đức chẳng chú trọng Tu Đức thì đến tốt cùng đòi vị lai vĩnh viễn vẫn là chúng sanh uổng có Phật tánh, nhưng không nơi nương tựa! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh chép: *“Quán Tự Tại Bồ Tát khi thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, chiếu thấy năm Uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách”*. Toàn thể của Ngũ Uẩn chính là Chân Như Diệu Tâm, nhưng do cứ một bề mê trái nên trở thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành lập thì Nhất Chân liền bị mê. Nhất Chân đã bị mê thì các khổ đều nhóm họp. Giống như gió dậy thì toàn thể nước biến thành sóng, trời lạnh thì nước đang mềm biến thành cứng. *“Chiếu”* là dùng Bát Nhã rất sâu bèn hiểu rõ *“do mê chân nên biến thành vọng, toàn thể vọng chính là chân”*, như gió lặng, trời ấm lại khôi phục bản thể của nước vậy!

Do vậy, biết hết thấy pháp đều do vọng tình biến hiện. Nếu lìa được vọng tình thì bản thể hoàn toàn là không; do vậy Tứ Đại đều mất bản tánh, sáu căn có thể dùng lẫn cho nhau. Vì thế, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định mà hiện các oai nghi, nhãn căn có thể làm được Phật sự của nhĩ căn, nhĩ căn làm được Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đang đi trên đất, nước - lửa chẳng thể thiêu đốt, cuốn trôi được, tùy ý đi đứng trên hư không. Cảnh không tự tánh, đều tùy tâm chuyển. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm chép: *“Nếu có một người nhận ra lẽ thật, trở về nguồn, thì mười phương hư không đều bị tiêu tan”*, đây chính là hiệu quả thật sự của việc *“chiếu thấy Ngũ Uẩn đều không”*.

Quy là “*quy đầu*” (gieo trở vào), “*quy hoàn*” (trở về), có nghĩa là phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có vậy. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có, mà nếu trước hết chẳng quy tâm nơi Tam Bảo, y giáo phụng hành sẽ không thể được! Đã có thể quy tâm Tam Bảo y giáo phụng hành thì sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm triệt chứng Phật tánh rồi thì mới biết tự tâm quý báu nhất, nơi mê chẳng giảm, nơi ngộ chẳng tăng. Chỉ là thuận theo pháp tánh bèn thọ dụng được, hễ trái nghịch pháp tánh bèn bị thương tổn, lợi - hại khác biệt như trời với vực. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Lời bạt cho Quy Tâm Đường*)

* Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Bản thể tâm tánh bình đẳng như một, không hai, không khác, nhưng khổ - vui, thọ dụng cách biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà ra! Lý ấy rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Muốn chẳng tổn lời nên bèn dùng thí dụ để giảng. Chư Phật tu đức đến cùng cực, triệt chứng Tánh Đức, ví như tấm gương báu tròn lớn, thể chất bằng đồng⁷⁸, biết nó có quang minh, hằng ngày chuyên chú chùi, mài, đồ công chẳng ngừng thì khi bụi hết, ánh sáng sẽ hiện, dựng trên đài cao, hễ có hình [soi vào gương, thì trong gương] ắt sẽ có bóng: Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi nơi đầu sợi lông, sâu la vạn tượng đều hiện rành rành. Trong lúc vạn tượng cùng hiện ấy, gương vẫn trông rỗng, thông suốt, trọn chẳng có một vật gì. Tâm chư Phật cũng giống như thế: Đoạn hết phiền não Hoặc nghiệp, đức tướng trí huệ sẽ phơi bày trọn vẹn, đến tận cùng đời vị lai an trụ trong Tịch Quang, thường hưởng pháp lạc, độ chín giới thoát lìa sanh tử, cùng chứng Niết Bàn.

Chúng sanh hoàn toàn mê Tánh Đức, không có may mắn Tu Đức, ví như gương báu phủ bụi, chẳng những không có may mắn quang minh nào, mà ngay cả chất đồng cũng bị phủ lấp chẳng còn hiện ra. Tâm chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng ấy sẵn có quang minh chiếu trời soi đất, từ đây chẳng chịu buông bỏ, ngày ngày chăm chú lau chùi, mài giũa. Thoạt đầu hơi lộ chất đồng, tiếp đó, gương dần dần tỏa quang minh. Nếu vẫn cực lực mài sạch thì một mai hết sạch trần cấu, tự nhiên gặp hình bèn hiện bóng, chiếu trời soi đất.

⁷⁸ Thuở xưa, cổ nhân dùng những tấm đồng tròn mài bóng làm gương soi.

Nhưng quang minh ấy gương vốn sẵn có, chẳng phải đến từ bên ngoài, chẳng phải do mài mà được; nhưng không mài thì cũng không có cách nào đạt được! Chúng sanh trái trần hiệp giác, bỏ vọng theo chân cũng giống như thế! Dần dần đoạn Phiền Hoặc, dần dần tăng trưởng trí huệ. Đến khi nào công hạnh viên mãn sẽ đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo, hoàn toàn chẳng khác gì với mười phương ba đời hết thảy chư Phật. Tuy vậy chỉ là khôi phục cái sẵn có, hoàn toàn chẳng có gì là mới đạt được! Nếu chỉ ý vào Tánh Đức, chẳng khởi Tu Đức thì đến hết đời vị lai sẽ thường chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc hoàn lại cái nguồn. (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Diễn thuyết tại phân hội Phật giáo Triều Dương - bài 4)

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh, thọ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt chẳng giống nhau, vì sao thế? Do Phật thì trái trần hiệp giác, còn chúng sanh thì trái giác hiệp trần. Phật tánh tuy đồng, nhưng mê - ngộ thật khác, cho nên sướng - khổ, thăng - trầm khác biệt một trời một vực. Nếu có thể suy xét kỹ nghĩa lý “tam nhân Phật tánh” thì không mỗi nghi nào chẳng phá, không ai chẳng muốn tu tập. Tam nhân chính là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

1) Chánh nhân Phật tánh chính là diệu tánh sẵn có ngay nơi cái tâm của chúng ta, là Pháp Thân chân thường được chứng bởi chư Phật. Đây chính là cái “*tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng, ở trong sanh tử chẳng nhiễm, ngộ Niết Bàn chẳng tịnh*”. Chúng sanh triệt để mê trái, nhưng chư Phật rốt ráo viên chứng. Mê - chứng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

2) Liễu nhân Phật tánh chính là Chánh Trí được phát sanh bởi chánh nhân Phật tánh; do từ tri thức hoặc từ kinh giáo được nghe đến nghĩa lý chánh nhân Phật tánh bèn liễu ngộ. Biết do nhất niệm vô minh chướng lấp nguồn tâm, cho nên chẳng biết bản thể của cảnh giới lục trần vốn không, tưởng là thật có, bèn khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm. Do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, đâm ra làm cho chánh nhân Phật tánh biến thành cái gốc để khởi Hoặc tạo nghiệp chịu khổ. Từ đây liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng theo chân, ngộ hầu khôi phục bản tánh.

3) Duyên nhân Phật tánh: Duyên là trợ duyên. Đã liễu ngộ thì cần phải tu tập đủ mọi thiện pháp hòng tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, khiến cho đích thân chúng được rốt ráo cái lý sẵn có mà mình đã ngộ mới thôi!

Xin dùng thí dụ để làm sáng tỏ. Chánh nhân Phật tánh giống như vàng trong quặng, như lửa ẩn trong gỗ, như ánh sáng từ nơi gương, như mầm nằm trong hạt ngũ cốc, tuy sẵn có, nhưng nếu chẳng hiểu rõ và trải qua những duyên như chung luyện, xoi dùi, giồi mài, vun trồng, mưa thấm ướm v.v... thì chất vàng, lửa, ánh sáng, mầm... sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày phát sanh. Vì thế, biết: Tuy có chánh nhân nhưng nếu không có duyên để hoàn thành thì chẳng thể thọ dụng được.

Do vậy, đức Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, muốn làm cho họ được giải thoát. Chúng sanh do chẳng liễu ngộ nên chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi luân hồi sanh tử bao kiếp dài lâu chẳng thể thoát ra được! Bởi đó, đức Như Lai rộng bày phương tiện, tùy cơ chỉ dạy, dắt dìu ngõ hầu chúng sanh bỏ vọng theo chân, trái trần hiệp giác. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Sự tích vãng sanh của ưu-bà-di Trần Liễu Thường và nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của Phật Tánh*)

* Trước khi chưa chứng, chân tánh thuận theo ác duyên mà thành phiền não, nhưng vẫn bất biến. Thuận theo thiện duyên, tịnh duyên sẽ trở thành Bồ Đề, vẫn bất biến. Ví như vàng ròng tuy gò thành cái bô đi tiêu hay cái vò đựng nước tiểu ban đêm, tuy hằng ngày đựng phân, tánh vàng vẫn bất biến. Nếu đức thành tượng Phật, tượng Bồ Tát, tuy cực kỳ quý trọng, nhưng tánh vàng vẫn bất biến. Người trong thế gian ai nấy sẵn đủ Phật tánh, nhưng thường tạo ác nghiệp như đem vàng gò thành cái bô đi tiêu, cái vò đựng nước tiểu ban đêm, thật chẳng biết tự trọng quá sức! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lã Trí Minh*)

* Phật Quang là Trí Thể sẵn có ngay trong tự tâm của phàm - thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Thể ấy linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủy, vô chung, dọc thì suốt khắp ba đời nhưng ba đời do đây dứt bật, ngang thì trọn khắp mười phương nhưng mười phương do đây tiêu mất. Được gọi là Không, nhưng vạn đức trọn bày. Gọi là Có, nhưng mấy trần chẳng lập. Chính là hết thấy pháp, nhưng lìa hết thấy tướng, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh

chẳng tăng. Tuy Ngũ Nhãn chẳng thể thấy được, Tứ Biện⁷⁹ chẳng thể tuyên thuyết, nhưng pháp gì cũng phải nhờ vào sức nó, đâu đâu cũng gặp gỡ. Chỉ vì chúng sanh chưa ngộ nên chẳng những không thể thọ dụng được, trái lại còn nương theo sức chẳng thể nghĩ bàn này để khởi Hoặc tạo nghiệp. Do nghiệp chuốc khổ, khiến phải sanh tử luân hồi trọn chẳng khi nào hết.

Dem chân tâm thường trụ thọ lấy huyền bảo sanh diệt, ví như người say thấy nhà xoay, nhà thật sự chẳng xoay. Kẻ mê cho là phương hướng chuyển dời, phương hướng quả thật chẳng động. Hoàn toàn do vọng nghiệp biến hiện, trọn chẳng có thật pháp nào để đạt được! Do vậy, khi đức Thích Ca Thế Tôn ta thị hiện thành Phật đạo, triệt chúng Phật quang, bèn than: *“Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều đầy đủ trí huệ, đức tướng của Như Lai nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng, chấp trước thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí đều được hiện tiền”*.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, vốn chẳng có thế giới, chúng sanh. Do vọng nên có sanh, do sanh nên có diệt. Sanh - diệt gọi là Vọng. Diệt vọng gọi là Chân. Đấy gọi là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn của Như Lai”*. Hai thứ danh hiệu này được dùng thay cho nhau. Ngài Bàn Sơn⁸⁰ nói: *“Tâm nguyệt riêng tròn, ánh sáng phủ trùm muôn hình tượng. Ánh sáng không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm lìa cảnh đều mất, nào còn có vật gì?”* Ngài Quy Sơn nói: *“Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi Căn Trần. Thể lộ chân thường, chẳng chấp vào văn tự. Tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm chính là Như Như Phật”*. Do vậy, biết: Mọi thứ ngôn giáo của Phật, Tổ, không gì chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê về ngộ, khôi phục cái nguồn, hoàn lại cái cội mà thôi! (Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho Phật Quang Nguyệt Báo)

⁷⁹ Biện Tài là biện luận khéo léo, tức tài năng thuyết pháp khéo léo. Tứ Biện tức là Tứ Biện Tài, còn gọi là Tứ Vô Ngại Biện Tài, chính là Pháp Vô Ngại Biện Tài, Nghĩa Vô Ngại Biện Tài, Từ Vô Ngại Biện Tài, Biện Vô Ngại Biện Tài. Bốn thứ này còn được gọi là Tứ Vô Ngại Giải, Tứ Vô Ngại Trí.

⁸⁰ Bàn Sơn Bảo Tích là đệ tử nổi pháp của Mã Tổ Đạo Nhất, sanh vào thời Đường, sống tại Bàn Sơn thuộc U Châu (Hà Bắc), tuyên dương Tông phong, nên có hiệu là Bàn Sơn Bảo Tích. Không rõ năm sanh và năm mất, thụy hiệu là Ngưng Tịch Đại Sư.

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh thường quang, tất cả những gì sáng - tối, thông - tắc, xa - gần thấy đều chiếu thấu suốt không sót. Vì vậy, chẳng cần nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc mới thấy được. Hiềm rằng chúng sanh mê muội bản tánh, trái giác hiệp trần, đến nỗi Phật tánh thường quang ấy biến thành phiền não vô minh, chẳng những chỗ tối tăm, ngăn lấp, xa xôi không thấy được, ngay cả những thứ ở gần ngay trước mắt nếu không có ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đuốc, dù là Thái Sơn vẫn không thể thấy được, huống gì những thứ khác! Do vậy, luân hồi trong biển khổ sanh tử như người mù không ai dẫn đường, trọn chẳng thể có thuở thoát ra được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Bài ký về chuyện Lý Thái Phu Nhân ở Trấn Hải thấp đèn soi sáng biển*)

* (Dưới đây luận về ngộ chứng) Cái lý Nhị Không chỉ nói về ngộ thì phạm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh Tự trong Viên Giáo, tuy Ngũ Trụ Phiền Não chưa phục đoạn⁸¹ được may mắn nào, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (Ngũ Trụ: Kiến Hoặc là một Trụ, Tư Hoặc gồm ba Trụ. Hai loại này thuộc về giới nội. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một Trụ. Hai loại này thuộc về giới ngoại). Nếu nói theo nhà Thiền thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải.

Đại triệt đại ngộ và đại khai viên giải không phải là lơ mờ, phảng phất hình như hiểu rõ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ⁸² nghe Mã Tổ nói: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”,

⁸¹ Phục đoạn: Khuất phục, đè nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.

⁸² Bàng cư sĩ tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chí cầu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: “Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?” Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, về sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: “*Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết*”, ngay khi đó Bàng cư sĩ bèn đốn ngộ huyền chỉ. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: “Huyền hóa không thật, tùy con duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đúng Ngộ bảo cha!” Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: “Mặt trời đứng bóng rồi lại chên, hãy ra xem thử!” Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn leo lên tòa của cha, chấp tay qua đời. Cư sĩ cười: “Con ta lanh lẹ quá!” Bèn dời ngày chết lại bảy hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đốn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: “Chỉ nguyện không vô sở hữu, chớ đừng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang”. Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

ngay khi đó, Bàng cư sĩ bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói: “*Gió Nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ*” cũng thế. Ngài Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa đến câu “*là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật*” trong phẩm Dược Vương Bốn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp Thật Tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiên sư, là thầy đặc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: “*Thoạt đầu ta mong được Đồng Luân* (tức địa vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng Thật Tướng, vừa dự vào Thật Báo, phần chứng Tịch Quang. Bạc Sơ Trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thể giới giáo hóa chúng sanh. Bạc Nhị Trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thể giới, Tam Trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). *Nhưng vì lãnh chứng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi!* (Thiết Luân là địa vị Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc. Bát, Cửu, Thập Tín phá Trần Sa Hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập Tín, còn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ Trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp Thật Tướng).

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca, lâm chung có người hỏi: “Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?” Bèn đáp: “*Nếu ta không lãnh chứng ắt tịnh được sáu căn*” (tức là thuộc địa vị Thập Tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), *do tổn mình lợi người nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm*”. (Ngũ Phẩm là Quán Hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn trừ được Kiến Hoặc).

Ngẫu Ích đại sư lúc lâm chung để lại bài kệ:

*Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị tri tất cánh phó hà nhân?*

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh Tự còn chưa biết rốt ráo, giao phó cho ai đây?)

(Người thuộc địa vị Danh Tự đã viên ngộ Tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng Kiến Tư còn chưa khuất phục được, hướng chỉ là đoạn! Những người đại triệt đại ngộ trong đời Mạt đa phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha,

Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bậc thượng. Kế đến là như Hải Ấn Tín làm con gái của Châu Phòng Ngự. Kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạn Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Côi. Rõ ràng là vì Lý tuy đã đồn ngộ, nhưng Hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, tức là tên gọi khác của Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện thuộc địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập Tín, tuy bốn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các Ngài thị hiện ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, cho thấy Thật Tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các Ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã chứng, nên bèn hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Ấn thị hiện sau cùng của ba vị đại sư chúng ta đầu nát xương tan thân cũng không thể báo đáp được!

Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chẳng? Nếu nói Niệm Phật, duyệt kinh hồng vân bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường hầu Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng Thật Tướng sớm hay muộn thì đây là lời quyết định không nghi, hết thấy người vãng sanh cùng được chứng đắc. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Lại nữa, Nhị Không chính là Ngã Không và Pháp không. Ngã Không có nghĩa là đối với Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, hiểu rõ dù Sắc hay Tâm (Sắc là sắc pháp, bốn thứ sau (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ thể thật ngã. Pháp Không là đối với pháp Ngũ Ấm, hiểu rõ Thể của chúng hoàn toàn là không. Tâm Kinh nói “*soi thấy năm Uẩn đều không*” chính là nghĩa này. Lý Pháp Không này chính là Thật Tướng. Do phá vô minh, chứng Thật Tướng, nên nói “*độ hết thấy khổ ách*”.

Thật Tướng là Pháp Thân Lý Thể, bỏ lìa trọn vẹn các tướng sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v... là gốc của hết thấy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là Thật Tướng. Thật Tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị Thừa do mê trái nên chẳng thể thọ dụng được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo nàn lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, dừng bước, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chư Phật, còn về chứng thì Sơ Địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị Địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi Tăng Thượng Mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dầu vạn con trâu cũng khó kéo lại được. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ “hạnh khởi, giải tuyệt”⁸³ mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như vậy... Ngu tôi cho rằng: Một chữ Khởi nên hiểu nghĩa là Cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực, dầu có quán niệm vẫn là có Năng, có Sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến Năng - Sở mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô⁸⁴, về sau đạo phong [của vị ấy] chói lợi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ Cực mà thôi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông -1*)

* Niệm Phật chú trọng tại vãng sanh, niệm đến cùng cực cũng có thể minh tâm kiến tánh, chứ không phải Niệm Phật hoàn toàn chẳng ích gì cho đời hiện tại. Xưa kia, Minh Giáo Tung thiền sư⁸⁵ công khóa mỗi

⁸³ Hạnh khởi, giải tuyệt: Do thấu hiểu (Giải) bèn tu tập (Hạnh), Hạnh Khởi Giải Tuyệt có nghĩa là do đã thấu hiểu đến tột cùng, thâm nhập nghĩa lý, chỉ nhất tâm nhất ý tu tập nhằm thâm nhập, chứng ngộ sự hiểu biết ấy, không còn nghi hoặc, không còn thấy có đối đãi, Giải và Hạnh hợp nhất. Hạnh nhằm hiển lộ Giải, Giải soi đường cho Hạnh.

⁸⁴ Nguyên văn : Mộc đầu nhân, là một thành ngữ chỉ những người ngu độn, ương bướng.

⁸⁵ Tức ngài Khiết Tung đời Tống. Sư là người Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng, tỉnh Quảng Tây), thông suốt các nội ngoại điển tịch, có tài trước thuật. Năm Gia Hựu thứ 7 (1062) đời Tống Nhân Tông, Sư soạn bộ Truyền Pháp Chánh Tông Ký. Phụ Giáo Thiên v.v... được nhập tạng, nên được vua ban hiệu là Minh Giáo Đại Sư.

ngày niệm mười vạn thánh hiệu Quán Âm; về sau, đối với mọi kinh sách thế gian không cần đọc đều biết. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* (Dưới đây luận về tông giáo) Bàn rạch ròi Phật pháp về mặt đại thể, thì chẳng ngoài Chân - Tục nhị đế. Chân Đế thì một pháp chẳng lập, đó gọi là “*Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mây trần*”. Tục Đế thì không pháp nào chẳng đủ, đó gọi là “*Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp*” (trong cửa Phật sự, chẳng bỏ pháp nào). Giáo thì Chân - Tục cùng xiển dương, nhưng đa phần luận về Tục. Tông thì ngay từ Tục bèn nói Chân, nhưng quét sạch Tục tướng.

Phải biết: Chân và Tục đồng thể, không phải là hai vật. Ví như gương báu tròn lớn, trống rỗng, sáng ngời, thông suốt, trọn không có một vật gì. Tuy trọn chẳng có vật gì nhưng lại có thể “người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán”. Sấm la vạn tượng thấy đều hiện. Dẫu cho mọi tướng cùng hiện, nhưng vẫn trọn không có một vật nào. Dẫu trọn không có một vật nào, nhưng chẳng ngại gì mọi tướng cùng hiện!

Đối với chỗ “mọi tướng cùng hiện”, nhà Thiền chuyên nói “trọn không có một vật”; còn Giáo đối với chỗ “trọn không có một vật” lại nói căn kẽ “mọi tướng đều hiện”. Ấy là đối với Sự Tu, Tông bèn chỉ rõ Lý Tánh; chứ không vứt bỏ Sự Tu. Còn Giáo thì bèn luận Sự Tu nơi Lý Tánh, nhưng vẫn quy về Lý Tánh. Đây gọi là “*xứng tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự - Lý cùng được, Tông - Giáo bất nhị*” vậy! Tuy trung căn, hạ căn được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu không phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng thể thông suốt vì phải học biết rộng rãi. Tuy trung hạ căn khó thể gợi lòng nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt; do đó phải ước theo căn cơ vậy!

Giáo thì thế gian pháp, Phật pháp, sự - lý, tánh - tướng đều phải thông đạt, lại phải đại khai viên giải (tức là “*đại triệt đại ngộ*” trong nhà Thiền) thì mới có thể làm đạo sư cho trời người. Tông phải tham sao cho thấu suốt một câu thoại đầu, đích thân thấy được bản lai mới hòng xiển dương tông phong Trục Chỉ. Lúc Phật pháp đại hưng thịnh và nếu là bậc thông đạt Phật pháp thì nên y theo Tông để tham cứu. Ví như ông Tăng

Dao⁸⁶ vẽ rồng, vừa chấm mắt, rồng bèn bay lên ngay lập tức. Lúc Phật pháp suy nhược, và nếu là kẻ túc căn hèn kém, hãy nên y theo Giáo tu trì. Ví như thợ vụng làm đồ vật, nếu bỏ dây mực sẽ hoàn toàn không làm được gì. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Tông Giáo Bất Nghi Hồn Lạm Luận*)

* (Dưới đây luận về trì chú) Trì chú chẳng cần biết đến nghĩa lý, chỉ chỉ thành khẩn thiết trì tụng, cạn kiệt lòng thành đến cùng cực sẽ tự có thể nghiệp tiêu, trí rạng, chương tận, phước cao, lợi ích ấy chẳng thể nào nghĩ bàn được! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Pháp trì chú chỉ có thể dùng làm Trợ Hạnh, chẳng được coi pháp Niệm Phật là hạnh tu kèm, coi Trì Chú là Chánh Hạnh. Tuy pháp môn Trì Chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành, khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hoàng thệ đại nguyện của A Di Đà Phật, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì do pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, [sẽ ngỡ rằng không cần bận tâm đến căn tánh] tùy ý tu pháp nào cũng được, bèn thành “*không Thiền, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lẫn ngàn đời, không một ai nương tựa!*”.

Nếu tự biết mình là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoàng thệ nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời [đức Phật] đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh Độ. Trì chú, tụng kinh để trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được! Nếu sanh tâm lảm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông hiểu Lý, giới lực không vững, tâm Bồ Đề chẳng sanh, tâm ta - người càng thanh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng.

⁸⁶ Trương Tăng Dao (502-549) là một danh họa đời nhà Lương thời Nam Bắc Triều, cùng với Cố Khải Vi, Lục Thám Vi và Ngô Đạo Tử (thuộc đời Đường) được xưng tụng là Họa Gia Tứ Tổ (bốn ông tổ của hội họa). Tăng Dao sở trường tài vẽ diện mạo nhân vật. Lương Võ Đế từng sai ông vẽ hình các hoàng tử phải đi trấn nhậm nơi xa cho đỡ nhớ. Ông vẽ tài tình đến nỗi hoàng đế phải khen ngợi nhìn hình giống như thấy người thật. Ông chịu nhiều ảnh hưởng của hội họa Ấn Độ, là người đi tiên phong trong cách vẽ thể hiện không gian ba chiều.

Phàm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo; hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dầu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư Tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học theo vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* (Dưới đây luận về xuất gia) Phàm Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người khiến cho pháp đạo được hưng thịnh, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm Tăng hòng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ Đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, hoằng dương Tam Học⁸⁷ nhưng riêng khen ngợi Tịnh Độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy cũng chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm Tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dầu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, khiến Phật pháp nhục lây, dầu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân, cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được, huống chi là nhiều!

Cổ nhân nói: “*Xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được*”⁸⁸ đây là chân ngữ, thật ngữ, chứ không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả đề cao Tăng Già đâu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp huệ mạng của Phật, không phải là kẻ phá vô minh hòng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hòng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được....

⁸⁷ Tam Học: tức Giới, Định, Huệ.

⁸⁸ Nguyên văn: “*Xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi*”. Trong bài giảng Sa Di Luật Nghi Yếu Lược, Hòa Thượng Tịnh Không giảng chữ Tướng thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng thứ hai là tể tướng. Ngài nói Tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tột bậc.

Từ rày về sau người cầu xuất gia, thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ Đề lợi mình, lợi người, thứ hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xảy đến nỗi ô uế, bại hoại Phật môn chẳng nhẹ vậy! Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phỏng tri thức, y chỉ từng lâm. Nữ dấu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thể độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời Mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát - 2*)

* Chỉ có hàng Thích Tử chúng ta lấy chuyện thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng. Không chỉ báo đáp cha mẹ nhiều đời mà còn báo đáp hết thầy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không những hiếu kính cha mẹ khi còn sống mà còn độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến cho họ vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Vì vậy, mới nói: *“Đạo Hiếu của họ Thích ẩn kín, khó thể hiểu rõ vậy!”* Tuy vậy, đạo Hiếu của Nho lấy chuyện phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, nếu đệ tử Phật từ biệt cha mẹ xuất gia thì có phải là chẳng đoái hoài công cha mẹ nuôi dưỡng hay chẳng? Đức Phật chế định: Xuất gia phải bầm cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu có thể nhờ cậy thì mới được bầm thừa cùng cha mẹ, cha mẹ bằng lòng mới được xuất gia. Nếu không, chẳng cho xuống tóc. Có người xuất gia rồi, nếu anh em gặp chuyện, cha mẹ không nhờ cậy ai được, cũng được phép xẻ bớt cơm áo để giúp đỡ cha mẹ.

Do vậy, ngài Trường Lô còn nêu vết thorn phụng dưỡng mẹ (Thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi. Bà mẹ ngài họ Trần nuôi nhờ con trong nhà người cậu. Đến lớn, Sư thông thạo bác lâm kinh điển thế tục. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiệu sâu xa tông yếu. Sau trụ tại chùa Trường Lô, đón mẹ về ở nơi thất phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bảy năm sau, mẹ niệm Phật qua đời. Chuyện này chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), ngài Đạo Phi có chuyện lạ “chôn cha” (ngài Đạo Phi là tông thất nhà Đường, người Trường An. Sanh ra mới vừa đầy năm, cha vì vương sự bỏ mình. Ngài xuất gia năm bảy tuổi. Đến năm mười chín, đời loạn, gạo mắc, bèn công mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, ngài tìm đến chiến trường Hoắc Sơn, khâu thập xương trắng, kiên thành tụng kinh chú, mong tìm được xương cha. Vài ngày sau, xương cha từ giữa đồng xương trời lên, tiến thẳng đến trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn chôn vùi những bộ xương khác, mang xương cha

đem về chôn cất. Chuyện này được chép trong Tổng Cao Tăng Truyện). Vì thế kinh nói: “*Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát*”.

Cha mẹ còn sống thì khéo léo khuyên dụ, khiến cho cha mẹ trì trai niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ đã khuất thì đem công đức tu trì đọc tụng của chính mình thường chí thành hồi hướng cho cha mẹ, khiến họ vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, từ biệt mãi mãi sáu nẻo, chúng Vô Sanh Nhân, đạt địa vị Bất Thoái. Đến tột cùng đời vị lai độ thoát chúng sanh khiến cho cả mình lẫn người đều thành giác đạo. Như vậy là chẳng giống với đại hiệu của thế gian. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Phật Giáo Dĩ Hiếu Vi Bốn Luận*)

* (Dưới đây luận về báng Phật) Phật nghĩ thương chúng sanh từ vô thi trước đến tận vị lai sau, trên lên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc vào đại bi thế nguyện mênh mông. Ví như hư không bao hàm hết thấy, sâm la vạn tượng cho đến trời đất thấy đều chứa đựng hết. Cũng như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dầu kẻ mù từ lúc lọt lòng chẳng thấy được ánh sáng cũng vẫn được ánh sáng chiếu đến mà được làm người. Nếu không có ánh mặt trời chiếu rọi, ắt chẳng có duyên sống còn, nào phải chỉ những người tự thấy được ánh sáng mới được nhờ ơn ư?

Những kẻ Thế Trí Biện Thông cậy vào kiến giải câu nệ, hẹp hòi, chê bai Phật pháp, cho là có hại cho thánh đạo, bịp đời, dối dân, trọn chẳng khác gì kẻ mù từ lúc lọt lòng chửi mặt trời, cho là mặt trời không có ánh sáng vậy! Hết thấy ngoại đạo đều trộm lấy ý nghĩa trong kinh Phật cho là chính mình có, lại còn trộm lấy những danh từ của Phật pháp để hành tà pháp. Do vậy biết Phật pháp chính là gốc đạo của hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian vậy.

Ví như biển cả chảy ngầm dưới đất, những chỗ nó tưới tắm, chảy lộ ra ngoài chính là vạn con sông; nhưng vạn con sông, không con nào chẳng đổ vào biển cả. Những kẻ báng Phật kia đâu phải là báng Phật mà chính là tự báng mình đấy chứ! Bởi lẽ một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật nên Phật mới thuyết pháp giáo hóa đủ cách như thế, mong cho họ bỏ mê quy ngộ, tự chứng được Phật tánh sẵn có mới thôi.

Do Phật tánh quan trọng nhất, đáng mến tiếc nhất, nên Phật chẳng tiếc công sức như thế. Dù kẻ ấy chẳng tin nhận thì cũng chẳng nở buông bỏ. Nếu chúng sanh chẳng sẵn đủ Phật tánh, chẳng kham làm Phật, Phật cứ ủng hộ công lập bày như thế, hóa ra nếu chẳng phải là gã khờ bậc nhất trong thế gian thì cũng là gã đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian ư? Thiên long bát bộ, tam thừa thánh hiền há chịu hộ trì, y chỉ Phật hay sao? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên*, quyển 3, Lời tựa khắc in lưu thông cuốn Phật Di Giáo Kinh Giải)

* Người đời chưa đọc kinh Phật, chẳng biết Phật suy tính sâu xa để hóa độ chúng sanh, thấy bọn Hàn - Âu - Trình - Châu báng Phật, liền tự mình gánh lấy trách nhiệm “đề cao điều chánh, quở trách thói tà”, người ta nói sao mình cũng bảo vậy, thốt lời khinh miệt, phỉ báng cho sướng miệng, chẳng biết bọn Hàn - Âu hoàn toàn chưa từng đọc kinh Phật.

[Lý luận về] đạo Phật của họ Hàn vốn chỉ có hai chữ Tịch Diệt là từ ngữ trong Phật pháp, còn những từ ngữ khác đều là lời lẽ của Lão Tử, Trang Tử. Về sau, do thiền sư Đại Điền khơi gợi, hướng dẫn, [Hàn Dũ] mới không báng Phật nữa.

Họ Âu chỉ đề cao họ Hàn, căn cứ đề ông ta báng Phật là “do sự cai trị của nhà vua đã suy vi, đạo nhân nghĩa không ai đề xướng, nên Phật thừa cơ xâm nhập”. Nếu như ông ta hiểu biết đạo giúp đời độ sanh do đức Phật tùy thuận cơ nghi [mà lập] như đã nói trong phần trước, ắt chẳng đến nỗi coi Phật là họa hoạn của Trung Quốc để rồi muốn xua quét đi. Họ Âu đề xướng như thế, kẻ học [đạo Nho] coi họ Âu như tông sư, đều bắt chước bài bác Phật giống như vậy.

Đại sư Minh Giáo⁸⁹ muốn cứu vãn thói tệ ấy, soạn Phụ Giáo Biên dâng lên hoàng đế [Tống] Nhân Tông. Nhân Tông đưa cho Hàn Ngụy

⁸⁹ Minh Giáo Đại Sư chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm bảy tuổi, mười ba tuổi được thể phát, thọ giới, mười chín tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát mười vạn câu. Về sau, Sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết “Nho - Phật nhất trí”. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, Sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v... Những trước tác

Công⁹⁰ xem, ông Hàn đưa cho họ Âu xem, họ Âu kinh ngạc nói: “Chẳng ngờ trong Tăng chúng lại có người như vậy? Sáng mai sẽ gặp mặt một phen!” Ngày hôm sau, ông Hàn đưa Minh Giáo đến gặp, bàn luận thông suốt trọn một ngày, từ đây [họ Âu] chẳng còn báng Phật nữa. Hàng môn hạ [của Âu Dương Tu] tiếp nhận giáo huấn của ngài Minh Giáo, đa số đều cực lực học Phật.

Họ Trình, họ Châu đọc kinh Đại Thừa nhà Phật, thân cận thiện tri thức Thiên Tông, biết được những nghĩa “toàn sự chính là lý” trong kinh và “pháp gì, chuyện gì cũng quy về tự tâm” của Tông môn, liền tưởng mình đã lãnh hội lớn lao, chứ thật ra chưa hề đọc trọn các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa và thân cận tri thức các tông, bèn chấp lý phế sự, bác không nhân quả, bảo đức Phật nói ra nhân quả ba đời, luân hồi sáu đường để làm căn cứ gạt gaim ngu phụ ngu phụ sùng phụng giáo pháp của Ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy.

Lại còn nói: “Con người chết đi, hình hài đã mục nát thì thần hồn cũng phiêu tán, đâu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Thần hồn đã phiêu tán, lấy ai để thác sanh?” Do vậy, kẻ ác mặc lòng tạo nghiệp, người lành cũng khó gắng sức [làm lành]. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ, Duyên khởi của Phước Châu Phật Học Đồ Thư Quán*)

* (Dưới đây luận về giới luật) Nói đến việc trì giới, trước hết phải giữ được hai câu giới luật khái lược của Phật. Giới ấy như thế nào? Chính là “*đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành*”. Hai câu ấy bao trùm hết thầy giới pháp, trọn chẳng sót chút nào! Đây chính là câu trích từ Giới kinh của Như Lai; trong Âm Chất Văn, Văn Xương Đế Quân dẫn câu này; đừng bảo “câu này vốn phát xuất từ Âm Chất Văn!”

của Sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại Tạng, ban tặng cho Sư ca-sa tía và ban hiệu là Minh Giáo đại sư. Sau khi Sư thị tịch tại chùa Linh Ẩn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thu thập những ngữ lục của Sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

⁹⁰ Hàn Ngụy Công chính là Hàn Kỳ (1008-1075), tự Trĩ Khuê, quê ở An Dương, Tương Châu (tỉnh Hà Nam), là một văn quan đời Tống, cùng với Phạm Trọng Yêm là những văn quan thống lãnh quân phòng ngự biên giới phía Tây, chuyên kháng cự quân Tây Hạ xâm lăng Đại Tống. Về sau, họ Hàn làm Tể Tướng vào năm Gia Hựu thứ ba (1058), rồi được Tống Anh Tông phong cho tước Ngụy Quốc Công.

Hai câu này nếu nhìn hời hợt dường như chẳng đặc biệt, lạ lùng gì, nhưng nếu kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, giữ được hoàn toàn không phạm thì người ấy đã thâm nhập cảnh giới thánh hiền rồi! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh - 3*)

* Luật không phải chỉ là những sự việc thuộc về mặt thô mà thôi; nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ lòng thành thì cũng là phạm luật, nhưng nhân quả là cốt lõi của Luật. Nếu ai không biết nhân quả và lầm lẫn nhân quả thì đều là phạm Luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiên, Tịnh đều cùng hành cả. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh ở Tứ Xuyên*)

* Tam Quy, Ngũ Giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, hướng chỉ pháp môn Tịnh Độ giản dị, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng soi xét tam nghiệp, chẳng trì Ngũ Giới sẽ không có phần được thân người lần nữa, huống gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 3*)

* Đối với việc thọ giới, nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm sẽ không có cách nào ở được!

Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xướng rằng: “Đệ tử là Phước Hiền, thề giữ năm giới, làm mãn phận Ưu Bà Di (Ưu Bà Di, Hán dịch là Cận Sự Nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật. Mãn Phận nghĩa là cả năm giới đều trì). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu có vợ chồng thì nói là “không tà dâm”). Suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu”.

Nói ba lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng phải tự chí tâm thọ trì, [hễ chí tâm thọ trì thì so với chuyện đến chùa thọ giới] công đức trọn chẳng hơn - kém. Chớ bảo kẻ tự thệ thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này

chính là thánh huân của Như Lai trong kinh Phạm Võng. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* (Dưới đây luận về Trung Âm) Trung Âm⁹¹ là thức thần, không phải là thức thần biến thành Trung Âm, thế tục thường gọi [thức thần] là “linh hồn” vậy. Còn như nói Trung Âm “cứ bảy ngày lại sống chết một lần, bốn mươi chín ngày bèn đầu thai” v.v... chớ nên câu nệ, chấp trước [những thuyết ấy]. Nói đến sự sống chết của Trung Âm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của Trung Âm; chẳng thể ngờ nghêch đem những tướng sanh tử của người đời để luận [sự sống chết của Trung Âm]. Trung Âm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ Trung Âm mới như vậy. Dầu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết hay thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngộ hầu tỏ rõ con người chết đi thần minh bất diệt và quả báo thiện - ác chẳng dối vậy.

Nếu không, người dương gian chẳng biết chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng “con người chết đi thân hình đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán” ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hàm sâu tà kiến “không nhân, không quả, không đời kế tiếp, đời sau”, khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng thêm dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác!

Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết rõ điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án chốn U Minh v.v...đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi

⁹¹ Còn gọi là Trung Hữu, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá Tông cho nhất định là có Trung Âm, Thành Thật Tông bác quan điểm này. Còn Đại Thừa cho rằng Trung Âm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân Trung Âm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân Trung Âm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “*Khi mạng báo đã hết, thì gọi là Vô Hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là Bốn Hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi Âm gọi là Trung Hữu*”.

đạo bình trị. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy là do đâu mà có, cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2*)

* Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong sáu đường, thì gọi là Trung Âm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo thì chẳng gọi là Trung Âm. Những hồn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui, đều là tác dụng của thần thức. Đầu thai ắt phải do Thần Thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, Thần Thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở, đã từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có Thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, Bồn Thức (tức Thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái Thức thay thế mới ra đi. Bà mẹ của sư Viên Trạch⁹² mang thai ba năm chính là vì lẽ này. Đây là luận theo lẽ thông thường.

⁹² Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Túc Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Ấn Quang đã kể chuyện thiền sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đây. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái núi Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thể nước chảy xiết, chưa đến tới đã phải cắm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta”. Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đưa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyền kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin Sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm Rằm tháng Tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chần trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người Tịnh nghiệp đã thành, dầu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ; kẻ ác nghiệp sâu nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, Thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có Thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện. Chúng sanh tuy mê, nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông - 2*)

* (Dưới đây luận về bốn cõi Tịnh Độ) Hai cõi Phạm Thánh Đồng Cư độ và Phương Tiện Hữu Dư độ là ước theo phạm phu đối nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật để luận. Nếu ước theo Phật để luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tịnh Độ của Tây Phương đều là Tịch Quang; mà ngay cả ngũ trược ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch Quang. Vì thế nói: “*Tỳ Lô Giá Na trọn hết thấy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch Quang*”. Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch Quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến Chiếu Tỳ Lô Giá Na bèn đích thân được thọ dụng. Ngoài ra đều là phần chứng!

Nếu xét từ bậc Thập Tín trở xuống phạm phu, về Lý thì có, nhưng về Sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di Đà Yếu Giải, mà sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (Tỳ Lô Giá Na (Vairocana), Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, là hiệu chung của Pháp Thân thanh tịnh được chứng bởi hết thấy chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na

*Ngâm gió, thương trăng lọ phải bàn
Thẹn thấy cổ nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.*

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyền xong xuôi, đưa bé lại đọc:
*Thân trước, thân sau sự vẫn vương
Bàn chuyện nhân duyên luống đoạn trường
Ngô Việt giang sơn chơi khắp cả.
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.*
Rồi ruồi trâu đi mất.

cũng thế. Còn Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc v.v... là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do Hoặc nghiệp đã hết sạch, phước huệ viên mãn. Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật Báo và Tịch Quang vốn cùng là một cõi. Nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật Báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch Quang. Bậc Sơ Trụ vừa dự vào Thật Báo, chứng một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được một phần của hai cõi ấy. Đến Diệu Giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cõi ấy. Đối với cõi Thật Báo, những vị giảng sư chỉ coi nó là Phần Chứng, chỉ coi cõi Tịch Quang là rốt ráo.

Tịch Quang vô tướng, Thật Báo trọn đủ những Hoa Tạng thế giới hải vi trần số trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Ví như hư không, thể của nó chẳng phải là các tướng, nhưng hết thấy các tướng đều do hư không tỏ lộ. Lại như gương báu, rỗng rang, sáng ngời, xuyên suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng hễ người Hồ đến liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến liền hiện bóng người Hán. Thật Báo và Tịch Quang là một nhưng lại là hai, tuy hai nhưng là một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cõi. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* (Dưới đây luận về xá-lợi) Như nói đến Xá Lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là Thân Cốt (xương nơi thân), hoặc Linh Cốt (xương thiêng), do Giới - Định - Huệ của người tu hành đạt được, chứ không phải do luyện Tinh - Khí - Thần hợp thành. Đây chỉ là tướng biểu thị tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải riêng gì sau khi chết đi, đem thiêu, thịt, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi. Xưa có vị cao tăng tắm gội bèn được xá-lợi. Lại còn Tuyết Nham Khâm thiên sư⁹³ cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ

⁹³ Tuyết Nham Khâm thiên sư là một vị cao Tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: “*Son tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền... Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm*”.

trong ván in hiện ra xá-lợi. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim đâm xuống bèn được xá-lợi. Lại có người chết rồi đem thiêu, xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái, đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng. Ngày thiêu hóa Trường Khánh Nhân thiền sư trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm. Chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch⁹⁴. Hãy nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do Tinh - Khí - Thần luyện thành. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ẩn Tầu*)

*** Người biên tập kính cẩn nhận định:** Đêm hôm sau lễ trà-tỳ (hỏa thiêu) đại sư Ấn Quang, kiếm được hơn trăm hạt xá-lợi ngũ sắc, tròn trịa, chói ngời, tỏa sáng lấp lánh. Lại còn có những đóa hoa xá-lợi to hay bé, và xá-lợi máu, răng v.v... (ba mươi hai hạt), tổng cộng hơn một ngàn viên. Tăng, tục trong núi không ai chẳng kinh ngạc, bảo là chuyện hiếm có. Cư sĩ Viên Đức Thường ở Vô Tích lại nhặt lấy linh cốt (vụn xương) của đại sư đem về, cả nhà xúm lại chiêm ngưỡng, chợt thấy trong xương có vô số xá-lợi, sáng ngời lóa mắt. Tôi chép thêm vào đây để trần thuật lòng ngưỡng mộ.

* Xá-lợi của Phật càng thần biến khôn ngần. Như khi Tùy Văn Đế (Dương Kiên) chưa làm hoàng đế, một vị Phạn tăng (tăng nhân Ấn Độ) tặng cho mấy viên xá-lợi, đến khi lên ngôi xem lại thì thấy có rất nhiều viên (mấy trăm viên). Do vậy bèn dựng hơn năm mươi tòa bảo tháp. Tháp đựng xá-lợi ở chùa A Dục Vương có thể nâng lên xem, mỗi người thấy một khác, hoặc cùng một người nhưng trong mỗi lúc thấy [xá-lợi] chuyển biến lớn, nhỏ, cao, thấp và màu sắc thay đổi, hoặc chẳng thay đổi khác nhau. Như vậy là chẳng thể dùng phàm tình để suy lường được. Người đời dùng phàm tình để suy lường Phật pháp nên chỉ bị tổn hại, chẳng được lợi ích. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Dương Bội Văn*)

* (Dưới đây luận về chuyện đốt hương trên cánh tay) Tý hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai

⁹⁴ Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là Thưng). Ngoài ra, Thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

kinh Lăng Nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết thấy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn giữ thân mình. Đối với kẻ khác bèn giết chóc để ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, hề muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng... đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu Ba La Mật, cách này thuộc về Bố Thí Độ.

Thắp hương đốt thân đều gọi là Xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu, huệ rạng, tội diệt, phước tăng (Nói “mình lẫn người” nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh, nên nói là “mình lẫn người”). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là “*tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp*”⁹⁵.

Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước [thực hiện] cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tỳ hương, dầu có đốt sạch toàn thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Đình Phước Bảo luận về chuyện tỳ hương*)

* (Dưới đây luận về cảnh giới) Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn, chính là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao. Tuy chẳng là tướng tâm, nhưng cũng chẳng được nói đó chỉ là tâm tướng biến hiện, trọn chẳng có chuyện Phật - thánh ngheh tiếp! Tâm tạo địa ngục thì lúc lâm chung tướng địa ngục sẽ hiện. Tâm tạo cõi Phật thì lúc lâm chung tướng cõi Phật sẽ hiện!

Nói “*tướng tùy tâm hiện*” thì được, còn bảo “*chỉ có tâm không cảnh*” thì chẳng thể được. “*Chỉ có tâm không cảnh*” thì phải là bậc Đại

⁹⁵ Tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp: Tam luân thể không là người thí, người nhận, vật được thí thể đều không; tứ hoằng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn Hoằng Thệ Nguyện.

Giác Thế Tôn đã viên chứng duy tâm nói ra thì mới không mắc lỗi gì. Nếu các hạ nói thì sẽ đọa vào đoạn diệt tri kiến, sẽ là tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của Như Lai. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Cố Hiến Vi*)

* Hai thứ tà kiến được nói trong thư gởi đến chính là “đem tri kiến phạm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận; nhưng đức Phật lòng Từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có tâm tham nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phạm phu trong thế giới Sa Bà há có thể so sánh được ư?

Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện, rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rồi ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dầu cầu [được như thế] cũng trọn chẳng thể được.

Đây là ước theo cái nhìn của con mắt phạm phu mà nói; chứ quý thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v... Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện. Những kẻ [tà kiến] kia cho rằng “kinh Kim Cang là không”, chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về Lý Tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng Lý Tánh. Sự trang nghiêm nơi Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phạm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là “chẳng hề có chuyện ấy!” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sĩ*)

* (Dưới đây là luận về thần thông) Tha Tâm Thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự chứng đạo thì như ông Chú Am⁹⁶ hể hỏi đến bất

⁹⁶ Theo sách Di Đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại Dương Châu thiền

cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thấy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ, nhưng trong tám thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (Xem kinh Phật cũng giống như thế. Cổ nhân nói: “*Nhất nhiễm thức thân, vĩnh vi đạo chủng*” (Một phen lọt vào thân thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Hãy nên tin tưởng chắc chắn điều này). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có Tha Tâm Thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm thức của người khác mà đọc ra. Đây là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải là trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* (Dưới đây luận về ngoại đạo) Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu Tứ Niệm Xứ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết ‘thân, thọ, tâm, pháp’ đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh Chân Như tự có thể hiển lộ.

Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc “luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử”; còn hậu thế hễ tu theo Đạo giáo thì không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhất chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhất thuộc Thế Đế như Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ v.v...không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v... là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm ngặt. Bởi lẽ, một đấng biết thân tâm

tự, hay cả khía với vị sư giữ chức Phạn Đầu, chửi bới tục tằn, vô lễ. Trụ Trì quở trách. Về sau, Sư hỏi cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường, nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí, chẳng cần đem sách lại, hễ hỏi đến Sư bèn đọc ra thông suốt.

là huyền vọng, một đằng lại khur khur thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, chứ không phải là chân tâm vốn có.

Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tốt bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử thì có khác gì lời nói trong mộng! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời ông Ly Ấn Tầu*)

* Hiện thời khắp cả thế gian đều có ngoại đạo. Do Phật pháp sâu xa, nhiệm mầu con người không thể nào biết được, bọn chúng bèn trộm danh Phật pháp, nhưng chẳng biết nghĩa lý, bèn coi pháp luyện đan, vận khí để giữ gìn cái thân là pháp liễu sanh thoát tử. Hơn nữa, bọn chúng chẳng biết sanh tử do đâu mà có, nên mù quáng bịa đặt, đồn thổi, nói: “*Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hoàn Hư, lại hợp nhất một chỗ là đắc đạo*”. Thật ra, hoàn toàn là dùng thức thần để tu tập, tuyệt đối chưa thể mộng thấy được lý thể của Chân Như Thật Tế nơi tâm tánh mà vẫn tự phụ: “*Lục Tổ loạn truyền pháp, pháp quy tại gia nhân, Tăng gia vô hữu pháp*” (Lục Tổ truyền pháp loạn xạ, pháp trở về với kẻ tại gia, Tăng chúng chẳng có pháp). Lời lẽ này chẳng chỉ nói ra miệng mà còn viết thành sách, dùng giả để hủy chân, lấy tà làm chánh, kẻ vô tri vô thức bèn bị chúng mê hoặc.

Ngoại đạo có thể truyền khắp trong cõi đời là nhờ có hai pháp đặc lực:

1. Một là bí truyền, tức là bảo hể được mình sư chân truyền, chẳng tu vẫn thành. Vì thế, bèn nói một cách thần thánh hóa rằng: “Chuột nghe thấy, chuột cũng đều thành đạo! Chim sẻ nghe thấy, chim sẻ đều thành đạo!” Vì thế, lúc truyền đạo phải ở trong mật thất, khẽ tiếng nói thì thầm, bên ngoài còn sai phái người tuần tra, sợ có kẻ nghe trộm!

2. Hai là bày ra lệnh cấm nghiêm ngặt, dẫu thân thiết như cha con, vợ chồng đều chẳng được nói cho nhau biết. Nói ra sẽ bị trời hành! Vì thế, trước khi được truyền đạo, trước hết buộc [kẻ ấy] thề thốt: “Nếu sau này phản đạo sẽ bị quả báo thâm trọng như thế nào đó!” Thề thốt rồi mới được truyền đạo. Sau này, dẫu người nào biết là sai, nhưng vì sợ ông thần canh lời thề nên thà chết chẳng dám rời bỏ đạo ấy để học Phật pháp.

Giả sử ngoại đạo bỏ bí truyền để công khai, làm cho khắp mọi người cùng nghe, cũng chẳng buộc người khác thề thốt, thì người trong khắp cõi đời có mấy ai chịu vào đạo của chúng? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gởi cư sĩ Trang Huệ Cư*)

* (Dưới đây luận về duyên thù thắng) Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đây chính là quy y, chẳng cần “phải làm lễ quy y thì mới là quy y”; [đừng nghĩ] không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y! Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đây chính là “chân quy y”. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Kim Chân Khanh*)

* Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não Hoặc nghiệp tham - sân - si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không! Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chỉ kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thấy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ tuy có thể dùng làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy! (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 1*)

* Chư Phật lấy Tám Khổ làm thầy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán, quán lâu ngày sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thành A La Hán, như vậy Bất Tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh. Người trong cõi Bắc Câu Lô Châu⁹⁷ trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo. Nam

⁹⁷ Bắc Câu Lô Châu (Uttara-kuru), còn phiên là Bắc Uất Đan, Bắc Đan Việt, Uất Đan Việt, Uất Đa La La Cứ Lưu, Ốt Đát La Câu Lô, dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng. Theo các kinh Trường A Hàm, kinh Đại Lâu Thán, kinh Khởi Thế, kinh Đại Pháp Cỗ, Lập Thế A Tỳ Đàm Luận và Câu Xá Luận thì Uất Đan Việt là một trong bốn đại châu ở quanh núi Tu Di, thuộc vùng biển nước mặn ở phía Bắc Tu Di. Châu này vuông vắn, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, hình dáng như nắp

Diêm Phù Đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số! Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy sống say chết mộng trong vòng dục lạc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu*)

hộp, được bao quanh bởi bảy núi vàng và núi Đại Thiết Vi. Vàng ròng làm đất, ngày đêm luôn sáng sủa. Nhân dân cõi ấy mặt mũi giống nhau, luôn an vui, không có những khổ nạn, người ác, tranh chấp. Đồ vật toàn bằng chất báu như vàng bạc, lưu ly... Mọi tài sản là của chung. Nam nữ sống riêng mỗi nơi, nếu khởi tâm dâm dục bèn ân ái cùng nhau. Người nữ mang thai bảy ngày bèn sanh con, đặt bên vệ đường, mọi người đều đến nuôi dưỡng, dùng dầu ngón tay dứt cho liền tiết sữa. Bảy ngày liền khôn lớn, bằng với người hai mươi tuổi ở Diêm Phù Đề, sống thọ ngàn năm. Đến khi lâm chung sanh lên trời Đạo Lợi hoặc trời Tha Hóa Tự Tại. Ba châu khác đều có địa ngục, riêng châu này không có (theo Phật Quang Sơn Tự Điển).

IX. Dụ tại gia thiện tín (Khuyên dạy hàng cư sĩ thiện tín)

1. Giảng về đại giáo luân thường

* Chuyện học Phật vốn là phải trọn vẹn đạo làm người thì mới hòng tiến hướng được. Ấy là vì Phật giáo bao trùm hết cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy, với cha nói từ, với con nói hiếu, thầy đều cho ai nấy tận hết đạo làm người, rồi sau đấy mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn xây lâu cao vạn trượng, trước hết phải đắp vững nền móng, khai thông đường nước thì lâu cao vạn trượng mới xây dần lên được, lại còn vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng không chắc, ắt sẽ đến nỗi chưa xây xong đã sụp. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa thiền sư⁹⁸: “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*” Sư nói: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*”. Muốn học Phật pháp, trước hết phải chế ngự lòng ham muốn, cẩn thận, dè dặt, sự sự đều phải từ tâm địa chân thật mà làm. Người như thế đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu tâm gian ác mà muốn nhờ vào Phật pháp để khỏi tội nghiệp thì có khác gì trước hết uống thuốc độc rồi lại uống thuốc tốt lành để thân thể nhẹ nhàng, khỏe mạnh, há có sống thọ được ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo*)

* Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: “*Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huynh đệ ký hạp, hòa lạc thả đàm. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa*” (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn

⁹⁸ Ô Khoa Đạo Lâm (741-824), người đời Đường, thuộc dòng Thiền Ngưu Đầu, họ Phan (có thuyết nói là họ Ông), tên lúc nhỏ là Hương Quang. Xuất gia năm chín tuổi, năm 21 tuổi đến Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc) thọ Cụ Túc Giới ở chùa Quả Nguyên. Sau qua theo học kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa Khởi Tín Luận với Phục Lễ pháp sư ở chùa Tây Minh tại Trường An. Sau Ngài khế ngộ tâm yếu nơi pháp sư Đạo Khâm rồi quay về Nam, thấy núi Tần Vọng có cây tùng mọc um tùm như cái tàn, bèn sống ở đó. Người thời ấy bèn gọi Ngài là Ô Khoa thiền sư (Khoa là cái ổ, sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: “*Hang ổ gọi là Khoa, tổ chim gọi là Sào*”). Do có nhiều loại quạ làm tổ nơi ấy, nên Ngài còn được gọi là Ô Sào thiền sư. Ông Bạch Cư Dị hỏi đạo nơi Ngài, tâm phục khẩu phục, bèn dựng căn gác bằng trúc cho Ngài ở để tiện hỏi đạo, nơi đây về sau thành chùa Quảng Hóa. Còn có truyền thuyết nói lúc Ngài sanh ra bị cha mẹ bỏ rơi, được quạ nuôi nên gọi là Ô Sào thiền sư. Đây có lẽ là lời đồn bịa đặt vì không thấy Cảnh Đức Truyền Đăng Lục chép như vậy.

sắt, đàn cầm⁹⁹. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vầy). Khổng Tử nói: “*Phụ mẫu kỳ thuận hỷ hồ!*” (父母其順矣乎: Thuận lòng cha mẹ vậy thay) chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng theo vậy! Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu! Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt, từng giọt, giống hệt như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh, bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đây chính là pháp lợi ông sẽ đạt được! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư trả lời cư sĩ Châu Pháp Lợi - 2*)

* Con người sống trong thế gian dù thiện hay ác đều phải có người phụ trợ thì mới thành được như vậy! Dầu là bậc thánh bửu sanh vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ cho đạo đức của vị ấy, huống gì những kẻ kém hơn ư? Do vậy, Thái Nhậm dạy con từ lúc còn nằm trong thai (thai giáo) nên sanh ra Văn Vương có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi [Văn Vương] nêu gương đức hạnh từ vợ cho đến anh em, [đức ấy] lan truyền ra cả nước. Nhưng đây mới chỉ là luận theo phía Văn Vương, chứ nếu bàn về đức của bà Thái Tự¹⁰⁰ thì có nhiên đức ấy cũng phụ trợ cho đạo của Văn Vương. Như hai ngọn đèn chiếu lẫn nhau bên càng thấy sáng sủa; hai tay rửa lẫn nhau thì mới được sạch sẽ. Do vậy, mới nói: “*Đời thiếu hiền nhân là do cõi đời thiếu hiền mẫu và hiền thê!*” Ấy là vì vợ có thể ngầm giúp chồng, mẹ có thể dạy con cái từ lúc còn trong thai; huống chi mấy năm đầu đời, hằng ngày ở bên mẹ, thân cận tấm gương tốt lành, thường được răn dạy, nên tánh tình bị chuyển biến mà không biết không hay, có những điều chẳng mong mà đạt được.

⁹⁹ Sắt (瑟) là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn Tranh, thân đàn làm bằng gỗ Tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhận) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng! Cầm (琴) tức là cổ cầm (còn gọi là Dao Cầm, hoặc Thất Huyền Cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn Sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ Ngô Đồng, âm thanh trầm ấm, lan xa, chứ không lạnh lốt, réo rắt như đàn Sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

¹⁰⁰ Thái Tự là vợ của Văn Vương

Tôi thường nói: “*Dạy con gái là cái gốc của việc tề gia trị quốc*”. Lại thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa*”, chính là vì ý này vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, Nêu tỏ ý nghĩa ẩn tàng về hành trạng của Phùng Bình Trai Nghi Nhân*¹⁰¹)

* Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, tận tụy, lấy thân làm gương, lấy đức làm khuôn phép; như nung chảy vàng hay đồng, đổ vào khuôn. Khuôn ngay ngắn sẽ đúc ra vật ngay ngắn, khuôn méo mó sẽ đúc ra vật méo mó. Lớn - nhỏ, dày - mỏng, trước khi đổ khuôn đã có thể biết trước, huống gì lúc đã trút khỏi khuôn!

Gần đây con người đa phần chẳng biết điều này. Vì thế, những con em có thiên tư đa số là cuồng vọng, trái nghịch; những đứa không có thiên tư lại thành ra ương bướng, hèn tẻ. Đó là do lúc nhỏ đánh mất khuôn phép, như vàng lỏng rót vào khuôn hư trở thành đồ hư hỏng. Cố nhiên vàng là một, nhưng đồ vật lại sai khác một trời một vực! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Khéo dạy dỗ con cái, khiến cho chúng nó đều là người hiền, mềm mỏng, nho nhã, [đấy mới] quả thật là kẻ giữ vẹn luân thường lớn lao! Bởi lẽ, con cái đã đều hiền thiện thì anh em trai, chị em gái, chị em dâu, con cháu đều nhìn theo nhau làm lành. Từ đấy [đời nào cũng] nối tiếp nhau là người hiền thì người hiền sẽ đông, kẻ xấu sẽ ít. [Do vậy] kẻ xấu cũng có thể bị cảm hóa trở thành người hiền, người lành. Nền tảng khiến cho thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui đều nằm trong sự dạy dỗ con cái. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thần Hiểu Viên*)

* Nữ nhân khi sanh nở thường đau đớn chẳng kham nổi, [nếu] mấy ngày chưa sanh rất có thể bị mất mạng. Lại có người sanh xong bị băng huyết, đủ mọi nỗi nguy hiểm, và con cái mắc chứng kinh phong chậm hay gập, đủ mọi nỗi nguy hiểm. Nếu nhằm lúc sắp sanh, hãy chí thành khấn thiết niệm ra tiếng rõ ràng “*nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*”, chớ nên niệm thầm trong tâm, bởi niệm thầm tâm lực nhỏ, nên cảm ứng cũng

¹⁰¹ Nghi Nhân: Thời Minh, Thanh vợ các quan thuộc ngạch Ngũ Phẩm được phong là Nghi Nhân. Bà Nghi Nhân này họ Phùng, pháp danh là Bình Trai.

nhỏ. Lại do lúc ấy dùng sức đẩy đưa con ra, nếu thâm niệm thì rất có thể do bế khí mà thành bệnh.

Nếu chí thành khẩn thiết niệm, chắc chắn chẳng bị đau đớn, khó sanh và băng huyết sau khi sanh, đưa con mắc các chứng kinh phong v.v... Dầu cho khó sanh đến tột bậc, người đã sắp chết, hãy nên dạy sản phụ ấy và những người chăm sóc chung quanh đều cùng niệm Quán Thế Âm ra tiếng, người nhà dầu ở phòng khác cũng đều có thể niệm, chắc chắn công phu chưa đến một khắc liền được an nhiên sanh nở.

Ngoại đạo chẳng hiểu lý, chấp chết vào một pháp cung kính, chẳng biết căn cứ vào sự đề luận lý, đến nỗi những bà cụ niệm Phật coi sanh nở là chuyện đáng sợ, dầu là con gái ruột, con dâu [sanh nở] cũng chẳng dám nhìn đến, huống là dám dạy họ niệm Quán Âm ư? Phải biết Bồ Tát mang tâm cứu khổ, lúc sắp sanh tuy lờ lờ, bất tịnh, nhưng là chuyện không thể nào tránh được, chứ không phải là do cố ý luông tuồng, chẳng những [niệm Quán Âm khi ấy] không có tội lỗi gì, mà lại còn gieo được đại thiện căn cho cả mẹ lẫn con. Nghĩa này đức Phật dạy trong kinh Dược Sư, chứ không phải là ý kiến ước đoán của tôi, chẳng qua tôi chỉ đề xướng mà thôi! (Kinh Dược Sư nói về thế nguyện công đức Phật Dược Sư, cho nên dạy niệm Phật Dược Sư. Nhưng danh hiệu Quán Âm ai nấy đều biết cho nên bắt tất phải niệm Phật Dược Sư, cứ niệm Quán Âm cũng được). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Một Lá Thư Gửi Khắp*)

* Đối với đạo đề cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đây chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tương vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào!

Đợi tới khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đây vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dày thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sảy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc [sanh ra đứa con] bấy bót, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kẻ ra đã là may mắn lớn!

Lại phải giữ tâm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tâm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đây ắp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bừng bừng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát*” (Hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao.

Ông giữ tâm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tâm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh! Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì [lúc ấy phải] dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí.

Nữ nhân hễ cần thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng dùng dùng sẽ bị sảy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa

con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng đùng đùng, sữa liền biến thành chất độc. [Trẻ bú sữa ấy] nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết! Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc mượn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú.

Lúc cho bú, trước hết phải vắt sữa ra chùng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú [thì trẻ] sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bùng bùng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải, tôi mới biết mỗi họa này!

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn; sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là do chính số mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ, chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền - 1*)

2. Khuyên nên sống trong cõi trần học đạo

* Sống trong cõi trần học đạo, tu chân ngay trong cõi tục, chính là chuyện đạt nhân danh sĩ lẫn ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Hãy gắng sức tu trì. Do tại gia có đủ mọi hệ lụy, hãy nên coi [những hệ lụy ấy] như những lời cảnh tỉnh¹⁰², hãy sanh cái tâm chán lìa lâu dài, ngộ hầu sẽ dài lâu nuôi lớn cái tâm ưa thích, lấy bệnh làm thuốc, biến tác thành thông, trên chẳng khiến cho mẹ phải thở than, dưới chẳng khiến

¹⁰² Nguyên văn “đương đầu bông hát”: Tông Lâm Tế dùng gậy đánh, tiếng hét để khai ngộ. Nên “đương đầu bông hát” cũng có nghĩa là nhân duyên, cảnh tượng giúp mình tỉnh giác.

cho gia đình riêng của mình mất nơi nương tựa, lại còn khiến cho hết thầy mọi người do cùng thấy nghe bèn được tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, còn vui nào bằng? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Châu Quân Tranh - 5*)

* Nhưng người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì, phải tận tình, tận phận, quyết chẳng mong ngóng ra ngoài bốn phận, trách nhiệm. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy chăm chú nơi cái nghề của mình để làm cái gốc nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy sức chấp trì Phật hiệu, quyết chí cầu sanh. Phàm những việc lành sức mình có thể làm được, bèn bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói, ra sức tán trợ. Nếu không làm được như thế bèn phát tâm tùy hỷ thì cũng là công đức. Dùng những điều này để vun trồng phước điền, tạo thành Trợ Hạnh vãng sanh. Như thuận nước giương buồm, lại thêm lèo lái, đến được bến bờ chẳng càng nhanh hơn ư? (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ X... ở Ninh Ba*)

* Nói đến chuyện vun bồi công đức thì mở mang tri thức cho người khác là bậc nhất. Hiện thời Tăng Quảng Văn Sao đã sắp chữ xong xuôi, nhưng vẫn chưa kết thúc. Nếu lệnh đệ chịu bỏ tiền in bao nhiêu bộ để tự mình thí tặng ngõ hầu hết thầy những người đọc [Văn Sao] đều biết nguyên do vãng sanh Tịnh Độ; đem công đức ấy để làm bằng khoán vãng sanh cho cha, lại thêm chí thành, ắt sẽ được như nguyện, sẽ có lợi ích công đức chân thật nhất. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 3, Thư trả lời cư sĩ Từ Úy Như*)

* Nếu là bậc đại thông gia thì Thiền Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chánh. Nếu là hạng người bình thường, cũng bắt tất phải nghiên cứu rộng rãi các kinh luận sâu xa, uyên áo, chỉ nên dừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi! Những người này chẳng bỏ nghiệp tại gia nhưng kiêm tu pháp xuất thế. Tuy dường như là bình thường không kỳ lạ gì, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Ấy là vì ngu phu, ngu phụ cảm cú niệm Phật liền sẽ ngấm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu, so với những bậc đại thông gia dò đoán, suy lường, suốt ngày thần thức miệt mài trong vòng phân biệt, thì lợi ích càng nhiều hơn. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Tạ Thành Minh*)

* Luận về tài năng của các hạ, hãy nên theo như những gì Quang đã nói thì lợi ích sẽ lớn lắm. Nếu không, hãy chọn lấy một chỗ vắng lặng kín đáo để tận lực tu Tịnh nghiệp, đem học vấn, văn chương đã đạt được trước kia vứt ra ngoài Đông Dương đại hải, nghĩ mình vốn là một kẻ vô tri vô thức, trong tâm chẳng sanh phân biệt, ngày đêm sáu thời chuyên trì một câu hồng danh thánh hiệu. Nếu có thể chết sạch được cái tâm mong ngóng, ắt sẽ đích thân thấy được bản lai diện mục! Từ đây, dựng cao pháp tràng, khiến cho hết thảy mọi người đều cùng trở về biển pháp Tịnh Độ, sống làm bậc thánh bậc hiền, chết dự vào hội Liên Trì thì mới chẳng phụ sở học ấy, mới là bậc đại trượng phu chân Phật tử vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Diệp Ngọc Phủ*)

* Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói về Từ, gặp con nói đến Hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tình lự¹⁰³, ngỗ hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đây gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Nương theo tâm lành ấy, dốc tận sức học đạo, tu hiếu để để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hồng giết - trộm ngâm tiêu, nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ hồng biết đạo trọng yếu thoát khổ.

Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Đem pháp môn Tịnh Độ khuyến dụ cha mẹ, đem pháp môn Tịnh Độ dạy cho con cái và những người thân quen. Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đầu xót thương thân sau của ta. Bất tất phải chọn riêng một chỗ [để lánh mình tu tập]! Gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng được về cõi Tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng đệ tử, là Phật tử tại gia vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh - 1*)

* Lại đừng nói nhà mình bản hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết: Ba nghiệp thân - miệng - ý đều ác thì không ác nào lớn hơn. Nếu như ba nghiệp đều thiện thì không gì tốt lành lớn lao hơn! Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu dần dần tin nhân quả, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử.

¹⁰³ Tình lự: Những mối suy nghĩ, lo lắng do phân biệt chấp trước.

Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, hưởng chi nhiều người. Nhưng chính mình phải tận lực thực hành không sai sót thì mới hòng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào bắt chước làm lành, há có phải vì nhiều của cải ư? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lâm - 1*)

* Đức Phật là Đại Y Vương, trị khắp các bệnh nơi thân và tâm của chúng sanh. Y sĩ trong thế gian chỉ trị được cái thân, dầu cho y thuật cao siêu, xét đến kết quả thì trọn chẳng có ích gì cho thân thức của người bệnh ấy. Ông đã quy y Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, trị bệnh cho người ta, thì trong lúc trị thân bệnh, hãy nên kèm vào cách trị tâm bệnh. Vì sao nói vậy? Phàm những bệnh ngặt nghèo nguy hiểm, phần lớn là do sát nghiệp trong đời trước hay trong đời này tạo thành, nhưng người có bệnh ắt phải đoạn tuyệt chuyện ăn nầm mới chóng lành bệnh. Muốn giảm sát nghiệp trong đời trước hay trong đời hiện tại, phải kiêng giết ăn chay.

Lại còn phải chí thành niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt bệnh sẽ mau được lành, vừa vun bồi đức, vừa gieo thiện căn. Nếu là bệnh do oán nghiệp thì ngoại trừ cách này ra, chắc chắn khó thể lành bệnh. Người ấy và cha mẹ, vợ con trong nhà do tâm gấp rút mong được lành bệnh, chưa chắc không chịu hành theo. Nếu họ chịu hành theo, sẽ gieo được thiện căn xuất thế. Từ đây sanh tâm chánh tín, sau này chắc sẽ do vì điều này mà liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đối với người ấy và đối với ông đều có lợi ích to lớn!

Đối với chuyện đoạn dục, hãy nên coi đó là cách trọng yếu bậc nhất để trị bệnh. Bất luận nội chứng hay ngoại chứng, bệnh chưa được lành lặn vẹn mười, muôn vàn chớ nên dính đến chuyện ăn nầm. Hễ nhẫm vào chuyện ăn nầm, bệnh nhẹ sẽ thành nặng, bệnh nặng có thể bị chết ngay, hoặc chẳng chết liền nhưng đã trở thành cái nhân ắt phải chết. Muốn chẳng bị chết, cũng thật khó khăn lắm! Dầu cho không chết, chắc là trở thành kẻ bấy bót, tàn phế, chắc chắn khó thể giữ được sức khỏe. Chẳng biết là do chính mình chẳng khéo dưỡng sức, lại đổ hô “y sĩ chẳng có bản lãnh thật sự!”

Bất luận nam hay nữ (đối với gái trinh và bà góa thì chẳng nên nói, còn những người khác thì không ngại gì), đều nên thẳng thừng, đanh gọn, nói rõ chuyện lợi - hại để bệnh họ dễ được lành, nhờ đây cái danh của ông cũng

được rạng rỡ. Thông thường y sĩ chỉ biết trị bệnh, chẳng nói đến chuyện kiêng kỵ cho căn bệnh, huống là chịu dạy người ta sửa lỗi hướng thiện để vun đức tích phước ư? Đây chính là tâm hạnh của kẻ bán hàng rong chỉ mong cầu lợi ngoài đường, ngoài chợ, chứ không phải là tâm hạnh cứu vớt người, khiến cho cõi đời đều được sống lâu, huống là có thể khiến cho người ta do bệnh tật sẽ được vô thượng lợi ích “sống thì dự vào bậc thánh hiền, mất đi trở về cõi Cực Lạc” ư!

Cổ nhân nói: “*Bất vi lương tướng, tất vi lương y*” (Chẳng làm vị tể tướng giỏi thì làm thầy thuốc giỏi). Do vậy, gọi vị y sĩ là “*đại quốc thủ*”. Trong thế gian, y sĩ danh phận đã cao tột bậc, nếu kiêm dùng Phật pháp, nhờ vào đó để độ chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, thật là nghề nghiệp quan trọng nhất trong hết thảy các nghề. Do con người trong khi bệnh hoạn, được nghe một y sĩ chẳng chuyên cầu lợi, có chí mong lợi người, phát Bồ Đề tâm bảo ban, ắt có thể khiến cho bệnh được lành thì tự mình chẳng thể sanh lòng chánh tín hành theo ư? Muốn gây lòng tin nơi người khác, chớ nên tính toán [bệnh nhân sẽ] tạ lễ nhiều hay ít rồi sanh phân biệt. Nếu với kẻ giàu bèn tích cực chữa trị, với người nghèo chỉ đãi bôi cho xong chuyện, lâu ngày người ta sẽ vì y sĩ háms lợi mà khinh thường, dẫu có nói những câu tạo lợi ích cho kẻ khác, người ta cũng chẳng tin theo.

Lại hãy nên gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành và nhân quả báo ứng thấu suốt ba đời (quá khứ, hiện tại, vị lai), sanh tử luân hồi trong sáu nẻo. Hễ có thể nói được với ai thì chẳng ngại gì hữu ý vô ý nhàn đàm, khiến cho người nghe dần dần mở mang tâm địa, biết sanh tử luân hồi đáng sợ, may là có pháp để liễu sanh thoát tử! Người làm được như vậy thì thật sự có thể gọi là “dùng pháp thế gian để hành Phật pháp, dùng trị bệnh nơi thân để chữa bệnh nơi tâm!” (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển Thượng, Thư gửi cư sĩ Mã Tinh Tiều*)

* Hết thảy chúng sanh do dâm dục mà sanh. Con phát tâm giữ lòng Trinh tu hành, cần phải nỗ lực. Nếu có những thứ tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoát đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình

được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cầu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thùng dề, từ đáy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự châm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh*)

* Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch. Sức [bồi bổ] của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của gạo không biết mấy lần. Quang ăn ròng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Ăn gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. So với sâm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần. Dầu mè Đại Ma¹⁰⁴ cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè Tiểu Ma do bị chưng cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa! Con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đây là mùi của dầu bị cháy! Hạt sen, Quế Viên, Hồng Táo, Khiêm Thực, Ý Mễ¹⁰⁵ đều có thể dùng để

¹⁰⁴ Nguyên văn “ma du” tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:

1) Đại Ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.

2) Tiểu Ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là Hương Du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chưng nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

¹⁰⁵ Quế Viên (*Dimocarpus Longan*) còn gọi là Long Nhân, Á Lệ Chi, hay Yên Noãn. Vị thuốc Nhân Nhục chính là phần thịt của loại nhân này.

Hồng Táo (*Ziziphus Jujuba*): Ta thường gọi là “táo Tàu”, để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông Y với tên gọi là Đại Táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.

Khiêm Thực (*Euryale Ferox Salisb*), còn gọi là Kê Đầu, là một loại thực vật thuộc họ Súng (có sách giảng Khiêm Thực chính là củ Súng, nhưng căn cứ trên hình chụp, miêu tả, nó chỉ giống với hoa Súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tía, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m30. Hoa sắc tía, thường nở vào khoảng Hạ - Thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh đài,

bồi bổ. Há cứ phải cần tới huyết nhục mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bồi dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành - 1*)

rất nhiều cánh hoa, trông tựa tựa như hoa Súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông Y cho rằng Khiếm Thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bệnh di tinh, hoạt tinh, bạch đới, tỳ hư, đi tiểu lắt nhắt v.v....

Ý Mễ chính là Ý Dĩ (Coix Lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt Ý Dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v... Nó thường được nấu chung với Long Nhân, Phổ (Thổ) Tai, sương sa (rau câu) v.v... thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi Sâm Bô Lượng.

X. Tiêu Ưng Độc Điền Tịch (Liệt kê những sách vở nên đọc)

* Mở bày rộng lớn nguyên luân, minh thị sâu xa duyên khởi thì chỉ có kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên xiển dương pháp quán, dạy thêm về nhân vãng sanh thì chỉ có Thập Lục Quán Kinh. Hai kinh nói trên pháp môn rộng lớn, để lý tinh vi, kẻ độn căn đòi Mạt thật khó được lợi ích. Tìm một bản kinh văn tự đơn giản, nghĩa lý phong phú, chữ nghĩa gọn ghẽ, lý dồi dào, thích hợp khắp ba căn, chín pháp giới cùng tuân phụng, tu tập dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, dốc sức tu một hạnh mà viên thành vạn đức, khiến cho cái tâm tu nhân nhanh chóng khế hợp quả giác thì chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh mà thôi!

Ấy là vì vừa nghe “y báo, chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm hội” thì lòng tin thật sự sẽ nẩy sanh, nguyện thiết tha sẽ phát, ắt sẽ có cái thể cuộn cuộn như sông ngòi không sao ngăn được! Từ đây, khẳng khái gìn giữ, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đầu chú tâm vào đó cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh, khai tri kiến Phật, cùng được thụ dụng như Phật.

Do vậy, biết rằng: Một pháp Trì Danh chứa đựng trọn vạn hạnh, toàn sự chính là lý, toàn vọng chính là chân, nhân tốt biến quả, quả thấu nguồn nhân, thật có thể gọi là “*đường tắt để trở về nguồn, là môn trọng yếu để nhập đạo*” vậy! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa in lại Phật Thuyết A Di Đà Kinh*)

* Kinh A Di Đà có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dầu cổ Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng. Kinh Vô Lượng Thọ có bản sớ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần Ngài ước theo sự tướng mà phát huy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Cổ nhân muốn cho cả cõi đời cùng tu nên đem kinh A Di Đà xếp vào khóa tụng hằng ngày. Do kinh này lời lẽ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hành giản dị mà hiệu quả nhanh chóng, nên bậc hoàng pháp đại sĩ chú sớ, tán dương, từ xưa đến nay không biết bao nhiêu mà kể! Trong số ấy, tìm lấy bản thật rộng lớn, thật tinh vi thì không gì bằng bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì. Còn bản thẳng chóng, quan trọng, hay khéo thì không gì bằng bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê pháp sư¹⁰⁶ nắm giữ pháp ấn Đế Quán Bất Nhị của Thiên Thai Giáo Quán, soạn bộ Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng hàng sơ cơ vẫn hiểu được, văn lưu loát, thông đạt, khiến người tu lâu đều khâm phục. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa khắc lại cuốn Di Đà Lược Giải Viên Trung Sao, khuyên nên thọ trì*)

* Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Đọc phẩm này sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là bước cuối cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, là phương tiện tối thắng để tự lợi lúc tu nhân, để lợi tha khi đã chứng quả của mười phương tam thể chư Phật. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Bao Hữu Vũ*)

* Phần cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm, tức chương Đại Thế Chí Bồ Tát, chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một

¹⁰⁶ Ngài U Khê là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Sinh vào năm 1554 nhằm đời Gia Tĩnh nhà Minh, là người huyện Tây An, phủ Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, pháp tự Vô Tận, pháp hiệu Hữu Môn. Lúc nhỏ lễ ngài Hiền Ánh Am thiền sư xin thế độ, sau theo ngài Bách Tùng Chân Giác nghe giảng kinh Pháp Hoa, học Thiên Thai Giáo Quán Tông. Năm 1582, nhân hỏi ngài Bách Tùng về yếu chỉ đại định, bị Sư trùng mắt nhìn, đột nhiên khế ngộ. Ngài Bách Tùng bèn truyền cho kim vân tử ca-sa. Năm Vạn Lịch 15 (1587), về trụ tích tại chùa U Khê Cao Minh trong núi Thiên Thai, giảng dạy học trò, nghiên cứu, tu tập Thiền và Tịnh Độ. Thế gian gọi Ngài là U Khê Đại Sư từ đó. Sư thường tu các pháp sám Pháp Hoa, Đại Từ, Kim Quang Minh, Di Đà, Lăng Nghiêm v.v... Mỗi năm cử hành pháp hội tu bốn thứ tam-muội, luôn đem thân làm gương đốc suất đại chúng. Khi Ngài đang giảng pháp, đại chúng chột nghe có tiếng nhạc trời réo rắt, Sư biết đã đến lúc, giảng xong, bèn viết năm chữ “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, lớn tiếng xướng tụng đề kinh hai lượt, rồi nghiêm nhiên thị tịch, thọ 75 tuổi. Ngài còn để lại các tác phẩm Tịnh Độ Sanh Vô Sanh Luận, Lăng Nghiêm Kinh Huyền Nghĩa, Tánh Thiện Ác Luận, A Di Đà Kinh Lược Giải Viên Dung Trung Sao, Duy Ma Kinh Vô Ngã Sớ, Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký Chú, Tịnh Độ Pháp Ngữ, Thiên Thai Sơn Phương Ngoại Chí, Quán Kinh Đồ Tụng.

chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh Độ thành năm kinh. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 4*)

* Sách Tịnh Độ Thập Yếu là do Ngẫu Ích đại sư dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh Độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tốt không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đốn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu! Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy! (Đây là nói ví von pháp môn mẫu nhiệm, chẳng được hiểu lầm là thành tiên!). (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Sách Pháp Uyển Châu Lâm (một trăm quyển. Chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành ba mươi tập) bàn luận chi tiết về nhân quả, Lý - Sự cùng nêu, rành mạch phân minh. Đọc đến khiến người không lạnh mà rét buốt; dầu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng trung hạ căn đều được lợi ích, trọn chẳng đến nỗi lầm lẫn đường nẻo, chấp lý phế sự, rớt vào thói tệ thiên lệch, tà vạy, cuồng vọng (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Thái Bá Thành - 1*)

* Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều cận kề, là cuốn sách kỳ diệu bậc nhất để dẫn dụ sơ cơ. Nếu muốn lợi khắp hết thầy, chẳng thể không khởi đầu từ sách này. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

* Cuốn Kinh Trung Kinh Hựu Kinh¹⁰⁷ (Đường tắt hơn hết trong số các con đường tắt) tuyển chọn lấy yếu nghĩa của các nhà, phân môn chia

¹⁰⁷ Kinh Trung Kinh Hựu Kinh: là tác phẩm của Trương Sư Thành thời Minh. Trương Sư Thành tự là Tâm Hữu, hiệu Lan Chữ, người Quy An, Hồ Châu. Cha mộng thấy mặt trời chiếu vào cửa sổ, tỉnh dậy thì thấy Sư Thành được sanh ra. Ông thờ cha hiếu có tiếng, đỗ đạt từ lúc nhỏ, đảm nhiệm việc trấn giữ biên cương. Khi làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy người địa phương sát nghiệp nên nhiều lần ban cáo thị khuyên kiêng sát sanh, nghiêm cấm bắt cá. Trong dinh ông không tiệc tùng,

loại, khiến cho người đọc chẳng phí nhiều công sức xem đọc, tiền thẳng vào chỗ uyên áo của Tịnh Độ. Sách này có lợi ích rất lớn cho kẻ sơ cơ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư gởi cư sĩ Trương Vân Lô - 2*)

* Tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức. Đọc đến tâm sẽ tự vui sướng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mệt mỏi lớn lao. Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kéo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ X... ở Vĩnh Gia*)

* An Sĩ Toàn Thư giác thế, mở mang trí óc cho dân, tận thiện, tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim; ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng. Lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy....

An Sĩ tiên sinh họ Châu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách Tam Giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn Niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào

không sát sanh. Ông trường trai thờ Phật, dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự lấy hiệu là Nhất Tây Cư Sĩ. Cuốn Kinh Trung Kinh Hựu Kinh của ông được đưa vào Vạn Tục Tạng kinh, tập 62, đánh số 1185.

trường, bèn chán khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không làm lỗi, rồi do đây bèn thoát khỏi biển sanh tử. Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết, đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hồi Cuồng. Bởi lẽ, chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là nhiều nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất.

Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa trực tiếp đem cái tâm rỗng lòng giáo huấn [của Văn Xương Đế Quân] triệt để mở toang ra, giải bày trọn vẹn, khiến cho ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuối gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật, Tổ, thánh hiền, để kẻ nhả, người tục cùng xem, trí - ngu cùng hiểu.

Ông lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ Tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Thật đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; nếu bảo ông ta không phải là Bồ Tát tái lai, tôi không tin! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gởi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên*)

* Ngài Mộng Đông nói: “*Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật*”. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Mộng Đông Ngữ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều châu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm câu cao hơn thì có bộ Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân, quả thật là hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị. Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thầy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh Độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, Tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dầu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lẽ nghĩa, cẩn thận, kiêng dè, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông

nhân¹⁰⁸ trong thế gian gần đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không kiêng dè. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Sa Bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn lành của Đại Sĩ. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như*)

* Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. So với hết thảy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự. (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật*)

* Muốn biết nguyên do của Thiên và Tịnh mà không xem rộng khắp các sách Thiên - Tịnh sẽ không thể nào hiểu được. Dẫu có thể xem rộng khắp, nhưng nếu không có mắt chọn lựa pháp cũng sẽ trở thành đôi nhìn biển cả thở than, mịt mờ chẳng biết về đâu. Do vậy, hãy nên chuyên đọc các trước thuật Tịnh Độ, nhưng các trước thuật về Tịnh Độ rất nhiều, người chưa nhập môn khó nắm được cương yếu. Tìm lấy một tác phẩm dẫn người tiến vào chỗ thù thắng, phân tích minh bạch giới hạn giữa Thiên và Tịnh, Phật lực và tự lực, không gây nghi ngờ, trệ ngại, ngôn ngữ đơn giản, rõ ràng, nghĩa lý bình thường, thực tế, là hướng dẫn ban đầu để nghiên cứu các trước thuật của cổ đức, thì có lẽ là bộ Ấn Quang Văn Sao chẳng? Xin hãy lắng lòng nghiên cứu ắt sẽ tự biết! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2, Thư trả lời cư sĩ Hà Hòe Sanh*)

Người biên tập kính cần nhận định: Nay vì nghĩ cách tạo tiện lợi cho người đọc Văn Sao, tôi trích lược những lời tinh xác nhất, thiết yếu nhất soạn thành tác phẩm Tinh Hoa Lục này. Những vị có chí tu Tịnh nghiệp nếu không rảnh rỗi để đọc kỹ bộ Văn Sao, chỉ lắng lòng nghiên cứu bộ Tinh Hoa Lục này ắt sẽ hiểu rõ văn lẫn nghĩa Tịnh Độ như nhìn vào ngọn lửa vậy!

* Đại sư Liễu Nhiên từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Sau đấy, Sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tốt kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh

¹⁰⁸ Thông nhân: Những người tự xưng là thông đạt, “thâm nhập Bát Nhã”, trọn chẳng giữ thanh quy giới luật, phóng túng mà vẫn tự coi mình mới là người tu hạnh Đại Thừa, chê trách những người giữ giới luật là Tiểu Thừa, thiên chấp!

Độ quả thật là biện pháp rất sâu để chư Phật, chư Tổ tự lợi, lợi người rất ráo, liền sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác, thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức). Tuy đề xướng Thiền Tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh Độ ngõ hầu người tham Thiền chưa ngộ chứng có được đạo để liễu thoát ngay trong đời này. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4, Lời tựa cho cuốn Thiền Tịnh Song Úc*)

Người biên tập kính cẩn nhận định: Gây đây, Liễu Công Thượng Nhân trước tác hai cuốn sách *Nhập Hương Quang Thất và Bát Nhã Tịnh Độ Trung Đạo Thật Tướng Bồ Đề Luận*, dùng diệu pháp sự lý viên dung để làm sáng tỏ triệt để diệu nghĩa Tịnh Độ. Vì thế cảm được đức Phật chứng minh, xá-lợi nhiều lần giáng xuống.

* Kinh Kim Cang chính là quy củ chuẩn mực cho con người hành khắp lục độ vạn hạnh, phổ độ hết thảy chúng sanh, chính là cương yếu của khắp hết thảy các pháp môn trong cả một đời giáo hóa. Ấy chính là ngay nơi tướng mà lìa tướng, sao lại nói không thể dung thông với Tịnh Độ cho được? Pháp độ sanh, chỉ có mỗi Tịnh Độ thật là bậc nhất. Muốn sanh về Tịnh Độ thì phải tịnh cái tâm. Hề tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Dùng tâm thanh tịnh chẳng trụ vào tướng để niệm Phật thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật, vãng sanh Tây Phương, chứng Vô Sanh Nhẫn, chính là lý sự quyết định chẳng thay đổi vậy, nào còn ngờ gì nữa? (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 3, Lời tựa cho bản đức kèm tác phẩm Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết*)

* Nên lấy Niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết Bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được. (*Án Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia - 5*)

* Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh Độ, dầu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì! Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh Độ, dầu thâm nhập Kinh Tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy! Thuộc A Già Đà (Phạn ngữ A Già Đà, Hán dịch là Phổ Trì (trị khắp tất cả), trị được hết thảy bệnh tật) trị được vạn bệnh. Không biết điều này,

đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa! (*Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 1, Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền*)

Lời người biên tập

Vị tổ thứ mười ba của Liên tông là Linh Nham Ấn Quang đại sư nương đại nguyện luân, làm sứ giả của đức Như Lai, dũng mãnh hiện thân trong đời Mạt pháp mịt mờ, mênh mông, chuyên tu Tịnh nghiệp, ngộ trọn vẹn chân thừa. Do sự giải thoát theo đường lối tu tập trong các môn khác khó khăn, chỉ có nương theo pháp Niệm Phật mới thoát được sanh tử, Sư bèn chuyên dốc đề xướng một tông Tịnh Độ, nhiếp khắp các căn cơ. Pháp ngữ [của Ngài được] lưu truyền trọn khắp trong ngoài nước. Những người tôn sùng, kính ngưỡng, xin quy y nào phải chỉ có mấy chục vạn người. Bình sinh, Sư tu trì dũng mãnh, giáo hóa người khác tha thiết, hàng Tăng Già cận đại hiếm mấy ai mong sánh bằng Ngài! Đến cuối cùng, Ngài buông tay liền đi, điềm lành chiếu rạng, trọn không chướng ngại gì, khiến cho những kẻ thấy nghe đều cùng cảm thán, lòng tin tưởng càng thêm kiên cố. Quả thật là bậc hiếm thấy kể từ sau thời Triệt Ngộ lão nhân.

Tịnh Thông then được liệt vào hàng đệ tử của Ngài, nhưng chưa được thân cận! Sư đã thị tịch, hận chưa báo được ân sâu, xót không cách gì thưa hỏi để đạt lợi ích, liền thấu thập những di trước của thầy, sớm tối giờ xem, đọc kỹ, nghĩ chín, cảm thấy mỗi một chữ, mỗi một câu, đều là đuốc huệ trong đường tối, là bè từ trong biển khổ. Như cái trống bôi thuốc độc, tiếng nào cũng đều vang khắp. Như gương tròn lớn, ánh sáng nào cũng chiếu xen. Có điều [các di trước của Sư] từ nhiều, nghĩa rộng, chưa dễ suy lường, thấu hiểu; do vậy, tôi bèn trích lấy những lời tinh túy nhất, hoặc những câu có cùng ý nghĩa, nhưng được diễn đạt thù thắng, vi diệu, chọn lọc những điểm trọng yếu, lựa lấy những nghĩa u huyền, biên soạn thành một cuốn sách; nhưng những phần đã chọn lọc chỉ hạn cuộc trong hai bộ Chánh Biên và Tục Biên.

Bạn tôi là cư sĩ Đường Huệ Tuấn vẫn hiềm chưa đầy đủ, bèn thương lượng với pháp sư Diệu Chân, trích lấy những đoạn trong bộ Văn Sao Tam Biên chưa được ấn hành, đưa cho tôi chọn lọc, ngõ hầu chỉ đọc những phần tinh hoa trong toàn tập lại đạt được hiệu quả to lớn. Tổng hợp ba bộ Văn Sao Chánh Biên, Tục Biên, Tam biên, soạn ra ba trăm ba mươi đoạn, lại dựa theo thứ tự trong tác phẩm Chánh Biên Gia Ngôn Lục để chia thành mười phần, dựa theo [ý nghĩa của từng] câu văn để chấm câu tường tận cho dễ đọc, đặt tên là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao

Tinh Hoa Lục, xếp vào loại tài liệu quý, để giúp mình tìm tòi, lần gỡ đầu mối, hòng khích lệ chính mình tinh tấn mà thôi, chưa vội trình cho người khác biết. Dần dần, sách được các vị đại đức ở Thượng Hải, Tô Châu nghe biết, lấy về xem.

Do tác phẩm này chưa bằng được một phần mười nguyên tác, nhưng tâm truyền của Phật, Tổ, đạo mạch của thánh hiền, ý chỉ huyền áo của Tịnh Độ, công huân kỳ diệu của pháp Trì Danh, phàm những lời bàn xướng tánh nói đúng như sự thật của thầy tôi đã đều được chọn lọc không còn sót, ném một giọt nước biển ắt biết được trọn vị của biển cả; họ bèn cùng đề nghị ấn hành hòng tạo lợi ích cho những người cùng hàng. Lại được hai vị pháp sư Liễu Nhiên và Đức Sâm chiêu theo nguyên tác, giám định căn kẽ, nên tác phẩm mới được hoàn thiện.

Xưa kia, trong bức thư trả lời ông Ly Ân Tâu, đại sư đã từng dạy: *“Văn của tôi tuy không nêu tỏ được điều gì lớn lao, nhưng kẻ sơ cơ đọc đến sẽ hiểu rõ ràng giới hạn giữa Thiền và Tịnh, lợi ích lớn nhỏ giữa Phật lực và tự lực, rành rành như nhìn vào ngọn lửa, sẽ tự chẳng đến nỗi muốn liễu sanh tử mà chẳng biết đường nẻo! Cũng như trong hết thấy các pháp sẽ thấy pháp nào cũng viên diệu, nhưng chẳng đến nỗi không có pháp nào thích hợp để hành theo”*. Thêm nữa, trong thư gửi cho cư sĩ X... ở Vĩnh Gia, Sư dạy: *“Khuyến một người sanh về Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Phàm một người thành Phật sẽ độ vô lượng chúng sanh, nhưng công ấy do ta khởi xướng, công đức lợi ích ấy há thể nghĩ bàn được sao?”*

Tâm độ sanh của đại sư đến tột cùng đời vị lai vẫn vô cùng tận. Chỉ mong những ai đọc cuốn sách này sẽ y giáo phụng hành, rộng vì người khác diễn thuyết, hoặc bỏ tiền của lưu thông, tự lợi lẫn lợi tha, chẳng những đạt được được vô lượng vô biên phước đức, mà còn sẽ chẳng khác gì có cùng lời ăn tiếng nói với đại sư, tiếp nhận pháp do ngài trao truyền, như đã nắm chắc bằng khoán sanh về Tịnh Độ. Tịnh Thông trí huệ hẹp hòi, kém cỏi, đối với di huấn rộng lớn tinh vi của thầy, chỉ hơi hiểu biết được ngoài rìa, chưa thể thấu hiểu cùng tột, thật khó thể nào tránh khỏi lỗi lầm bỏ sót châu ngọc, vẫn mong những vị đại đức trong cõi đời dạy bảo cho.

Đầu Thu năm Giáp Ngọ, tức năm 1954, Bồ Tát Giới đệ tử Lý Tịnh Thông ở Hải Diêm, pháp danh Tông Kính, viết tại Văn Tánh Lư ở Thượng Hải vào năm 77 tuổi.

Phụ Lục

Công Đức In Tạc Kinh Tượng

Pháp sư Hoằng Nhất giảng, cư sĩ Vuư Tích Âm bút ký

Chúng sanh trầm luân trong biển khổ, ắt phải nhờ vào thuyền Từ cứu giáo hóa, hướng dẫn thế gian hoàn toàn cậy vào kinh - tượng để duy trì hầu truyền đăng cho vô tận đời sau. Do bởi lẽ ấy, phàm những ai có thể phát tâm đối với kinh Phật, tượng Phật, hoặc khắc, hoặc chép, hoặc tạc, hoặc đắp, hoặc thếp vàng, hoặc vẽ vôi; đối với các cách in tạo như thế hoặc cạn kiệt tâm mình, một mình ra sức lo liệu, hoặc vì sức mình chẳng đủ bèn khuyên bảo rộng rãi mọi người, hoặc lưu thông [những kinh tượng] người khác đã in tạo để cúng dường, hoặc thấy người khác vừa in tạo bèn tán trợ hoặc hoan hỷ thì công đức của những người ấy đều thật rộng, thật lớn, chẳng thể dùng toán số tầm thường để tính toán được. Vì sao vậy? Phật lực vô biên khéo đẹp các khổ; chúng sanh vô lượng nghe pháp khó lắm! Nay những người gây công đức in tạo ấy khai thông cầu pháp, hoằng dương sự giáo hóa rộng lớn, thí rộng khắp bè bấu, giúp khắp những ai hữu duyên. Tâm lượng ấy rộng lớn quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, công đức ấy cũng rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Nay kính cần đem những lời vốn do kinh dạy, nêu đại lược mười điều lợi ích to lớn, kính cần dùng lời văn nông cạn để lần lượt trình bày như sau:

1) Các thứ tội lỗi đã tạo trước đây hễ nhẹ bèn lập tức tiêu diệt, nặng thì cũng chuyển thành nhẹ: Tham - sân - si là chủng tử tạo thành oan nghiệt, thân - khẩu - ý là cơ quan để làm ác. Đem thanh tự kiểm điểm, đời này đã phạm nhiều tội chẳng thể tính được. Nếu gộp những tội đã phạm trong nhiều đời thì tội nghiệp đã tạo nhiều như núi băng nơi xứ lạnh, chẳng thể không sợ hãi! Tuy nhiên, tội tánh vốn không, nếu dấy động tâm cơ chuộc tội, thệ nguyện lưu thông thánh kinh (kinh điển nhà Phật), trang nghiêm tượng Phật, thì núi băng tội ác một khi gặp phải huệ nhật lẽ nào chẳng tiêu giảm không dấu vết ư?

2) Thường được cát thần (thiện thần) ủng hộ, hết thấy tai nạn ôn dịch, nước, lửa, giặc cướp, đao binh, lao ngục đều chẳng bị hứng chịu: Những thứ ác báo trong nhân gian không gì chẳng phải là do ác nghiệp đã tạo trong nhiều đời cảm thành. Thiện lực trong một niệm có thể xoay chuyển được lòng trời. Tu hành thiện nghiệp phải bắt đầu thực hiện từ công đức thù thắng nhưng thuận tiện, dễ làm nhất là in tạo kinh

tượng, công đức ấy sẽ cảm động những vị thần tốt lành nên sẽ được hộ vệ. Điều này quả thật có mối quan hệ lợi ích lẫn nhau. Bởi lẽ dù là thần đạo hay thiên đạo, nói theo Phật pháp, đều bị tức nghiệp sai sử, chưa thoát khỏi cái nhân khổ luân chuyển bao kiếp. Do vậy, khi đức Như Lai thuyết pháp thường có vô số thiên thần cung kính ủng hộ. Khi ngài A Nan kết tập kinh, tứ đại thiên vương nâng án. In tạo kinh tượng là chuyện chư thiên long thần hoan hỷ phi thường. Do công đức này, cảm được những vị thần tốt lành thường ủng hộ cho. Hết báo thân này, lìa các tai ách. Đây là chuyện phải như vậy chứ không phải nhờ may mắn [mà được cát thần ủng hộ] đâu nhé!

3) Oán đối đời trước đều được lợi ích nơi pháp, được giải thoát, vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ tầm cù báo phục: Hết thấy các thứ hành vi ngang ngược kết oán như tranh giành, ghen ghét, dối trá, vu hãm, cướp đoạt, tàn sát... trong nhân gian không gì chẳng bắt nguồn từ ý niệm tự tư tự lợi. Phật pháp lấy phá trừ Ngã Chấp làm công trình bậc nhất để cứu khổ, gột sạch nạn. In tạo kinh tượng lợi ích khắp nhân gian, là công đức pháp thí chẳng thể nghĩ bàn, ảnh hưởng rất rộng. Một giọt mưa pháp thừa sức dập tắt lửa sân oán đối nhiều đời, hóa thù thành ân, chuyển họa thành phúc, quyền ấy có bao giờ chẳng do chính ta thực hiện?

4) Dạ-xoa, ác quỷ chẳng thể xâm phạm. Rắn độc, cạp đối chẳng làm hại được: Hạnh xấu keo tham là cái nhân sâu xa khiến đọa lạc trong quỷ đạo. Lửa sân vô minh là điềm gây nên tai ương độc trùng. Kết oán nhiều đời, tầm thù trăm kiếp. Ác duyên chưa chín muồi, mặc ý tiêu dao; đến khi cơ hội đã tới, nhờ ai giải cứu? Quỷ mị xâm hại, cạp rắn bức bách. Oan nghiệt do mình tự gây, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên. Người tu kinh sợ, in tạo kinh tượng, hành sẵn chuyện sám hối tội. Do vậy, dù có ác duyên cũng đều tiêu trừ được. Nếu lâm vào hiểm địa liền hóa thành đường bằng phẳng.

5) Tâm được an ủi, ngày không hiểm sợ, đêm không ác mộng, vẻ mặt tươi sáng, khí lực sung mãn, việc làm tốt lành, thuận lợi: Trần thế đông người, mười phần có đến bảy tám phần gặp cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Trong một đời chúng ta, trong mười phần có đến bảy tám phần lâm vào cảnh kinh hãi, ưu phiền, nghi ngờ, buồn bã, áo não, oán hận, thống khổ. Ấy là vì chấp ngã, những gì ở ngoài ta đều đứng vào vị trí đối lập, một mình kháng cự

mọi người, còn gì nguy hơn? Huống chi dục tâm khó thỏa giống như hang sâu. Vô sự lại tự khuấy rộn mình, không gió cũng nổi sóng. Đây chính là lý do “*hình là đầm tội, thân là gốc khổ*” vậy. Phật pháp khéo diệt các gốc khổ, những người in tạo kinh tượng sẽ được đơm pháp vị nên thông sáng, hoặc ngậm được gia bị nên trở thành thông suốt, nhanh lẹ, các chương tiêu sạch, tâm yên, thân khỏe, thân sắc tươi nhuận là chuyện chắc chắn vậy!

6) Chí tâm phụng sự pháp, dầu không mong cầu, tự nhiên cơm áo dư dật, gia đình hòa thuận, phước thọ dài lâu: Cư xử với người, thấy biết chỉ một niềm chân thật, hễ có cơ hội bèn vội làm ngay, không suy tính, không mong cầu. Phát tâm thật chân thành, thiết tha, vận dụng hết sức lực, tự nhiên thành tựu thật cao trời. Đối với việc in tạo kinh tượng, chí thành ngút trời, người chí tâm phụng sự pháp, thực hiện bằng lòng chân thiết khẩn khoản như thế, dầu chẳng tính đến công đức mà công đức đạt được quả thật không hạn lượng. Ở đây chỉ nói lên một phần phước thể gian người ấy đạt được mà thôi, tự nhiên mỗi một điều đều đạt đầy đủ, không chút khiếm khuyết. Nếu lại có người tâm ôm hy vọng rồi mới làm điều thiện, do phát tâm không chân thật, thiết tha, kết quả liền nhỏ nhoi, mỏng manh, ấy là điều có thể đoan chắc. Tuy nhiên, một niệm lành, một đồng nhỏ nhất đều chẳng luống uổng, đều có vô lượng quả thù thắng. Ví như một hạt thóc gieo xuống đất màu mỡ, một biến thành trăm, sau năm lần biến đổi, bèn hóa thành trăm vạn triệu. Người tạo công đức hoằng pháp há chẳng thể có kế sách lớn lao, không có quyết tâm như vậy hay sao?

7) Lời nói việc làm khiến trời người hoan hỷ, đến bất cứ đâu thường được nhiều người dốc lòng thành yêu mến hâm mộ, cung kính lễ bái: Đời trước mang lòng ganh ghét, thốt lời phỉ báng, nêu chuyện ác của người, bộc lộ chỗ dở của người, thỏa ý một chốc, chết đi trăm luân trăm kiếp, thảm khổ muôn bề, chịu đủ hết thấy ác báo. Một mai sanh trong nhân gian, nhân duyên xấu hèn, đi đến bất cứ đâu đều bị chán ghét, làm bất cứ chuyện gì đều không kết quả. Nhưng người hoằng dương Phật pháp đã gieo nhân lành từ đời trước, giữ tâm lòng báo ân, mang tâm niệm lợi lạc mọi người, hoặc tịnh tam nghiệp tạo công đức chép kinh, vẽ tượng, hoặc bỏ ra nhiều tiền để làm công đức in kinh, tạo tượng, sẽ đạt được phước thù thắng chẳng thể tính lường. Hiện tại, hết thấy mọi người kính yêu người ấy, vốn là do công đức hoằng pháp trong đời trước mà

ra. Sau này, hết thấy những người khiến cho đại chúng vui mừng, kính trọng, quả thật cũng là do công đức hoàng pháp trong hiện tại mà ra. Trồng cây gai được gai góc, trồng sen được ngó sen, mỗi một hậu quả đều do mình gieo trồng vậy.

8) Ngu chuyển thành trí, bệnh tật thành khỏe mạnh, khôn đồn chuyển thành hanh thông. Làm thân phụ nữ thì đến khi báo hết, nhanh chóng chuyển thành thân nam: Đời trước keo lặn trong việc dạy dỗ, cũng như phóng túng buông lời báng pháp, mặc sức hủy báng người có đức thì tội nặng trầm luân ắt phải chịu về sau. Lại còn bị quả báo nhiều kiếp ngu xuẩn, vô tri. Đời trước vì bụng miệng tham lam nên mặc sức giết hại muôn thú, chim chóc, cũng như từng làm phường chài, đồ tể, thợ săn, đầu bếp, cũng như từng nắm quyền chế tạo hung khí, hỏa khí, độc dược v.v... giúp cho sát nghiệp hung ác của người khác được thành tựu thì sau khi tội nặng trầm luân đã trả hết, lại còn phải bị quả báo nhiều kiếp tàn phế, bệnh ngặt. Đời trước tham dục không nhàm, chỉ biết bóc lột người để béo thân mình, keo tiếc, tàn tệ, chẳng chịu mở túi tiền châu cấp thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn bị quả báo nhiều kiếp bần cùng khôn khổ, tai ách. Đời trước tri kiến hẹp hòi, mang tâm dua vạy, xảo ngôn bóng bảy, giấu diếm, thù dật dối trá, lựa dịp đưa đẩy, đo lường thiếu hụt, chân chừ, lừa nhác, dựa dẫm thành tánh, phiền não cấu nặng nề, oán hận, phần nộ dễ phát, tâm đồ kỵ sâu dày, tình dục lũng lẫy thì sau khi trả hết tội nặng trầm luân, lại còn phải nhiều kiếp mắc báo làm thân nữ. Chỉ có Phật pháp khéo cởi gỡ các ràng buộc. Biên khổ vô biên, quay đầu lại là bờ, núi tội muôn nhận¹⁰⁹, dứt niệm liền thành không. Do vậy, nhờ công đức vô thượng của việc kiên thành lưu truyền kinh Phật, trang nghiêm tượng Phật, tội tích lũy từ quá khứ tự nhiên giảm trừ, phước thù thắng trong vị lai ngầm được viên mãn thành tựu.

9) Vĩnh viễn lìa ác đạo, thọ sanh trong thiện đạo. Tướng mạo đoan chánh, thiên tư siêu việt, phước lộc thù thắng: Hết thấy hàm linh xả thân, thọ thân, qua lại trong sáu đường như bánh xe quay. Ngàn đời vạn kiếp thường trong cảnh mộng, làm thiện không ngừng, tội hết ắt thăng lên. Kiêu căng, phóng túng quên gốc, gieo nhân đọa lạc. Làm ác lắm nổi, phước hụt, thọ tổn trăm ngàn vạn lần, ác báo thật đáng kinh hãi! Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh đọa trong ba đường ác, muôn kiếp trầm luân.

¹⁰⁹ Nhận: Đơn vị đo lường thời cổ, một Nhận bằng khoảng chừng tám thước Tàu.

Khó được dễ mất, thân người như vậy đó! Tạo nghiệp Thập Thiện, tu hành Ngũ Giới, sanh trong trời người, tức phước chẳng nhẹ! Chư Phật Như Lai thương lẫn xót đều sâu, rộng thuyết pháp cho, đầu tiên chú trọng nhiếp tâm, chánh niệm vô tác, lìa cầu vượt trần. Vì thế, in tạo kinh tượng thì khế hợp tâm Phật; chỉ mang ý nguyện nhỏ nhất này đã gieo nhân phước. Từ đây về sau, làm bậc tái lai, các phước trọn đủ, lỗi lạc siêu quần.

10) Có thể làm các thứ thiện căn cho hết thấy chúng sanh, dùng tâm chúng sanh làm đại phước điền, đạt vô lượng quả thù thắng. Sanh ở nơi đâu cũng thường được thấy Phật nghe pháp, mãi cho đến khi Tam Huệ rộng mở, tự chứng Lục Thông, mau được thành Phật.

Trong thời đức Phật có những người ở trong một thành khó thể nhiếp hóa. Phật nói những người ấy có duyên với ngài Mục Liên. Do đó bèn sai ngài Mục Liên qua đây. Dân chúng toàn thành quả nhiên đều dốc lòng nhận lãnh sự giáo hóa. Các đệ tử hỏi Phật về nhân duyên, Phật dạy: “Trong kiếp xưa, Mục Liên từng làm tiểu phu, một ngày nọ lên non đốn củi, kinh động vô số ong bay tán loạn, thế thật hung hăng, toan đến xâm phạm. Mục Liên răn chúng đừng hành hung, lại còn khuyên nhủ: ‘Các người đều có Phật tánh, mai này nếu ta thành đạo, sẽ độ các người’. Nay dân chúng trong thành ấy chính là hậu thân của bầy ong khi đó. Do Mục Liên từng phát một niệm độ hết thấy, nên có duyên với họ”. Gieo nhân trong nhiều kiếp trước, một mai cơ duyên chín muồi, thân được quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này. Do đây mà thấy, chúng ta trong nhiều đời trải qua nhiều thời đại, nơi nơi từng tiếp xúc vạn loại, mỗi mỗi đều có duyên với ta. Tâm địa hết sức linh diệu của mỗi một chúng sanh đều có thể làm phước điền vô thượng cho ta và người cùng được lợi. Ta đã gieo rắc hạt giống phước đức trong tâm điền của mỗi một chúng sanh thì mỗi một chúng sanh đều có đại duyên với ta. Trong tâm điền của hết thấy chúng sanh đã kết vô lượng quả phước to lớn. Tuy nói là [thành tựu] quả phước lớn lao vô lượng đời không hết, nhưng nói đó chính là gieo nhân cho phẩm vị diệu trang nghiêm trong thời kỳ đạo quả thành thực cũng không phải là không đúng.

Vả nữa, chúng ta trước hết phải đối trị sao cho tâm điền của chính mình thanh khiết để tiếp nhận vô thượng pháp bảo của mười phương tam thế chư Phật Như Lai, tạo thành chủng tử để thoát thai đổi cốt, chuyển phàm thành thánh. Thân ta có đại nhân duyên với mười phương tam thế

chư Phật Như Lai. Mỗi một công đức thù thắng nơi biển nguyện của chư Phật đều nhiếp trong tâm ta, nguyện của ta và nguyện của Phật không sai biệt. Từ nguyện (nguyện lực từ bi) của chư Phật cùng nhiếp thọ, nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân, vô biên phước thù thắng được kết tạo trong chân tâm in tạo kinh tượng hồng pháp lợi sanh ngày hôm nay. Phổ nguyện hết thấy những kẻ hữu duyên trong hiện tại và vị lai hãy khéo tìm phước điền, khéo kết thắng duyên, chớ mặc cho quang âm tốt đẹp nhất có diệu dụng trong hiện tiền như nước cuộn cuộn trôi qua trước mắt, chảy qua dưới chân!

Nguyện đem công đức này hồi hướng cho hết thấy phụ mẫu, tổ tiên, sư trưởng, quyến thuộc, các tịnh lữ, những người hữu duyên, hoan hỷ, tán thán, tu trì pháp môn Tịnh Độ, hoặc những ai chê gièm pháp môn Niệm Phật đều cùng được vãng sanh Cực Lạc, cùng chứng đại Bồ Đề.